



NỐI TRUYỀN THÍCH CA CHÁNH PHÁP
ĐẠO PHẬT KHẮT SĨ VIỆT NAM

ĐUỐC SEN

KÍNH MỪNG

Phật đản

PL.2557



ĐUỐC SEN Tập 19



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ LẦN THỨ 10

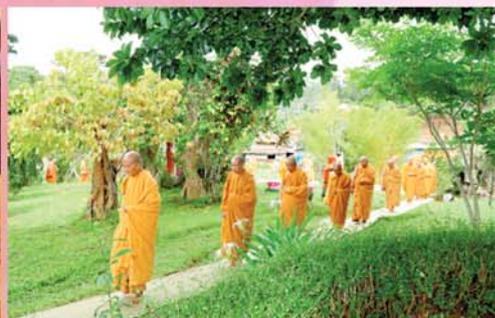
TỔ CHỨC TẠI TỊNH XÁ NGỌC THIÊN - PRENN, ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG



Chư Tôn đức tham dự khóa tu



Hòa thượng Giác Toàn giảng Chơn Lý



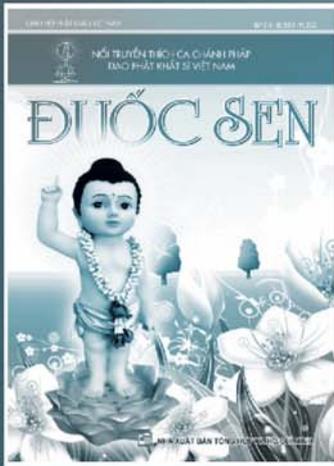
Từng bước thành thoi trong Chánh niệm



Chư Tăng cúng nyo



Thiền tọa, an trú tâm trong từng hơi thở



◎ CHỨNG MINH

Hòa Thượng Giác Tường
Hòa Thượng Giác Ngộ
Hòa Thượng Giác Giới
Hòa Thượng Giác Hà

◎ CHỦ BIÊN

Hòa Thượng Giác Toàn

◎ THƯ KÝ

Đại Đức Giác Hoàng
Ni Sư Tín Liên

◎ BIÊN SOẠN

Thượng Tọa Minh Thành Ph.D
Đại Đức Giác Đoan
Ni sư Tuyết Liên
Sư Cô Tuệ Liên

◎ THIẾT KẾ TRÌNH BÀY

Vô Trí Sĩ

◎ THƯ TỬ, BÀI VỞ

Xin gửi về:

TỊNH XÁ TRUNG TÂM

21 Nguyễn Trung Trực

Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Email: tapsanduocsen@gmail.com

thichminhthanh@gmail.com

◎ ẢNH BÌA 1

Kính mừng Phật đản PL.2557



ĐUỐC SEN

TRONG TẬP NÀY

2. Lời ngỏ

PHẬT ĐẢN

4. Thông điệp Phật đản
(Trường lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ)
6. Diễn văn khai mạc Phật đản
(Trường lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh)
9. Tinh thần nhập thế của Phật giáo
(HT. Thích Báo Nghiêm)
12. Đức Phật vì hạnh phúc con người
(HT. Giác Toàn)
18. Ánh trăng trọn lành (Hạnh Thường)
18. Ngài đã đến (Tịnh Huệ)
19. Phật đản (Ni trưởng Huỳnh Liên)
19. Phật đản (Ni trưởng Siêu Liên)
20. Đức Phật – Vị vua không ngai vàng
(TK. Giác Đoan)
24. Mừng ngày Phật đản
(Ngọc Châu và Minh Hành)
25. Kính mừng Phật đản (Diệu Vi)
25. Côi lòng quy kính (Như Linh)
26. Sự bình dị của đức Đạo sư
trong kinh Thánh Cầu (Chân Nguyên)
30. Cầm niệm ngày Phật đản sanh
(Minh Nguyên)

CHƠN LÝ

33. Đọc Chơn Lý “Bát Chánh Đạo” tiếp theo
(TT. Minh Thành Ph.D)
38. Luật ngôn chuyển thơ (NS. Tuyết Liên)
39. Tinh thần “Khất Sĩ Bồ-tát” trong Chơn Lý
của Tổ sư Minh Đăng Quang (TT. Giác Tây)

NGHIÊN CỨU KINH LUẬN

45. Giới thiệu tác phẩm Milinda-Tika
(TT. Minh Thành Ph.D)
47. Hữu thể theo những nhà Tuyệt đối luận
– tiếp theo (TT. Minh Thành Ph.D)

THIỆN HỌC

50. Pháp hỷ và Thiện duyệt
(HT. Thánh Nghiêm giảng, Liên Hạnh dịch)
52. Thiện hành (Thường Như)
53. Chánh định – Viên ly tham mọi lúc
(Thiền sư Ajahn Chah, Thường Huyền dịch)
60. Thiện và đời sống (Viên Đạo)

PHẬT HỌC ỨNG DỤNG

62. Giáo lý Tứ Đế trong cuộc sống
(Chơn Hạnh Phúc)
67. Nghệ thuật kiến lập hạnh phúc
(TK. Giác Đoan)
71. Chiến công đích thực (Liên Anh)
76. Hạnh phúc trong đạo (Ngọc Chơn)

KHÓA TU

78. Bát Chánh đạo – Phương pháp tu tập
diệt tận khổ đau... (HT. Giác Toàn)
84. Tóm tắt khóa tu Truyền thống Khất Sĩ
lần thứ 10 (Ban thư ký)
87. Khóa tu Truyền thống của Ni giới Khất Sĩ
lần thứ 9 (NS. Tín Liên)
90. Cầm tướng của hành giả (NS. Khiêm Liên)
92. Khóa tu Truyền thống của Ni giới Khất Sĩ
lần thứ 10 (NS. Tín Liên)
95. Khóa tu truyền thống Ni giới
(TKN. Tuyết Liên)
96. Lời tri ân từ khóa tu (Thiện Tĩnh)
98. Hóa giải dục vọng (Trần Quê Hương)

ÂN ĐỨC SƯ TRƯỞNG

100. Thầy và trò (Thường Như)
104. Công ơn Sư Trưởng (Liên Thảo)
106. Tim hóa Kim Cang (Hàn Linh Giang)
106. Tưởng niệm Bồ-tát Thích Quảng Đức
(Ngọc Châu)

TƯỜNG NIỆM

107. Tiểu sử HT. Trưởng Giáo đoàn III
(Môn đồ pháp quyền)
111. Lời tưởng niệm của Trung ương GHPGVN
(HT. Thích Thiện Nhơn)
113. Tâm thiêng thăng hóa (Trần Quê Hương)
114. Tưởng niệm Hòa thượng Thích Từ Nhơn
(Trần Quê Hương)

PHẬT SỰ

115. Họp báo tổ chức Đại lễ Phật đản LHQ
tại Thái Lan 2013 – PL. 2557 (Pháp Viên)
116. Thông tin Phật sự Hệ phái Quý I
(Ban biên tập)



Lời ngỏ

Lại một lần nữa ngày Phật đản lại về, ngày mà cách đây 2557 năm trước, Đấng Thế Tôn từ cung trời Đâu Suất giáng phàm, tìm lại con đường giác ngộ mà chư Phật quá khứ đã dẫn thân trải nghiệm và thành tựu, rồi công bố cho chư thiên và loài người.

Cuộc đời của Ngài trong hiện kiếp trác tuyệt, những đóng góp của Ngài đối với nhân loại thật vĩ đại. Trong quá khứ, trước khi thành Phật, Ngài đã xả thân tu tập các pháp Ba-la-mật trong một thời gian dài 4 A-tăng kỳ kiếp để viên thành Phật quả. Ngài đã giới thiệu con đường đưa đến tự do, hạnh phúc tuyệt đối cho con người và cho các loài hữu tình. Con đường đó không có giai cấp, không có sự kỳ thị, không có giáo quyền, không có sự đấu tranh, cạnh tranh... Nơi đó sự tự do, bình đẳng và quyền làm chủ, sự lựa chọn của con người được tôn vinh đến đỉnh điểm. Mỗi người là chủ nhân cho chính đời mình. Những bóng mờ của đêm đen do sợ hãi Thượng đế, thần quyền hoặc khủng hoảng tâm thức vì do thiếu hiểu biết, thiếu tu tập được thay thế bằng ánh sáng trí tuệ, vô úy và quyết định sáng suốt của chính đời mình, để con người thoát khỏi ngục tù tăm tối tội lỗi và khổ đau. Do đó, dẫu chúng ta dùng muôn vạn mỹ từ, thơ văn để tán dương Ngài cũng không thể bày tỏ trọn vẹn được



Kính mừng Phật đản

lòng ngưỡng phục công đức vô lượng bất khả tư nghi của Ngài. Đã bao thế kỷ trôi qua, bao danh nhân, triết gia, chính trị gia... và Phật tử từ khắp mọi quốc độ đã hết lời ca tụng, tán dương mà vẫn thấy chưa trọn vẹn.

Nhân mùa Phật đản, là những Phật tử, hãy tự thân chuyển hóa những bước chân phàm phu thành những bước chân giải thoát, tự chuyển hóa bước chân thất tình thành những bước chân thất giác chỉ dẫn đến giác ngộ tối hậu. Chúng ta hãy nỗ lực làm các Phật sự, noi gương những trải nghiệm thân của Đức Phật vì lợi ích cho muôn loại chúng sanh, không nệ hà làm các Phật sự, dù gặp những chướng duyên trở ngại. Thực hiện được như vậy, chúng ta sẽ góp phần thiết thực cúng dường lên Đức Thế Tôn nhân ngày đản sanh của Ngài.

Được Sen xin góp thêm một nén hương lòng, thành kính cúng dường lên Đức Thế Tôn bằng những vần thơ, những bài nghiên cứu với những ý tưởng thâm trầm hay những lời mộc mạc, chân chất thể hiện lòng trân trọng, cung kính đến đức Thế Tôn, bậc đã chỉ ra con đường giác ngộ, bậc đã dựng đứng lại những gì đã ngã xuống, bậc đem đèn vào bóng tối để chỉ cho những ai có mắt có thể thấy.

Nhân kỷ niệm 50 năm Bồ-tát Thích Quảng Đức tự thiêu, đem thân làm ngọn đuốc soi sáng những khuất tối của tâm hồn, để lại trái tim bất diệt cho nhân loại... Hành

động trăm nghìn, tự tại thiêu thân để bảo tồn Phật pháp mãi là hình ảnh sáng ngời cho toàn thể chúng ta noi theo. Chúng ta phải làm gì đây để xứng đáng là người con Phật, là người thừa hưởng Tổ nghiệp, nối chí tiền nhân, phụng sự Phật pháp, lợi lạc quần sanh?

Mùa xuân Quý Tỵ đã đi qua, theo lẽ vô thường tạo hóa, hết Xuân đến Hạ, một số Tôn đức Giáo phẩm trong HĐCM, HĐTS GHPGVN và trong Hệ phái đã xả bỏ huyền thân, về với Phật Tổ. Vẫn biết vô thường định luật, nào ai tránh khỏi, nhưng không sao tránh khỏi ngậm ngùi khi tiễn biệt. Kính ngưỡng Giác linh chư Tôn thiên đức, các bậc chân sư mật thù gia hộ cho toàn thể Tăng Ni tín đồ Phật giáo ân triêm pháp vũ, tu tập vững vàng, Phật pháp hưng long, Phật quả viên thành.

Kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, bạn đọc gần xa được vô lượng an lạc, vô lượng kiết tường, thành tựu các phẩm hạnh cao quý và diệu hạnh lợi lạc quần sanh như đức Phật. ■

Trân trọng,

TM. GIÁO PHẨM HỆ PHÁI
Chủ biên,
HT. THÍCH GIÁC TOÀN

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH**



*Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2013
(tức ngày 15 tháng 04 năm Quý Tỵ)*

THÔNGIỆP
của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản PL. 2557 - DL. 2013

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính gửi :

- Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư,
- Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Kính mừng ngày Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni đản sinh Phật lịch 2557, năm Quý Tỵ - 2013, tôi kính gửi tới chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời chúc mừng Phật đản đại hoan hỷ, an lạc, và thành tựu mọi Phật sự đem lại sự an vui cho xã hội và Phật pháp trường tồn.

Trong không khí tung bừng của người con Phật trên khắp hành tinh đón mừng Đại lễ Vesak – tức lễ Tam hợp của Đức Phật, thay mặt chư Tôn đức Trưởng lão Ban Thường trực Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi gửi tới Phật giáo đồ trên toàn thế giới lời chúc hữu nghị, hợp tác và phát triển vì hòa bình, thịnh vượng cho nhân loại.

Trong năm Phật lịch 2556 - dương lịch 2012 đã qua, đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Với tinh thần: “Kế thừa - Ổn định - Phát triển”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII nhiệm kỳ 2012-2017, tiếp tục khẳng định truyền thống đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Kính mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2557 năm nay, đúng vào dịp Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành kính tưởng niệm 50 năm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức và Tăng Ni, Phật tử đã xả thân vì Đạo, vì độc lập dân tộc, bảo vệ truyền thống Phật giáo và văn hóa Việt Nam. Ngọn lửa thiêng của Bồ-tát Thích Quảng Đức đã xua tan bóng tối vô minh, mà xã hội hiện đại ngày nay rất cần sự hiện diện của hành giả với tâm Bồ-tát trải rộng tình thương yêu, trí tuệ trong sáng để diệt trừ lòng tham, tâm ích kỷ, sự hận thù nhằm đem lại hạnh phúc, an lạc và lợi ích cho tất cả mọi người.

Mỗi chúng ta sống có trách nhiệm với đất nước là thể hiện lòng tôn kính Đức Từ Phụ và đền đáp bốn ân trong muôn một, như trong Trung Bộ Kinh. Đức Phật dạy: *“Người vì quốc gia dân tộc làm các điều đúng Pháp, làm các điều chân chính, người ấy là người hiền thiện, chân chính trong xã hội”*. Tôi mong muốn Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước, cũng như ở nước ngoài dành thời gian và tập trung trí tuệ tham gia đợt sinh hoạt rộng rãi góp ý kiến vào bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, xây dựng một bản Hiến pháp của dân, vì dân hướng tới một xã hội phát triển bền vững, công bằng, dân chủ, văn minh.

Kính mừng ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ, Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử tinh tấn, nỗ lực trong tu tập Pháp hành, trau dồi Giới - Định - Tuệ, xứng đáng là bậc gương mẫu, phạm hạnh trong xã hội. Thực hiện tốt công tác Phật sự lợi đạo ích đời, đó chính là tâm hương kính dâng lên Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni. Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam tập trung kiện toàn tổ chức các Ban, Viện chuyên môn để vận hành công tác Phật sự có hiệu quả theo phương châm của Giáo hội và phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ. Đặc biệt, chú tâm đến việc chăm lo hoằng pháp và phát triển tổ chức Giáo hội tại các tỉnh miền núi, hải đảo và tại các quốc gia, vùng lãnh thổ phục vụ bà con Phật tử người Việt Nam đang sinh sống và làm việc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Nguyện cầu ánh sáng từ bi, trí tuệ của Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tỏa sáng muôn nơi cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản vô lượng cát tường! ■

ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(đã ấn ký)
TRƯỜNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ



Diễn văn Phật đản

PHẬT LỊCH 2557

của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

**Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni,
Kính thưa quý Phật tử trong và ngoài nước,**

Trong tiết trọng hạ ngày rằm tháng tư, chư Tăng Ni và Phật tử chúng ta, cùng với hàng trăm triệu tín đồ Phật giáo trên khắp thế giới hân hoan đón mừng lễ kỷ niệm ngày Khánh đản của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni. Ngày Phật đản năm nay, PL 2557, kỷ niệm sự kiện Đại hy hữu cách đây 2637 năm, đấng Đại hùng Đại lực Đại từ bi Thích-ca Mâu-ni xuất hiện ở thế gian, đem ánh đạo vàng tỏa rạng khắp nơi, cứu độ chúng sanh tìm về giải thoát.

Chúng ta lắng lòng hướng về Thánh địa Lâm-tỳ-ni, nước Ca-tỳ-la-vệ của Ấn Độ cổ đế tường như được tắm gội ánh hào quang tỏa từ kim thân của Đức Phật. Trong ý nghĩa ngày Vessak quốc tế, chúng ta không quên hướng về các Thánh địa Bồ-đề Đạo tràng, nơi Đức Phật thành Đạo, Vườn Lộc Dã, nơi đấng Từ phụ chuyển Pháp luân lần đầu tiên, và Rừng Câu-thi-na, nơi đấng Thế Tôn nhập Đại Niết-bàn. Trụ đá của vua A-dục được dựng hơn ba trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt vẫn sừng sững tại Lâm-tỳ-ni, tại Vườn Nai...nhắc nhở chúng ta rằng Phật pháp vẫn còn đó, con đường giải thoát vẫn tỏa rạng cùng với lời nhắn nhủ của Đức Từ phụ: *“Có Niết-bàn, có con đường đưa đến Niết-bàn và ta là người chỉ đường”* (Trung bộ, kinh Ganaka Moggallana, số 107).

Từ đầu năm nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tiến hành nhiều Phật sự quan trọng kể từ sau Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc lần thứ VII vừa qua. Từ Trung ương đến địa phương, các cấp Giáo hội đều nỗ lực củng cố và phát triển nhân sự, thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 2013. Đặc biệt, việc cấu trúc nhân sự của các ban ngành viện Trung ương cũng như việc điều chỉnh một số nội quy cho phù hợp với chương trình hoạt động của nhiệm kỳ và tinh thần của Nghị quyết đã thông qua trước Đại hội đòi hỏi không ít công sức và trí tuệ. Việc chuẩn bị của Trung ương Giáo hội cho Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội vào tháng sáu năm nay cũng không kém phần quan trọng trong việc duyệt xét nhân sự, các nội quy được điều chỉnh và chương trình hoạt động trong 6 tháng cuối năm của các Ban ngành Viện Trung ương. Điều đáng mừng là từ Trung ương Giáo hội đến các địa phương, Đại lễ Phật đản năm nay, nhân kỷ niệm 50 năm công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam chống chế độ độc tài kỳ thị Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm và kỷ niệm 50 năm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân, được chuẩn bị rất tốt với những hoạt động như hội thảo, triển lãm, văn nghệ, chuyên đề trên các tạp chí Phật giáo, đặc san, nội san... Được biết, các Ban Trị sự, các tự viện ở các tỉnh thành, ở các vùng sâu vùng xa đều có kế hoạch chào mừng Đại lễ Phật đản rất chu đáo, tô đậm nét văn hóa truyền thống và tinh thần vô úy của Phật giáo Việt Nam.

Kính thưa Quý vị,

Truyền thống góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ và phát triển Đạo Phật của Phật giáo Việt Nam đã được thể hiện từ hai ngàn năm qua. Những thành tựu khả quan đều do bởi Tăng Ni và Phật tử lấy vô ngã vị tha, lấy lý Trung đạo, tức là lý Không, Duyên khởi mà phát huy sức vô úy, tạo sự đoàn kết nhất trí trong tất cả các Phật sự. Vô úy là không sợ hãi, đối mặt và quyết chiến thắng mọi trở ngại như giải đãi, vị kỷ, phân biệt ta và người, mất đoàn kết v.v... nói chung là các phiền não, ác hạnh. Những trở ngại này là biểu hiện của tam độc tham, sân, si. Trong Tăng *Chi Bộ*, chương Ba pháp, Các nguyên nhân, Đức Phật dạy: *“Phàm những nghiệp gì được làm vì không tham, vì không sân, vì không si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không tham, sanh ra từ không sân, sanh ra từ không si; vì rằng tham, vì rằng sân, vì rằng si được từ bỏ như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt gốc rễ, như cây ta-la bị chặt đứt gốc rễ, nghiệp ấy không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai.”*

Tham, sân, si là bất thiện. Tiêu chuẩn đạo đức của người con Phật là thiện, là “Chúng thiện phụng hành”. Người thực hành phạm hạnh là người lấy chữ thiện làm đầu, là người đang thực hành Bát chánh đạo, đang phát triển tâm linh, tự mình được lợi lạc và có ảnh hưởng lớn đến sự tu tập, phạm hạnh,

sự tiến bộ của những người chung quanh, bè bạn, đồng sự... Đức Phật dạy: *“Này Ananda, toàn phần đời sống phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du. Một Tỷ-kheo làm bạn với thiện, này Ananda, chúng ta hy vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Bát chánh đạo, làm cho sung mãn Bát chánh đạo của các vị thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du”* (Tương Ưng Bộ, chương 3, phẩm Không phóng dật).

Ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nối tiếp truyền thống vô úy của Phật giáo Việt Nam từ hai ngàn năm qua, được sự đồng tình ủng hộ của Nhà nước và quần chúng nhân dân, đã đạt được những thành tựu khá quan về các mặt hoạt động, tạo sức phát triển mạnh mẽ với hơn 45 triệu Phật tử (chưa kể số lượng đông đảo những người có xu hướng theo Phật giáo), 45 ngàn Tăng Ni và gần 16 ngàn tự viện trên khắp cả nước. Suốt 32 năm Giáo hội được thành lập, số Tăng Ni Phật tử, số tự viện và nhất là số lượng các Phật sự không ngừng gia tăng. Đây là phát triển về số lượng, về hình thức, có tác dụng tích cực là tạo điều kiện thuận tiện cho quần chúng Phật tử tin Phật, đến chùa lễ Phật, nghe Pháp rồi tu tập, hành thiện. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta cần kiến tạo và ổn định chất lượng, nội dung chủ yếu của phát triển. Chất lượng ấy phát xuất từ mỗi Tăng Ni Phật tử trong Giáo hội, từ tinh thần vô úy coi thường mọi trở ngại, từ phạm hạnh và quyết tâm hành thiện.

Chúng ta lấy Phật tâm để làm Phật sự. Phật tâm ở đây được hiểu đơn giản theo kinh Quán Vô Lượng Thọ và luận Đốn ngộ Nhập đạo Yếu môn: đầy đủ từ bi, không chấp trước và thanh tịnh. Trong lúc một bộ phận đáng kể của xã hội ta đang bị ảnh hưởng trầm trọng của văn minh vật chất, suy thoái đạo đức, một bộ phận khác thì còn bị đe dọa bởi đói nghèo, bệnh tật, những nỗ lực của Giáo hội ta cần tập trung tham gia giải quyết hai khổ nạn này. Lấy Phật tâm để làm Phật sự, lấy thiện tâm để làm thiện sự; nói như thế là tạm phân biệt tâm đạo, tâm đời, việc đạo, việc đời, chứ thật ra thiện tâm là Phật tâm, thiện sự là Phật sự; hai tâm này là một, hai sự này cũng không phải hai; thực hiện như thế là chúng ta góp phần làm sáng ngời giáo lý của đáng Thích Tôn, góp phần xoa dịu những khổ đau của xã hội, nhân quần. Tôi tin tưởng ở trí tuệ, khả năng và phẩm chất tốt đẹp của tập thể các thành viên của Giáo hội; từ đó, tôi tin tưởng ở những thành quả đóng góp của Giáo hội trong việc xây dựng xã hội an lành, hiền thiện.

Nhân ngày Đản sinh của Đức Từ phụ Thích-ca Mâu-ni, chúng ta hãy thể nguyện lấy Phật tâm để làm Phật sự, lấy thiện tâm để làm thiện sự. Ngưỡng cầu Tam bảo phù hộ cho đất nước được khang thịnh, thế giới thanh bình và tất cả chúng sanh đều được an lạc.

Xin cảm ơn chư liệt vị.

Nam-mô Bốn sự Thích-ca Mâu-ni Phật. ■

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Kính mừng Đại lễ Phật đản lần thứ 2637 (PL. 2557 – DL. 2013)

Tinh thần nhập thế của Phật giáo

● HT. Thích Bảo Nghiêm

Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Hoàng pháp Trung ương GHPGVN

Hàng năm, vào mùa sen nở tháng Tư âm lịch, Tăng Ni Phật tử Việt Nam hòa cùng niềm hân hoan của Phật giáo đồ trên toàn thế giới kính mừng ngày Đại lễ Đức Thế Tôn Đản sinh, một trong những sự kiện quan trọng và hy hữu liên quan đến cuộc đời của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni.

Cách đây hơn một thập kỷ, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã công nhận Ngày Tam Hợp (kỷ niệm ba sự kiện thiêng liêng là Đức Thế Tôn: Đản sinh, Thành đạo và Nhập Niết-bàn) làm Ngày Vesak Liên Hiệp Quốc - một sự kiện văn hóa tâm linh của cả thế giới. Sự kiện này khẳng định niềm tin của Liên Hiệp Quốc về giáo pháp của Đức Phật sẽ giúp con người nhận thức sâu sắc về sự hiện hữu tinh thần từ bi, trí tuệ và dung nhiếp của Phật giáo mới có thể thay đổi thế giới, tiến bộ, trong mục tiêu vì nền hòa bình, hạnh phúc và an lạc chung của nhân loại trên hành tinh này.

Nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2557 - Dương lịch 2013, là những người có phúc duyên được thụ nhận Giáo pháp cao quý mà Đức Thế Tôn đã từ bi tuyên thuyết vì lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Tăng Ni, Phật tử chúng ta cung kính suy niệm lại sự kiện Đản sinh hy hữu cách đây 2637 năm trước của Đức Từ Phụ tại vườn Lâm-tì-ni (Lumbini, ở Ấn Độ cổ xưa, nay thuộc Nepal) qua hình hài Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhārtha), con vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và Hoàng hậu Ma Da (Māyā), thuộc dòng dõi Thích Ca trị vì vương quốc Ca-tì-la-vệ (Kapilavastu) thuộc Ấn Độ lúc bấy giờ.

Kinh văn ghi rằng, từ già cảnh giới Đâu Suất thiên, Bồ-tát Tì Xá Thi (Vipassi) chính niệm tinh giác nhập vào mẫu thai, lúc ấy một hào quang vô lượng, thân diệu, thắng xa uy lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, đại địa chấn động. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, Hoàng hậu Ma Da giữ giới một cách hỗn nhiên, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không sử dụng các thức dùng làm mất sự sáng suốt của tâm trí, sống tiết hạnh, không khởi dục với nam nhân, luôn từ ái, tâm thường hoan hỷ, thân không bệnh tật, cho đến ngày hạ sinh Thái tử với rất nhiều điềm lành: “Vị Bồ-tát khi sinh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn

tiếng như con Ngưu vương, thốt ra lời như sau: *"Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa"*. (Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường Bộ I, Kinh Đại Bản)

Vì đại nguyện cứu độ hết thảy chúng sinh, Bồ-tát đã chủ động giáng sinh đi vào đời qua hình hài một con người với đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Bậc Đại nhân. *"Một vị hữu tình sinh ra ở đời không bị chi phối, đã sinh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người"*. (Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ I, Đại Kinh Sư Tử Hống).

Từ đó, suốt cuộc đời của Ngài trong hoàn cảnh là Thái tử, xuất gia, thành đạo cho đến khi nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn đã luôn "thương tưởng cho đời", thuyết Pháp độ sinh, khai mở chân lý cho tất cả, không phân biệt giai cấp, dòng dõi xuất thân, giới tính, với tinh thần khích lệ sự tiến bộ, sống hài hòa, trách nhiệm, hạnh phúc, an lạc ngay trong đời sống hiện tại. Là bậc Thầy của nhân thiên, nhưng Ngài đã không hề dành một đặc quyền riêng biệt nào. Đức Thế Tôn là vị Giáo chủ duy nhất trong lịch sử tôn giáo thế giới, tuyên bố với tất cả đệ tử chân lý sau khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ đề: *"Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành"*.

Ngài như ngọc lưu ly luôn thuần khiết trong mọi hoàn cảnh. *"Như Lai sinh ra ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*. (Đại tạng Kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ I, Tiểu Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi)

Là đệ tử Đức Thế Tôn, nhân Đại lễ kỷ niệm Đức Phật đản sinh năm nay, Phật lịch 2557, chúng ta cần trầm tư về đại nguyện và tinh thần "đi vào đời" của Ngài, để từ đó nỗ lực ứng dụng vào đời sống của từng cá nhân, cộng đồng, trong các vai trò xã hội mà chúng ta tham dự. Trầm tư để có nhận thức đúng, có Chính kiến như thật. Đó là chất liệu của tư duy, lời nói và hành động có Phật chất; được như thế thì những đóng góp của chúng ta vào cuộc đời mới phần nào xứng đáng với danh xưng, niềm tự hào là người con Phật.

Với đại nguyện và tinh thần "đi vào đời" của Đức Thế Tôn, chúng ta có những hành xử đúng, có Chính nghiệp, Chính mệnh, có những suy nghĩ, lời nói và hành vi không gây tổn hại cho người khác, cho môi trường sinh thái; đồng thời còn xây dựng vì sự tiến bộ, ổn định, an lạc chung của cộng đồng, xứ sở, rộng hơn nữa là khu vực và thế giới.

Từ thuở ban đầu đạo Phật du nhập Việt Nam, hơn hai nghìn năm trước, tổ tiên chúng ta đã tiếp nhận nếp sống tâm linh này. Tư tưởng đạo Phật được Đức Thế Tôn khởi nguồn đã hòa nhập vào nền văn hóa bản địa một cách khiêm tốn, không phủ nhận mà góp phần nội dung làm phong phú nền tảng văn hóa dân tộc. Kể từ đó trở đi, qua các thời đại từ mở nước và dựng nước, đạo Phật

luôn hài hòa với các hệ tư tưởng khác, tỏ rõ tinh thần khoan dung, cởi mở, từ bi và trí tuệ.

Các thế hệ Tổ sư tiền hiền tùy nhân duyên thời đại, đã dần thân nhập thế với nhiều vai trò khác nhau, từ người hướng dẫn chính trị, vị thầy tâm linh, cố vấn đạo đức, nhà văn hóa, giáo dục, nhà hoạt động xã hội... nhưng căn bản của mọi hành xử trong các vai trò xã hội đó là tâm từ bi và hạnh xả ly, không bị tiền tài, danh vọng, quyền lực cám dỗ, tha hóa.

Phát thế đại nguyện, với tâm thương tưởng đời, vì an lạc, hạnh phúc cho số đông, người đệ tử Phật đi vào đời một cách dũng mãnh, tích cực không hề gây náo hại cho đời lúc đến và sau khi rời khỏi, như hình ảnh con ong hút lấy mật được diễn tả trong kinh Pháp Cú:

*“Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy,
Bậc Thánh đi vào đời”.*

(Thi kệ 49)

Mùa Phật đản năm nay tròn 50 năm kỷ niệm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức tự thiêu để cầu nguyện đạo pháp trường tồn, thế giới hòa bình, thức tỉnh lương tri của những người bị sự cám dỗ bởi danh vọng, quyền lực làm cho mê mờ tâm trí. Với dáng tọa thiền tay bắt ấn Tam muội an nhiên trong ngọn lửa cao ngùn ngụt, với trái tim bất diệt không cháy trong ngọn lửa mấy ngàn độ đã làm thế giới bàng hoàng, cũng là bằng chứng của sự kết tinh niềm tin kiên cố ở Chánh pháp của Đức Thế Tôn đã khai thị, luôn đem lợi lạc cho đời, cho nền hòa bình và hạnh phúc nhân sinh.

Chúng ta cũng khắc cốt ghi tâm công đức to lớn của chư Bồ-tát, chư vị Tổ sư nhiều đời đã bảo tồn Phật pháp, nhiều khi hy sinh cả sinh mệnh của mình, để hôm nay chúng ta được thừa kế, được học tập và tu trì. Thành tâm ghi nhớ công ơn của các thế hệ tiền nhân, các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp dựng nước, bảo vệ sự độc lập, hòa bình cho quê hương đất nước.

Tương nhớ Đức Thế Tôn, tưởng niệm chư tiền nhân hữu công với Đạo Pháp và Dân tộc, không gì hơn bằng sự tinh tiến thực hành Giáo pháp mà Đức Thế Tôn đã dạy, nỗ lực hành trì, ứng dụng vào đời sống thực tiễn của mỗi người, làm sống dậy Giáo pháp, tinh thần nhập thế đó trong thời đại hôm nay.

Là Tăng Ni Phật tử, chúng ta cần phân quan tự kỷ, nỗ lực học Phật để có chính kiến, chính tín; không chỉ biết phân định đúng sai, điều phù hợp với Phật pháp và sự việc không phù hợp với Phật pháp, mà còn tích cực gạn đục khơi trong, ý thức trách nhiệm và vai trò của mình trong việc góp phần trang nghiêm Giáo hội, xây dựng đất nước, môi trường sống ngày càng tốt đẹp hơn, để xứng đáng là người con Phật, kế thừa truyền thống “hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam mấy nghìn năm qua. ■



ĐỨC PHẬT vì hạnh phúc con người

(Bài giảng tại chùa Phổ Quang- Tân Bình, năm Canh Dần – 2010)

● HT. Thích Giác Toàn

Từ khi Đức Phật thị hiện tại Ấn Độ, trong quá trình hoằng hóa độ sinh, Ngài đã đem hạnh phúc đến cho dân tộc Ấn. Đến nay đã hơn 2600 năm, giáo pháp của Đức Phật là hào quang chiếu sáng khắp thế gian để ban rải nguồn hạnh phúc đến cho con người trên quả đất

này, trong đó có chúng ta – những Tăng Ni và Phật tử Việt Nam, đã được ân hưởng niềm hạnh phúc lớn lao từ Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni.

Chúng ta đón mừng Đại lễ Phật đản 2554 – tức là sau 2634 năm Đức Phật có mặt trên thế gian. Sau đây nhà sư sẽ trình bày vài ý pháp về đề tài hôm nay.

1. Thông điệp Đức Phật vào đời

Thông điệp Đức Phật đản sinh.

Hôm nay nhân mùa Phật đản, chúng ta đón nhận thông điệp của Ngài. Khi ra đời, Đức Phật một tay chỉ trời, một tay chỉ đất. Ngài tuyên bố:

Thiên thượng thiên hạ,

*Duy ngã độc tôn,
Vô lượng sanh tử,
U kim tận hi.*

(Trên trời dưới đất, chỉ có ta là tốt cao hơn hết. Vô lượng kiếp sanh tử đến nay thì hết).

Lời Ngài dạy trong *Kinh Pháp Hoa*: “*Ta sanh ra đời vì một đại sự nhân duyên là khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến*”. Đức Phật ra đời đem niềm hạnh phúc lớn cho nhân loại nói chung và cho đệ tử Đức Phật, người xuất gia cũng như người tại gia nói riêng. Ngài chỉ cho chúng sanh con đường quay về và nhận ra chân Phật tánh của mỗi người. Khi tìm gặp được thì thật là niềm hạnh phúc vĩnh cửu của con người. Nếu ngày nào ta chưa tìm ra Phật tánh của mình thì nhất định chúng ta sẽ còn long đong trong biển khổ luân hồi sanh tử.

Thông điệp đầu tiên Đức Phật đã tuyên bố để chúng ta thấy rõ sự có mặt của Ngài trên thế gian này, và đặc biệt là mục đích chỉ cho con người quay về nhận ra chân tánh hay Phật tánh của mình. Thiện nam tín nữ có nhân duyên rất lớn nên được quy y Tam bảo và thọ Ngũ giới để từng bước tu tập và lắng sạch nghiệp quả nhiều đời,

khai mở được con đường trở về với chân tâm và Phật tánh của chính mình.

Thông điệp Đức Phật du hành

Lời giáo huấn cho chư Tỳ-kheo Tăng Ni và tất cả Phật tử tại gia có duyên với giáo pháp, Ngài dạy: “*Này chư Tỳ-kheo, hãy du hành vì an lạc, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chư Thiên và loài người*”. Khi chúng ta thọ nhận thông điệp du hành của Đức Phật và luôn thực hành theo lời dạy của Ngài thì dù sinh ra ở quốc độ nào, niềm vui hạnh phúc cũng luôn hiện hữu bên ta.

Trong cuộc sống, nếu ta giữ được trong tâm thông điệp du hành của Đức Phật trong khi đi, đứng, ngồi, nằm, nói, cười... thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt được niềm hạnh phúc an lạc trong cuộc sống. Khi ta đem an lạc đến cho mọi người từ hành động, lời nói, từ tấm lòng thì ngay lúc đó ta đã có hạnh phúc. Đức Phật đã thành tựu và thành công trong công tác mang niềm hạnh phúc đến với thế gian. Thế nên, dù Ngài nhập Niết-bàn đã 2554 năm, chúng ta chỉ cần thọ nhận lời dạy của Ngài và hành theo, chúng ta sẽ hạnh phúc.

2. Hạnh phúc từ Tam quy và

Ngũ giới mà Đức Phật truyền trao

Trong chuyến đi chùa Hương ở Hà Nội, trên con thuyền đi ngược lại, nhà sư gặp một số khách nước ngoài chấp tay niệm A-di-đà Phật, như vậy họ đã có niềm hạnh phúc. Đức Phật truyền trao cho chúng ta 7 tài sản cao quý: tín, giới, tàm, quý, văn, thí, huệ. Khi chúng ta có nhân duyên lớn và niềm tin sâu sắc đối với giáo pháp của Đức Phật, chúng ta thọ Tam quy và Ngũ Giới là ta đang quay về nương tựa Phật, Pháp và Tăng, thì đi đâu chúng ta cũng thấy ánh hào quang và bóng mát của Ngài che chở.

Thọ trì năm giới – *Không sát sanh*: đây là nhân tạo nên quả trường thọ. Nếu chúng ta phạm nghiệp sát sanh nhiều mà ta cầu trường thọ, có thể đo ta gieo trồng phước báu khác ta lại được sống lâu, nhưng nhân quả dần vật của nghiệp sát sanh cũng khiến ta sống trong khổ sở. Quả trường thọ, sống an vui và hạnh phúc chắc chắn nhất là nhân không sát sanh.

Một Phật tử hỏi nhà sư, hôm nay nhà sư hạnh phúc không? Hơn 40 năm qua, nhà sư phải tích tụ phẩm hạnh của người tu, từ khi





xuất gia học đạo, làm chú tiểu tập sự, rồi là một sa di, rồi trở thành vị tỳ-kheo, kế đến là vị Đại đức, Thượng tọa, Hòa thượng. Nếu đến sáng hôm nay, khi nhà sư nhận bằng Tiến sĩ Danh dự về Phật học mới cảm thấy hạnh phúc thì đây là hạnh phúc nhất thời khi ta được trao và khi ta được nhận. Nhưng ngày tháng năm khác chúng ta sống trong đau khổ thì làm sao chúng ta có hạnh phúc ngày hôm nay? Vì thế, hạnh phúc phải được tích tụ từng giây, từng phút, từng giờ, từng ngày, từng tháng, từng năm trong thiện sự và duy trì niềm an lạc trong thiện pháp. Hình ảnh đứa bé nằm trong nôi được mẹ ru ngủ – hạnh phúc; đứa bé trong lòng mẹ, hồn nhiên ân hưởng dòng sữa mẹ ngọt ngào – hạnh phúc; bà mẹ 80 tuổi, người con 50 tuổi ngồi bên cạnh quạt cho mẹ già ngủ – hạnh phúc. Đây là những hạnh phúc có người cho và người nhận.

Là người con Phật, chúng ta phải luôn tích lũy hạnh phúc trong thiện sự mỗi phút giây trong đời. Niềm an vui từ dòng suối pháp của người cư sĩ tại gia là Tam quy, Ngũ giới... chúng ta nương về với bóng mát của Đức Phật, của giáo Pháp, của Thánh Tăng và chư vị chân đức đạo sư. Hãy gìn giữ không sát sanh, không gây oan trái

với chúng sanh trong đời.

Giới không trộm cắp: cách đây vài mươi năm, có những làng mạc, ngụ không cần đóng cửa, xóm làng hạnh phúc, thanh thản. Chúng ta sống trong một tổ dân phố, ai cũng hiền hòa thiện lành, đời sống thường nhật bình an, hạnh phúc. Giáo pháp của Đức Phật đem lại cho chúng ta sự bình an và từ sự bình an này tỏa ra cho mọi người xung quanh.

Giới không tà dâm: công chúa Da-du-đà-la luôn gìn giữ thủy chung khi Thái tử Sĩ-đạt-ta đi tu. Khi bà nghe tin thái tử vào rừng, đổi hoàng bào mặc áo Sa-môn, ở nhà bà thay áo lụa là bằng áo đơn sơ, thô bố. Tin thái tử ăn mỗi ngày một hạt mè, bà cũng ăn mỗi ngày một bữa. Tin Thái tử sống trong rừng, màn trời chiếu đất; bà cũng nằm đất nơi nhà. Người phụ nữ không hạnh phúc trong lòng thì có thể thực hiện được những điều này không? Đây là nét đẹp tuyệt hảo nơi công chúa Da-du-đà-la.

Chúng ta hãy theo gương hạnh của công chúa Da-du-đà-la. Niềm hạnh phúc do tự mình sắp đặt, tự mình tạo dựng chứ không cần ai ban cho hay trao đổi với người khác mà có được.

Khi Đức Phật về triều, tuy bà không ra đón nhưng Đức Phật cũng dành cho công chúa một đặc

ân. Vào ngày thứ ba, khi vua Tịnh Phạn cúng dường cho Phật và chư Thánh Tăng xong, nhà vua nhắc lại và thỉnh cầu Đức Phật quang lâm đến thư phòng của công chúa để bà được đánh lễ Ngài. Công chúa cho tỳ nữ thiết một tòa ngồi trang nghiêm giữa phòng. Đức Phật dặn đệ tử hãy để cho công chúa đón Ngài theo tâm nguyện của bà. Khi Đức Phật ngồi trên tòa, bà quỳ xuống đánh lễ và xin phép được hôn chân Ngài. Đây là một tục lệ thể hiện sự quý kính của người Ấn Độ đối với người trên. Niềm hạnh phúc tràn ngập trong tâm của bà, người chồng yêu quý ngày xưa giờ là một vị Phật. Hạnh phúc Đức Phật ban cho do tâm nguyện thủy chung của bà.

Giới không nói dối: chúng ta phải xác lập được niềm tin do không nói dối dù ta đi đâu hay ở bất cứ nơi nào. Từ trẻ đến già nếu chúng ta nói mọi người đều tin tưởng là do hạnh không nói dối. Ngược lại, nếu ta ưa nói dối thì từ gia đình đến bạn bè, xã hội... đi đâu người ta cũng không dám tin mình và họ còn dè dặt, né tránh mình.

Giới không uống rượu: giới cấm này mới nghe thấy có vẻ không quan trọng, nhưng xét kỹ thấy thật quan trọng. Bởi vì, rượu là chất men say nếu uống vào nó sẽ làm cho tinh thần mất sáng suốt mình mẫn, không còn phân biệt đúng sai, phải quấy. Một khi tinh thần của chúng ta mất sự kiểm soát thì rất dễ phạm bốn giới cấm trên và rất dễ tạo nghiệp bất thiện. Mặt khác, rượu là nhân làm cho chúng sanh mất hạt giống trí tuệ, gây nhiều bệnh tật, tiêu hao tài sản... Đồng thời, nó còn là tác nhân làm đổ vỡ hạnh phúc gia đình trong đời hiện tại và vị lai.

Đức Phật trao cho chúng ta ngũ giới: *Không sát sanh, Không trộm cắp, Không tà dâm, Không nói dối, Không uống rượu* để mỗi người tự giữ gìn, tự tịnh hóa, tự trong

sạch các nghiệp trong đời sống nhằm kiến tạo niềm hạnh phúc miên viễn nơi bản thân mình. Từ tâm thức sáng suốt, chúng ta được hạnh phúc. Đức Phật trao năm giới để chúng ta tập tu, thanh lọc nghiệp nhiều đời và tích tụ hạnh phúc cho chính mình. Phật tử hãy nhận ra điều này và thành tựu Tam quy Ngũ giới.

3. Hạnh phúc khi chúng ta được thọ nhận từ sự tu tập Tứ vô lượng tâm của Đức Phật truyền dạy

Giáo pháp của Đức Phật có 84.000 pháp môn. Nói ngắn gọn là 37 phẩm Trợ đạo, gọn hơn nữa là: Tứ vô lượng tâm tức Từ Bi Hỷ Xả. Trong buổi sinh hoạt Hoàng pháp toàn quốc tại Kiên Giang, nhà sư trao đổi bằng một bài kệ cô đọng trong 4 từ này:

Từ tâm thể hiện tình thương

Từ thân, từ khẩu, ý thường an vui

Từ hành động, từ nụ cười

Từ đức, từ ái... thương đời độ sanh!

Mỗi người chúng ta có một biệt nghiệp, ta hãy tu tập đức đại từ của Đức Phật để thương yêu cuộc đời. Chúng ta là những người con của Đức Phật, nên khi sống trong cuộc đời hãy thương yêu mọi người để khi ai gặp chúng ta cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc an lạc.

Quán Thế Âm là một vị đại Bồ-tát, đức từ bi của Ngài rộng lớn bao trùm khắp nơi nơi. Chúng sanh ở nơi nào tối tăm khổ sở mà niệm đến danh hiệu Ngài là được Ngài soi rọi ánh sáng đến tiếp độ. Phật tử nên nuôi dưỡng đức từ ái, từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm. Khi ai gặp chúng ta như họ nhìn thấy con cháu của Bồ-tát Quán Thế Âm, họ kể ta nghe niềm hạnh phúc hay chia sẻ nỗi khổ đau.

Bi tâm, bi tánh thiện lành,

Bi trí, bi đức thường dành thương yêu,

Bi chúng sanh, xót trăm chiều...



Bi tuệ nhân pháp hóa nhiều phúc ân.

Hỷ lạc hiện tướng hiển nhân

Hỷ mừng ban tặng hóa thân nhiệm mầu.

Hỷ tánh, hỷ ý... xưa sau

Hỷ thường - lạc - tịnh... muôn màu pháp thân.

Xả nghiệp chướng, xả trầm luân

Xả oan gia, xả khổ nhân nhiều đời.

Xả lỗi, xả tội... cho người

Xả mê an tịnh vui tươi cho mình.

Khi biết tu gặp người hiền thiện ta vui, gặp người xấu quấy ta cũng phải nhẹ nhàng vì ta hiểu rằng trong đời không ai không có khuyết điểm. Đời này khéo tu ta sẽ có quả thật tốt trong đời sau, an lạc từ trong lòng mẹ đến khi hiện hữu và tới khi kết thúc cuộc đời bằng cách hóa giải oan gia, oán hờn trong đời.

4. Đức Phật vì hạnh phúc cho con người

Trong suốt quá trình thuyết pháp độ sinh, Đức Phật luôn dùng mọi phương tiện giáo huấn để san bằng tất cả giai cấp đã gây khổ đau cho con người, và mang ánh sáng giác ngộ đến với tất cả mọi giai cấp. Trong gia đình hoàng tộc, Đức Phật độ vua cha tó ngộ chon lý,

chúng đắc đến tam quả A-na-hàm; Ngài hướng dẫn cho hoàng hậu Ma-ha-ba-xà-ba-đề, công chúa Da-du-đà-la, La-hầu-la, Nan-đà, A-nan-đà... tất cả được xuất gia tu học, về sau đều trở thành những vị Thánh Tăng, Thánh Ni là bậc mô phạm, làm gương giáo hóa để chúng sanh có duyên nương tựa tu học. Ngay cả người anh em cô cậu với Ngài là Đề-bà-đạt-đa đã nhiều lần sát hại Đức Phật, âm mưu phá hoại sự thanh tịnh hòa hiệp của Tăng đoàn; chẳng những Ngài không buồn phiền mà còn trái lòng từ bi đến ông, ca ngợi ông là bậc thiện tri thức. Trong *Kinh Pháp Hoa*, phẩm Đề-bà-đạt-đa thứ 12, Đức Phật khẳng định chính nhờ có Đề-bà-đạt-đa mà Ngài mau thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, từ bi hỷ xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp,... thành bậc Đẳng Chính Giác rộng độ chúng sanh; và Phật còn thọ ký trong tương lai Đề-bà-đạt-đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương.

Trong hàng Phật tử thuộc giai cấp vua chúa, Ngài trao cho Bình-sa vương niềm hạnh phúc trong quá trình tu tập và đối diện với nghiệp lực, đặc biệt với con cái. Khi thái tử A-xà-thế bị Đề-bà-đạt-đa xúi giục, âm mưu sát hại vua Bình-sa vương để chiếm ngôi bị bại lộ, người cha không đành xử

phật mà còn nhường ngôi cho hoàng tử, nhưng hoàng tử lại bất hiếu cho hạ ngục vua cha và ra lệnh bỏ đói cho đến chết. Bình-sa vương là vị vua có niềm chánh tín với Tam bảo, đã chứng quả Tu-đà-hoàn nên khi đối diện với nỗi khổ, đối diện với cái chết gần ngay trước mắt, ông vẫn thản nhiên, không lo âu sợ hãi mà đón nhận vui trã, vì biết đây là nghiệp nhân đã gieo tạo trong quá khứ. Do vậy, ông vẫn cố gắng tập trung tâm lực niệm tưởng Phật Pháp Tăng, cố gắng kính hành, chứng nghiệm hạnh phúc tinh thần.

Ở giai cấp thương gia lúc bấy giờ có ông Cấp Cô Độc và bà Visaka... cùng nhiều tín chủ khác đều được thọ nhận niềm hạnh phúc từ giáo pháp của Phật. Ngay sau khi ánh sáng chơn lý được soi rọi từ kim khẩu của Đức Phật, họ đều phát tâm quy y Tam bảo, nỗ lực tu tập chuyển hóa tâm thức và đều nhập vào dòng Thánh. Những giai cấp bị khinh thường, cùng tên sát nhân trong xã hội lúc bấy giờ như: kỹ nữ Ambapali, người gánh phân Sunita, chàng Angulimala... cũng đã được Đức Phật hóa độ, chứng nghiệm niềm an lạc hạnh phúc.

Ambapali nguyên là một kỹ nữ hạng sang sống tại thành Tỳ-xá-ly bị mọi người xem nhẹ, không kính trọng. Thế nhưng, sau một lần diện kiến, được nghe giáo pháp của Đức Phật, cùng với lòng từ bi và trí tuệ vô hạn của Ngài đã cảm thông, thấu hiểu được tâm trạng giằng xé bên trong tâm thức của nàng. Giờ đây, nàng đã trở thành một con người hoàn toàn khác. Nàng đã rũ bỏ những tập khí nhiều đời của mình, biết thanh lọc cấu uế, ô nhiễm của thân tâm, phát tâm quy kính Tam bảo. Nàng phát khởi niềm tin trong sạch thanh tịnh Phật và chur Tăng về nhà thọ trai. Đối với nàng đây là niềm hạnh phúc không có gì so sánh được, không có gì có thể mua được dù đó

là vàng bạc hay cả thành Tỳ-xá-ly cũng không thể mua được. Sau đó, nàng xuất gia và trở thành vị A-la-hán phạm hạnh, đoạn chánh.

Trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, gánh phân được xem là một trong những công việc hạ tiện nhất chỉ dành cho những người thấp hèn. Phật tánh vốn bình đẳng không phân biệt giai cấp, Đức Phật đã độ chàng Sunita xuất gia. Người gánh phân ra sức nỗ lực tinh tấn tu tập, không bao lâu chứng quả vô sanh.

Tại thành Xá-vệ, Đức Phật đã độ chàng Angulimala, một kẻ sát nhân chặt ngón tay người xâu thành chuỗi. Vì nghe theo lời dạy của người thầy bảo phải giết 100

người và mang về ngón tay cái từng người để trả học phí về việc dạy chàng, nên Angulimala từ một người hiền lành nhân hậu đã trở thành một kẻ sát nhân chuyên giết người. Đức vua nghe được việc giết hại của Angulimala và ra lệnh bắt y. Mẹ của chàng biết được ý định của nhà vua nên đã vào núi rừng tìm tin tức để cứu Angulimala. Lúc bấy giờ, vòng đeo cổ của Angulimala có 99 ngón tay rồi, chỉ còn thiếu một ngón là đủ một trăm. Chàng liền có ý nghĩ tìm người cuối cùng giết để hoàn thành sứ mệnh của mình, bất kể người đó là ai. Khi nhìn xuống từ nơi ẩn mình trong núi, y thấy một người đàn bà trên con đường phía



dưới, y muốn làm trọn lời dạy của thầy để có đủ 100 ngón tay, nhưng khi đến gần, y nhìn thấy đó chính là mẹ mình.

Lúc ấy, Đức Phật liền xuất hiện đi trước mặt Angulimala, chàng liền thay đổi ý định và thay vào đó sẽ giết Sa-môn Cù-đàm thay cho mẹ mình. Chàng liền vun đao đuổi theo Phật nhưng chạy mãi vẫn không đuổi kịp Ngài. Cuối cùng, chàng quát: “*Này ông Sa-môn kia hãy dừng lại!*”. Đức Phật liền đáp: “*Ta đã dừng lại từ lâu rồi!*”. Angulimala vẫn không hiểu được ý nghĩa của câu nói này. Chàng bảo: “*Này Sa-môn, tại sao ông nói rằng ông đã dừng lại còn tôi vẫn chưa dừng?*” Đức Phật đáp: “*Ta đã dừng*

lại vì ta đã từ bỏ việc giết hại chúng sanh. Ta đã từ bỏ thói bạo hành, tàn sát mọi loài và ta đã an trú vào lòng từ đối với muôn loài chúng sanh!”. Nghe những lời này, Angulimala liền bừng tỉnh và chợt nhận ra những nghiệp ác bấy lâu nay mình đã gieo tạo, liền ném vũ khí, xin Phật tha nhận làm đệ tử xuất gia và được Ngài chấp thuận. Do nỗ lực thiền quán, không bao lâu Angulimala liền chứng quả A-la-hán.

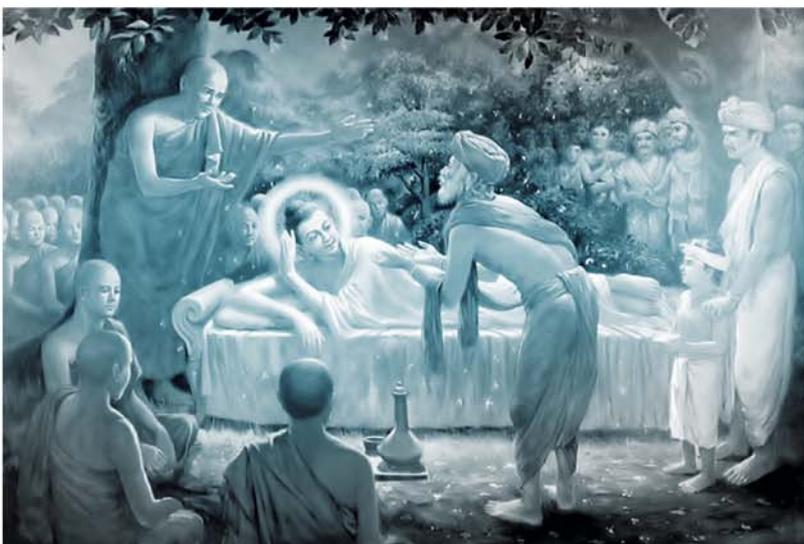
Đến khi sắp nhập Niết-bàn, Đức Phật cũng không vì thế mà quên hạnh nguyện độ sanh của mình. Ngài mang lại niềm hạnh phúc cho Tu-bạt-đà-la. Đó là người đệ tử cuối cùng của Phật được xuất gia tu học trong giáo

pháp của Ngài.

Có thể nói rằng, đó là sự mâu thuẫn trong giáo lý của Đức Phật, sự mâu thuẫn của việc chuyển hóa tâm thức theo chiều hướng tích cực. Khi đã tu tập và thực hành lời dạy của Đức Phật sẽ làm cho con người vượt thoát mọi phiền não khổ đau, vượt thoát giai cấp, mọi tầng lớp trong xã hội dù đó là tầng lớp nào, giai cấp nào đi nữa cũng không làm chướng ngại sự chứng nghiệm niềm an vui, hạnh phúc trong tâm thức con người. Chính Đức Phật và giáo pháp của Ngài luôn đem ánh sáng từ bi và trí tuệ để soi rọi tâm thức, xua tan mọi khổ đau hệ lụy trong cuộc đời này. Giáo pháp ấy làm chúng sanh phát khởi niềm tin, biết lựa chọn cách sống, lối sống cho chính mình, để từ đó vững tin vào khả năng thành Phật, sự giác ngộ giải thoát luôn sẵn có nơi mỗi người.

Qua câu chuyện trên, chúng ta nhận ra rằng khi biết tu, ta nhận diện được cái vô thường của thời gian, đừng để dòng đời nuốt ta. Ta phải biết giữ gìn hạnh nghiệp của Phật trao cho Tam quy, Ngũ giới hay Bát quan trai giới, Thập thiện nghiệp và tất cả pháp hành đã học tu trên một trăm ngày an lạc. Giữ gìn thân tâm ý hiển hòa trong từng giây phút. Sự thiện lành an lạc tuy vô thường, nhưng nhiều sự thiện lành tạo nên hạnh phúc miên viễn cho đời sống của người con Phật, nghĩa là chúng ta thanh lọc được những sự xấu quấy ác, còn lại sự hiền thiện tốt lành sẽ trở thành chân tâm, Phật tánh của ta. Đây là hạnh phúc miên viễn trong đời sống tu tập mà mỗi người đệ tử Phật phải chiêm nghiệm và nhận ra. Làm được điều này chính là người biết báo ân Đức Phật và cũng là để tưởng niệm một cách thiết thực nhất trong mùa Khánh đản hôm nay.

Xin chúc các Phật tử một ngày an lạc và tinh tấn trong chánh pháp. ■



Anh trăng trọn lành

Hạnh Thường

Chuông pháp cổ vang rền non nước
Mưa từ bi cam vị thấm nhuần
Mười phương ba cõi tri ân
Trỗi cung thiên nhạc đón mừng Đản sanh.

Đấng Từ phụ hiển minh nhân thế
Muôn muôn nơi phủ phục quy về
Cuộc trần nay bớt trầm mê
Ánh trăng sáng dịu tụ về hội thiêng.

Rằm Tháng Tư ngàn năm còn đó
Bảy bước chân sáng tỏ đạo mầu
Chuông ngân rung động kinh cầu
Tin vui chân lý thâm sâu hiển bày.

Ngàn năm trăng sáng còn đây
Trăng soi giấc ngủ u mê giữa đời
Chân kinh con nguyện tạc lời
Hành thâm giáo pháp giữa đời tỏa hương.

Ngài đã đến

Tịnh Huệ

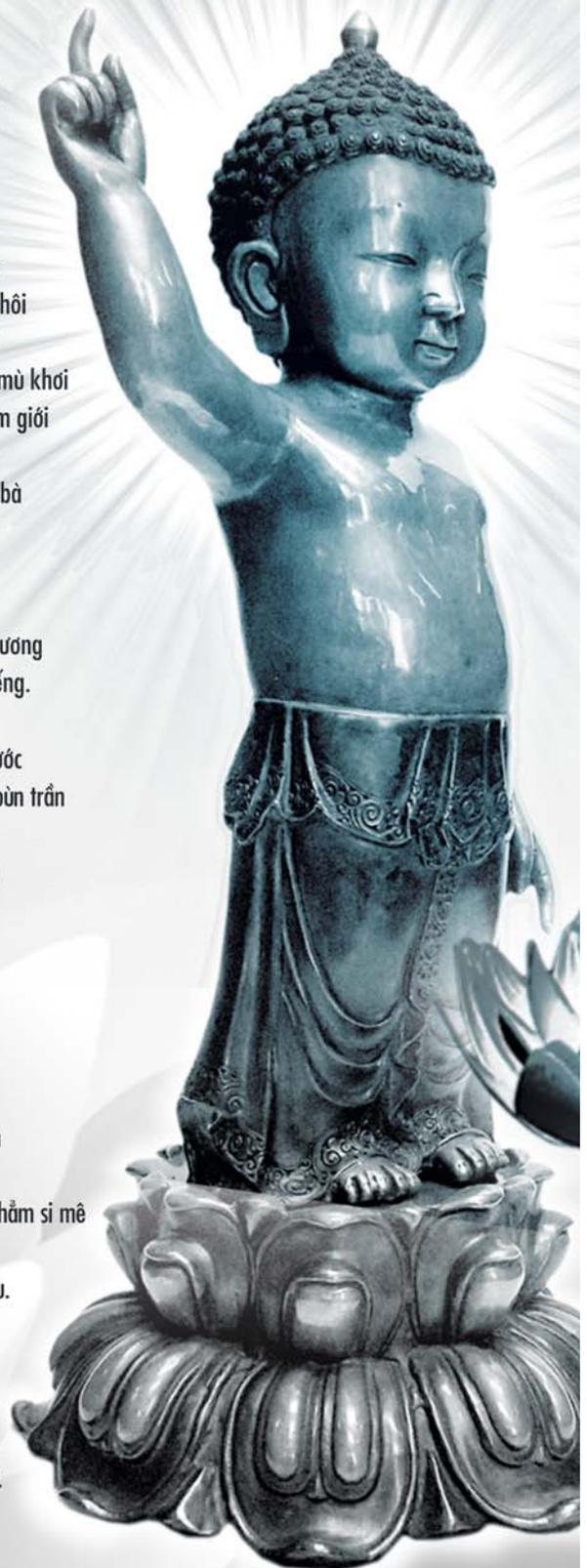
Khoảnh khắc ấy, hơn mấy ngàn năm trước
Khắp nhân sinh bừng dậy tiếng vui mừng
Trang sử vàng chói rạng sắc mùa xuân
Ngài đã đến gót sen hồng nhẹ bước.
Đó là lúc nơi cõi đời ô trược
Bóng tối xua tan, thiêng sử một trang đời
Vẳng dương ánh Đạo rạng ngời
Gót sen rúng động ba ngàn đại thiên
Hân hoan, tịnh lạc mọi miền
Pháp âm Từ Phụ linh nguyên khơi nguồn.
Nhân sinh khắc khoải đêm trường
Sáng soi đuốc tuệ rõ đường lý chân.
Ươm lên đất Thánh mầm xanh
Nở hoa vườn Giác hương thanh đạo mầu.

Và từ ấy, bốn bể năm châu,
Có nơi đâu khắp vì trần không lưu dấu
Những bàn chân tiến bước mãi không thôi
Trên tận cao nguyên mây mù chìm nổi
Nơi cuối đồng bằng những thăm thẳm mù khơi
Những lối rẽ uốn quanh đường mòn tam giới
Những ngõ hẻm u tối kiếp hà sa.
Đánh thức nhân sinh bừng tỉnh giấc ta-bà
Tìm nẻo quê nhà, bến bờ hạnh phúc
Để lắng nghe nhịp đời luôn hối thúc
Buông một lần trần tục lụy vương.
Vạn cổ nhân gian, còn mãi sóng yêu thương
Âm ba trăm mặc, chơn thường ngân tiếng.

Có ai không giữa cuộc đời không cất bước
Nhưng dấu chân nào không để lại chút bùn trần
Dấu chân nào ấm đượm chút tình thân
Của yêu thương, của tiếng lòng vô ngã
Của nỗi niềm cao cả vị nhân sinh.
Mãi miết dần thân vô dáng, vô hình
Trên vạn nẻo vô minh miệt mài mở lối
Dấu chân ấy thời gian không xóa nổi
Mãi ngàn đời soi tỏ bước hành nhân.

Vũ trụ còn đây tạc mãi những dấu chân
Dẫm lên những mê trần, định kiến
Bước qua những thân quyền, những hố thăm si mê
Hát khúc hát trường ca tận tụy
Soi dấu chân - thiện- mỹ trái nghìn thu.

Trời mây quyện sắc hòa nhu
Uy nghi mất tuệ đại hùng sáng soi
Soi nhân gian từ thuở "nằm nôi"
Lang thang bao kiếp nổi trôi mộng đời.
Nghìn năm, non nước trùng khơi
Gót sen lặng lẽ bên đời nhân gian.



Phật Đản

NT. Siêu Liên

Nhơn ngày Phật Đản vui tươi,
Hai ngàn năm rưỡi năm mươi năm tròn.
Phật Ngài giáng xuống cung son,
Mùi hương Ưu-bát bay lan khắp cùng.
Tiếng ca vang dội chào mừng,
Tiếng đàn, tiếng sáo, hiệp chung nhịp nhàng.
Chư thiên cung điện các hàng,
Ca-tỳ-la-vệ hào quang rạng ngời.
Thế Tôn xuất hiện trong đời,
Thiên thần trời nhạc nơi nơi reo mừng.
Mười phương múa hát vang lừng,
Tân-già vũ khúc, Ca-lăng reo hòa.
Hát mừng chào đấng Thích-ca,
Từ Đâu-suất xuống Ta-bà độ sanh.
Trần gian nhuận thấm phúc lành,
Ca-tỳ-la-vệ kinh thành Phạn Vương.
Trống trời vang dội bốn phương,
Thiên nhân lớp lớp hiện đương đón chào.
Ba tầng nhân loại nôn nao,
Bước chân nhộn nhịp cùng nhau hướng về.
Trăng sao tỏa sáng tứ bề,
Hào quang chiếu diệu bốn bề muôn mầu.
Thiên vương đánh lễ khẩn cầu,
Thay cho nhân loại kính tâu Phật Ngài.
Cúi xin đức cả Như Lai,
Ban vui cứu khổ muôn loài ấm êm.
Trần gian chìm ngập đêm đen,
Rưới ban pháp vũ khêu đèn quang minh.
Nhận lời Ngài lại lặng thính,
Hướng về Lộc Uyển dâng trình khai duyên.
Pháp luân Phật chuyển đầu tiên,
Phục thù đệ tử anh em năm Thầy.
Kiều-trần-như huynh đệ đây,
Vâng lời chỉ giáo hiền bày pháp môn.
Từ đây Tam Bảo lưu tồn,
Nối truyền chánh pháp Thế Tôn không mờ.
Rạng ngời pháp vũ càng phô,
Hai mươi thế kỷ lá cờ nêu cao.
Chúng con chìm đắm ba đào,
Nương nhờ Phật lực cùng nhau lên thuyền.
Biển trần đau khổ triền miên,
Không nơi ngồi nghỉ lắm duyên tội tình.

Đạo vàng lớp lớp nương mình,
Tắm trong biển pháp vô minh xa rời.
Sang qua cảnh giới tuyệt vời,
Người người giải thoát đến nơi thanh nhàn.
Từ đây hết khổ tâm an,
Xiết tay ca khúc khải hoàn từ bi.
Tịnh xá Ngọc Long, 15.04.2006

Phật Đản

Ni trưởng Huỳnh Liên

Ngày xưa vào giữa tháng Tư,
Chúng sanh mừng đức Đại Tử cung nghinh.
Ngày nay kỷ niệm Đản Sinh,
Thiện nam, tín nữ lòng thành dâng hương.
Thông hòa thế giới mười phương,
Một lòng hướng thiện, một đường cần tu.
Giải oan, quên hận, dứt thù,
Thương yêu, cứu trợ, hòa nhu, tươi cười.
Vi đời, Đức Phật ra đời,
Vớt người mê đắm, cứu người khổ đau.
Hy sinh danh lợi sang giàu,
Vẹn nguyện tu niệm, quán bao phong trần.
Sáu năm ép xác, gây thân,
Năm năm tắm đạo, bước chân mỗi mòn.
Độ sanh bốn chín năm tròn,
Thân vàng dầu mỏn, lòng son chẳng đời.
Treo gương giải thoát soi đời,
Treo gương từ ái, dạy người từ bi.
Lợi sanh xả kỷ trường kỳ,
Siêu sanh độ thế huyền vi đạo tràng.
Tịch nhiên cứu cánh Niết-bàn,
Đưa người giác ngộ lên đàng tiêu diêu.
Đạo Từ quý báu cao siêu,
Giúp đời kể biết bao nhiêu cho cùng.
Nhân ngày Khánh Đản lễ chung,
Cùng trong Phật tử cùng đồng pháp môn.
Hiệp vẫy dưới bóng Từ Tôn,
Một lòng thành kính ghi ơn cao dày.

Phần “Sức mạnh” trong phẩm Gia chủ của *Kinh Tăng Chi Bộ III*, có đề cập đến tám loại sức mạnh, và trong đó có nói đến “Sức mạnh của vua chúa là uy quyền”. Quả thật vậy, ngai vàng và quyền lực là sức mạnh của những bậc đế vương.

Nếu vị vua mà không có uy quyền thì chẳng khác chi chiếc hình nộm được người khác thích đặt đầu thì đặt; hay như một cái xác không hồn, không sức sống đi qua, đi lại trước mặt mọi người để làm trò giải trí, tiêu khiển cho thiên hạ mà thôi. Cho nên dù là minh quân hay hôn quân, họ đều có sức mạnh, uy

ĐỨC PHẬT vị vua không ngai vàng

● TK. Giác Đoan



quyền đủ để khiến cho mọi người phải kiêng sợ và dè chừng. Tuy nhiên, trong cõi đời này lại có một vị vua không có một chút uy quyền, quyền lực trong tay, nhưng lại đủ khả năng nhiếp hóa mọi người, mọi loài, dù là Ma Vương hay Phạm Thiên.... đồng thời khiến cho ba cõi sáu đường trong tam thiên đại thiên thế giới đều kính phục, tôn xưng là thầy, vị vua ấy chính là đức Thế Tôn, bậc Chánh Biến Tri, một đấng Pháp vương vô thượng tôn nhưng không hề có được chiếc ngai vàng, điện ngọc.

Quyền lực và ngai vàng là những gì mà con người ao ước, mong muốn, tranh đoạt; đặc biệt là những người tham vọng, luôn muốn sở hữu để chi phối, điều khiển người khác phải tuân theo mệnh lệnh của mình, và thiết lập địa vị tối cao trong khu vực mà mình đang làm chủ. Không những thế, tâm tham vọng còn thúc đẩy sự tranh chấp, gây nên những thảm họa cho cuộc sống. Nhưng rốt cuộc sức mạnh và quyền lực ấy



lại là nô bộc trung thành cho chính cái tâm tham vọng, không biết đủ đang sai sử mình mà thôi. Như vậy, Đế vương tuy có ngai vàng, quyền lực trong tay nhưng vẫn còn bị chi phối bởi thất tình lục dục, bởi cái tâm tham lam, sân giận và si mê như trong Kinh Rathapala số 82 của *Trung Bộ II* đã từng khẳng định:

“Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt; Thế giới là vô hộ, vô chủ; Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả; Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái”.

Ngược lại, đức Thế Tôn không hề có chiếc ngai vàng nào nhưng lại làm chủ và nhiếp hóa được các tướng quân tham sân si độc hại kia. Ngài đã khẳng định bên cạnh sức mạnh của vua là quyền lực thì còn có những sức mạnh khác đáng được theo đuổi, tìm cầu hơn ngai vàng quyền lực, đó là sức mạnh cảm hóa của bậc Hiền Trí.

Khi còn là một Đông cung Thái tử nhất mực được cung chiều, được mọi người kính trọng, được vua cha tin tưởng tuyệt đối,

chuẩn bị kế nghiệp vua cha điều hành quốc gia dân tộc, nhưng Ngài vẫn sống trong sự bất an, lo lắng về hiện tượng sanh già bệnh chết của tự thân cũng như đối với xã hội nhân sinh, và cuối cùng, Người vứt bỏ tất cả để ra đi tìm cầu chân lý, tìm cái sức mạnh đủ khả năng làm chủ những bất an lo lắng của kiếp người và thoát ra khỏi sự chi phối của sanh lão bệnh tử.

Sau thời gian thực nghiệm đủ mọi phương pháp truyền thống hiện có trong tư tưởng xã hội Ấn thời bấy giờ như tứ thiên bát định, cho đến hành xác khổ hạnh, mà vẫn chưa đạt được ý nguyện, Ngài quyết định nỗ lực tu tập thiền định, và đã khám phá ra con đường làm chủ lấy chính mình, chiến thắng đội quân thiện chiến do Ma vương ba-tuần cùng các cô con gái xinh đẹp của ông ta quấy phá nhiễu loạn, để thiết lập nên vương quốc không lãnh thổ chủ quyền, không người cai trị, và đặc biệt là không hề có

được chiếc ngai vàng hay chút quyền lực nào. Từ đây vương quốc tinh thức, giác ngộ chính thức được khai mở, thành lập.

Sau khi khai lập vương quốc giác ngộ, con đường tinh thức đã được tuyên giảng rộng rãi cho nhân sinh, giúp cho mọi người thấy được con đường đi đến chân lý, con đường giúp cho đức Phật trong mỗi người được đản sinh như Ngài từng tuyên bố trong *Kinh Pháp Hoa*: *“Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành, nếu chúng sanh tinh tấn nỗ lực tu hành thì cũng sẽ thành Phật như ta vậy”*, và đã dạy trong *Đại Phẩm của Luật Tạng* rằng: *“Hãy đi! Hỡi các Tỷ-kheo, vì lợi lạc số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của loài Trời và loài người. Các người hãy đi,*



nhưng đừng đi hai người cùng một hướng. Hãy truyền bá đạo pháp, hỏi các Tỷ-kheo. Đạo pháp toàn thiện ở phân đầu, phân giữa cũng như phân cuối, cả trong ý tứ và lời văn, hãy tuyên bố về cuộc sống Thánh, toàn thiện và thanh tịnh...”

Như vậy, vì lòng bi mẫn đối với chúng sanh, vì Phật tánh trong mỗi sanh linh mà Ngài đã khuyến hóa, dùng sức mạnh của bậc Hiền Trí để cảm hóa nhân sanh, giúp cho người đời nhìn thấy ánh sáng giác ngộ tinh thức, tạo điều kiện cho hạt giống trí tuệ giải thoát được đâm chồi nảy lộc, phát triển trong nhân gian, để cho ai ai cũng đạt được chân hạnh phúc, sự thanh tịnh tối thượng như chính mình.

Trong vương quốc giác ngộ tinh thức của Ngài hoàn toàn vắng bóng giai cấp, mà chỉ có sự bình đẳng trong Pháp và Luật như được ghi lại trong Phẩm Atula Pahàràla, Chương Tám Pháp thuộc Kinh Tăng Chi Bộ III: “*Này Pahàràda, có bốn giai cấp: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phê-sá, Thủ-đà-la, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố này, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước và họ trở thành những Sa-môn Thích tử*”.

Không những vậy, tinh thần bình đẳng của Ngài còn được thể hiện qua lối sống lục hòa. Tinh thần này cũng được nhắc lại trong bài Tiểu kinh Rừng sừng bò - Cùlagosinga sutta - số 31 của Trung Bộ Kinh về đời sống hòa hợp giữa 3 Tôn giả Anuruddha, Nandiya và Kimbila.

Ở vương quốc giác ngộ, không phân biệt giàu nghèo, một khi đã gia nhập vào Tăng đoàn và là một vị Tỷ-kheo tu tập theo giáo pháp của Ngài đều có quyền biểu quyết như nhau, mà đặc biệt là Pháp Yết-ma để giải quyết những công việc chung của Phật giáo. Chính điều này đã làm nguyên phó vương Ấn Độ - Hầu Tước của Zetland - đã liên tưởng việc “Hệ thống nghị viện vay mượn từ Phật giáo” được ghi lại trong tác phẩm “*Phật giáo dưới mắt các nhà trí thức*” do Tỷ-kheo Thích Tâm Quang dịch:

“*Có thể chắc chắn là khuynh hướng về một chính phủ tự trị biểu lộ bởi những hình thức đa dạng của sự hợp tác nhận được từ sự thúc đẩy của Phật giáo về sự bác bỏ quyền hành của giới chức thầy tu và xa hơn nữa chủ thuyết bình đẳng của Phật giáo minh chứng bằng sự loại bỏ giai cấp đặc*

quyền. Quả nhiên về các sách Phật giáo, chúng ta phải thừa nhận đường lối trong những vụ điển hình lúc sơ khai về các cơ cấu đại diện tự quản trị được điều động. Có thể là một ngạc nhiên cho nhiều người biết rằng, trong các cuộc hội nghị của Phật giáo từ trên 2500 năm qua người ta đã thấy những hoạt động giống như ngày nay chúng ta thực thi tại nghị trường. Thẩm quyền trong hội nghị được bảo vệ bằng cách bổ nhiệm một giới chức đặc biệt như Viện trưởng đầu tiên trong Hạ nghị viện của chúng ta. Một giới chức thứ hai được bổ nhiệm để kiểm soát khi túc số cần thiết được bảo đảm, theo kiểu Nghị viện Chief Whip trong hệ thống của chúng ta. Một nhân viên phụ trách điều động dưới hình thức biểu quyết sau khi vấn đề được mang ra thảo luận. Trong một vài trường hợp vấn đề chỉ phải làm một lần, và đến ba lần trong các trường hợp khác, thủ tục tại Nghị viện đòi hỏi dự án phải được đọc lần thứ ba trước khi dự án này thành luật. Nếu cuộc thảo luận có những quyết định bằng đa số tuyệt đối trong một cuộc bầu phiếu kín”.

Mọi người đều có khả năng chứng Thánh quả, làm chủ vương quốc giác ngộ từ việc tu tập theo



giáo pháp ấy như nhau. Điều này đã làm một cuộc cách mạng giải phóng giai cấp, kiến lập vương quốc không giai cấp, không chủng tộc màu da sắc tướng, dù Âu, Á hay Phi... mà chỉ có chất liệu giải thoát, tự tại mà thôi.

Đồng thời ở đây còn có điểm đặc sắc hơn, lãnh thổ của vua Ba-tư-nặc hoặc các vương quốc khác đều chỉ có một chiếc ngai vàng cùng một vị vua cai trị; nếu chỉ cần thêm một vị quốc vương nữa thì ắt hẳn vương quốc ấy sẽ xảy ra biến cố và đem lại sự bất an lo lắng cho mọi người. Trái lại, vương quốc của sự giác ngộ càng nhiều vị vua tinh thức chừng nào thì vương quốc ấy lại càng được an vui chừng nấy. Cho nên giáo sư P.V. Bapat - nguyên Giáo sư Văn Hóa Ấn Độ Cổ đại; Pali và Phật học tại Trường Đại học Poona (Puna) và Trường Cao đẳng Fergusson, Poona - đã nhận định trong quyển "2500 Năm của Phật giáo":

"Chưa có một trang lịch sử nào của Phật giáo bị xóa nhòa bởi ánh sáng của ngọn lửa tòa án dị giáo hay bị bôi đen bởi làn khói dị giáo hay các nơi thị tứ vô tín ngưỡng bốc cháy, hay bị nhuốm đẫm với máu của các nạn nhân vô tội vì hận thù tôn giáo. Phật giáo chỉ dùng một thanh gươm, đó là gươm Trí tuệ và chỉ thừa nhận kẻ thù, đó là Vô minh. Đó là chứng tích của lịch sử không thể chối cãi được".

Quả thật như lời nhận định của giáo sư Bapat, vương quốc giác ngộ từ ngày kiến lập đã và chỉ có truyền bá con đường Trí tuệ để diệt trừ tướng soái Vô minh, chứ không hề truyền bá bằng con đường binh đao, hay tòa án dị giáo... để đi ngược lại với chủ trương đem Trí tuệ và Tình thương đến với nhân sanh mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy cho hàng Sa-môn Thích tử. Con đường mở rộng vành đai của vương quốc giác ngộ lại được chỉ đạo bởi vị tướng quân Tình thương, cùng thanh gươm Trí tuệ để đoạn trừ



phiền não ma quân của tướng soái Vô minh; một điều trái ngược hoàn toàn với cách các vị đế vương, lãnh chúa mở rộng biên giới bờ cõi bằng gươm đao, giáo mác cùng với máu và máu. Cho nên giáo sư Bapat mới nhận định như thế. Chính vì vậy, một nhà văn hào châu Âu đã nhận định về Ngài, được ghi lại trong tác phẩm "Phật giáo dưới mắt các nhà trí thức" rằng:

"Không có nơi nào trong thế giới tôn giáo, sùng bái và tín ngưỡng mà chúng ta có thể tìm thấy một vị giáo chủ chói sáng như thế! Trong hàng loạt các vì sao, Ngài là vì tinh tú khổng lồ, vĩ đại nhất. Một số các khoa học gia, triết gia, các nhà văn hóa đã tuyên bố về Ngài "Con người vĩ đại nhất chưa từng có". Ánh hào quang của vị Thầy vĩ đại này soi sáng cái thế giới đau khổ và tối tăm, giống như ngọn hải đăng hướng dẫn và soi sáng nhân loại".

Chính yếu tố hướng dẫn như ngọn hải đăng dẫn đường, soi sáng cho cái thế giới đầy khổ đau và tăm tối ấy đã tạo nên bản sắc, nét đặc thù của vương quốc giác

ngộ. Và cũng từ đây, chúng ta thấy được chủ trương, con đường, phương cách vận hành, cũng như những gì tinh túy nhất mà vương quốc giác ngộ mang lại cho nhân sinh. Cho nên, nhiều lần Tôn giả Ananda đã tán dương về sự vĩ đại của đức Thế Tôn rằng:

"Này Bà-la-môn, Đấng Thế Tôn ấy là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo".

Và để kết thúc vấn đề này, người viết xin mượn lời nói của Abdul Atahiya - một thi nhân Hồi giáo được ghi lại trong tác phẩm "Đức Phật dưới mắt các nhà trí thức" để diễn tả cái đẹp, cao quý nhưng lại khá bình dị và thú vị về hình ảnh của vị vua không ngai vàng:

"Nếu bạn muốn thấy người cao quý nhất của loài người, bạn hãy nhìn vị Hoàng đế trong y phục một người ăn xin; chính là Ngài đó, siêu phàm thánh tính của Ngài thật vĩ đại giữa con người". ■



Kính mừng Phật đản

Diệu Vi

Kính mừng ngày Phật đản sanh
Hào quang chiếu rọi an lành muôn nơi
Thế gian vang khúc nhạc trời
Sen vàng bầy đóa rạng ngời bước chân
Chúng con kính ngưỡng muôn phần
Pháp âm thâm diệu chuyên cần tu thân
Lặng lòng tưởng nhớ thâm ân
Diệu hương ngàn đóa hoa tâm dâng Người!

Cõi lòng quy kính

Như Linh

Vẳng tiếng ca dương Phật đản sanh
Suối nguồn tâm cảm diệu âm thanh
Trong veo với nước hương thơm ấy
Sở nguyện vui cùng chốn tịnh thanh.
Thị hiện phân thân hoặc hóa thân
"Nhất như" dung nhiếp thể vô ngân
Hồi quang phản chiếu thiên linh ngộ
Giáo hóa trời người hiển pháp thân.
Lục đạo luân hồi khổ tử sanh
"Vũ hoàn" mang trở nghiệp quần sanh
"Như Lai" chiếu diệu dòng sanh diệt
Bất biến tùy duyên khách lữ hành.
Diệu vợi đường mây đến cõi trần
Độ sanh như nguyện pháp thuận chân
Ta bà giáo chủ ôi từ phụ
Phổ chiếu từ quang khắp cõi trần.

Sắc hương vi diệu

Đặng Quang Đỉnh

Hương về "Diệu Pháp Liên Hoa"
Vi nhân duyên lớn Phật-đà ứng thân
Vô Ưu chờ đón siêu nhân
Bầy sen nâng gót tuyệt trần sắc hương
Vườn Lâm... tẩm nắng triều dương.
Ma Da thánh mẫu mừng thương con mình
Diêm-phù... thiện cảm cung nghinh
Phi cầm tấu thú, chuyển mình hân hoan.
Hoa rừng khê gọi "phong lan"
Nhụy hương cùng rộ, gió ngàn xa đưa
Tháng tư rằm chỗ xa xưa
Chu kỳ trở lại nhất thừa siêu nhiên.
Đất Nồng thanh nhả non thiên
Phúc sinh tròn kiếp nhân thiên kinh thờ
Dưới đài sen, cảnh trời thơ
Muôn tim "mặc tưởng" về giờ đản sanh.

Mừng ngày Phật Đản

Ngọc Châu

Trần thế hân hoan
Đón chào Phật đản
Nắng tươi xán lạn
Chim trời nhạc mừng.

Không khí tung bừng
Người người náo nức
Niềm vui lớn nhất
Đức Phật đản sanh.

Ban bố Pháp lành
Diệt mầm não trước
Chúng sanh hữu phước
Nương tựa cửa thiền.

Ngày tháng vui yên
Trong dòng sữa pháp
Chẳng còn tranh chấp
Triệt gốc đảo điên.

Thấu rõ nhân duyên
Tâm hồn an định
Nhờ Ngài trị bệnh
Các loại trầm kha.

Tham dục ái hà
Si mê chẳng ngộ
Phăng tìm tới chỗ
Diu đất chúng sanh.

Như đấng Cha Lành
Yêu thương con ruột
Cho từng loại thuốc
Trị dứt nguồn cơn.

Đạo chánh đường trơn
Cao sâu thâm diệu
Uyên nguyên thường chiếu
Linh hiển nhiệm mầu.

Pháp kết trần châu
Muôn màu rạng rỡ
Ưu Đàm rộ nở
Thanh tịnh thiêng liêng.

Thơm ngát vườn Thiền
Ngàn năm tỏa sáng
Hôm nay Phật Đản
Tưởng niệm thâm ân.

Cửa bậc Vi Nhân
Vi đời giáng thế
Đem hoa trí tuệ
Trồng khắp nhân gian.

Bủa ánh đạo vàng
Huyền vi giải thoát
Gieo mầm an lạc
Tạo quả Chân Như.

Chèo chống thuyền từ
Rước đưa tứ chúng
Đủ Bi – Trí – Dũng
Tướng tốt rạng ngời.

Để lại cho đời
Pháp môn tối thượng
Chúng con cung ngưỡng
Hết dạ chí thành.

24.4.2013

Mừng Phật đản

Minh Hành

Mừng ngày Phật đản ra đời
Trăm hoa đua nở đón mời hoan ca
Hiện thân giữa chốn ta bà
Trang nghiêm phước báu, khai hoa đại tử.

Từng bước gót ngọc vô tư
In dấu lịch sử bầy chữ vẫn tươi
Đức Ngài tỏa sáng không lời
Trần gian năm tháng không vơi ân tình.

Hoa Vô Ưu vẫn còn in
Như điểm báo trước anh linh hiển bày
Ca-tỳ-la-vệ lúc này
Rộn ràng khánh đản đức Ngài nơi nơi.

Muôn hoa rạng rỡ nụ cười
Chư thiên ca ngợi đón mời dân sanh
Lời ca khúc nhạc trong lành
Vạn tình thấm đượm, trời xanh mây hồng.

Ai người con Phật nổi lòng
Dấu son lịch sử vẫn còn khắc ghi
Đức ngài tỏa sáng vô nghi
Ngàn năm còn động không gì nhạt phai.

Rằng ai trong giấc mộng say
Nhớ ơn Từ Phụ tạo dày đức tu
Mây lành tỏa sáng êm ru
Thế giới hạnh phúc, tâm tư an hòa.

Mừng ngày Phật đản hoan ca
Nhớ ơn Từ Phụ hiện thân độ trần
Vui thay trong cõi trần hoàn
Phật pháp tỏa sáng, âm vang nhiệm mầu.



SỰ BÌNH DỊ CỦA ĐỨC ĐẠO SƯ trong Kinh Thánh Cầu

• Chân Nguyên

Đức Phật là bậc Thầy của trời người, là tấm gương cho vô số chúng sinh noi theo tu học, hành trì để đạt đến hạnh phúc an lạc. Mỗi cử chỉ, lời nói, ngay cả sự yên lặng của Ngài đều mang ý nghĩa cao đẹp, đều là bài học tuyệt vời cho chúng sinh. Tuy thế, cuộc đời của Ngài rất bình dị, rất thân thương. Điều bình dị của Đức Thế Tôn, nói không bao giờ cạn lời, chỉ trong Kinh Thánh Cầu (*Ariya-pariyesanà Sutta*), bài kinh số 26, thuộc *Kinh Trung Bộ*, cũng đủ cho chúng ta chiêm ngưỡng hình ảnh của đấng Đạo Sư sao mà thiêng liêng cao cả, sao mà gần gũi triu mến! Điều này càng truyền thêm năng lượng tinh tấn, tự tin cho chúng ta hơn vì con đường Ngài đi đạt đến mục đích giải thoát, và hôm nay chúng ta bước đi trên con đường này cũng sẽ đến mục đích ấy.

Thật cảm động dường nào khi chúng ta hình dung hình ảnh đấng Đại Giác bằng xương bằng thịt qua lời kể của Tôn giả Ananda: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang lưu trú tại Tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana), thành Xá Vệ (Savatthi). Như thường lệ, buổi sáng hôm ấy, trong lúc Đức Thế Tôn và Tôn giả Ananda đắp y, ôm bát chuẩn bị vào thành khát thực, có một số Tỷ kheo đến chỗ Tôn giả Ananda thưa rằng: “*Hiền giả, đã từ lâu, chúng tôi chưa tận mắt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Lành thay, nếu Hiền giả có thể giúp chúng tôi được tận mắt nghe Thế Tôn thuyết pháp.*” Hẳn là Tôn giả Ananda, vị



thị giả hoan hỷ, ngày đêm cận kề Đức Phật có thể sắp xếp thời gian và giúp cho chư vị Tỳ-kheo ngay. Tôn giả đáp: “Các huynh hãy đến khu vườn của Bà-la-môn Rammaka, chiều nay tôi sẽ thỉnh Đức Thế Tôn đến đây để thuyết pháp cho các huynh.” Các vị Tỳ-kheo vô cùng sung sướng, sau khi đi khất thực, về khu vườn của Bà-la-môn Rammaka thọ thực, nghỉ ngơi và chờ đợi.

Rồi Đức Thế Tôn khất thực ở Savatthi. Thọ thực xong, trên con đường trở về, Ngài gọi Tôn giả Ananda: “Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbarama (Đông viên), ngôi lâu của Migaramatu (Lộc Mẫu Giảng Đường) để nghỉ trưa.” Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Buổi chiều, sau khi xả thiền, Đức Thế Tôn đứng dậy và gọi Tôn giả Ananda: “Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbakotthaka để rửa tay, rửa chân.” Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ananda theo sau Thế Tôn đi đến Pubbakotthaka để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân xong, Thế Tôn leo đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô.

Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda mới bạch với Ngài: “Bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka thật khá áy, khá lạc, không xa nơi đây, có nhiều vị Tỳ-kheo muốn được tận mặt dành lễ và nghe Ngài thuyết pháp. Lành thay, nếu Thế Tôn vì lòng từ bi đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka!” Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thế Tôn đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka. Khi ấy bên trong chư Tỳ-kheo đang lắng nghe thuyết pháp. Thế Tôn đứng chờ ngoài cửa cho đến khi thuyết pháp xong. Khi biết cuộc thuyết pháp đã xong, Ngài liền dâng hăng và gõ vào thanh cửa. Các Tỳ-kheo mở cửa cho Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bước vào tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka và ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: “Các thầy đang nói về chuyện gì vậy? Ta vào đã làm câu chuyện gì của các thầy gián đoạn?” Bạch Thế Tôn: “Chúng con đang bàn về câu chuyện của Đức Thế



Tôn và câu chuyện ấy bị gián đoạn khi Thế Tôn đến.” Đức Phật hoan hỷ tán thán: “Lành thay, các thầy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cùng nhau hội họp để luận bàn đạo pháp. Các thầy cần biết, khi ngồi lại với nhau, có hai việc cần phải làm, đó là luận bàn đạo pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.”

Đọc vào đoạn mở đầu này, tưởng chừng như chúng ta đang có mặt nơi ấy. Ngài là bậc Chí Tôn, là bậc Thánh trọn lành nhưng những việc bình thường trong ngày không khác gì chúng ta cả - đi khất thực, thọ thực, nghỉ trưa, ngồi thiền, xuống hồ rửa chân tay, phơi tay chân cho khô. Hình ảnh của đấng Từ Tôn bước vào vùng trời tâm thức của chúng ta thật hết sức dung dị, thân thương! Nhất cử nhất động đều trong chánh niệm, bình dị, nhẹ nhàng, thanh cao, tịch tĩnh lạ thường. Đến vườn Bà-la-môn Rammaka rồi, nhưng nghe bên trong đang thuyết pháp, thế là Ngài yên lặng đứng bên ngoài chờ. Khi biết thời pháp tạm dừng, Ngài tăng hăng và gõ cửa bước vào. Ôi, cung cách của bậc Giáo chủ đây! Đọc đến đây, tâm thức chúng ta chấn động không tả. Không kèn không trống, không hương trầm đèn hoa lễ rước, lặng lẽ và lặng lẽ trang nghiêm. Mọi hình thức phong nghi vắng bóng

nơi đây, chỉ có chân tình mộc mạc, triu mến của thầy đến thăm các học trò, của cha đến thăm những đứa con.

Nghe chư Tỳ-kheo bảo rằng câu chuyện họ bàn về Đức Thế Tôn bị gián đoạn, Ngài khéo léo kể lại câu chuyện cuộc đời của mình. Trước khi kể về dòng sử này, Ngài lại thiện xảo nhấn mạnh hai loại tâm cầu mà người trong thế gian đang miệt mài đi tìm. Đau khổ và hạnh phúc đều phát sinh từ đó.

Này các thầy, có hai loại tâm cầu, đó là Thánh cầu và phi Thánh cầu.

Các thầy có biết thế nào là phi Thánh cầu chăng? Chính là có người tự mình bị sanh lại tâm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Thế cái gì theo các thầy gọi là bị sanh? Đó là vợ con, đầy tớ nam, đầy tớ nữ, dê cừu, gà heo, voi bò, ngựa, vàng bạc là những cái bị sanh. Phần lớn con người ta muốn có những cái bị sanh ấy, giữ gìn chúng, tham đắm mê say chúng. Thật đúng là tự mình bị sanh lại còn tìm cầu cái bị sanh. Thế cái gì được gọi là bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm? Cũng tương tự thế, đó là vợ con, đầy tớ nam, đầy tớ nữ, dê cừu, gà heo, voi bò, ngựa, vàng bạc là

những cái bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm. Nhưng con người ta muốn có những cái bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm, giữ gìn chúng, tham đắm mê say chúng. Sự tìm cầu như thế gọi là Phi Thánh cầu.

Thế nào là Thánh cầu? Có những người sáng suốt, biết rõ tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu khổ, nhiều uế trước và biết rõ sự nguy hại của chúng nên đã đi tìm cầu cái không sanh, cái không bị già, cái không bị bệnh, cái bất tử, cái không bị sầu khổ, cái không ô nhiễm, cái vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Như thế được gọi là Thánh cầu.

Và tiếp đến, Ngài không ngăn ngại kể rõ lại cuộc đời của mình từ lúc xuất gia đến lúc đạt thành Đạo Quả Chánh Giác: “Thuở ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, vẫn còn là Bồ tát, ta cũng tâm cầu cái hữu hạn, thấp kém kia vậy. Tự ta đã bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm, lại còn đi tìm cầu cái tương tự như thế. Ôi, khổ này chồng thêm cái khổ kia. Sau một thời gian, nhận rõ tự mình đang bị vây khốn lắm cái khổ, sự nguy hại của chúng, ta quyết định xuất gia đi tìm cầu những điều bậc Thánh tâm cầu. Thuở ấy ta vẫn còn trẻ, tóc đen nhánh, sức khoẻ tuổi thanh xuân, cuộc sống quyền quý vàng son, vợ hiền, con ngoan, cha mẹ thân dân thương mến. Nhưng ta quyết rời bỏ những ràng buộc ấy mặc cho cha, mẹ, vợ, mọi người không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc thảm thiết”.

Sự từ bỏ cuộc sống vương giả để đi xuất gia cũng vì những điều hết sức đời thường, thường đến nỗi, mọi người trên đời này cho đấy là chuyện tự nhiên, chuyện tất yếu, không cần phải bận tâm. Thế nhưng, cái bình thường mọi người không quan tâm lại khiến Ngài quan tâm. Tại sao chúng sinh lại bị sanh, lão, bệnh, tử, sầu bi, ô nhiễm gặm nhấm từng phút giây? Tại sao có khổ? Làm sao cho nhân loại và chúng sinh không còn khổ?

Ngài cũng có một gia đình,



bên cạnh những người thân, cha, mẹ, anh em, vợ con, thân bằng quyến thuộc. Tình cảm con người trong Ngài vẫn hiển hiện khiến Ngài lần lữa chưa dứt sợi tơ tình. Khi Ngài tỏ ý muốn ra đi tìm chân lý, phụ vương Tịnh Phạn, hoàng hậu Ma-ha-ba-xà-ba-đề, người bạn đời kiều diễm - trẻ trung, hầu trai, tớ gái, quyến thuộc, quần thần khóc lóc thảm thiết “nước mắt đầy mặt,” không muốn cách xa Ngài. Tình cảm gia đình thật sâu nặng biết bao! Sợi tơ tình ấy vương vúi trong mọi mảnh đời của chúng sinh trên trần thế hết kiếp này đến kiếp khác. Biết bao cuộc phân ly vì chiến tranh, vì bốn phận, vì sự nghiệp, vì bệnh tật, vì chết chóc, vì...và vì... đã gom nước mắt kia nhiều hơn nước ngoài đại dương mênh mông.

Thế nhưng, nước mắt của chúng sinh trong ba cõi sáu đường mới làm tim Ngài nhói buốt hơn. Tiếng gọi tha thiết cầu xin cứu khổ của chúng sinh mới chấn động tâm can của Ngài hơn. Sự u minh mê muội khiến chúng sanh mãi sa lầy trong chốn phiến não luân hồi kia mới làm Ngài ưu tư hơn. Bởi lòng yêu thương chúng sinh, vì lòng từ bi vô biên đối với chúng sinh nên quên tình riêng, hy sinh cho tình nhân loại, chúng sinh. Quả thật, Ngài không phải một vị

Trời hóa sanh, cũng không phải là Thượng Đế hay đấng mặc khải nào. Ngài là một chúng sanh, là một con người, nhưng là con người phi thường (*accariya mamussa*), con người cao thượng bậc nhất (*purisuttama*). Hình ảnh cao đẹp ấy không khác nào đoá sen mọc từ trong bùn nhơ, vượt ra khỏi mặt bùn và không bị hôi tanh mùi bùn. Ngài sanh từ thế giới vui ít khổ nhiều này, sống trong thế giới vô minh nhưng không bị ô nhiễm bởi thế giới này. Hình ảnh bậc trí vung gươm tuệ cắt đứt sợi dây ái luyến là như thế.

Cũng như bao hành giả lúc bước những bước đầu tiên trên con đường tu tập, mặc dù nhiệt huyết dâng trào song cũng đan xen một chút do dự, một chút cân nhắc, Ngài tìm đến học đạo với thầy Alara Kalama. Sau một thời gian học mà không thấy đến gần mục đích của mình: “Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ”. Ngài ra đi. Ngài lại đến học đạo với thầy Uddaka Ramaputta, cũng như vị thầy trước, không tìm thấy mục đích của mình, Ngài lại từ biệt.



Chúng ta hãy lắng nghe lời kể từ chính kim khẩu của đấng Đạo Sư:

“Này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuân tự du hành tại nước Magadha (Ma kiệt đà) và đến tại tụ lạc Uruvela (Ưu lâu tân loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: “Thật là một chỗ vừa đủ cho một Thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn”. Và Đức Đạo Sư trú tại đây quyết chí tu tập cho đến ngày viên thành quả mãn.

Ngài suy tư và hiểu rõ: Ta tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết bị sâu, bị ô nhiễm; sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sâu, bị ô nhiễm, Ta tìm cầu cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu, không bị ô nhiễm vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu, không bị ô nhiễm vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và tri kiến khởi lên nơi Ta. Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.

Sau khi chứng quả Chánh

Đẳng Chánh Giác, Ngài suy nghĩ: Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý *Idapaccaya ta Paticcasamuppada* (Y Tánh Duyên Khởi Pháp); sự kiện này thật khó thấy; tức là sự tịch chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thì như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bức mình cho Ta! Với những suy tư như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, Phạm thiên Sahampati khi biết được tâm tư của Đức Đạo Sư, liền suy nghĩ: “Than ôi, thế giới sẽ tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp”. Thế rồi, Phạm thiên Sahampati, biến mất từ thế giới Phạm thiên, và hiện ra trước mặt Ta, chấp tay hướng vái Ta và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe, những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp.

Sau khi nghe Phạm thiên thỉnh cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhân, Ta nhìn quanh thế giới. Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Như trong hồ có nhiều loại sen xanh, sen hồng, sen trắng, có hoa sen còn ở trong nước, có hoa đã vươn tới mặt nước, hoặc đã vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước dầm ướt. Khi ấy, Ta nói với Phạm thiên Sahampati:

Cửa bất tử rộng mở, cho những ai chịu nghe.

Hãy từ bỏ tín tâm, không chính xác của mình.

Tự nghĩ đến phiên toái, ta đã không muốn giảng,

Tôi thương vi diệu pháp, giữa chúng sanh loài Người.

Từ đây, Ngài khởi đầu sự nghiệp 45 năm hoàng pháp. Ngài quán sát người đầu tiên có thể lãnh hội giáo pháp của Ngài là 2 vị thầy năm xưa - Alara Kalama, Uddaka Ramaputta, nhưng cả hai đều mới mệnh chung. Ngài nghĩ đến nhóm năm Tỷ-kheo từng hầu hạ khi Ngài nỗ lực tinh cần tu khổ hạnh đang ở vườn Lộc Uyển, Isipatana, Baranasi.

Trên đường giữa cây Bồ-đề và Gaya, Ngài gặp một ngoại đạo tên là Upaka. Upaka hữu duyên là người đầu tiên gặp Đức Thế Tôn sau khi Ngài đắc Chánh Đẳng Giác. Upaka cũng thật sáng mắt nhận ra Đức Thế Tôn chẳng phải thường nhân nên cất tiếng hỏi:

“Các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết. Này Hiền giả, vì mục đích gì, Hiền giả xuất gia? Ai là bậc Đạo Sư của Hiền giả? Hiền giả hoan hỷ thọ trì pháp của ai?”

Câu trả lời bằng bài kệ của Đức Thế Tôn thật tuyệt diệu về cả ngữ nghĩa:

“Ta, bậc Thắng tất cả; ta, bậc

Nhất thiết Trí.

Hết thầy pháp, không nhiệm, hết thầy pháp, xả ly.

Ta sống chân giải thoát, đoạn tận mọi khát ái.

Như vậy Ta tự giác, còn phải y chỉ ai?

Ta không có Đạo Sư, bậc như Ta không có.

Giữa thế giới Nhơn, Thiên; không có ai bằng Ta.

Bậc Ứng Cúng trên đời, bậc Đạo Sư vô thượng.

Tự mình Chánh Đẳng Giác, ta an tịnh, thanh thoát.

Để chuyển bánh xe Pháp, ta đến thành Kàsi.

Giống lên trông bất tử, trong thế giới mù lòa.

Như Ta, bậc Thắng giả, những ai chứng lậu tận,

Ác pháp, Ta nhiếp phục, do vậy, Ta vô địch.

Nhưng Upaka quả là kẻ vô duyên, diện kiến bậc Thầy dung mạo phi phàm như thế, nghe những lời vi diệu như thế, vẫn không cảm chút đư chấn nào.

Đức Thế Tôn tiếp tục lên đường đến Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển. Gặp lại năm Tỷ-kheo, sau khi được Đức Thế Tôn thuyết giảng, khuyến giáo, “*tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết bị sâu, bị ô nhiễm; sau khi biết rõ sự nguy hại của chúng, họ tìm cầu và chứng được cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu, không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và tri kiến khỏi lên nơi họ: “Sự giải thoát của ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.”*

Đức Thế Tôn lại giảng cho họ nghe về sự nguy hiểm của năm dục: “*Đó là các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức, các hương do mũi nhận thức, các vị do lưỡi nhận thức, các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục,*



hấp dẫn. Đây là năm dục luôn thách thức, mời gọi, lôi kéo chúng sinh đi vào con đường xấu ác. Những ai bị năm dục trôi buộc, bị tham đắm, mê say, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết lia bỏ chúng, thọ dụng chúng, họ thật là những người bất hạnh, đã bị ác ma điều khiển. Họ giống như con nai sống trong rừng bị sập bẫy. Con nai gặp bất hạnh, gặp tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn. Tuy nhiên những ai không bị năm dục làm cho điên đảo, thấy sự nguy hại của chúng, biết lia bỏ chúng, không thọ dụng chúng, họ thật hạnh phúc, không gặp tai họa, không bị ác ma điều khiển. Cũng như con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy, không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn”. Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn”.

Tiếp tục, Ngài dạy đến chín tầng thiên quán: “*Nếu ai chứng, dấu tầng thiên thấp nhất vẫn được gọi là vị đã làm mù mắt ác ma, đã xóa sạch mọi vết tích, đã vượt khỏi tâm mắt ác ma. Cũng ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, đứng, ngồi, nằm bởi vì nó vượt khỏi tâm mắt của người thợ săn”.*

Với Đức Thế Tôn, tự tình tấn, không thầy chỉ dạy, Ngài đạt tới trí tuệ cao thượng. Nay bằng ngôn

ngữ bình dân, ví dụ dễ hiểu, Ngài đã mở con mắt pháp cho những vị đệ tử đầu tiên của mình. TỬ BI - TRÍ TUỆ kết tinh nên Ngài, nên giáo pháp của đạo Phật. Đọc trong kinh tạng Nguyên Thủy, bằng bạc khắp mọi trang giấy, sừng sững hiển hiện trước mắt chúng ta một vị Phật, một bậc Toàn Thắng với hình ảnh vô cùng sống động, một đấng Thiên Nhơn Sư như một con người, một đức Đạo Sư rất gần gũi, thân thiện như người cha hiền kính mến, khiến lòng cung kính, thương yêu đức Từ Phụ trong chúng ta trào dâng vô bờ bến.

Ngài là vị Thầy vô tiền khoáng hậu hướng dẫn cho đệ tử tu tập bằng sự tự giác cá nhân, không do ảnh hưởng tác động của bất cứ động lực nào từ bên ngoài. Ngài chỉ có nhiệm vụ giảng giải cho hậu nhân nhận thức được - *tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết bị sâu, bị ô nhiễm; sự nguy hiểm của chúng và tìm cầu và tự thực chứng được cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu, không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn, và rời khỏi lên tri kiến: “Sự giải thoát của ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.”* Kết quả chậm hay mau, có hay không là do mỗi hành giả vậy. Đây cũng chính là ý nghĩa “*hãy nương tựa nơi mình. Như Lai là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành”.*

Điều giản dị, Đức Thế Tôn nhận chân, làm sao thoát khỏi sinh lão bệnh tử, sâu khổ, ô nhiễm, nhưng quá trình thực tập, chiến đấu với chính mình đầy cam go nhằn nại mới đạt đến mục đích. Cũng thế, Ngài dạy lại điều giản dị ấy cho hậu học, nhưng thể hội thực hành lại là chuyện không đơn giản chút nào. Mỗi cá nhân phải tự tình tấn, nhằn nại, tri giới, thiên định để chứng đạt quả không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu khổ, không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn ấy. ■

Thái tử Tất-đạt-đa được sinh ra và lớn lên như bao nhiêu người khác. Song, ngay từ nhỏ, Ngài đã tỏ ra là một con người hòa nhã, biết kính trọng và thương yêu tất cả mọi người, yêu quý mọi loài. Ngài là một hoàng thái tử, được sống trong cung vàng điện ngọc, nhưng gấm cao sang, được sự thương yêu, chăm sóc của phụ thân và di

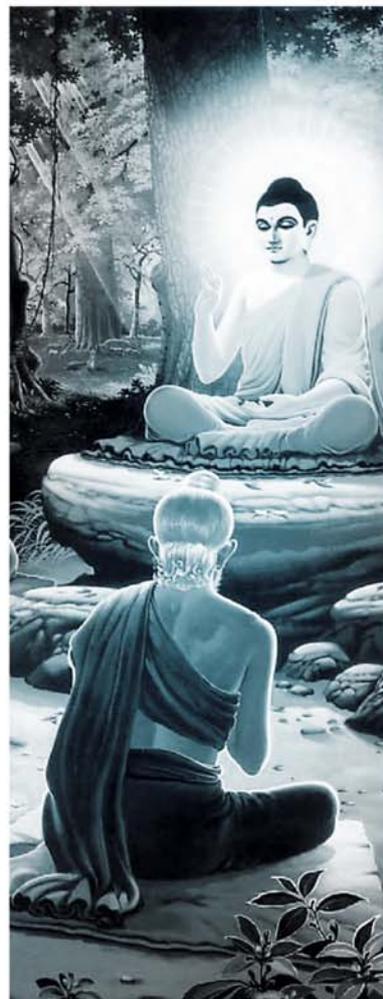
bỏ tất cả những thú vui tầm thường, những danh lợi phù hoa của cuộc sống, quyết chí ra đi theo tiếng gọi của lòng từ bi, ra đi vì lý tưởng, vì hạnh nguyện độ sanh. Phải là một người có lý tưởng cao cả, có hạnh nguyện rộng sâu và có ý chí kiên cường mới có thể ra đi được như thế.

CẢM NIỆM ngày Phật đản sanh

● Minh Nguyên

Sự ra đời của Thái tử Tất-đạt-đa là niềm hạnh phúc vô cùng lớn lao của hoàng tộc Sakya, của nhân dân thành Ca-tỳ-la-vệ lúc bấy giờ, và cũng là niềm diễm phúc vô hạn cho tất cả chúng ta, những người đệ tử của đức Phật, những người nguyện đi theo con đường chơn chánh mà Ngài đã chỉ dạy.

mẫu, lại có cả kẻ hầu người hạ. Và sau này Thái tử còn có thêm vợ đẹp con thơ. Có thể nói rằng, cuộc sống của Ngài rất hạnh phúc, một cuộc sống mà bao nhiêu người hằng mơ ước nhưng không thể nào có được. Thế nhưng, khi nhận thấy được sự thật khổ đau của kiếp sống, Ngài đã lặng lẽ ra đi để tìm nguồn hạnh phúc chơn thường cho mình và cho tất cả chúng sanh. Ngài đã giữ





Bước đường tìm đạo vô cùng gian nan. Thời gian đầu, Ngài đã đi từ nơi này sang nơi khác để học đạo với các vị danh sư thời bấy giờ. Nhưng rồi Ngài vẫn chưa tìm thấy được chân hạnh phúc từ các vị danh sư ấy. Thế là không còn cách nào khác, Ngài phải tự mình khám phá, tự mình tư duy, tự mình thử nghiệm các phương pháp tu tập để tìm ra ánh đạo. Thời gian này càng gian lao hơn nữa. Có lúc Ngài thực tập phương pháp khổ hạnh đến nỗi chỉ còn da bọc xương và một ngày kia Ngài đã ngã quy bên vệ đường nhưng vẫn chưa thấy được ánh đạo. Sau đó, Ngài quyết định thay đổi pháp tu, trở lại ăn uống bình thường và thực tập thiền định. Thực tập thiền định cũng không dễ, bao nhiêu nội ma ngoại chướng cứ quấy rối mãi. Ngài phải chiến đấu với các thứ ma ấy trong từng giây từng phút, hết ngày này qua ngày khác. Bằng ý chí kiên cường và sự sáng suốt

của mình, vào lúc sao Mai mọc, Ngài đã cảm nhận được niềm hỷ lạc vô biên, chứng được đạo quả giác ngộ, thấy được chân lý nhiệm mầu. Giây phút ấy quả là vô cùng thiêng liêng và hệ trọng đối với Ngài, cũng như đối với hàng triệu người con Phật. Vậy là từ một vị hoàng tử, Ngài đã trở thành một đức Phật, một bậc thầy cao cả của muôn loài chúng sanh. Sự thành đạo của Ngài đã đánh dấu một mốc son vô cùng quan trọng trong lịch sử nhân loại.

Với lòng thương yêu vô hạn đối với muôn loài chúng sanh, với hạnh nguyện cứu khổ độ sanh, Ngài đã chuyển vận bánh xe chánh pháp. Ngài giảng dạy không biết mệt mỏi. Những lời Ngài nói ra vô cùng giá trị, và làm cho người nghe cảm nhận được sự thay đổi trong từng huyết mạch, từng tế bào của cơ thể. Những lời dạy của đức Phật đã làm thay đổi nếp nghĩ, lối sống của người nghe

theo chiều hướng tích cực và hướng thượng. Ngài không chỉ truyền dạy bằng ngôn từ, mà còn truyền dạy bằng cả tấm lòng và bằng sự chứng nghiệm, bằng sức mạnh tâm linh cũng như bằng cuộc sống hiện thực sinh động của Ngài. Chính vì vậy, con đường hoàng pháp của Ngài đã tạo nên sức mạnh lớn lao, tác động vào sâu trong tâm thức của người nghe.

Chính nhờ những lời dạy của Ngài, nhân loại có thể nhìn nhận một cách sâu sắc hơn về sự thật đau khổ của cuộc sống, biết được nguyên nhân của sự đau khổ ấy và cũng đã biết được con đường để có thể đi ra khỏi khổ đau. Những lời đức Phật dạy đã giúp cho nhân loại nhận thấy được quy luật vận động và biến đổi của vũ trụ và nhân sinh, để rồi từ đó tạo dựng một cuộc sống phù hợp với những quy luật ấy, nhằm đem lại an lành và hạnh phúc cho cuộc sống hiện tại cũng như tương lai. Cũng

chính Ngài đã đề cao tính bình đẳng trong xã hội, không phân biệt hay kỳ thị chủng tộc, giai cấp, địa vị xã hội. Để thể hiện tính bình đẳng ấy, Ngài đã thuyết pháp cho tất cả mọi người, đối xử bình đẳng với tất cả mọi người và thương yêu tất cả, dù là vua, quan hay là người cùng đinh cũng được đức Phật đối xử như nhau. Trong Tăng đoàn của Ngài, Ngài đã thu nhận tất cả mọi tầng lớp, mọi thành phần của xã hội, từ hoàng thân quốc thích cho đến những người tiện dân, từ người có uy tín đến những phạm nhân, cả nam lẫn nữ đều được nhận vào làm đệ tử của Ngài. Hơn thế nữa, Ngài còn khẳng định: *“Tất cả mọi loài chúng sinh đều bình đẳng với nhau, đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật”*, hoặc: *“Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có giai cấp trong dòng nước mắt cùng mặn”*. Nhờ vậy mà xã hội Ấn Độ thời bấy giờ đã bớt đi sự kỳ thị giai cấp, kỳ thị chủng tộc, phân biệt địa vị xã hội. Và ngày nay, tư tưởng bình đẳng trong xã hội vẫn còn nguyên giá trị.

Không chỉ có thế, Ngài còn nhắc nhở mọi người phải biết hoàn thành tốt bốn phận và trách nhiệm của mình. Làm con thì phải hiếu thảo với cha mẹ, phải phụng dưỡng cha mẹ và hướng dẫn cha mẹ sống một cuộc sống hiền lương. Ngài luôn luôn đề cao hạnh hiếu của đạo làm con. Ngài khẳng định: *“Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật. Gặp thờ không có Phật, khéo thờ cha mẹ chính là thờ Phật vậy”*. Chính Ngài là người đã nêu gương hiếu hạnh cho chúng ta noi theo. Ngài đã thuyết pháp giáo hóa cho Hoàng hậu Ma-da trên cung trời Đao Lợi để cho hoàng hậu được thêm phần phước lợi và có cơ hội thực tập giáo pháp để chuyển hóa. Ngài đã trở lại hoàng cung để hóa độ vua cha. Hơn thế trong những giờ phút cuối cùng trên cõi đời,



Ngài đã giảng giải thêm giáo pháp, để dẫn dắt vua cha từ Sơ quả chứng nhập thánh quả A-na-hàm. Và khi vua cha mất thì chính Ngài đã phụ một vai trong việc tiễn đưa linh cữu của vua cha đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Bên cạnh những người đệ tử xuất gia, sống đời phạm hạnh, phần lớn những người đi theo đức Phật là những người tại gia, mang trên vai nhiều gánh nặng gia đình cùng với những mối quan hệ phức tạp trong xã hội. Chính vì vậy đức Phật đã chỉ dạy những phương pháp cụ thể về vấn đề hoạch toán kinh tế, vấn đề chi tiêu, việc ứng xử trong các mối quan hệ xã hội,... Nhờ những lời dạy này mà người Phật tử có thể tạo lập cho mình một mái ấm gia đình, một cuộc sống hạnh phúc.

Ngài đã chỉ dạy rất nhiều vấn đề, nhưng có một vấn đề hết sức đặc biệt mà các vị giáo chủ của các tôn giáo khác không thể có được,

đó là Ngài không bao giờ tự đề cao chính mình. Ngài nói rằng, Ngài chỉ là vị lương y bốc thuốc cho người bệnh, muốn lành bệnh thì bệnh nhân phải tự uống thuốc; Ngài chỉ là một vị thầy chỉ đường, muốn đến được đích thì mọi người phải đi bằng chính đôi chân của mình. Ngài không phải là đáng toản năng, không thể ban phước hay cứu rỗi cho mọi người. Ngài cũng là một người bình thường như mọi người, chỉ có điều là Ngài đã nhận thấy được chân lý của cuộc đời, vượt ra ngoài những hệ lụy của cuộc sống. Nếu thực tập theo con đường Ngài đã chỉ dạy thì mọi người cũng đạt được những gì Ngài đã đạt được mà thôi. Tự thân mỗi người phải có trách nhiệm với chính mình, phải tự hoàn thiện mình, tự cứu lấy mình chứ không ai có thể làm thay được.

Những lời dạy của Ngài đã thổi vào nhân loại một luồng sinh khí mới, làm cho mọi người cảm thấy tự tin hơn, thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, và đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân sinh, làm khơi dậy tính thiện, đánh thức lương tâm nơi mỗi người, khiến cho họ biết bỏ ác làm lành, sống một cuộc sống hiền thiện, có ích cho mình, cho gia đình và cho xã hội.

Ngài là một con người vĩ đại, một con người tuyệt vời. Sự ra đời của ngài vô cùng có ý nghĩa đối với những người Phật tử nói riêng và đối với toàn thể nhân loại nói chung. Nếu Ngài không ra đời, nếu không có những lời dạy của Ngài thì có lẽ là chúng ta còn đau khổ và lảm than hơn nhiều. Để thể hiện lòng biết ơn vô hạn, lòng quy kính vô biên đối với bậc Đạo sư, chúng con nguyện một lòng quy kính Ngài và sống đúng theo những lời Ngài đã dạy cho chúng con. Đây là tâm hương của chúng con kính dâng lên Đức Từ Phụ nhân dịp kỷ niệm ngày đản sanh của Ngài. ■



ĐỌC CHƠN LÝ “Bát chánh đạo”

(Tiếp theo)

● TT. Minh Thành Ph.D

Chánh văn:

4. Sự làm chơn chánh cho
hạp lẽ chánh chơn thật”.

Đây là chi BCD liên quan với nghiệp hay sự làm mà *Chơn Lý* gọi là việc làm. Việc làm theo *Chơn Lý* là phải “*đừng tham sân si, nên đi xin ăn*”. Thông thường và căn bản thì chánh nghiệp được định nghĩa là

không sát sanh, không trộm cắp, không gian dối, không tà hạnh, và giúp đỡ người khác sống an vui, tịnh lạc. Chánh nghiệp được xếp vào phạm trù đạo đức, là nền tảng không thể thiếu để đạt đến những quả vị tâm linh cao thượng hơn. Nhưng ở đây, Chánh nghiệp được *Chơn Lý* cụ thể hóa thành “*nên đi xin ăn*”; người đọc cảm thấy có mức độ nào đó thuộc về Chánh mạng.

Có thể đây là do từ “nghiệp” trong tiếng Việt hay đi chung với từ “nghề” để tạo nên từ kép “nghề nghiệp”, có nghĩa là làm một việc gì thường xuyên và quen thuộc để kiếm sống. Một mặt, Chánh nghiệp thuộc phạm vi của hành động, hoạt động, hay hành vi; khác với Chánh mạng thuộc phạm vi làm để kiếm sống, để nuôi thân và gia đình. Mặt khác, phạm vi của

ngiệp có phần giao thoa với phạm vi của mạng khi cả hai đều liên quan đến hành động hay hoạt động.

Cũng như những chi BCD đã đề cập ở trên, Chánh nghiệp cũng có hai loại, hữu lậu và vô lậu; đồng thời cũng có Chánh kiến, Chánh tinh tấn và Chánh niệm "chạy theo, chạy vòng theo" (Trung Bộ Kinh, đại kinh Bốn mươi). Trong cơ cấu vận hành của một con người thì Chánh ngữ là tiền đề của Chánh nghiệp, và Chánh nghiệp là tiền đề của Chánh mạng "... Đối với vị Chánh ngữ, Chánh nghiệp sanh. Đối với vị Chánh nghiệp, Chánh mạng sanh..." (Kinh Tương Ứng, Phẩm Vô Minh).

Chánh văn:

5. Sự sống chơn chánh... cho hạnh lẽ chơn thật.

Đây là chi BCD liên quan với mạng hay sự sống. Sự sống theo Chơn Lý là phải "không tham sống sợ chết, sống theo lẽ phải, không vị ác tà, sống theo đạo lý". Thông thường Chánh mạng được giải thích là làm nghề nghiệp không gây hại cho sinh linh khác như buôn bán khí giới, rượu, chất độc, giết hại sinh mạng, lừa đảo; đồng thời Chánh mạng là làm những nghề lương thiện, đáng kính, vô hại. Chánh mạng được xếp vào phạm trù đạo đức, là nền tảng để thăng tiến tâm linh.

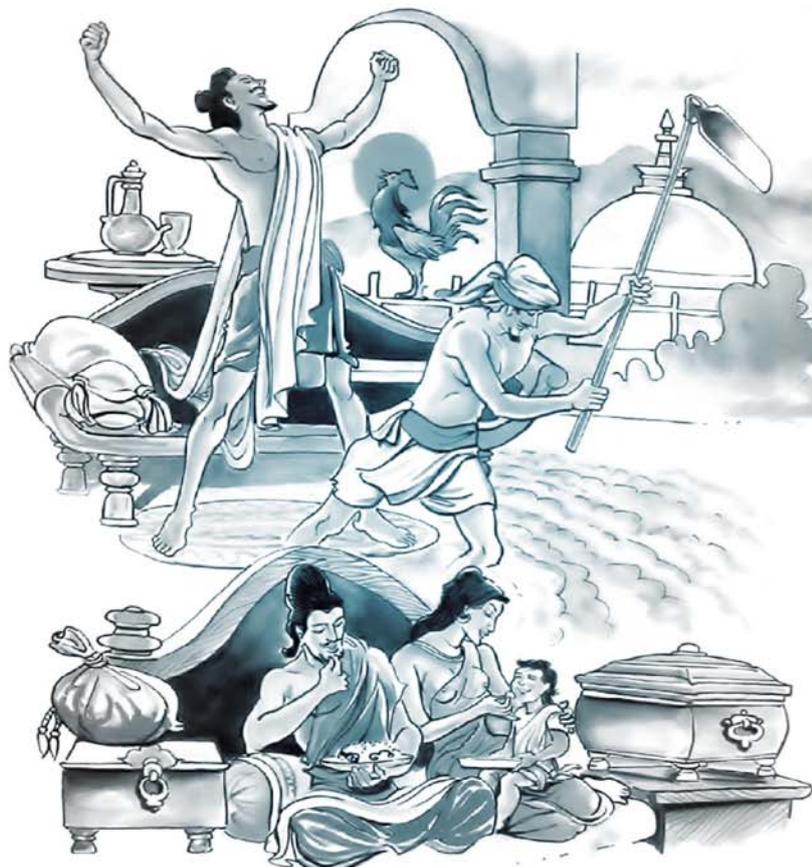
Giữa cách giải thích phổ thông và cách giải thích của Chơn Lý về Chánh mạng có mức độ khác biệt và tương đồng. Trong cách giải thích phổ thông về Chánh mạng thì ý hướng mặc nhiên là duy trì và bảo dưỡng mạng sống bằng nghề nghiệp thiện lành, bằng sức lao động, bằng mồ hôi và có khi là nước mắt, nhưng dù sao ý hướng mặc nhiên vẫn là sống, là tồn tại. Như

vậy, cách giải thích phổ thông mặc nhiên lấy sự sống làm mục tiêu, làm chỉ hướng. Theo đó, sống là chuyện đương nhiên chỉ cần xử lý cho tốt cách sống mà thôi. Trong khi đó, Chơn Lý đặt vấn đề sống chết lên bàn cân khi nói "không tham sống sợ chết". Cái sống không còn là chuyện đương nhiên, không còn là chọn lựa duy nhất mà đã bị chia sẻ với cái chết. Thật vậy, khi nói "không tham sống sợ chết" Chơn Lý đã đưa Chánh mạng tạm rời khỏi vai trò là lựa chọn nghề nghiệp và giao cho Chánh mạng vai trò lớn hơn là lựa chọn cái sống và cái chết, thậm chí là chọn cái sống hay chọn cái chết. Thú vị là ngay sau đó, Chơn Lý đã thể hiện tính cách tự nhiên và uyển chuyển cố hữu qua việc đưa Chánh mạng quay trở lại với cách giải thích phổ thông, tức là xử lý cho tốt cách sống, cụ thể là cách điều

hành cuộc sống. Đó là "sống theo lẽ phải, không vị ác tà, sống theo đạo lý".

Cũng như những chi BCD đã đề cập ở trên, Chánh mạng cũng có hai loại: (1) Chánh mạng hữu lậu thuộc phước báu đưa đến quả sanh y; (2) Chánh mạng thuộc bậc Thánh vô lậu siêu thế thuộc đạo chi của một vị tu tập thánh đạo, thuần thực trong thánh đạo, có vô lậu tâm, Hiền Thánh tâm. Cũng như các chi BCD khác, Chánh mạng cũng có Chánh kiến, Chánh tinh tấn và Chánh niệm "chạy theo, chạy vòng theo" (Trung Bộ Kinh, đại kinh Bốn mươi).

Ở đây, người đọc xin dừng lại lăm bàn một chút. Chánh mạng và Tà mạng trong những sách giáo khoa của Phật giáo thường chỉ đề cập đến loại Chánh mạng thứ nhất là loại hữu lậu thuộc phước báu đưa đến quả sanh y và lờ đi loại chánh



mạng thứ hai thuộc vô lậu siêu thế của vị có tu tập; nói theo chữ nghĩa thông thường tức là có nội dung của thực hành và thực chứng. Câu hỏi được đặt ra là: Chánh Mạng vô lậu siêu thế nên được hiểu như thế nào? Dĩ nhiên sẽ có nhiều cách hiểu khác nhau. Cá nhân người đọc xin đề nghị một cách: Chánh mạng vô lậu siêu thế là loại Chánh mạng đưa hành giả rời khỏi thế giới của phước báu, và của sinh tử luân hồi như loại Chánh mạng hữu lậu miêu tả. Nói chung, trong cảnh giới vô lậu thì Chánh mạng, Chánh nghiệp, hay những Chánh khác đều không đem lại phước báu. Kinh *Kim Cang Năng Đoạn* đã nêu lên ý tưởng này như kinh *Trung Bộ* bằng một loại hình ngôn ngữ khác, nói theo kiểu: Đem bảy báu trong tam thiên đại thiên thế giới ra mà bố thí thì phước báu cũng không bằng. Lý

do đơn giản là vì một bên thuộc hữu lậu, một bên thuộc vô lậu thì làm sao mà so được. Đúng là ngôn ngữ kiểu gì cũng có giới hạn của nó. Vì vậy thường khi ngôn ngữ phải gánh vác một trách nhiệm ngoài khả năng của nó. Một điểm nữa, kinh *Trung Bộ* thì bảo có hai loại Chánh mạng, loại thứ hai 'siêu' hơn loại thứ nhất. Nếu nói về Chánh mạng, kinh *Kim Cang* dùng một ngôn ngữ bí mật hơn, bảo: Chánh mạng (1) mà không phải là Chánh mạng (2) cho nên gọi là Chánh mạng (3), vậy thôi. Nói kết lại, người đọc sẽ nói: Chánh mạng hữu lậu thuộc phước báu không phải là Chánh mạng vô lậu siêu thế nên tạm gọi là Chánh mạng vậy thôi. Còn nói theo kiểu lý luận ba câu mỗi câu có chứa một chữ Chánh mạng của Vũ Thế Ngọc thì chữ Chánh mạng đầu sẽ chỉ cho Chánh

mạng hữu lậu, Chánh mạng thứ hai là để phủ định Chánh mạng hữu lậu, và chữ Chánh mạng thứ ba chỉ cho Chánh mạng vô lậu siêu thế thuộc đạo chi. Phương thức của *Kim Cang Năng Đoạn* thì xương xẩu hơn, chủ yếu là đập tan tư tưởng ngã nhân và tất cả những dạng chấp thủ khác, trong khi phương thức của kinh *Trung Bộ* là phân tích rồi dẫn dắt vào thế giới vô lậu rồi miêu tả, tô điểm cho thế giới vô lậu đó một cách đầy đặn hơn, khuyến tấn hơn. Đó là thế giới của "bậc Thánh vô lậu siêu thế thuộc đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thuần thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, Hiện Thánh tâm". Còn phương thức của *Chơn Lý* thì sao? Người đọc sẽ quay lại điểm này khi đi sâu vào thế giới BCD mà *Chơn Lý* sẽ triển khai.

Rời khỏi thế giới kinh điển Bắc truyền và Nam truyền, người đọc xin lan man thực tế cuộc đời này một chút. Nha sĩ dễ dàng được xem là một cái nghề để kiếm sống nhưng ẩn sĩ quả thật là khó có thể xem là một cái nghề. Xem là một phong cách sống thì đỡ gượng ép hơn. Cũng vậy, những ngày đầu kê khai lý lịch, những vị Khất Sĩ cảm thấy bất ổn khi khai vào ô nghề nghiệp. Khó có thể nói một người đầu trần chân không, rày đây mai đó, không ngủ hai đêm dưới một gốc cây, ăn xin lá trái, ở xin cốc hang, là một cái nghề; cũng khó có thể nói sống theo Niết-bàn thời khắc biểu với công việc chính là "Sáng ra khuyên giáo độ đời, trưa về thọ thực xế thời thuyết kinh, chiều khuya quán tưởng lặng thinh..." lại được tính là một cái nghề. *Chơn Lý* đã có mức độ tương ứng. Thú vị, Chánh mạng trong *Chơn Lý* không nói gì đến nghề nghiệp cả. Chuyện khất thực của vị Khất Sĩ trong kinh điển truyền thống được xếp vào phạm vi của Chánh



mạng, *Chơn Lý* lại đưa vào chi Chánh nghiệp. Dù vô tình hay cố ý, *Chơn Lý* đã không xem việc khắc thực hóa duyên là một cái nghề kiếm sống như một số ý kiến mô tả.

Chánh văn:

6. Sự siêng năng chơn chánh cho hạnh lễ chánh, chơn thật".

Đây là chi BCD liên quan với tinh tấn hay sự siêng năng. Sự siêng năng theo *Chơn Lý* là phải "bền chí mà lướt tới, không thối chuyển ngã lòng, cố gắng sự hành đạo". Thông thường và căn bản thì Chánh tinh tấn được định nghĩa bằng bốn khía cạnh: (1) không cho các loại ác, bất thiện tâm phát sinh; (2) đoạn trừ những ác, bất thiện tâm đã phát sinh; (3) làm cho phát sinh những tâm tốt và lành mạnh chưa phát sinh; và (4) phát huy và làm cho viên mãn những tâm tốt và lành mạnh đã sẵn có. Bản thân Chánh tinh tấn năng động và đa dụng nhưng thường được xếp vào phạm trù thiền định với vai trò rèn luyện và chế ngự tâm thức: "Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tinh tấn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tinh tấn." (Tương Ứng Bộ Kinh)



Như vậy, Chánh tinh tấn trong *Chơn Lý* không khúc chiết phân tích ra bốn khía cạnh như cách diễn giải của Kinh tạng. *Chơn Lý* chỉ tập trung nêu lên cái yếu tố cốt lõi, cái sức mạnh chủ lực của tinh tấn, đó là ý chí. Một loại ý chí không định đặt ra khoảng thời gian là bao nhiêu lâu, một ngày hay một buổi, một tháng hay một năm, thập kỷ hay thế kỷ. Thay vì định đặt thì *Chơn Lý* tổng quát hơn khi nói "bền chí" với hàm ý là, thời gian dài tới đâu thì Chánh tinh tấn dài tới đó. *Chơn Lý* không định đặt bởi vì, theo người đọc, định đặt ra một khoảng thời gian nào đó thì có nghĩa là chống lại cảm thức vô thường của người tu Phật. Một điểm người đọc ghi nhận là, thay vì chia ra làm bốn khía cạnh hay bốn hướng liên quan đến thiện hay ác, đã sinh hay chưa sinh, *Chơn Lý* chọn cách nói thẳng vào một hướng, một mục tiêu duy nhất là "cố gắng sự hành đạo" với tiền đề là "bền chí" và "một lòng". Nếu "bền chí" nghiêng về phía lý trí thì "một lòng" nghiêng về phía tình cảm. Có thể nói, *Chơn Lý* không quan trọng ở tính chất hay phương diện tỉ mỉ học thuật mà quan trọng ở phương diện hành động. Trong *Chơn Lý*, BCD không còn là kim chỉ nam

để tu tập tự thân trong mối quan hệ với bản thân và với tha nhân, mà còn là lời kêu gọi dẫn thân. *Chơn Lý* vận động và thúc đẩy người tu Phật vốn hiền hòa và có non nửa ký lô thụ động hãy dẫn thân hơn nữa vào việc hoằng dương Phật Pháp nếu chúng ta hiểu "cố gắng sự hành đạo" trong *Chơn Lý* có nghĩa là cố gắng hành động để truyền bá đạo lành. Con đường đối với vị hành giả có Chánh tinh tấn là con đường một chiều, không dao động nghiêng ngả, không lui lại hay quay đầu lại được.

Một điều nên chú ý, *Trung Bộ Kinh*, *Đại Kinh Bốn Mười (Mahācattārisaka sutta)* khi đề cập đến năm chi BCD đầu từ Chánh kiến đến Chánh mạng thì phân biệt mỗi chi thành hai loại, hữu lậu và vô lậu; nhưng khi đề cập đến năm chi BCD sau đó từ Chánh tinh tấn đến Chánh giải thoát thì không có sự phân biệt như vậy. Như vậy có hợp lý không? Và nếu hợp lý thì tại sao? Dĩ nhiên việc đặt câu hỏi thường là dễ dàng hơn việc đưa ra câu trả lời. Câu trả lời ở đây sẽ liên can tới cấu trúc của BCD và sẽ làm cho nhận thức về BCD càng sâu sắc và am tường thêm, có dịp người đọc sẽ quay lại điểm này. ■

Luật ngôn

Ni Sư Tuyết Liên chuyển thơ

Giới bảo tồn lâu dài đạo Phật
Giới nâng cao phẩm chất nhà sư
Bá tánh lạc nghiệp an cư,
Thanh nhàn thọ hưởng phước dư lâu dài.
Các quốc độ có người giữ hạnh,
Sống bình yên không cảnh nạn tai.
Đại thừa, Tiểu thừa không hai,
Tích Lan, Nhật Bản không ngoài giới châu.
Trung Hoa, Tây Tạng đâu đâu,
Đều nên tôn trọng lãnh thâm giới lành.
Thận trọng, trì giữ, thực hành,
Mọi người sẽ được an lành yên vui.

* * *

Người trên đời tối lui đi lại,
Trên đời chân thoải mái nhẹ nhàng,
Thiếu chân thì thật gian nan,
Cũng như thiếu luật thiên đàng khó lên.
Xe qua trường, phu buồn cốt gãy,
Phạm giới điều chết phải về đâu,
Mặt mình tốt xấu ra sao ?
Gương soi ảnh hiện khác đâu mặt người.
Nghe giới lòng người vui tươi,
Là do phạm hạnh mười mười vẹn tròn.
Nghe giới mà lòng héo hon,
Là do phạm hạnh khuyết mòn mà ra.
Ai người học đạo hiểu xa,
Giữ gìn giới hạnh xây tòa sen thiêng.



Khất Sĩ là một trong ba nghĩa của Tỳ-khuru. Trong Kinh Pháp Hoa Nghĩa Sớ, quyển 1 có ghi rằng: “Tỳ-khuru gọi là Khất Sĩ, trên thì xin giáo pháp của Như Lai để nuôi dưỡng tinh thần, dưới thì khất thực của bá tánh để nuôi tự thân”.

Tổ sư Minh Đăng Quang dạy: “... Khất có nghĩa là xin. Lẽ xin là chọn lý của vô trụ, mà chúng sanh, kẻ thì xin vạn vật để nuôi thân, người thì xin các pháp để nuôi trí”.

... “Có ba bậc xin: Hạng bậc một xin bằng Thân, hạng bậc hai xin bằng Trí, hạng bậc ba xin bằng Tâm. Trong ba hạng bậc xin này, chỉ có Khất Sĩ là hạng bậc xin bằng tâm, cái xin cao thượng trong sạch hơn hết, tự người hảo tâm cho, chớ không điều ép buộc...”

Cái xin của hạng bậc ba này có tính triết lý, tính nhân quả, tính tu

hành, không đơn thuần là xin vạn vật để nuôi thân. Tổ Minh Đăng Quang dạy: “Khất Sĩ đi xin để răn lòng tội lỗi. Đi xin để đến nghiệp cũ, đừng sớm nghỉ ngơi, mau hết vốn lời. Đi xin để nhịn nhường bố thí của cải lại cho chúng sanh. Đi xin để làm gương nhơn quả tội lỗi, cho chúng sanh ngừa tránh. Đi xin để dưng phạm tội lỗi mới. Đi xin để có thì giờ ăn học. Đi xin để giáo hoá chúng sanh. Đi xin để không tự cao đốt nát, danh lợi sắc tài. Đi xin để giải thoát phiền não, và để un đúc tâm hồn, rèn luyện chí hướng, tập sửa bản năng. Có đi xin mới có từ bi hỷ xả, trí tuệ thông minh, cõi lòng mát dịu, rộng mở bao la, lặng yên sạch sẽ. Có đi xin ăn học mới là thiện, kẻ không đi xin thất học là không thiện. Người đi xin ăn học, quý hơn là kẻ ở học một chỗ, học có người nuôi, thiện hơn là người tự nói làm ác quấy để ăn học. Có đi xin mới học được chọn

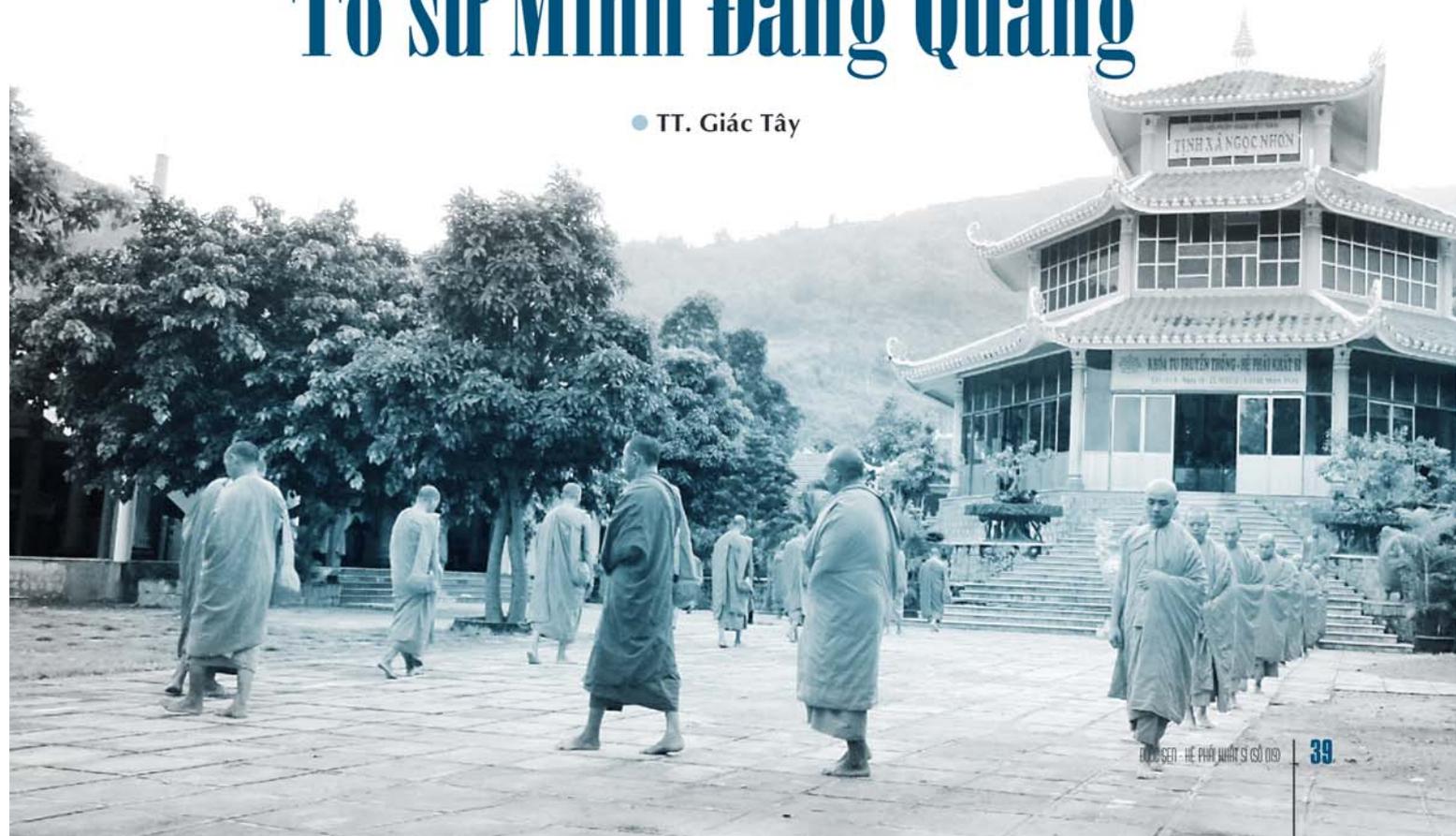
lý, là môn học quý nhất, hơn các lối học khác mênh mêng. Chỉ có chọn lý mới là đường đi ngay, mới tạo nên người thật học, được học đúng đắn vĩnh viễn.”

“... Khất Sĩ có ba bậc: Thịnh Văn, Duyên Giác và Bồ-tát.

1. Khất Sĩ Thịnh Văn: Là bậc đi du học toàn xứ, hy sinh xác thân vật chất, xã hội, gia đình, thanh bần đơn giản, chỉ để tâm trí theo đuổi mục đích của tu học vì chúng sanh, để tế độ chúng sanh. Cho nên bụi trần không ô nhiễm, sáu căn thanh tịnh, không còn sự mê lầm bốn ngã, không nghi ngờ, không ham mộ nghi lễ cúng kiến, không tham dục, không tham sắc, không tham vô sắc, không sân hận, không tự cao, không xao động, không vô minh, và là bậc mà không bao giờ trở lại với cái si mê tội lỗi trong đời ác trược. Như người đã bay bổng trên không trung, bước chân không còn dính bụi hồng, là người ở trong giới Phật, không hề sa ngã.

TINH THẦN “KHẤT SĨ BỒ TÁT” trong Chọn Lý của Tổ sư Minh Đăng Quang

● TT. Giác Tây



2. *Khất Sĩ Duyên Giác* là bậc tu trì nhập định, sau khi đã giác ngộ, các pháp như duyên của Vô minh, Hành thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Tử, là bậc mà sự ăn mặc ở bịnh chẳng cần màng; sống, chết, đến, đi, còn, mất, có, không chẳng quản; khổ, vui, lợi, hại, khen, chê chẳng động tâm, là bậc sống theo thời duyên cảnh ngộ, rày đây mai đó, ở xó góc bụi lùm, một thân một áo bát, theo lẽ vô thường vô ngã, cùng là như pháp không ta, giữ theo chánh giáo mà phân biệt điều thiện ác, tinh tấn tu hành, an lạc trong vòng đạo đức, thẳng phục tâm ý mình đừng làm lành, nhớ tưởng đạo lý, nhứt tâm đại định, và vui chịu với mọi cảnh ngộ.

- *Khất Sĩ Duyên Giác* là bậc đi du lịch ta bà để thật hành pháp giải thoát, hưởng quả an lạc Niết-bàn, là bậc thanh tịnh nhập định chuông thần thông. *Khất Sĩ Duyên Giác* là kẻ khổ hạnh, thấp thòm thiếu kém, rách rưới bần hàn, là bậc đi giác ngộ, cảm hoá, kết duyên cùng chúng sanh, để sau này hoá độ.

- *Khất Sĩ Duyên Giác* không hay nói pháp dạy người, nhưng những ai coi theo gương, cũng đủ tu hành đắc đạo. *Duyên Giác* là thầy của *Thịnh Văn*, là sự khổ hạnh phá mê dung dưỡng. Người ta hằng vì bậc *Khất Sĩ Duyên Giác*, cũng như vị hung thần mà các kẻ tu hành phá giới bất chánh không nghiêm phải sợ sệt. Chính bậc *Khất Sĩ Duyên Giác* là một vị phước thần, thịnh thoảng xuất hiện trong thời kỳ không có chư *Như Lai* hay *Bồ-tát*, để đem gương *Phật* nhắc nhở cho hạng *Thịnh Văn*, kẻ nào thấy gặp được, cũng bằng như gặp *Phật*.

- *Khất Sĩ Duyên Giác* là bậc đối trị với pháp thế gian, vạch đường giải thoát cho muôn loài tránh khổ. Bậc *Duyên Giác* đi xin để đến nghiệp cũ, đi khắp nơi để chịu chúng khảo hành, cho mau hết xong nghiệp quả trong kiếp một. Đi xin để cho hay trong thiên hạ, rằng mình sẽ lìa cõi thế đến Niết-bàn, để cho mặc ai muốn trả đáp điều chi tự ý (hoặc đòi hỏi hay bố thí cúng dường). Đi xin để vất bỏ tham, sân, si, ái dục. Đi xin để đem thân làm ruộng phước



tốt đẹp cho kẻ mong cầu cúng thí dựng gieo giống *Phật*, diệt lòng ma. Chính sự không nói làm sai quấy, là phân chất nước trong tốt đẹp, để cho người xem thấy đó, mà nảy phát thiện huệ, chơn tâm, hột giống đặng đem gieo trồng có chỗ tươi vun... Bởi thương người tội nghiệp, kẻ khó nghèo, nên *Khất Sĩ Duyên Giác* đâu đâu cũng hiện đến. Gặp được Ngài như gặp được *Phật*, người mà cung kính chào mời, hoặc cúng dường lễ bái, đều là kẻ giác ngộ có duyên, sẽ thấy rõ tinh thần giải thoát, lý đạo nhiệm mầu, không còn khổ nạn, đắc trí huệ thâm sâu.

3. *Khất Sĩ Bồ Tát*: Là những bậc thầy ngồi trên, chẳng bao giờ thiếu hụt, cũng ví như Vua trời, Vua người; là bậc Tổ sư giáo chủ, vì muốn răn lòng cao trọng, vì muốn chứa đức thêm nhiều, vì muốn khuyên lon hàng vương giả, vì muốn phục lòng thiên hạ, vì theo sự giải thoát trung đạo, vừa làm gương Tăng chúng, vừa để đi đứng khắp nơi công bình, vừa tìm duyên hoá độ, vừa để làm quen dạn dĩ đến gần, cho kẻ thấp thò nhỏ nhoi. Vậy

phải đi xin, chính sự đi xin của chư *Bồ-tát* hay *Phật*, là điều khó nhất, trong thế gian ít ai làm được. Bởi *Phật* là bậc toàn năng, không chỉ không làm được có khác hơn bậc *Hoàng đế*, *Bá*, *Hầu*, vì thế diện danh dự giá trị, lợi lộc, chấp mình, mà phải thụt lùi từng bước, phải mãi ôm chấp cái ta, nặng nề té sa hố thấp trũng sâu, chịu chết thất bại, mà chẳng dám dòm xa bước tới nẻo lành.

Chúng sanh mà thua *Phật*, là bởi có việc làm được, còn có việc làm không được. Mà những việc làm không được ấy, lại là việc phải đáng làm. Còn làm được là được việc tội lỗi hư vọng, ấy cũng vì muốn vừa lòng theo trẻ nhỏ số đông, sợ chúng trẻ con đại đột chê cười, mà không nghĩ đến sự lành của ông già trí thức, tuy ít người khen mà lại thành công hơn.

Những cái trở lực bức tường sợ sệt yếu ớt bắn lùi, lụn bại, luân hồi ấy, chỉ có *Khất Sĩ* mới là giải thoát tiến hóa đứng vững, thẳng phục đập ngã; mới gọi là bậc hay làm được việc khó làm, mạnh mẽ hơn chỗ của người khác vậy..."

Như vậy tinh thần "*Khất Sĩ Bồ Tát*" theo Tổ sư Minh Đăng Quang, trong bộ *Chon Lý* là bậc *Thầy* có vai trò quan trọng trong sự giáo dục đệ tử, chúng sanh. *Khất Sĩ* bậc thầy đó luôn hướng về chư *Phật*, *Bồ-tát*, *Thánh Hiền* và chư thiện tri thức để cầu học hỏi những điều chánh đạo. Hướng về tất cả chúng sanh, để được chia sẻ những điều tốt lành, những kinh nghiệm tu để hóa giải phiền não, thực hiện con đường đạo đức và hạnh phúc trong cuộc sống. Đây chính là ý nghĩa của hạng *Khất Sĩ Bồ Tát*.

Khất Sĩ Bồ Tát đối với việc truyền trì *Phật pháp* là vô cùng quan trọng vì trong đó thể hiện vai trò và trách nhiệm của cả người *Thầy* và *Trò* trong phương diện giáo dục. "*Nội tu ngoại truyền*" là hai phương diện vô cùng quan trọng trong công tác giáo dục của hệ phái *Phật giáo Khất Sĩ*. Hai phương diện này liên quan mật thiết với nhau.

* Vai trò người Thầy trong tinh thần Khất Sĩ Bồ Tát rất quan trọng.

- "Khất Sĩ Bồ Tát cũng như ông thầy giáo dạy học cho bá tánh, chẳng lãnh tiền lương, dù dạy ít dạy nhiều không hề kể công so của, quý nhất là gương hiền đạo đức, gương giới hạnh, gương từ bi đại lượng ở đời."

- "Khất Sĩ chư Tăng phải đi, đi khất thực khắp nơi để cứu độ, khuyên tiếp dẫn những người cho họ đi theo, ấy là dẫn..." - Thầy Khất Sĩ thực hiện công tác giáo dục, thuyết pháp giảng kinh, hóa duyên độ chúng tất cả vì mục đích là truyền bá và gìn giữ con đường hạnh phúc, con đường giải thoát khổ đau. Thực thi giáo dục Phật giáo là người trong công tác giáo dục kể cả người dạy và người học đều tự xem và bổ khuyết chính mình.

Việc tự kiểm thảo và tu tập chính bản thân mình là tính chất vô cùng quan trọng, bất luận là thầy hay trò đều cần có năng lực kiểm thảo của tự thân. Vì chính những cử chỉ hành vi của bản thân là bài học vô giá cho mọi người.

Thầy Khất Sĩ luôn lấy "Lợi tha làm tự lợi" vì thế quá trình giáo dục cần phải thực hiện một cách khéo léo, khéo cơ và khéo thời. Chỉ có như vậy mới thực hiện một cách tích cực trong công tác giáo dục.

Tóm lại, từ góc độ giáo dục học thì từ "Khất Sĩ" bao hàm nhiều ý nghĩa. Vai trò của người thầy và trò thể hiện rất rõ và vô cùng quan trọng trong tiến trình tu học và giáo hóa. Vì mỗi cá nhân, mỗi thành viên trong xã hội đều là "Khất Sĩ", tức là ai ai cũng cần có sự nương tựa nhau, trao đổi nhau, hỗ trợ và tương tác lẫn nhau để tồn tại và phát triển, tất cả sự vật hiện tượng đều là thuộc tính của Duyên sinh.

Với quan điểm này, thì từ "Khất Sĩ" bao hàm ý nghĩa của quá trình giáo dục, hoàng pháp lợi sanh và xây dựng tiến trình giải thoát. Còn vai trò Khất Sĩ Thánh Văn từ phương diện người trò cũng quan trọng không kém người

thầy Khất Sĩ Bồ Tát.

- "Khất sĩ là học trò nghèo đi xin ăn để tập cho đời theo gương bố thí giúp đỡ lẫn nhau, kẻ vật chất người tinh thần để được sống".

Học trò Khất Sĩ luôn học tập cho mình phẩm chất đạo đức, hoàn mỹ nhân cách và cuộc sống tự tại, cuối cùng là giải thoát viên mãn. Thầy giáo, phương pháp giáo dục và cơ cấu giáo dục đều nhằm mục tiêu triển khai và phát huy các tính chất giáo dục và tác dụng của giáo dục. Nhưng trong quá trình tu học đó, học trò Khất Sĩ luôn luôn đóng vai trò chủ thể, chủ động. Tất cả các hoạt động của dạy và học đều để cao tính chủ động, tích cực của người học trò. Hay nói cách khác, học trò Khất Sĩ luôn luôn phải thể hiện tính chủ động tự giác, vì đó chính là điều không thể thiếu trong giáo dục.

"Khất Sĩ là học trò đang đi du học khắp nơi cùng xứ, học nơi thầy, nơi bạn, nơi trò, học với tất cả chúng sanh vạn vật, các pháp, học với Phật Pháp Tăng ba đời, học từ xóm làng tỉnh xứ, đến khắp các xã hội, thế giới chúng sanh, học nơi chữ viết, nghe lời nói, học bằng lo lắng nghĩ ngợi, học nơi sự thật hành, ... Tạm xin ăn tu học đi ngay chơn lý chẳng chút lãng xao, không màng khổ nhọc".

Đã là người thì ai cũng có khuyết điểm, ai cũng có ưu điểm, vì thế học trò Khất Sĩ cần phải giúp đỡ lẫn nhau, học tập lẫn nhau, vận dụng "Kiến hòa đồng giải" vào cuộc sống. Đây là hình thức giáo dục "hòa hợp" của Phật giáo Khất Sĩ. Nhờ vậy mà có được loại hình "Phản quan tự kỷ" để tự bổ túc và sửa đổi cho mình những điểm khuyết trên đường tu học để toàn giác. Tự học bổ khuyết là phương pháp tự hoàn mỹ nhân cách và phẩm đức của người học trò Khất Sĩ. Vì thế mà Tổ sư Minh Đăng Quang dạy rằng "Khất Sĩ là cái sống của chơn lý vô trụ mà tất cả chúng sanh đều là học trò cả thầy".

Cố HT. Thích Minh Châu có nói trong tập văn Phật Đản số 26

PL.2537 – DL. 1993 như sau: "... Trong đạo Phật có hai tư trào, hai khuynh hướng, hai xu thế tựa hồ như mâu thuẫn nhau, nhưng thật ra thì bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Cả hai tư trào đó, đều có ý nghĩa đối với cuộc sống của con người hiện đại.

1 - Thứ nhất là tư trào *Hướng nội*, nghĩa là có một số người tu chủ trương quay trở về cái mà đạo Phật thường gọi là "*Bản Lai Diện Mục*" tức bộ mặt thật xưa nay của chính mình, là con người thật của mình.

2 - Thứ hai là tư trào *Hướng ngoại*, mà kinh sách Phật thường gọi là "*Lợi Hạnh Độ Sinh*." Lợi hạnh là làm tất cả mọi điều đều nhắm đến lợi ích cho tất cả mọi loài hữu tình. Độ sanh là giải thoát mọi loài hữu tình khỏi mọi nỗi bất hạnh, đặc biệt là nỗi bất hạnh lớn lao nhất là sanh tử luân hồi. Thực chất của xu thế hướng ngoại này là đồng nhất cá nhân mình với toàn thể mọi người, mọi chúng sanh trong thế giới vũ trụ. Đó là tinh thần của người Khất Sĩ hành Bồ-tát đạo. Cả hai xu hướng nói trên tiêu biểu cho hai hạnh lớn của đạo Phật là Trí tuệ và Từ bi, và đức Phật là bậc Thánh được Phật tử toàn thế giới ca ngợi, tôn sùng như là thể hiện một cách hoàn hảo nhất hai đức hạnh: Trí Tuệ và Từ bi đó.

Xu thế hướng nội: Quay về con đường thật của chính mình.

Chúng ta có thể suy nghĩ gì về cuộc sống thác loạn, chạy theo lạc thú vật chất đang là đặc trưng nổi bật của những xã hội có trình độ văn minh vật chất cao, và cả của những xã hội đang phát triển, nhưng bị nền văn minh đó làm cho mê hoặc và chói lòa.

Có sức mạnh sâu kín gì nằm ở đằng sau những tệ nạn xã hội tội phạm ở lứa tuổi thiếu niên, bệnh tâm thần, nạn tự sát cá nhân hay tập thể, v.v... Ở đằng sau tất cả nếp sống thác loạn đó là xu thế của con người bất hạnh muốn thoát khỏi cái Ta hạn hẹp và vị kỷ, muốn thoát khỏi một tâm trạng bất an và ưu tư dai dẳng.

Nhưng vì sao lại có tâm trạng

bất an và ưu tư thường trực đó mà con người hiện đại muốn tìm sự lãng quên trong nếp sống thác loạn, đôi khi mất cả tính người? Phải chăng là con người tưởng rằng, vì nội tâm đầy ưu tư và buồn chán, cho nên phải hướng ra bên ngoài để tìm lạc thú vật chất? Phải chăng con người tưởng rằng, càng chiếm hữu nhiều của cải và tiện nghi vật chất, con người sẽ càng được thêm hạnh phúc, mọi nỗi ưu tư trong nội tâm sẽ được xóa bỏ?

Áo tưởng này có tính muôn thuở. Ở Ấn Độ cổ đại, đã từng có triết phái duy vật Carvaka chủ trương như thế. Và ở thành phố Athene thời Socrate, có những triết gia thuộc phái nguy biện cũng đã từng bênh vực cho một lối sống lý tưởng, xứng đáng được con người mơ ước. Đạo Phật nói đó là ảo tưởng của những người khát nước mà còn ăn mặn, và càng ăn mặn càng bị khát. Đạo Phật vạch ra rằng, nỗi bất an và ưu tư nội tâm con người, chỉ có thể giải quyết ở trong nội tâm, chứ không thể giải quyết ở bên ngoài. Phương pháp tu thiền của đạo Phật mà người phương Tây quen gọi là đạo Phật Thiền, chính là phương pháp giúp cho con người trở về với nội tâm mình để giải quyết một cách căn bản mọi nỗi ưu tư và bất an của nội tâm.

Nội tâm chúng ta không khác gì mặt nước hồ, bị những đợt gió dục vọng chạy theo ngoại cảnh làm cho nổi sóng và vẩn đục. Chúng ta ưu tư, chúng ta bất an chính vì chúng ta hằng ngày sống với cái nội tâm nổi sóng đó, trong khi cả lớp nước hồ sâu thẳm, trong lặng thì chúng ta bỏ quên như là xa lạ, không phải của mình. Mục đích của thiền không phải ở ngoài việc chỉ bày cho chúng ta những phương pháp thích hợp để làm cho bề mặt của nội tâm ta không còn nổi sóng, không còn dao động, mà còn để có thể nhìn sâu vào những lớp nội tâm rộng lớn, trong lặng vốn là cái tâm thật của chúng ta,



chân tâm của chúng ta.

Nội tâm con người, từ bề mặt cho đến những bề sâu, một khi được làm cho vắng lặng, thì sẽ trong sáng như gương, sẽ là nguồn an lạc và hạnh phúc, sẽ là chân lý, là ánh sáng, là Niết-bàn.

Phương pháp tu thiền rất nhiều vì bản tính con người muôn vàn sai biệt, người thì nặng căn, người lợi căn, có người nặng về tham, có người nặng về sân hoặc là si. Thế nhưng mục đích cuối cùng phải đạt tới của mọi phương pháp tu thiền là an tịnh nội tâm, làm vắng lặng và trong sáng nội tâm, biến nội tâm từ dao động trở thành yên tịnh, từ mê mờ trở thành sáng suốt. Tâm sáng suốt, đó chính là trí tuệ Bát-nhã, còn được gọi là “trí tuệ siêu việt”. Có được trí tuệ Bát-nhã, tức là thành Phật, bậc Thánh nhìn thấy tất cả, biết hết tất cả.

Vua Trần Nhân Tông xuất gia theo đạo Phật, trở thành vị Thiền sư lỗi lạc, lập ra phái Trúc Lâm Yên Tử. Từ những tác phẩm Phật học

của ông toát lên nhiều tư tưởng kỳ đặc. Một trong những tư tưởng đó, có câu:

*“Bụt ở trong nhà,
Chẳng phải tìm xa,
Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt,
Cốc mới hay chính Bụt là ta.”*

Quả thật, con người thật của chúng ta quên mất cái gốc đó, cho nên chúng ta mới là chúng sanh, có trí óc mê muội và thân tâm đau khổ bất hạnh.

Niềm ưu tư, bất an có thường trực trong nội tâm của chúng ta chính là bắt nguồn từ ở chỗ chúng ta quên mất con người thật của chúng ta là Phật, sống với con người giả của chúng ta là chúng sanh. Đạo Phật của Trần Nhân Tông cũng như của đời Trần nói chung là một đạo Phật hướng nội rất rõ nét, rất sinh động. Trên từ vua cho đến các quan lại, tướng lĩnh, binh sĩ, dân thường đều tin rằng mình là Phật sẽ thành, do đó ngay trong hiện tại phải sống xứng đáng với ông Phật ở trong mình, sống với những đức hạnh của Phật như là từ bi, trí tuệ, dũng khí, vô úy.

Cổ đức có câu: “Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn”

Nghĩa là: Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ.

Quay đầu lại hướng về nội tâm, quay đầu lại sống với con người thật của chính mình, và con người thật đó chính là Phật với đầy đủ hai đức trí tuệ và từ bi. Đó chính là phương thuốc mà đạo Phật có thể cống hiến cho con người hiện đại. Con người hiện nay đang lãng đãng như khách phong trần trên khắp các nẻo đường, tìm kiếm sự thật và hạnh phúc, tuy biết rằng sự tìm kiếm đó là vô vọng.

Trần Nhân Tông, nhà vua – Thiền sư có nói:

*“Gia trung hữu bảo hươu tâm
mịch*

Đôi cảnh vô tâm mặc vấn thiền”

Nghĩa là:

*“Trong nhà sẵn ngọc thôi tìm
kiếm*

Lặng lòng đối cảnh hỏi chi Thiên”.

Trong nhà có sẵn ngọc, không cần tìm kiếm đâu xa nữa, cũng như nói chính mình là Phật rồi, thôi đừng cầu Phật, tìm Phật ở đâu xa nữa. Và vì đã là Phật, cho nên ngoại cảnh dù có biến đổi, hấp dẫn như thế nào cũng không thể ảnh hưởng chi phối. Nội tâm con người vẫn bình lặng, đã bình lặng thì sáng suốt, không gì không thấy, không biết. Và đó chính là thiên rồi, cũng không cần học hỏi Thiên làm gì.

2. Xu thế hướng ngoại: Một cuộc sống hoàn toàn vô ngã, vị tha, tích cực, năng động phong phú:

Con người, sau một quá trình tìm kiếm lâu dài không có kết quả, cuối cùng biết trở về với chính mình, thì bỗng thấy cái gọi là mình là ta không tồn tại. Cả thân và tâm chỉ là một dòng, một chuỗi hiện tượng tâm và sinh lý biến chuyển liên tục trong từng sát na, và ở bên trong hay là ở đằng sau dòng chảy liên tục đó, không có cái gì gọi là linh hồn hay là cái ta vĩnh cửu.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, một bộ kinh quan trọng của Đại thừa đã minh họa thuyết vô ngã của đạo Phật bằng một ảnh dụ rất sinh động và cụ thể, như biển cả trong lặng mênh mông mà bỏ đi tất cả rồi chấp nhận một bọt nước làm mình... chấp thân tâm này là ta, cũng như biển cả quên mình là biển cả rồi, chấp nhận một bọt sóng là biển cả. Con người giác ngộ lý vô ngã của nhà Phật phát hiện thấy mình không phải là cái bọt nước mà là cả đại dương rộng lớn, mình là đồng thể với tất cả mọi người, mọi chúng sanh, mọi loài hữu tình, và từ nhận thức đầy trí tuệ này, con người phát ra lòng từ rộng lớn, lòng bi rộng lớn, nguyện làm tất cả những gì có thể làm được vì lợi lạc của tất cả chúng sanh, của tất cả mọi loài. Sống như vậy, đạo Phật gọi là sống theo lý tưởng Bồ-tát. Đó là lý tưởng sống hoà nhập vào mọi người, mọi chúng sanh, đúng theo nguyên lý mọi người mọi chúng

sanh để bình đẳng, cùng một thể.

Lý tưởng Bồ-tát là một lý tưởng có giá trị hiện thực đối với thế giới hiện đại, vì các tôn giáo lớn trên thế giới, đều có thể chấp nhận và thực hiện lý tưởng Bồ-tát của đạo Phật trên những mức độ khác nhau, và với những tên gọi khác nhau. Đạo Gia Tô nói: “Hãy thương người như thể thương mình”. Đạo Hồi nói: “Người Hồi giáo trong bốn biển đều là anh em”. Đạo Phật nói: “Hãy thương yêu tất cả chúng sanh như mẹ hiền yêu thương đứa con một của mình”. Nho giáo nói: “Tứ hải giai huynh đệ”. Đạo Phật khuyến khích mọi người hãy quay về với con người thật của mình, thế nhưng con người của chúng ta lại là vô ngã, nó không hạn chế trong cái thân và tâm vô thường hạn hẹp này, nó là cùng một thể với tất cả mọi người và mọi loại hữu tình khác. Và sống với mọi người, mọi chúng sanh chính là lối sống vô ngã vị tha theo lý tưởng Bồ-tát.

Nói tóm lại, hướng nội để tìm con người thật của chính mình. Nhưng sau khi phát hiện con người thật của mình lại không có mình, không có ta, lại là vô ngã đồng nhất thể với chúng sanh. Cho nên đạo Phật chủ trương một cuộc sống năng động tích cực. Hướng ngoại không phải là để tìm và hưởng thụ những lạc thú vật chất tầm thường và phi đạo đức, mà là để mưu lợi ích và đem lại an lạc cho mọi người, mọi loài. Trong cả hai xu thế hướng nội và hướng ngoại này, nổi bật lên chủ thuyết vô ngã của đạo Phật, nó không khác gì sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ giáo lý, đạo đức và thực tiễn tu hành của đạo Phật.

Khi Đức Phật còn tại thế và cả sau khi nhập diệt, tại bất cứ nơi nào Đạo Phật có mặt thì lý tưởng vô ngã vị tha bao giờ cũng là chuẩn mực bất di bất dịch của nếp sống đạo đức Phật giáo, đối với người xuất gia cũng như người tại gia. Lý tưởng đó chói sáng Phật giáo

Nguyên thủy (Phật giáo Nam tông) cũng như Phật giáo phát triển (Phật giáo Bắc tông) cũng như Phật giáo Khất Sĩ, v.v...

Khi Phật còn tại thế, cũng như mãi mãi về sau này, bất cứ một người nào mà chối bỏ lý tưởng đó, sống ngược lại lý tưởng đó, thời không thể được xem như là người Phật tử chân chính. Ấy thế mà có người chê bai phê phán lý tưởng A-la-hán là vị kỷ hẹp hòi. Họ không hiểu rằng muốn thành bậc A-la-hán, điều kiện tiên quyết là phải diệt trừ mọi tư tưởng về cái ta, phải giác ngộ về lý vô ngã vị tha. Đức Phật khuyến dụ lớp học trò đầu tiên của ngài: “*Này các Tỳ-kheo, các người cần phải tu hành, vì an lạc cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương cho đời, vì hạnh phúc của chư thiên và loài người.*” (Mahavagga, 19)

Thiếu sót cơ bản của con người trong mọi thời đại là đa số đánh mất mình chạy theo cái Ta già dối, tức là sống với vọng tâm, vọng tình, với những khao khát thèm muốn, không bao giờ thỏa mãn, giống như người uống nước muối càng uống càng khát. Con người thời nay có thể sống một đời sống hưởng thụ đầy đủ ngũ dục nhưng thiếu sự an ổn nội tâm. Trong Phật giáo, Đức Phật dạy tâm an định là hạnh phúc cao thượng. Một nhóm đạo sĩ loã thể Nigantha (Ki-na giáo) cho rằng Đức Phật không hạnh phúc bằng Quốc vương Tân-bà-sa-la xứ Ma-kiệt-đà, vì Ngài sống thiếu thốn về mọi mặt trong khi nhà vua có nhiều thế lực và thụ hưởng đầy đủ tiện nghi vật chất.

Đức Thế Tôn hỏi lại:

“Này các ông bạn, vậy các ông nghĩ sao? Vua Tân-bà-sa-la xứ Ma-kiệt-đà có thể nào ngồi yên không cử động nói năng, không ăn uống trong thời gian một ngày một đêm mà vẫn hạnh phúc chăng?”

- Không sao thể được.

- Còn Như Lai thì có thể ngồi yên không cử động nói năng, không ăn uống chẳng những trong một ngày

đêm mà cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày bảy đêm mà vẫn an vui tự tại. Vậy giữa vua Tân-bà-sa-la và Như Lai ai hạnh phúc nhiều hơn?

- Bạch Thấy Gotama đáng kính, nếu vậy thì Ngài có hạnh phúc nhiều hơn vua Tân-bà-sa-la xứ Ma-kiệt-đà rồi!

Đức Phật kể câu chuyện trên đây để chứng minh rằng hạnh phúc cao thượng chỉ tìm được trong chánh định. Vì cái tâm yên tĩnh vắng lặng hằng đem lại mùi vị tuyệt vời của đạo, khác hơn hạnh phúc tương đối thế gian chỉ là bề trái của các niềm thống khổ. Nào ai có thể quả quyết rằng mình sống hạnh phúc trong khi chưa diệt được những thảm họa: sanh, già, đau, chết? Khi còn phải gánh vác số nghiệp quả trái ngang? Khi còn bị dục vọng đổ xô vào tội lỗi trong sinh hoạt hằng ngày để bảo tồn mạng sống?

Đức Phật thuyết: *"Hỡi này các Tỷ-kheo! Người đời có thể được thỏa mãn về vật chất, no cơm ấm áo, thân hình khỏe mạnh trong một năm, hai năm... cả trăm năm hoặc lâu hơn nữa. Nhưng chẳng một ai tránh khỏi chứng bệnh tinh thần trong giây lát, ngoại trừ những bậc đã bừng tận gốc rễ những điều ô nhiễm bên trong, đã loại trừ tất cả phiền não từ ngoại cảnh đưa vào... những bậc đã thoát ly trần tục".*

Đây là hạnh phúc trường cửu vững bền của Phật giáo. Một thứ hạnh phúc thành đạt nhờ tâm Từ bi hi xả, trong đó không có sợ hãi, xung chướng, dị biệt, tham lam, thù hận... mà chỉ có tình thương rộng lớn phù trùm lên vạn vật. Dĩ nhiên, đạo Phật không chấp nhận cuộc sống chạy theo những dục vọng vật chất thấp hèn, nhưng cũng không để cao cuộc sống nghèo đói khổ cực, kham khổ.

Về phương diện tu hành, đạo Phật không chấp nhận lối tu ép xác khổ hạnh, hành hạ bản thân. Lối tu đó chỉ làm cho bản thân bệnh hoạn và đầu óc thêm u mê mà thôi. Đức Phật khuyên chúng ta tránh cả hai cực đoan, một là chạy theo dục lạc



vật chất, hai là sống ép xác khổ hạnh.

Đức Phật khuyến dạy học trò mình cũng như tất cả mọi người sống nếp sống lành mạnh, trí túc, giản dị, hướng thượng, chói sáng đạo đức giới hạnh và trí huệ, một nếp sống mà tất cả mọi người giàu hay nghèo, xuất gia hay tại gia, ở phương Đông hay phương Tây đều có thể sống hay hướng đến. Một nếp sống như vậy sẽ đem lại sự an định nội tâm, sự sáng suốt của trí tuệ, giúp cho con người nhận thức được chính xác sự việc, sự vật và những vấn đề của cuộc sống để hoá giải vướng mắc, chấp thủ khổ đau. Chính nhờ đó mà con người làm chủ bản thân và sống hài hoà với chính mình và với mọi người và với cả thiên nhiên, thì con người mới tìm được hạnh phúc thật sự.

Như vậy hai xu thế hướng nội và xu thế hướng ngoại không có gì là mâu thuẫn. Xu thế hướng nội là quay về tự kỹ xét tâm mình mà tu

thì không thể cho đó là tiêu cực. Trong cuốn *"Chánh Pháp Nhân Tạng"* có nói: *"Tu hành theo Phật pháp là tìm hiểu tư kỹ. Tìm hiểu tư kỹ tức là thể nhập tự tâm. Thể nhập tự tâm, tức liễu ngộ vạn pháp. Tất cả tâm và vật, cả mình và người đều thoát lạc không còn gì cả".*

Còn xu thế hướng ngoại trong đạo Phật, từ ngữ chuyên môn gọi là tinh thần Bồ Tát Đạo. Nếu nói theo tinh thần trao đổi kiến thức trụ trì năm nay của hệ phái Khất Sĩ tại Tịnh xá Trung Tâm, đó là tinh thần hướng tới một cuộc sống vị tha tích cực, vì lợi lạc của tất cả mọi người, mọi chúng sanh.

Kinh điển của Phật giáo Nguyên thủy có ghi những lời dạy của Đức Phật khuyến khích đệ tử của mình hãy tích cực hoằng hoá độ sanh, và nhất là thực hành bốn nhiếp pháp để thân cận, gần gũi chúng sanh, làm lợi lạc cho chúng sanh.

Cùng với bốn nhiếp pháp, người Khất Sĩ giác ngộ về thuyết vô ngã, còn ra sức tu tập, thực hành bốn vô lượng tâm, tức là mở rộng lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả bao trùm tất cả chúng sanh. Đồng thời cũng thực hành sáu hạnh ba-la-mật, tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ. Sáu hạnh này được tu tập và thực hành đến chỗ hoàn hảo, triệt để sẽ giúp cho những người sống theo lý tưởng Bồ Tát giác ngộ chuyển hoá, vút bỏ hoàn toàn cái Ta nhỏ hẹp, vị kỷ, sống hoà nhập vào đạo, vui cùng tất cả mọi người, mọi chúng sanh. Đó là sự tu và hành đạo, là nếp sống của những người con Phật, của người Khất Sĩ Bồ Tát giác ngộ về lý vô ngã của Đạo Phật. ■

Khảo cứu và biên soạn xong ngày 3/6/2012 (nhằm ngày 14/4 nhuận năm Nhâm Thìn), TX. Ngọc Đông - Huyện Gò Công Tây - Tỉnh Tiền Giang.

• TT. Thích Minh Thành Ph.D

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Milinda-Tika

Tác phẩm *Milinda-Tika* còn có tên là *Madhuratthapakasini*, là một luận giải về tác phẩm *Milindapanha*. Tika có nghĩa là "dưới sơ giải" hay luận về sơ giải mặc dù không có một sơ giải (atthakatha) nào viết về *Milindapanha* mà chúng ta biết.

Bản lá bối của tác phẩm này đã được Giáo sư P.Tuxen khám

phá trong thời gian ông ở Thái Lan từ năm 1922 đến 1924. Sau đó tác phẩm được ông Padmanabh S. Jaini biên tập lại vào năm 1961, phục vụ cho hội Pali Text Society ở London.

Như được ghi trong lời bạt của tác phẩm *Milinda-Tika*, tác giả của *Milinda-Tika* là một nhà sư tên là Mahatipitaka Culabhaya, trú ở chùa Mahavihara xứ Anuradhapura. Điều lạ là Biên

niên sử của Sri Lanka không hề đề cập gì đến tác phẩm này, các thư mục về các bản viết tay khác cũng không nói đến. Có lẽ vì vậy mà Jaini đã phủ bác Mahatipitaka Culabhaya khi Mahatipitaka Culabhaya tự xưng là một tăng sĩ Sri Lanka; đồng thời cho rằng tác phẩm này do một tăng sĩ tu theo truyền thống Sri Lanka biên soạn ở Chiangmai - Thái Lan.

Vì sự bí ẩn chứa trong đó, chúng ta khó mà xác định được chính xác được niên đại mà tác phẩm xuất hiện. Tuy nhiên, rõ ràng tác phẩm này được viết không sớm hơn đầu thế kỷ thứ 13, vì có rất nhiều tác phẩm mà tác phẩm này đề cập đến được viết ở cuối thế kỷ thứ 12. Mặc khác, Jaini còn luận giải và định ra niên đại của nó là năm 835 của vương triều Sakarajavassa và suy đoán đó là năm 1474. Đây là một niên đại khá dĩ nhất.

Bản viết tay của Tika bao gồm 188 phiến lá được viết bằng mẫu tự Cambodian chính thống. Nội dung số luận được chia làm 4 phần:

- (1) Pakinnakatthavivaranam,
- (2) Jatakuddharanam,
- (3) Ganthasarupam,
- (4) Samkhyasarupam.

Phần Pakinnakatthavivaranam, bắt đầu với đoạn ghi lời phát nguyện, là phần duy nhất xứng gọi là luận giải về tác phẩm chính. Nó miêu tả dài hơi về 6 phương pháp truyền thống trong việc làm rõ nghĩa của một từ ngữ. Sau đó là phần chính của luận giải hướng đến việc giải thích những từ, những cụm từ... khó hiểu được tìm thấy trong *Milindapanha*. Trong tiến trình luận giải Culabhaya dựa vào sức đọc của mình đã trích dẫn rất nhiều từ những tác phẩm khác, kể cả những luận giải như *Abhidhanappadipika*, *Vinaya-vinicchaya-tika*, *Anguttara-tika*, *Jinalankarana-tika* và *Khuddhasikkha-tika*, trong đây có những tác phẩm vẫn chưa từng xuất hiện trong công chúng.

Trên phương diện luận giải, tác phẩm này không có giá trị lớn. Mặc dù, *Milindapanha* chứa đựng rất nhiều những từ khó hiểu và những điểm giáo lý khó thấu đáo cần những bộ óc học thuật xem xét, nhưng tác giả của

Tika chỉ chọn ra một ít để luận giải và để lại tất cả những chỗ thú vị đáng chú ý khác. Xa hơn một chút, chúng ta thấy rằng trong 175 panhas (91 trong *Milindapanha* và 84 trong *Mendakapanha*) được Culabhaya đề cập, chỉ có 110 câu là được dụng chạm đến, còn lại 65 câu chỉ



được nói phớt qua.

Phần thứ hai là Jatakuddharanam đã chiếm gần 3 phần 4 của Tika. Phần này rõ ràng là một luận giải về những đoạn trong *Milindapanha* có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến những câu chuyện *Jataka*. Như vậy tác giả đã không thỏa mãn với việc truy nguyên lại cội nguồn của những câu kệ và những câu chuyện *Jataka* trong *Milindapanha*, tác giả còn viết lại tất cả 24 câu chuyện *Jataka* và những câu chuyện trong tác phẩm đương đại *Paccuppannavatthu* và những câu chuyện quá khứ *Nidanakatha*. Những

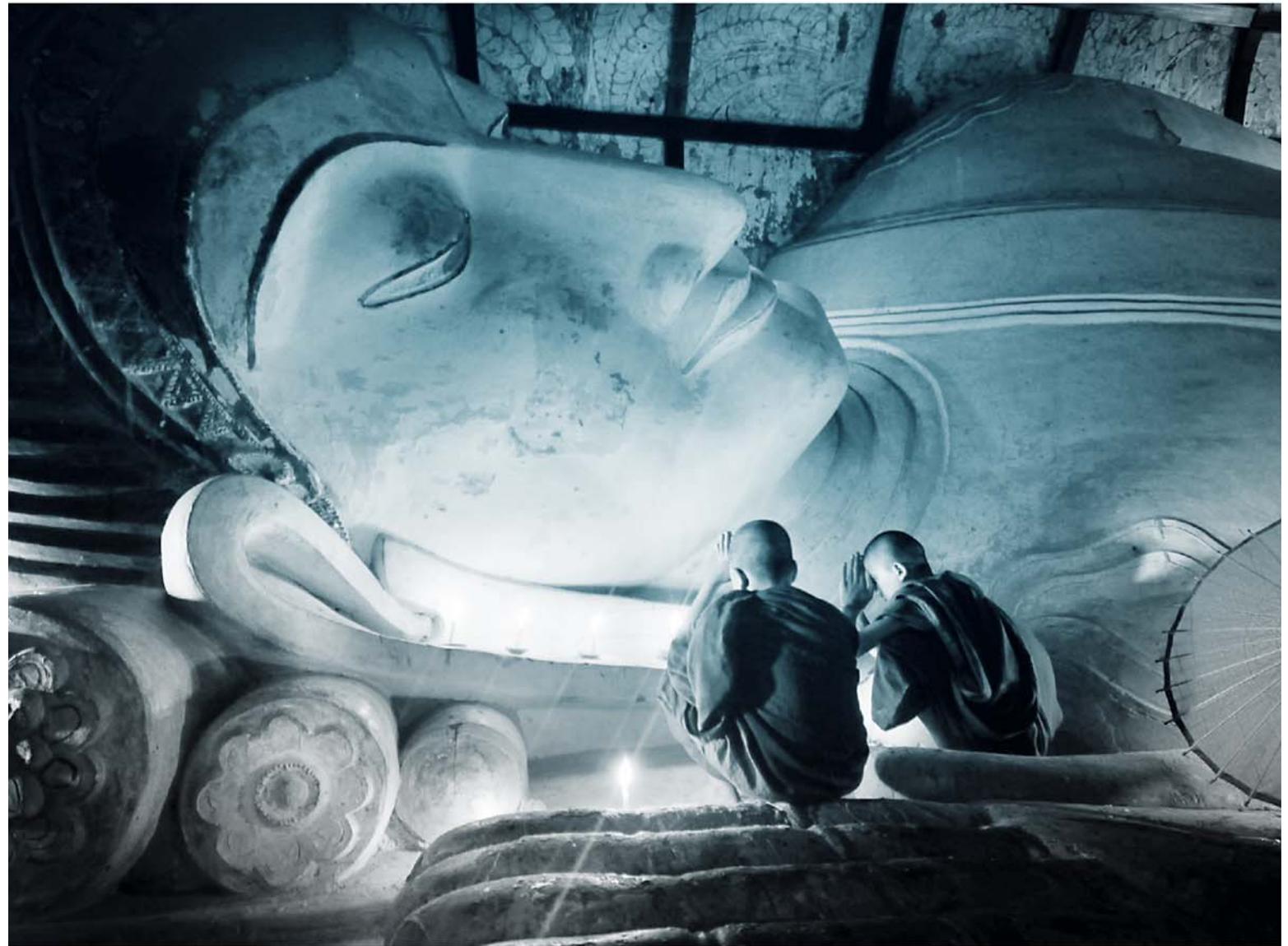
câu chuyện *Jataka* được trích thuật và ghi lại trong phần này dường như dựa trên phiên bản mới nhất của Miến Điện.

Có một tiêu điểm đáng chú ý nữa trong *Jatakuddharanam* là phần sửa lỗi mà tác giả của Tika đã làm đối với những câu chuyện *Jataka* có mặt trong *Milindapanha*. Khi phát hiện ra những chỗ bị lỗi, Culabhaya còn tiến thêm một bước là giải thích những lỗi đó, kết luận rằng vua Milinda đã có được những câu chuyện này từ những nguồn khác. Điều phải nêu ra ở đây là chính Culabhaya là người đầu tiên ghi nhận những sai sót này và hiệu chỉnh chúng.

Ganthasarupam hay phần ba của Tika có dạng giống như một phần phụ lục của *Milindapanha*. "Chỉ có một số ít những câu kệ này được truy ngược về nguồn gốc xuất xứ. Tuy nhiên, bộ sưu tầm những câu trích dẫn lại có một giá trị đáng kể trong việc kết luận về mối liên hệ giữa bản *Milindapanha* mà chúng ta còn giữ và bản *Milindapanha* mà Tika dùng làm cơ sở". Hơn nữa, chúng ta có thể thấy rằng những con số được ghi lại trong phần này không khớp với những con số của bản *Milindapanha*.

Phần cuối của tác phẩm luận giải là *Samkhyasarupam* cũng có thể được xem là một dạng phụ lục của tác phẩm chính theo kiểu của tác phẩm *Sangitisuttanta* đối với Trường bộ kinh. Nhiều hạng mục hỗn tạp trong *Milindapanha* được sưu tập lại nơi đây và được trình bày theo dãy số từ nhỏ đến lớn. Tiêu điểm đáng chú ý của tác phẩm này là phần lời bạt dài hơi một cách bất thường theo thể trường hàng và thể thơ kệ. Phần trường hàng được vay mượn trực tiếp từ tác phẩm *Atthasalinī*. ■

(Theo C.S.Ranasinghe)



Hữu thể theo những nhà tuyệt đối luận

(Tiếp theo)

● TT. Thích Minh Thành Ph.D

Ở bài trước chúng ta đã ghi nhận rằng trong nền Phật học cổ đại xuất hiện một cảm thức tự do trong việc giải thích giáo nghĩa theo thiên hướng riêng của những người đệ tử thuộc thế hệ sau. Cảm thức tự do trong việc giải thích lời Phật dạy dần dần trở nên một vấn đề đáng ngại.

Để hóa giải, trước đó Đức Phật đã thiết định ra những nguyên lý căn bản trong việc diễn giải kinh điển. Khi Phật Niết-bàn được 3 tháng, cũng nhằm để ngăn chặn sự hiểu sai lệch giáo pháp, cuộc kiết tập kinh điển lần thứ nhất được tiến hành. Nhờ vậy mà cảm thức tự do này được lắng xuống trong một khoảng thời gian khá dài, gần 250 năm. Sau chừng đó

thời gian, những tiếng nói khác nhau trong việc giải thích giáo nghĩa theo thiên hướng riêng bắt đầu vang lên trở lại. Những tiếng nói trái chiều với nhau đã tranh biện về 3 đề tài đã xuất hiện từ lâu như (1) Bản chất của dòng tương tục trong sinh mạng của một người; (2) Tính chất thực có của những yếu tố tạo nên một người; (3) Trạng thái của một

người đã giải thoát.

Từ nguồn thông tin trong tác phẩm *Những điểm dị biệt*, một tác phẩm thuộc hàng kinh điển xuất hiện sau Phật niết-bàn khoảng 250 năm, chúng ta đã được biết về những khuynh hướng triết học thời đó, cụ thể như Tuyệt đối luận, Tinh túy luận, Thật hữu luận. Những khuynh hướng triết học đó sản sinh ra những khái niệm mới mẻ, bàn đến những đề tài mới mẻ. Trong đó hữu thể là một đề tài nổi trội. Hữu thể được xem như là cái đã đảm trách dòng tương tục trong sinh mạng của một người, cái hữu thể đó được xem như thật có, chính đó là con người thật. Ở đây tiếp tục với tác phẩm *Những điểm dị biệt* chúng ta sẽ bàn về đề tài triết học thứ hai được tranh luận và được tác phẩm *Những điểm dị biệt* ghi chép lại: Tính chất thực có hay thực hữu của các pháp. Chính xác hơn: Sự thực hữu của tất cả pháp (*sabbam*) trong tất cả thời (*sabbada*). Quan điểm này dường như được luận lý như sau: Nếu không có một tác nhân bí mật nào làm chủ các uẩn thì chỉ ít các uẩn phải thật hữu và tối hậu. Sự hiện hữu có thật và tối hậu này không hạn chế trong phạm vi của thời quá khứ và thời hiện tại, mà nó còn hiện hữu trong thời vị lai. Mạch lý luận của những nhà Tuyệt đối luận về điểm này là, cần phải vượt thoát khỏi sự không chắc chắn liên quan tới tương lai. Vượt qua được hay không chủ yếu là do có chấp nhận hay không chấp nhận rằng "không có cái gì hiện ra từ hư vô". Vì vậy mà có lý thuyết cho rằng cái tinh túy, tính thể hay cái thật hữu của tất cả pháp, cái đó có mặt trong mọi thời. Nó có hơi hướm của cái gì đó thuộc bản thể, vượt ra khỏi sự hệ lụy hay hạn chế của không

gian và thời gian.

Những điểm dị biệt, dĩ nhiên không cất công định nghĩa cái tính thể hay cái thật hữu đó. Nơi mà chúng ta tìm thấy định nghĩa của nó là trong một học phái triết luận tên là Nhất Thiết Hữu Bộ. Nhất Thiết Hữu Bộ được gọi tên từ ý nghĩa của chính học thuyết của nó cho rằng tất cả pháp đều thật có "everything exists" (*sabbam atthi, Skt. sarvam asti*), học thuyết này được bàn đến trong *Những điểm dị biệt*. Đối mặt với những khó khăn khi giảng giải về cái tương tục dựa trên cách nhận thức của giáo lý sát-na, cũng y như trường hợp của Kinh Lượng Bộ, những nhà Nhất Thiết Hữu Bộ phân biệt một bên là các pháp, sự kiện, hiện tượng và một bên là cái thực tính hay cái tính thể hằng hữu cố hữu của nó (*svabhava*). Đây là một trong những quan niệm tuyệt đối thô phác và công nhiên nhất so với những quan niệm về Nhân tướng (*Pudgala*) Như Lai tạng, hay tạng thức càng lúc càng tinh tế ảo diệu hơn sau này. Vị đạo sư nổi bật nhất của Nhất Thiết Hữu Bộ tên là Dharmatrata (Hán: Đạt-ma-đà-la, Pháp Cứu) đã minh thị rất rõ về *svabhava* khi trình bày những ý tưởng của ông về giáo pháp.

Theo Dharmatrata, một pháp, một sự kiện hay một hiện tượng đều trải qua ba giai đoạn của dòng thời gian: quá khứ, hiện tại, và tương lai. Trong quá trình này chỉ có cái thể cách (*bhava*) hay cái cấu hình hay cái ngoại biểu thay đổi mà thôi, chứ không phải cái thực chất hay chất thể (*draya*) thay đổi. Chính cái thực chất hay chất thể này được gọi là tính thể hằng hữu hay thực hữu. Trong thế giới của những hiện tượng vật thể thì tính thể hằng hữu biểu lộ ra ngoài, thí dụ, một thỏi vàng. Một thỏi vàng có thể biểu hiện ra



trong nhiều hình dạng khác nhau, hay những hình dáng tương tự với nhau trong những thời điểm khác nhau. Những hình dạng hay hình dáng này biến chuyển tương ứng với những hoàn cảnh khác nhau. Tuy nhiên, vàng vẫn là vàng. Trong phạm vi của chữ nghĩa và khái niệm, vàng là một từ vững chắc.

Khá thú vị, Dharmatrata luôn tránh việc khẳng quyết rằng có một yếu tố thường hằng (*nitya*) ở trên và yếu tố này không nằm trong phạm vi của sự thay đổi thuộc hình dạng. Có lẽ ông nhận thức được rằng khẳng quyết kiểu như vậy thì không khác gì công khai đi ngược lại giáo lý vô thường của nhà Phật. Tuy nhiên, sự lảng tránh như vậy không giúp gì nhiều cho Dharmatrata, bởi vì sự phân biệt mà ông chủ trương sẽ là vô nghĩa trừ khi ông ta thừa nhận rằng cái-gọi-là-thực-chất hay chất thể (*draya*) là thường hằng và vĩnh cửu.

Phương diện khác, dùng thí dụ nói bản chất của vật chất (kim loại vàng) để biện minh

cho khái niệm thực chất hay chất thể thì rất thuyết phục. Tuy nhiên khi giải thích những sự kiện tâm lý thì cách suy nghĩ của những nhà Thực chất luận có thể dẫn đến những kết luận không khả dĩ và không khả quan chút nào. Mặt khác, sự nhận thức của những nhà Thực chất luận về khái niệm đau nhức hay đau khổ dường như sẽ đưa lối dẫn đường đến một quan niệm tiêu cực về cuộc sống. Điều này được ghi chép trong tác phẩm *Abhidharma-kosa bhasya* của Vasubandhu. Trong đó có câu: "Theo một số người, thật sự (trên đời này) không có hạnh phúc. Mọi thứ đều là khổ đau". Người ta hy vọng rằng thái độ bi quan như vậy sẽ được đối trọng và quân bình bởi một thái độ lạc quan mạnh mẽ tương đương. Vấn đề là muốn có thái độ lạc quan tương đương thì phải có một quan điểm Tinh túy luận, đó thực sự chính là cái mà những nhà siêu hình học Phật giáo đề xướng. Vì vậy mà Vasubandhu khẳng quyết "Những cảm giác hạnh phúc là thật sự có theo dạng một tính cách duy nhất" (*asty eva svalaksanatah sukha vedana*). Điều này chẳng khác gì một sự thừa nhận rằng có những cách hay những trình thức quan niệm cố định (*non-reducible*), đó lại là kết quả từ khung cửa sổ của Tinh túy luận.

Mặc khác như chúng ta đã biết quan niệm về cái tính-thể-tự-nó hay cái chất thể (*svabhava*) như Dharmatrata chủ trương đã từng dẫn đến tình thế ngược ngao đối với lý nhân duyên. Chúng ta thử tìm hiểu tại sao quan niệm như thế trở nên công nhiên rõ ràng nếu nhìn từ một khung khái niệm khác do những nhà Nhất Thiết Hữu Bộ chủ trương. Đó là khái niệm *karana-hetu*, thông thường

được dịch là "nguyên nhân tự thể". Điều cần chú ý là *karana-hetu* được định nghĩa là tất cả những pháp khác, trừ bản thân nó ra (*svato 'nye karanahetuh*). Định nghĩa như vậy cho chúng ta hiểu rằng *karana* có nghĩa như một mối quan hệ (*hetu*), *karana* mang mối liên hệ với tất cả và chỉ những pháp nào không mang mối liên hệ với tự thân (*svato 'nye*). Chúng ta hãy xem một thí dụ phổ thông hơn từ nền triết học phương Tây. Một thợ cạo râu là một con người duy nhất miễn là ông còn cạo râu cho người khác, chứ không phải cạo râu cho bản thân ông ta. Nếu một người nào đó tự cạo râu cho mình thì khái niệm thợ cạo râu trở thành không cần thiết, vì dịch vụ cạo râu do thợ cạo râu cung ứng chỉ cần thiết đối với những người không tự cạo râu mà thôi. Điều này khiến cho người ta có thể đặt câu hỏi người thợ cạo râu có tự cạo râu cho chính ông ta hay không. Câu trả lời làm sụp đổ nền tảng của định nghĩa về người thợ

cạo râu. Như vậy, cuộc truy tìm cái tính-thể-tự-nó hay cái chất thể (*svabhava*) dẫn đến một tình thế ngược ngao đối với giáo lý Nhân duyên nói riêng và đối với giáo lý nhà Phật nói chung.

Những điều trình bày ở trên chỉ là những phương thức tinh tế hơn trong việc biện luận rằng về phương diện tinh túy, mọi thứ đều thật hữu (*sarvam asti*). Khi Những điểm dị biệt đối luận với quan điểm cho rằng "mọi thứ đều thật hữu" (*everything exists*), Những điểm dị biệt không bác bỏ cách suy tưởng vô hại mà phủ bác cách suy tưởng độc hại. Việc làm này đòi hỏi phải có công lao của những trí tuệ đỉnh cao để có những phân tích tốt nhất. Lịch sử tư tưởng Phật giáo thực sự đã không chỉ có một mà có đến ba đỉnh cao như vậy về ba phương diện: Một nhà Triết học ngôn ngữ vô song Nagarjuna, một nhà Tâm lý học thượng thặng Vasubandhu và một nhà Luận lý học kỳ vĩ Dignaga. ■



Sau bữa điểm tâm sáng mai, khóa tu thiền 7 ngày tại đây sẽ kết thúc viên mãn. Tôi hy vọng các vị thể hội được kinh nghiệm “mọi lúc hưởng pháp hỷ, mọi nơi hưởng thiền duyệt”. Bởi chúng ta đều có phiền não nên thường cảm thấy không thoải mái, nếu đã học qua Phật pháp rồi thì nên ứng dụng để hóa giải phiền não.

I. PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH

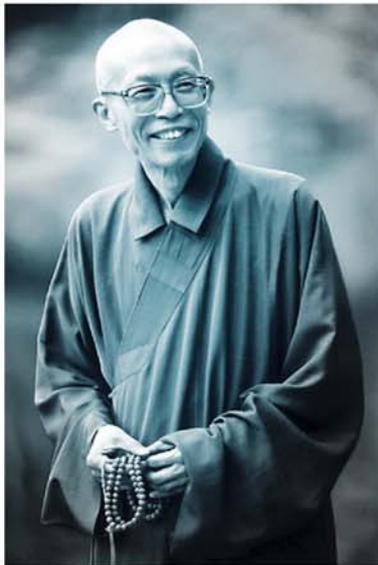
Có hai phương pháp.

1. Khai thông các quan niệm

Dùng quan niệm Phật pháp khai thông các phiền não trong lòng gọi là Pháp hỷ. Mọi lúc đều dùng quan niệm này để giúp ta diệt trừ vọng tưởng chấp trước, dứt bỏ gốc tự ngã. Mỗi khi gặp khó khăn hay đau khổ, ta nên dùng quan niệm về Phật pháp để giải trừ các áp lực, gánh nặng và không thoải mái của tâm lý.

2. Rèn luyện thân tâm

Dùng các phương pháp rèn luyện thân tâm ta, chủ yếu là ngồi thiền, lễ Phật, tụng kinh... Các phương pháp này giúp chúng ta duy trì chánh niệm, không còn vọng tưởng nữa, sau đó biến các



tạp niệm thành chánh niệm, cuối cùng là vô niệm. Quá trình này gọi là Thiền duyệt.

II. HÀI HÒA THÂN TÂM

Sau khi dùng chánh niệm diệt trừ tạp niệm, gốc của tự ngã cũng từ tán loạn mà thành chú tâm, khi đạt được sự chú tâm có thể làm chủ bản thân. Khi chuyên tâm đang tập trung thành tâm thống nhất bạn sẽ nhận ra rằng sự tồn tại của ta không còn quan trọng nữa. Nếu như sự tồn tại cá nhân không còn quan

trọng nữa tức là ta và môi trường chung quanh cho đến thân và tâm của người khác không còn đối lập nhau. Đã không còn đối lập thì ta không còn gánh nặng, hơn nữa cũng không còn cầu mong hay kháng cự, trong tâm luôn duy trì trạng thái bình an, vui vẻ.

Trong kinh Phật dạy, trong thời kỳ nào hay nơi chốn nào không có Phật pháp, chỉ cần nghe quý thân hay hóa nhân nói nửa câu kinh Phật cũng đạt được vô lượng Pháp hỷ. Trong thế giới của chúng ta, những người chưa nghe đến Phật pháp thì rất nhiều. Các vị không những có pháp để nghe mà còn nghe suốt đến một tuần lễ, dù chưa giải thoát nhưng có thể ứng dụng các giáo pháp đó tùy thời mà xử lý các vấn đề về quan niệm hay tâm lý.

Nếu mọi lúc đều ứng dụng Phật pháp để tu hành thì không còn giờ phút nào cho sự đau khổ, thất vọng, oán hận hay đố kỵ nữa.

III. SỰ NHẬN THỨC PHÁP HỶ

Nói về Phật pháp các vị rất cực đã nghe được những gì

PHÁP HỶ & thiền duyệt

Ngày 1.6.1990, Hoà thượng Thánh Nghiêm giảng vào sáng ngày thứ 7 của khóa tu thiền 7 ngày lần 48 tại Thiền viện Đông Sơ – New York

● Pháp sư Thánh Nghiêm
Liên Hạnh dịch Việt

rồi? Sau khi nghe pháp 7 ngày có người hỏi rằng:

- Làm sao có thể giúp chúng tôi vui vẻ? Câu nói nào giúp chúng tôi hoan hỷ?

Đó là vì trong 7 ngày các vị đã nghe quá nhiều nhưng lại không hiểu cái gì là Phật pháp. Cũng giống như mỗi ngày chúng ta hít không khí vào nhưng có mấy ai nhận ra giá trị của không khí giúp ta có cuộc sống và duy trì sinh mạng này đây? Trong 7 ngày, các vị từng nghe qua ý nghĩa của nhân quả, nhân duyên, tín tâm, sám hối, tâm quý, và cũng từng nghe qua cúng dường, phát nguyện hồi hướng, dẹp bỏ tự ngã và mở cánh cửa tâm chử? Đừng nên đóng cánh cửa tâm của mình lại.

Sau khi trải rộng tâm ra, để các ý niệm mặc tình đến nhưng trong tâm không dính mắc vào vật gì, các vị nghe qua những điều này có phải là Phật pháp không?

Thật ra tất cả đều là đại cương Phật pháp, cũng có thể nói là Phật pháp tổng quát.

Là người tín ngưỡng Tam Bảo, bạn không nên đánh mất đường đi phía trước. Tin vào nhân quả bạn sẽ không còn oán trời, trách đất. Tin vào nhân duyên bạn sẽ không coi đau khổ là việc lâu dài, không coi hạnh phúc là thực tại nữa. Hiểu và biết dùng lòng hổ thẹn, bạn sẽ không còn tâm kiêu ngạo, kiêu mạn hay đố kỵ nữa.

Chúng ta nên phát nguyện cúng dường, cúng dường tức là dâng trọn thân tâm cho Tam Bảo, tu trì và tiếp thọ giáo pháp để phụng sự chúng sanh. Sau khi

phụng sự rồi thì các vấn đề bản thân không còn quan trọng nữa. Bởi vì chúng sanh quan trọng hơn cá nhân mình. Một khi bạn xem chúng sanh quan trọng hơn bản thân thì bạn sẽ hết phiền não, sẽ vui vẻ trở lại.

Đức Phật dạy chúng ta thiếu dục, tri túc và biết hổ thẹn. Chỉ có thiếu dục, tri túc mới có thể an tâm mà tu học Phật pháp. Chỉ có thiếu dục, tri túc mới thật sự sanh lòng hổ thẹn. Biết hổ thẹn mới biết sám hối nghiệp chướng gây tạo từ bao đời. Sám hối rồi thì tâm ta mới được an lạc. Đây tức là trong Phật pháp có pháp hỷ.

Điều đó cho thấy có rất nhiều điều mang đến pháp hỷ cho chúng ta. Kinh có dạy rằng: *"Phật pháp nan văn kim kỳ văn"* tức là Phật pháp khó nghe, nay ta được nghe. Trong khóa thiền 7 ngày, các vị đã nghe pháp nhiều rồi, mặc dù chưa tự thân chứng ngộ được thể tánh hay tánh không của các pháp, nhưng nghe được chánh pháp của Phật-đà thì nên hoan hỷ lên mới phải chứ.

IV. THỂ HỘI THIÊN DUYỆT

Trong 7 ngày chúng ta chuyên cần rèn luyện thân tâm. Khi mới bước vào thiền đường, cơ thể chưa quen với sinh hoạt thiền tập nên còn nhiều chướng ngại, cảm thấy quá sức, đau nhức, không thoải mái. Nhưng sau khi quen với việc ngồi thiền, cơ bắp và thân hình sẽ trở nên nhẹ nhàng, khí huyết và mạch đập cũng trở nên dễ chịu, cơ thể sẽ có cảm giác nhẹ nhàng như trút gánh nặng. Cảm giác nhẹ nhàng,

an định này mang đến cho chúng ta cái gọi là thiền duyệt.

Bởi chỉ có thể dùng lực tập trung chú ý để gom tâm lắng xuống, tạp loạn lại, lúc đó tự nhiên có thể giảm bớt sự mệt mỏi về tinh thần và cảm giác bất lực trước tâm của mình, cảm thấy mình đang sống trong môi trường sung mãn, đầy sức sống, vừa trong lành vừa ổn định; thường biết rằng mình đang sống ở đâu, cũng thường biết rằng mình nên tận tâm tận lực mà làm việc, không còn tâm được mất, phân biệt ta và người, không biết đến sâu, bi, khổ, não. Đây không phải là thiền duyệt sao?

Trong bảy ngày này, tôi thường dạy quý vị thả lỏng thân tâm, từ từ quý vị sẽ làm được. Nếu có thể biến thân tâm đang căng thẳng thành nhẹ nhàng tức là hưởng được mùi vị Thiền duyệt rồi.

V. BUÔNG XÁ

Khi ngồi thiền có thể tập buông xả thân tâm, trong bất cứ lúc nào cũng phải luyện tập. Có thể tập phương pháp buông xả này một thời gian, trong bất kỳ lúc nào đều có thể thả lỏng thân tâm.

Một khi thân tâm đã buông xả tức là chúng ta được nghỉ ngơi. Khi đầu óc cần nghỉ ngơi thì cho nó nghỉ ngơi. Nên để đầu óc và cơ thể nghỉ ngơi đầy đủ, đừng bắt bộ não phải suy nghĩ, con mắt phải nhìn, lỗ tai phải nghe, thân thể cảm xúc thì sẽ thoải mái hơn. Trong cuộc sống đời thường, giữ thân tâm an định, nhẹ nhàng cũng là thể nghiệm được thiền duyệt, cho nên trong cuộc sống chúng ta cũng là "mọi nơi đều hưởng thiền duyệt". ■



Thiền hành

Thường Như

Chạm vào đất bàn chân tiếp xúc,
Cả vạn duyên sinh khởi liên hồi
Nghe âm ầm sức vận hành tự hội
Đất hiển hoà cho suối mát từ bi

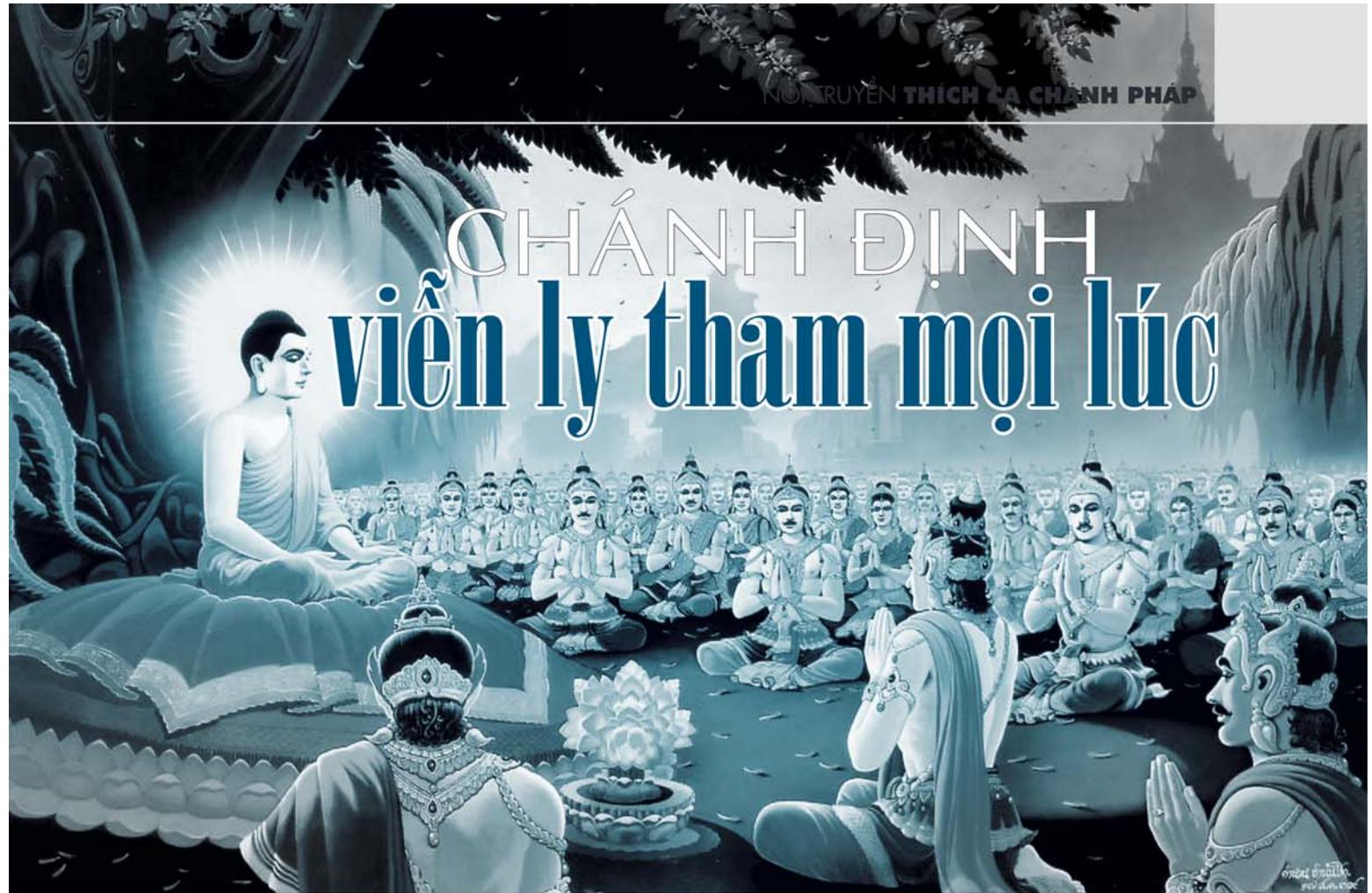
Giờ gót chân là một cuộc chia ly
Xa mặt đất hiện sinh bằng dị - diệt
Cưỡi nẻo đường cuộc chuyển mình biến biệt
Trở về trong cuộc hội ngộ vô biên

Dài ngắn, thấp cao, mỗi động thái như nhiên,
Giờ, bước, đạp... hoà âm thanh đồng vọng,
Bước để bước chẳng có gì tổn động
Để thấy mình như ngàn lá, ngàn hoa

Ai là ai có biết hết trong ta,
Một phóng khởi cứ sinh rồi lại diệt
Như con sóng, sóng đang là sóng
Có còn không khi tiếp nối mãi đang là?



CHÁNH ĐỊNH viên lý tham mọi lúc



● Thiên sư Ajahn Chah - Thường Huyền dịch

Hãy chiêm ngưỡng tấm gương của Đức Thế Tôn. Ngài đã làm cả hai việc cùng một lúc đó là tự tu và hướng dẫn phương pháp hành trì. Ngài đã thực chứng cho hàng đệ tử. Đức Thế Tôn chỉ dạy những cách thực tập cơ bản, đây cũng là những phương tiện thiện xảo để dứt trừ tánh kiêu mạn. Ngài không thể thực tập thay cho chúng ta. Khi nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, tự thân mỗi chúng ta phải chiêm nghiệm và thực tập lấy. Lời dạy của Ngài có thể có khả năng giúp chúng ta hiểu giáo pháp ngay, nhưng Pháp không hiện hữu trong tâm của chúng ta được. Tại sao vậy? Tại vì chúng ta chưa thực tập Pháp, chúng ta chưa có kinh nghiệm gì cả. Giáo pháp sẽ được thông suốt khi có sự thực tập nghiêm túc. Nếu bạn hiểu rõ Pháp, điều đó cho biết bạn có

thực tập rồi. Nếu bạn khởi hoài nghi cũng chứng tỏ bạn có thực tập mới khởi hoài nghi được.

Những lời dạy từ bậc Đạo Sư có thể là đúng nhưng chỉ lắng nghe Pháp một cách đơn giản thì chưa đủ làm cho chúng ta nhận chân ra Pháp. Lời dạy chỉ đơn thuần là con đường, còn việc nhận chân Pháp, tự chúng ta phải đưa lời dạy ấy vào trong tâm của chúng ta. Phần cho thân thì chúng ta sử dụng thân, phần của ngôn ngữ chúng ta dành cho ngôn ngữ, và phần cho tâm chúng ta phải thể hội bằng tâm. Điều này có nghĩa là khi nghe pháp rồi, chúng ta phải thực hành trải nghiệm ngay để hiểu Pháp, chính đó mới là Pháp.

Đức Thế Tôn nói rằng người dễ tin lời người khác là người không sáng suốt. Một người sáng suốt sẽ thực tập cho đến khi nào anh ta và Pháp là một, cho đến khi nào anh ta có thể tự tin chính

minh, độc lập không ảnh hưởng bởi ai hay việc gì.

Một lần, trong khi đức Thế Tôn giảng giải giáo pháp, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi lắng nghe bên chân của Ngài. Bất chợt, Đức Thế Tôn quay xuống hỏi Tôn giả:

“Này Xá-lợi-phất, ông có tin những điều này không?”

Tôn giả trả lời: “Con chưa tin hẳn những điều này.”

Đây là một minh họa hùng hồn nhất. Tôn giả Xá-lợi-phất lắng nghe và ghi nhớ. Khi Tôn giả bảo rằng chưa tin, đó không phải là vì lơ đãng để rồi không hiểu giáo pháp, mà đó là nói sự thật. Tôn giả chỉ ghi nhớ một cách đơn thuần, chưa dụng công chiêm nghiệm tu tập nên thật sự không tin tưởng và Tôn giả trả lời Đức Thế Tôn rằng chưa tin tưởng lời dạy của Ngài. Những lời của Tôn giả tưởng chừng Tôn giả là người khiêm nhã, nhưng thực sự

Tôn giả không phải người như thế. Tôn giả đang nói sự thật, Đức Thế Tôn rất hài lòng và tán thán Tôn giả về sự nói thật này.

“Tốt lắm, Xá-lợi-phất. Một người sáng suốt không dễ dàng tin ngay, anh ta phải cân nhắc kỹ rồi mới tin.”

Thuyết phục làm phát khởi niềm tin có nhiều cách. Có người dùng lý lẽ trình bày Pháp theo chiều thuận, cũng có người trình bày theo chiều nghịch. Cách thứ hai khá liêu lĩnh, khó hiểu, gần với tà kiến (*micchaditthi*). Họ không lắng nghe ai khác. Lấy ví dụ Bà-la-môn Dighanakha. Ông ta chỉ tin tưởng chính ông, không bao giờ tin bất cứ ai. Có một lần, Đức Thế Tôn lưu trú tại Vương Xá Thành, Bà-la-môn Dighanakha đến nghe pháp. Hoặc bạn cũng có thể nghĩ

“Này ông, quan điểm này của ông không xứng hợp với ông.”

Khi Đức Thế Tôn trả lời theo cách này, Bà-la-môn sững sờ, bối rối. Ông không biết phải nói làm sao. Đức Thế Tôn bèn giải thích cho ông ta nghe bằng nhiều cách cho đến khi ông hiểu rõ. Ông thôi chỉ trích và thấy....

“Ồ, quan điểm này của ta thật không đúng.”

Sau khi nghe câu trả lời của Đức Phật, Bà-la-môn không còn kiêu căng ngạo mạn và ngay tức khắc giác ngộ chân lý. Ông quay về đường chánh như thể xoay bàn tay. Ông ca ngợi giáo pháp của Đức Thế Tôn như sau:

“Lắng nghe Thế Tôn dạy, tâm tôi bừng sáng lên,

Như thể người trong đêm, có

Bóng tối biến mất, chỉ còn ánh sáng ngự trị.

Đức Phật tuyên bố rằng Bà-la-môn Dighanakha pháp nhãn đã được khai thị. Trước đây Bà-la-môn Dighanakha cố chấp quan điểm của mình và chẳng hề nghĩ thay đổi chúng. Song khi nghe Đức Thế Tôn giảng giải giáo pháp, tâm ông ngộ ra sự thật và biết rõ quan điểm của mình lúc trước là không đúng. Khi nhận thức chân chánh có mặt, ông ta mới có thể nhận diện quan điểm sai trái của mình ngày trước, vì thế ông ví kinh nghiệm của ông như thể một người bao lâu nay sống trong căn nhà tối tăm nay đã tìm thấy ánh sáng. Kể từ đây, ông thay đổi quan điểm sai lầm của mình.

Bây giờ chúng ta hãy thay đổi như thế. Trước khi có thể dứt bỏ mọi uế nhiễm, chúng ta hãy thay đổi quan điểm của mình trước đã. Chúng ta hãy bắt đầu thực tập một cách đúng đắn và nghiêm túc. Trước đây chúng ta đã không thực tập một cách đúng đắn và nghiêm túc và chưa biết suy nghĩ đúng và chín chắn. Khi nhìn vào vấn đề gì, chúng ta hãy sáng suốt quán chiếu đúng đắn như là xoay bàn tay vậy. Như thế mới là “Người hiểu biết,” hay cũng gọi là người có trí tuệ mới có thể nhận diện sự vật một cách khác.

Do vậy, người tu tập phải thực tập khai triển sự nhận biết đúng đắn này. Ta gọi đây là Buddhò, nghĩa là Phật, bậc giác ngộ, người trí tuệ, tuệ giác phát sinh trong tâm. Khởi thủy, sự sáng suốt không có mặt, tri giác của chúng ta mờ mờ, không rõ ràng, không biết đâu thật, đâu đúng. Tri giác rất yếu ớt, không sao giúp tâm sáng suốt. Nhưng khi tâm thay đổi, hay nghịch chuyển, tình thức phát sinh, trí tuệ vượt xa sự tình thức kia liền phát sinh. Cái biết ban đầu kia

rằng ông ta đến để giáo huấn Đức Phật cũng được bởi vì ông ta chỉ biết quan điểm của mình mà thôi...

“Quan điểm của tôi không gì lay chuyển được.”

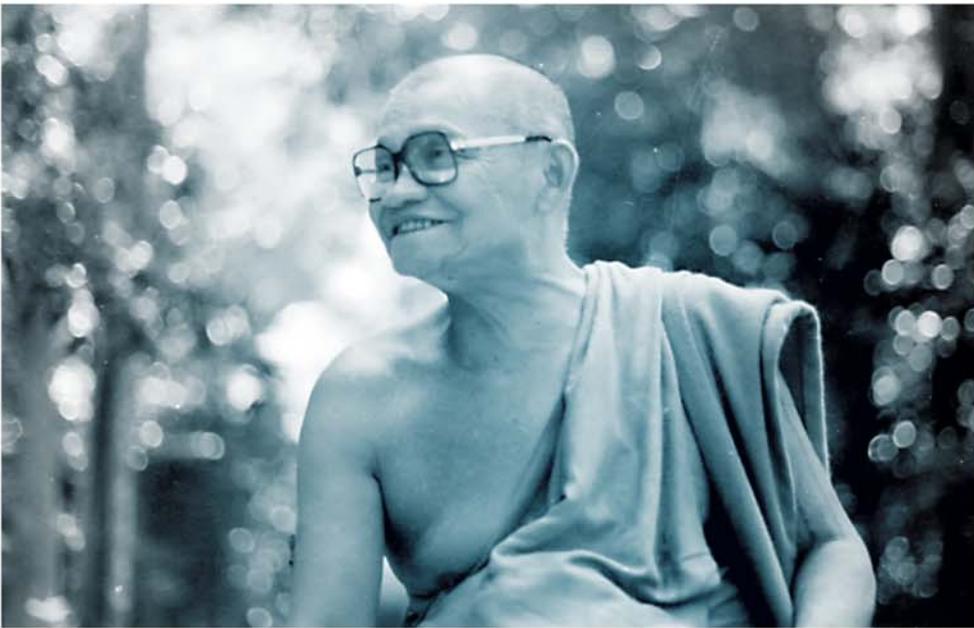
Đấy là quan điểm của ông ta. Đức Thế Tôn lắng nghe quan điểm của Bà-la-môn Dighanakha và rồi trả lời:

được cây đuốc sáng.

Tâm tôi cũng như thế, quay về con đường chánh,

Như người bị lạc lối, nay tìm thấy lối về.”

Vào lúc này, một tia sáng nào đó loé lên trong tâm ông ta khiến ông tỉnh ngộ, vỡ lẽ. Tà niệm biến mất nhường chỗ cho chánh niệm.





chưa đủ khả năng giúp chúng ta nhận biết đối tượng một cách rõ ràng, thấu triệt.

Thế cho nên, Đức Thế Tôn bảo chúng ta hãy quay về nội quán, nhìn vào bên trong (*opanayiko*). Hãy nhìn vào bên trong, đừng nhìn ra bên ngoài. Hay nếu bạn cứ nhìn ra bên ngoài rồi quay lại bên trong thấy nhân và quả bên trong. Nhìn bản chất thật trong vạn vật, bởi vì đối tượng bên ngoài và đối tượng bên trong luôn ảnh hưởng lẫn nhau. Việc thực tập của chúng ta phát triển một chút tinh thức nào đó cho đến khi nó mạnh hơn dần chút tinh thức trước đó. Trí tuệ từ đó phát sinh, tuệ quán phát sinh từ trong tâm có thể giúp chúng ta sáng suốt, hiểu rõ mọi hành hoạt trong tâm, ngôn ngữ của tâm và cả đường đi nước bước của phiền não.

Khi từ bỏ cung vàng điện ngọc, xuất gia tìm cầu giải thoát, rất có thể lúc bấy giờ Đức Thế Tôn chưa định hình rõ việc mình làm, không khác gì sự bối rối của chúng ta bây giờ đây. Ngài hành trì thử hết cách này đến cách nọ để trí tuệ phát khởi. Ngài theo sự hướng dẫn của các vị thầy như Udaka Ramaputta tu tập thiền định, chân phải trên chân trái, tay phải trên tay trái, giữ thân thẳng, mắt nhắm lại, theo đúng

phương thức cho đến khi Ngài có thể chứng đắc tầng định cao của pháp môn. Nhưng khi xả định, vọng tưởng lại khởi lên và Ngài lại đắm trước chúng như trước đây. Ngài biết trí tuệ vẫn chưa phát sinh. Trí giác của Ngài vẫn chưa thể nhập vào chân lý, chưa hoàn thiện, vẫn còn khiếm khuyết. Tuy nhiên, Ngài nhận thấy mình có sáng suốt hơn. Đây vẫn chưa là con đường tu tập tốt ráo nên Ngài rời nơi này đi tìm vị thầy mới. Khi rời vị thầy này, Ngài không hề chê bai, chỉ trích ông, cũng giống như loài ong hút mật trong hoa nhưng không hề làm hư hại đến cánh hoa.

Rồi Ngài đến học đạo với vị thầy Alara Kalama và cũng đạt đến tầng định cao sâu nhưng khi vừa xả định, hình ảnh Da-du-đa-la và La-hầu-la lại hiện về trong tâm, kỷ niệm và cảm giác xưa lại ùa về. Tâm tham ái vẫn còn nguyên. Quán chiếu nội tâm, thấy rằng vẫn chưa đạt được mục đích, nên Ngài lại rời vị thầy. Học pháp môn nào, Ngài cũng là người có công phu cao nhất. Ngài tiếp tục theo dõi kết quả tu tập của mình, không chỉ thực tập đơn thuần, Ngài loại bỏ những phương pháp không thích hợp thay vào đó những phương cách thích hợp.

Ngày cả thời gian tu tập khổ hạnh, sau khi nỗ lực tu theo những phương pháp ép xác này, Ngài nhận ra nhện dới cho đến nỗi thân xác chỉ còn là bộ xương cũng chỉ là pháp tu cho thân mà thôi. Thân xác chẳng là gì cả, tu khổ hạnh như thế cũng giống như trừng phạt kẻ ngốc đi ăn trộm.

Khi nhận ra vấn đề then chốt rằng tu tập không liên quan gì đến thể xác cả mà chỉ liên quan đến tâm, Ngài càng nỗ lực thực tập và hiểu rõ thân thể có giới hạn của nó. Thực ra, chư Phật giác ngộ là ở nơi tâm.

Cho dù thân hay tâm, chúng

đều là tạm thời, bất toàn, vô chủ (*aniccam, dukkham and anatta*). Đây chính là bản chất của mọi vật. Chúng có mặt do có sự hỗ tương tác động của nhiều yếu tố khác, tồn tại một thời gian rồi biến mất. Khi đầy đủ nhân duyên, chúng lại có mặt, tồn tại trong chốc lát rồi mất. Cứ như thế mọi thứ đều không có gì là tôi, là nó, là chúng ta, là họ cả. Không ai cả, chỉ đơn thuần là cảm thọ. Bản chất của hạnh phúc và đau khổ đều không có. Không thể nào tìm thấy cái tôi; bản chất của vạn pháp là phát sinh, hiện hữu rồi đoạn diệt. Chúng tuân theo trật tự tuần hoàn biến đổi này.

Tất cả chúng sinh, bao hàm con người đều biết tự thân họ được sinh ra, tồn tại và chết đi. Thế nên họ tham đắm, chấp giữ mọi thứ. Họ không muốn mọi thứ thay đổi, họ không muốn họ trở nên khác đi. Ví như có một món đồ, họ không muốn món đồ ấy mất đi; họ muốn có hạnh phúc và họ không muốn đau khổ. Nếu đau khổ đến, họ mong đau khổ sớm biến đi và tốt nhất đau khổ đừng bao giờ đến với họ. Bởi vì họ thấy thân và tâm chính là họ, thuộc về họ cho nên họ mong cầu mọi điều theo sở thích của họ.

Loại suy nghĩ này cũng giống như xây một cái đập hay con đê ngăn nước nhưng không làm chỗ thoát nước ra. Kết quả cái đập hay con đê ấy bị vỡ. Loại suy tưởng này cũng thế thôi. Đức Thế Tôn thấy vọng tưởng theo lối này là nguyên nhân của khổ. Thấy được nguyên nhân Ngài loại bỏ nó.

Đây là Sự thật về Khổ, Nguyên nhân của Khổ, Sự chấm dứt Khổ và Con đường đưa đến hết Khổ... và con người ta đang sa lầy ngay nơi đây. Nếu họ không còn hoài nghi, họ sẽ đến được mục đích ngay. Nhận diện tất cả những điều này là danh và sắc, hay nói cách khác là vật chất và

tinh thần, rõ ràng họ không phải là họ, không phải là người nào, không phải là chúng ta. Tất cả tuân theo những trật tự của quy luật Tự nhiên.

Sự thực tập của chúng ta là nhận diện vạn pháp theo cách này. Chúng ta không có năng lực thật sự để thu thúc chúng, chúng ta thật sự không phải chủ nhân của chúng. Cố gắng hàng phục chúng chỉ tạo thêm đau khổ, bởi vì chúng không thuộc sự điều khiển của chúng ta. Cả thân lẫn tâm không phải là ta hay ai khác. Nếu biết chúng thật sự như chúng đang là thì chúng ta sẽ thông suốt. Chúng ta thấy được sự thật, chúng ta là một với chúng. Cũng như cục sắt nóng đỏ đang bị nung trong lò. Toàn cục sắt đều nóng cả, dù ở trên hay ở dưới, chỗ nào cũng đều rất nóng. Bất kể chỗ nào chúng ta đụng vào cũng đều nóng cả. Đây là cách bạn nhận chân sự vật.

Phần lớn, khi bắt đầu dụng công tu tập, chúng ta đều muốn chúng đạt, muốn thành tựu, muốn biết, muốn thấy nhưng chúng ta vẫn không biết chúng ta chúng đạt cái gì hay nhận thức ra cái gì. Một đệ tử của tôi trong khi anh ta thực tập thì bị mắc một chứng bệnh dịch "hoài nghi". Nhưng anh vẫn tiếp tục thực tập và tôi vẫn tiếp tục hướng dẫn anh cho đến một ngày anh tìm thấy chút bình an. Nhưng khi anh đạt được chút an lạc, anh lại để cho hoài nghi trỗi lên trong anh - "Bước kế tiếp tôi phải làm gì đây?" Nghi ngờ theo anh không dứt. Anh nói, anh muốn được an lạc, nhưng khi anh được an lạc rồi, anh lại không muốn nó và hỏi phải làm gì kế tiếp!

Vì thế trong thực tập, chúng ta phải loại bỏ sự tham chấp trong mọi tình huống. Chúng ta loại trừ bằng cách nào? Chúng ta loại trừ bằng cách nhìn sự vật một cách rõ ràng. Nhận biết các đặc điểm của thân và tâm đúng



với bản chất của chúng. Chúng ta thiền tập để được an lạc nhưng trong lúc tu tập chúng ta thấy rằng chúng ta không an lạc. Chính vì sự vận động là bản chất của tâm.

Khi thực tập thiền, chúng ta tập trung toàn bộ sự chú ý theo hơi thở vào ra tại mũi và môi trên. Khi tâm hướng đến đối tượng, đó gọi là Tầm (*vitakka*). Khi tâm ổn định trên đối tượng rồi, đó là Tứ (*vicara*), chuyên chú vào hơi thở và vùng mũi. Trong giai đoạn Tứ, chúng ta bắt đầu nhận diện sự có mặt của những cảm giác, và lúc ấy chúng ta cho rằng tâm chúng ta vẫn không yên lặng, không định nhưng thật sự giai đoạn của Tứ, trong tâm xuất hiện những cảm giác ấy. Bây giờ, nếu điều này đi xa hơn theo hướng tiêu cực, tâm chúng ta sẽ mất đi tự chủ, nên chúng ta phải điều chỉnh tâm trở lại, hướng tâm trở về giai đoạn Tầm. Ngay khi khởi động lại như thế, sự tập trung của Tứ chuyển giai đoạn, tâm nhận biết một số cảm giác khác.

Khi chúng ta thấy điều này xảy ra, do thiếu kinh nghiệm thực tập, có thể chúng ta thắc mắc: "Tại sao tâm của ta lang thang thế? Tôi muốn tĩnh lặng, tại sao nó không chịu yên lặng?"

Thế là bạn đang thực tập với tham chấp rồi đó.

Thực sự, tâm vận hành theo quy luật tự nhiên bình thường của nó nhưng chúng ta sai bảo và tìm cách cho tâm yên tĩnh và nghĩ: "Tại sao tâm không chịu đứng yên?". Sự bức dọc khởi lên và thế là chúng ta làm tâm đi lang thang xa hơn, khiến nghi ngờ càng mạnh hơn, đau khổ nhiều hơn, hỗn loạn hơn. Vậy là nếu có Tứ, quán sát những gì đang xảy ra trong tâm, theo cách này, chúng ta sẽ sáng suốt cân nhắc... "À, tâm ta đơn giản chỉ là vậy." Một người có kinh nghiệm thực tập đang kể với bạn rằng họ nhận diện sự vật đúng như thật. Tâm đơn thuần như thế. Chúng ta hãy để tâm tự nhiên và tâm trở nên an bình. Khi nó dịu xuống chúng ta hướng nó vào đối tượng (Tầm) một lần nữa và rất nhanh, nó trở nên bình lặng. Tầm và Tứ làm việc cùng nhau giống như vậy. Chúng ta thực tập Tứ để làm dịu các cảm giác đang có mặt. Khi Tứ dần dần trở nên mất tập trung chúng ta khởi động mọi chú ý trở lại giai đoạn Tầm.

Điều quan trọng ở đây là việc thực tập của chúng ta trong giai đoạn này là phải tránh tham chấp. Thấy tiến trình Tứ có ảnh hưởng của những cảm giác,



chúng ta có thể nghĩ rằng tâm bị rối loạn và trở nên bất bình với tiến trình này. Đây là nguyên nhân. Chúng ta không vui, đơn giản vì chúng ta muốn tâm yên lặng. Đây là nguyên nhân dẫn đến quan điểm sai. Nếu điều chỉnh tư tưởng của chúng ta một chút, chúng ta sẽ thấy điều này vận hành rất tự nhiên với bản chất của tâm, chỉ điều này cũng đủ làm giảm bớt sự rối bời. Đây còn gọi là “hãy để nó đi.”

Bây giờ, nếu chúng ta không tham chấp, nếu chúng ta thực tập với ý tưởng “hãy để nó đi”.... tức ly tham trong sự tu và tu trong trạng thái không còn tham chấp... nếu chúng ta học cách thực tập như thế, Tứ sẽ tự động không vận nhiều công sức nữa. Nếu tâm không còn bị quấy nhiễu, Tứ sẽ nghiêng về suy tưởng Pháp, bởi vì nếu chúng không quán chiếu Pháp, tâm ta lại lang thang mất định hướng ngay.

Cho nên, có Tầm rồi có Tứ, Tầm rồi Tứ, Tầm rồi Tứ, v.v... cho đến khi nào Tứ dần dần trở nên nhỏ nhiệm tinh tế. Lúc đầu, Tứ bao trùm mọi nơi. Khi chúng ta nhận biết điều này chỉ là vận hành tự nhiên của tâm, chúng ta không bị nó chi phối trừ phi chúng ta tham đắm nó. Cũng như dòng nước chảy. Nếu chúng ta bị

nó chi phối, trong đầu khởi lên ý nghĩ: “Tại sao nó chảy?”, thế là tự nhiên tâm ta bị phiền toái. Nếu chúng ta hiểu nước chảy đơn giản vì bản chất của nó như thế, thì làm sao phiền toái rơi vào tâm ta được. Tứ cũng như thế. Có Tầm rồi sẽ đến Tứ, có tác động của cảm giác. Chúng ta có thể xem cảm giác này là đối tượng cho việc thiền quán, tâm chúng ta sẽ thanh tịnh ngay nhờ nhận biết các cảm giác này.

Nếu chúng ta biết bản chất của tâm giống như thế và cứ để chúng tự nhiên như dòng nước nhẹ trôi. Tứ sẽ trở nên vi tế dần, vi tế dần. Có thể tâm có khuynh hướng quán tưởng về thân hay sự chết chẳng hạn, hoặc một số đề tài về Pháp. Khi đề tài quán tưởng đúng đắn, cảm thọ dễ chịu khởi lên. Cảm thọ dễ chịu ấy là gì? Đó là hỷ (*pīti*). Hỷ khởi lên. Trạng thái biểu hiện có thể là mát lạnh, chói sáng. Tâm ta thích thú. Đây gọi là Hỷ, cũng gọi là sự an lạc (*sukha*), sự sanh diệt của nhiều cảm thọ khác nhau và đạt đến trạng thái nhất tâm (*ekaggatarammana*).

Chúng ta đã nói về một số thuật ngữ trong giai đoạn định thứ nhất đó là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, và Nhất tâm. Vậy giai đoạn định thứ hai như thế nào? Khi tâm dần dần trở nên nhu nhuyễn, vi tế, Tầm và Tứ không cần thiết nữa, chỉ còn Hỷ, Lạc và Nhất tâm. Trong giai đoạn này tâm tự nó vận hành, chúng ta không phải giúp đỡ gì cả, chỉ nhận biết bản chất tự nhiên của chúng.

Khi tâm được thanh lọc, thanh tịnh hơn, Hỷ cũng biến mất, chỉ còn Lạc và Nhất tâm hiện hữu, và chúng ta chỉ nhận biết chừng ấy. Thế thì Hỷ đi đâu vậy? Nó không đi đâu cả, chính vì tâm càng lúc càng vi tế hơn nên những đặc tính thô được loại trừ tự nhiên. Bất cứ đặc tính nào

thô... cũng sẽ bị loại trừ hết cho đến khi đạt đến đỉnh điểm của sự tinh tế, theo trong kinh nói đó là giai đoạn Tứ thiền, tầng định cao thâm nhất. Ở đây tâm loại bỏ dần đi những yếu tố thô phù cho đến lúc chỉ còn Nhất tâm và Xả. Không còn giai đoạn nào xa hơn nữa, giới hạn dừng ở đây.

Để tâm đạt đến giai đoạn định, lộ trình này nhất định phải kinh qua, nhưng chúng ta phải hiểu phương pháp thực tập căn bản. Chúng ta muốn tâm được định tĩnh, nó sẽ không được định tĩnh. Chúng ta phải thực tập viễn ly tham chấp trước, nhưng chúng ta chưa nhận ra tầm quan trọng của nó. Chúng ta tham luyến sự an tĩnh. Tâm ta đã bị ô nhiễm và rồi chúng ta bị ô nhiễm hơn vì mong muốn được an tĩnh ấy. Sự mong ước chính là nguyên nhân. Chúng ta không biết rằng tâm mong muốn này chính là tham (*tanha*) đấy, giống như làm cho gánh nặng đã nặng lại nặng thêm. Càng tham luyến, tâm của chúng ta càng phiền não, cho đến khi nào chúng ta buông bỏ nó. Lúc nào chúng ta cũng chuẩn bị tinh thần chấm dứt cuộc chiến, ngồi và chiến đấu với chính mình.

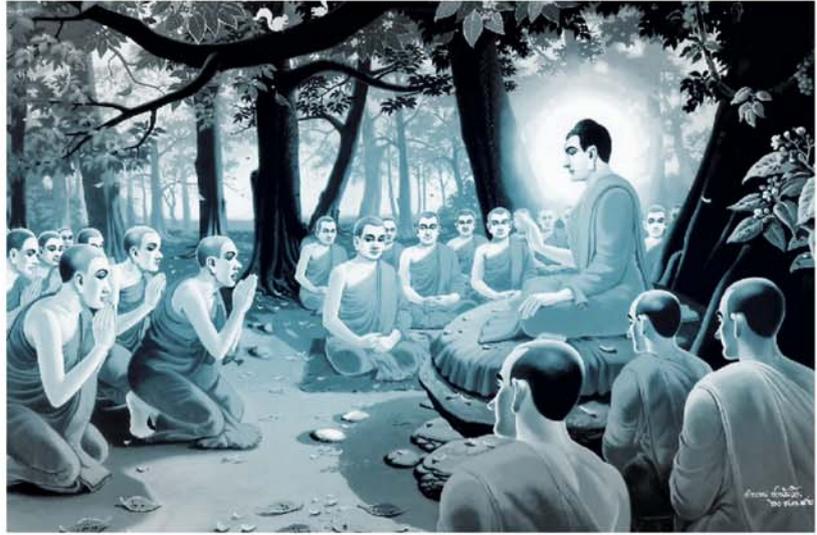
Tại sao vậy? Bởi vì chúng ta không quay về phản tỉnh rằng chúng ta đã sắp xếp cho tâm như thế nào. Hãy biết rằng các biểu hiện trong tâm là tự nhiên vẫn vậy. Bất cứ tâm khởi lên điều gì, chúng ta chỉ quán sát nó mà thôi. Bản chất của tâm đơn thuần, không làm tổn hại gì trừ khi chúng ta không hiểu bản chất của nó. Nó không có gì nguy hiểm nếu chúng ta nhận biết rõ vận hành của chúng và cứ để chúng vận hành tự nhiên. Thế là chúng ta đang thực tập Tầm và Tứ cho đến khi nào tâm bắt đầu dịu xuống, thanh tịnh dần và ít mạnh động. Khi các cảm thọ khởi lên, chúng ta quán chiếu chúng, chúng ta hoà nhập với chúng và

nhận diện rõ chúng.

Tuy nhiên, chúng ta thường chú ý đến việc chống đối chúng, bởi vì ngay từ đầu, chúng ta quy định phải làm cho tâm thanh tịnh. Bắt đầu ngồi, vọng tưởng ập đến phá rối chúng ta. Khi chúng ta chuẩn bị đối tượng thiền quán, sự chú ý của ta cứ lang thang, không chịu tập trung, tâm dừng nghỉ đằng sau tất cả vọng tưởng, trong ta khởi lên ý nghĩ rằng những vọng tưởng này đến làm phiền chúng ta, nhưng thật ra, vấn đề phát sinh ở đây từ sự mong muốn tâm đạt thanh tịnh của chúng ta đấy thôi.

Nếu chúng ta nhận biết tâm hành xử theo bản chất tự nhiên của nó, nó đến và đi tự nhiên và nếu chúng ta không quan tâm nó, chúng ta có thể hiểu được cách hành xử của nó như đứa trẻ con. Trẻ con không biết thế nào là tốt hơn, chúng có thể nói mọi thứ đều tốt. Nếu chúng ta hiểu chúng, chúng ta chỉ để chúng nói tự nhiên, trẻ con nói tự nhiên giống như thế. Khi chúng ta để chúng tự nhiên, trẻ con không bị áp lực nào chế ngự. Chúng ta có thể nói với những người khách miễn nhiễm phiền não, trong khi trẻ con nói chuyện chơi đùa xung quanh. Tâm cũng giống như vậy. Nó không bị tổn hại gì cả trừ khi chúng ta túm lấy nó và làm cho nó bị áp lực. Đó thật sự là cội nguồn phát sinh rắc rối.

Khi Hỷ khởi lên, chúng ta cảm thấy sung sướng dễ chịu không thể tả được, mà chỉ cảm thọ mà thôi. Lạc khởi lên, và có sự nhất tâm. Có Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất tâm. Năm yếu tố này hội tụ về một nơi. Ngay cả đặc tính của chúng không giống nhau, chúng cũng vẫn tập lại một nơi và chúng ta có thể nhận biết chúng đang có mặt ở đó, giống như thấy nhiều loại trái cây ở trong cái giỏ vậy. Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất tâm, cả năm đặc



tính, chúng ta có thể thấy chúng trong một tâm. Nếu có người hỏi “Tâm đang như thế nào? Tứ đang như thế nào? Hỷ, Lạc?...” Thật khó trả lời nhưng chúng quy tụ trong tâm, chỉ tự mỗi chúng ta biết chúng như thế nào.

Về điểm thực tập này có chút đặc biệt. Chúng ta phải quán chiếu lại và tự tỉnh thức, không đánh mất chính mình. Nhận biết rõ mọi điều như chúng đang là. Các giai đoạn thiền quán này tiềm ẩn trong tâm. Không nghi ngờ gì với việc thực tập này cả. Nếu bạn lún sâu vào trong trái đất này hay bay trong hư không, ngay cả chết trong tư thế ngồi, cũng không có gì bận tâm. Bất cứ tâm khởi lên ý niệm hay cảm thọ gì, chỉ nhìn biết chúng thôi. Đây là nền tảng tu tập của chúng ta: có niệm (sati), quán chiếu và tỉnh thức bất cứ lúc nào đi, đứng, nằm, ngồi. Bất cứ tâm gì khởi lên cứ để chúng tự nhiên, không tham chấp chúng. Thích hay không thích, sung sướng hay đau khổ, nghi ngờ hay gì gì, tập trung với Tứ và nhận biết kết quả của các đặc tính ấy. Đừng cố đặt tên cho chúng, chỉ biết chúng thôi. Nhận biết những ý tưởng khởi lên trong tâm là bình thường. Chúng sanh ra, tồn tại rồi mất đi. Bản chất thật của chúng là vậy, chúng không có bản

ngã, chúng không phải ta cũng không phải chúng. Chúng không đáng để ta bám víu, tham đắm.

Khi nhận diện được sắc và danh theo cách này bằng trí tuệ, chúng ta sẽ thấy chúng đi theo quy luật cũ. Chúng ta sẽ thấy sự ngăn ngại của tâm, sự ngăn ngại của thân, của hạnh phúc, đau khổ, tình yêu và thù hận. Chúng đều vô thường. Nhận ra điều đó, tâm trở nên mỗi mết, mỗi mết của thân và tâm, mỗi mết của vạn pháp sanh diệt và ngăn ngại. Khi tâm tỉnh ngộ, nó tìm lối thoát ra ngoài tất cả những cảm thọ ấy. Nó không muốn bám víu lưu luyến những thứ ấy nữa, nó thấy sự không tương xứng của thế giới này và sự không tương xứng của sinh.

Khi tâm nhận ra như thế, bất cứ đi nơi đâu, chúng ta đều thấy sự vô thường, sự bất toàn, đau khổ, và vô ngã. Không có gì để nắm giữ cả. Ngồi ở đâu hoặc bên cội cây, trên chóp núi, trong thung lũng sâu, chúng ta đều có thể nghe được lời dạy của Đức Thế Tôn. Tất cả cây cối dường như là một, mọi chúng sinh cũng là một, không có gì đặc biệt nơi chúng hết. Chúng sinh, tồn tại một thời gian, rồi già, rồi chết.

Chúng ta thấy thế giới này tưởng tượng hơn, thấy thân tâm này

tường tận hơn. Dưới ánh sáng của luật vô thường, khổ, vô ngã, chúng hiển hiện rõ ràng. Nếu ai muốn nắm chắc điều gì, họ sẽ đau khổ ngay. Đó là nguồn gốc khiến cho khổ phát sinh. Nếu chúng ta biết thân và tâm vận hành theo cách của chúng, khổ sẽ không xuất hiện, vì chúng ta không chấp giữ chúng. Đi bất cứ nơi đâu, trí tuệ này cũng soi sáng cho ta. Ngay cả nhìn một cội cây, chúng ta cũng có thể suy tư về nó với trí tuệ này. Thấy bãi cỏ và vô số côn trùng, chúng cũng là thức ăn, là đối tượng cho sự quán tưởng của chúng ta.

Khi tâm lắng dịu, chúng ta thấy tất cả đều nằm trên một con thuyền. Chúng là Pháp, chúng trước sau vẫn vậy. Đây là sự thật, đây là chân lý, đây là Pháp, đây là bền vững. Nó bền vững như thế nào? Nó bền vững trong thế giới chân lý, trong Pháp, nó không bao giờ thay đổi khác hơn. Không có gì khác hơn sự thật này. Nếu chúng ta nhận rõ con đường này, hành trình của chúng ta sẽ chấm dứt.

Có người nói rằng chúng ta cảm thấy mình ngu muội hơn kẻ khác, nói thể là không đúng, hoặc nói chúng ta cảm thấy mình và kẻ khác như nhau, hay hơn kẻ khác, nói thể cũng đều không đúng. Bởi vì không có cái gì gọi là “chúng ta” cả. Học giáo lý đạo Phật, suy tư với cách này, chúng ta phải dứt bỏ tánh kiêu căng ngạo mạn.

Đây gọi là lokavidu tức là nhận biết thế giới một cách rõ ràng như nó đang hiện hữu. Nếu chúng ta nhận ra sự thật, tâm sẽ nhận diện chính mình trọn vẹn và sẽ đoạn lìa nguyên nhân đau khổ. Khi không còn nguyên nhân nào nữa, kết quả làm sao phát sinh. Đây là phương pháp thực tập, chúng ta hãy thực tập như thế.

Những điểm căn bản chúng ta cần phải thực thi: trước hết là

phải chân thật; thứ hai cảnh giác làm sai; thứ ba hết sức khiêm nhường, sống hạnh viễn ly và hài lòng với đồ dùng vừa đủ. Nếu thiếu dục tri túc trong lời nói và trong mọi việc, chúng ta nhận diện ra chính mình, không còn đau khổ, cuồng loạn. Tâm là nền tảng của giới (*sīla*), định (*samādhi*) và tuệ (*pañña*).

Do vậy, các hành giả đang đi trên con đường tu tập phải nên thận trọng. Ngay cả khi ta đúng cũng không được bắt cần. Và nếu bạn sai, cũng không được cầu thả. Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, bạn cảm thấy hạnh phúc, khi ấy, bạn cũng không được để xuôi. Tại sao tôi nói: “không được để xuôi?” Bởi vì mọi thứ không chắc chắn. Hãy ghi nhớ như thế. Nếu bạn cảm giác hạnh phúc hãy cứ để cảm giác tự nhiên như thế. Có thể bạn muốn luôn có cảm thọ này, nhưng bạn biết sự thật về nó, cũng giống như những cảm giác buồn khổ vậy.

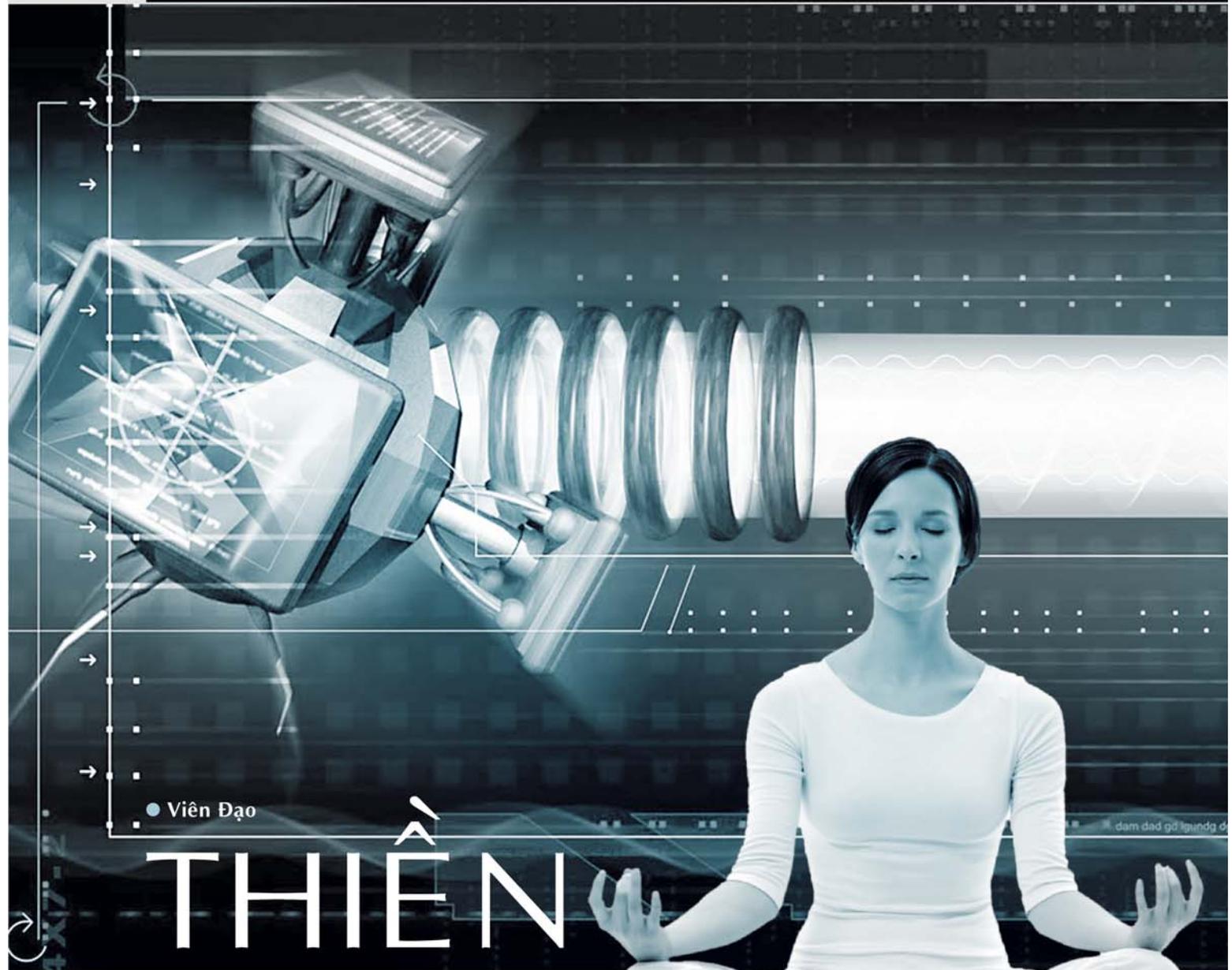
Mỗi cá nhân tập tâm mình như thế. Vị thầy chỉ giải thích con đường huân tập tâm bởi vì tâm ở trong mỗi cá nhân. Chúng ta biết cái gì ở đó, không ai khác có thể biết tâm chúng ta bằng chúng ta cả. Thực tập đòi hỏi đức tính chân thật. Hãy thực tập một cách đúng mức, đừng làm việc nửa chừng. Khi tôi nói: “Hãy thực tập một cách

đúng mức,” có nghĩa là chính bạn phải nỗ lực hết sức mình để tu tập. Nỗ lực hết sức không phải là hành thân xác bạn mà việc tu là ở trong tâm. Nếu bạn biết điều này, bạn sẽ biết thực tập. Bạn không cần học hết các pháp môn, chỉ dùng những phương pháp tiêu chuẩn để thực tập, quán chiếu lại nội tâm chính bạn.

Nay chúng ta đã vào nửa mùa An cư. Sự thực tập của hầu hết mọi người có phần chậm lại. Họ không cố gắng kiên trì từ đầu đến cuối. Điều này cho thấy việc thực tập của họ chưa được thuần thục. Ví dụ ngay từ đầu mùa An cư, với kiên quyết thực tập, dù bất cứ cản trở nào, chúng ta phải hoàn tất ước nguyện ấy. Với ba tháng này bạn cố gắng thực tập đúng mức. Bạn đã tự mình quyết định thực tập, hãy ráng thực tập không được chểnh mảng. Được như thế sức mạnh tinh tấn tái lập, chuyên chú thực tập như khi chuyên chú quán sát hơi thở. Khi hơi thở ra vào, tâm có thể lộn xộn. Chú tâm lại vào hơi thở, tâm bị lôi trở lại, không lang thang nữa. Cũng thế cả thân và tâm thực tập theo tiến trình này. Hãy tinh tấn hành trì. ■

(Dịch từ nguyên tác *Samma Samadhi - Detachment Within Activity trong Food for the Heart, đấng trong Buddhasasana*)





● Viên Đạo

THIÊN & đời sống

Đi tìm sự bình an nội tại trong đời sống thường nhật là nỗi khát khao mong đợi của con người trong thời đại ngày nay. Trong cuộc sống hiện tại, chúng ta luôn phải đối mặt với những lo toan, phiền muộn diễn ra hằng ngày, hằng giờ, hằng phút. Sự tiến

bộ nhảy vọt về khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trên toàn cầu đã giúp con người dễ dàng chế ngự thế gian bên ngoài, nhưng con người vẫn chưa kiểm soát được cái tâm của mình.

Chúng ta đang sống trong thời đại hối hả, căng thẳng. Con người càng căng thẳng, càng nóng nảy thì càng dễ xung đột, dẫn đến

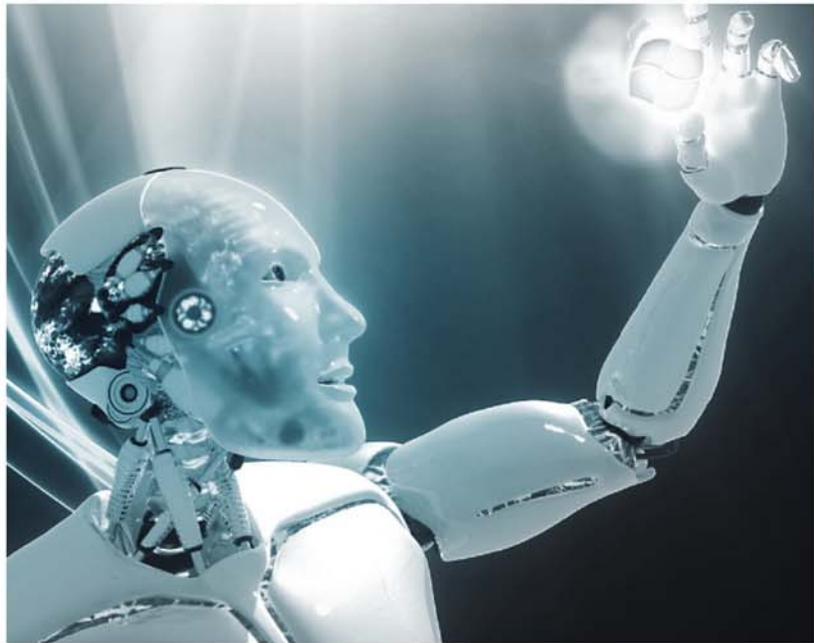
những quyết định nhanh chóng và hành động kém thận trọng.

Một điểm khác nữa của thế giới hiện đại là sự ồn ào, kể cả âm nhạc, nó cũng không làm vừa tai đẹp ý nếu nó không nhộn nhịp, ồn ào. Cuộc sống chúng ta bị điều kiện hóa, bị uốn nắn theo khuôn khổ của nó. Chúng ta trở nên quen thuộc với tiếng ồn.

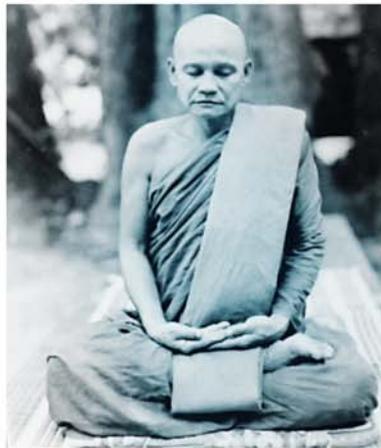
Tình trạng ồn ào, nhộn nhịp, căng thẳng ấy làm tổn hại đến sức khỏe. Phần lớn các chứng bệnh của chúng ta phát sinh do trạng thái lo âu, phiền muộn, những cơn chấn động thần kinh, tâm trí căng thẳng vì tình trạng kinh tế... Tất cả là sản phẩm của cuộc sống hiện đại.

Chúng ta chú trọng đến ô nhiễm môi trường, ô nhiễm đất đai, ô nhiễm biển cả v.v... nhưng có quan tâm đến việc bảo vệ tâm chống lại ô nhiễm hay không? Chúng ta đang sống dưới ánh hào quang của quảng cáo từ nhiều phương tiện truyền thông, nó làm cho chúng ta lầm nghĩ rằng khi dùng nước hoa này, xài xà phòng nọ, uống bia nhãn hiệu kia, sử dụng điện thoại nào đó,... con người sẽ trở nên sành điệu và hoàn mỹ. Tất cả chỉ là ảo tưởng, chúng ta đã si mê và tin theo. Con người thời đại ngày nay đang lún sâu vào vũng lầy của đam mê vật chất. Khi ta rút chân này lên thì chân kia càng lún xuống, đời sống quay cuồng theo hướng thụ dục lạc. Si mê - tham lam - sân hận khép thành một vòng tròn mà chúng ta không thoát ra được. Vì vậy, để sống một cách bình an trong thời đại ngày nay thì thân và tâm của con người cần phải được an nghỉ, một tình trạng an nghỉ ở mức độ cao.

Đức Phật dạy rằng tâm con người bị tham, sân, si làm ô nhiễm. Muốn bảo vệ tâm, chỉ có một con đường duy nhất là hành thiền. Thiền sẽ giúp chúng ta học cách chế ngự chúng, chiến thắng, thoát khỏi sự kiểm soát và điều khiển của chúng để làm chủ tâm mình. Hành thiền là một tiến trình biến đổi những cảm xúc vọng động và những tư tưởng bất thiện thành trạng thái tinh thần điều hòa và trong sạch. Thiền định tạo nên một sức đề kháng tích cực và bền bỉ, chống lại một cách hiệu quả sự căng thẳng và áp lực công việc. Dĩ nhiên cuộc chiến đấu này rất khó



khăn, do đó cần phải thực hành hằng ngày, hành thiền mỗi ngày một ít, nên thường xuyên và hành



thiền theo đúng phương pháp.

Hành thiền là một phương pháp hữu hiệu cho việc chữa trị các chứng bệnh kinh niên. Thực vậy, khi dùng máy đo điện não đồ, cho thấy khi hành thiền thì dạng sóng Alpha trong não bộ được tăng lên. Sóng Alpha là loại sóng điện não cùng xuất hiện với trạng thái bình an và thanh thản của tâm thức, đồng thời làm lượng đường trong máu giảm xuống, huyết áp giảm, nhịp tim và tần suất hô hấp chậm rãi. Nói chung con người có tập thiền khỏe khoắn hơn về mặt thể chất, vững chãi hơn về mặt tâm lý. Theo đó con người sẽ sống thọ hơn, an vui hơn.

Trong cuộc sống đầy lo âu, đầy bất trắc như hiện nay. Thiền đã trở thành một phong cách sống tinh thức. Bằng hơi thở thiền đưa ta vào thực tại bây giờ và ở đây, ta nhận diện được tình huống của tâm, nỗi khổ, niềm đau sẽ được ôm ấp và hóa giải. Tâm sẽ được giải phóng khỏi sự ràng buộc của tham sân si, thân biết đối phó với bệnh. Như thế, thiền quán hơi thở tinh thức mang cho con người hôm nay con đường giải thoát khổ đau.

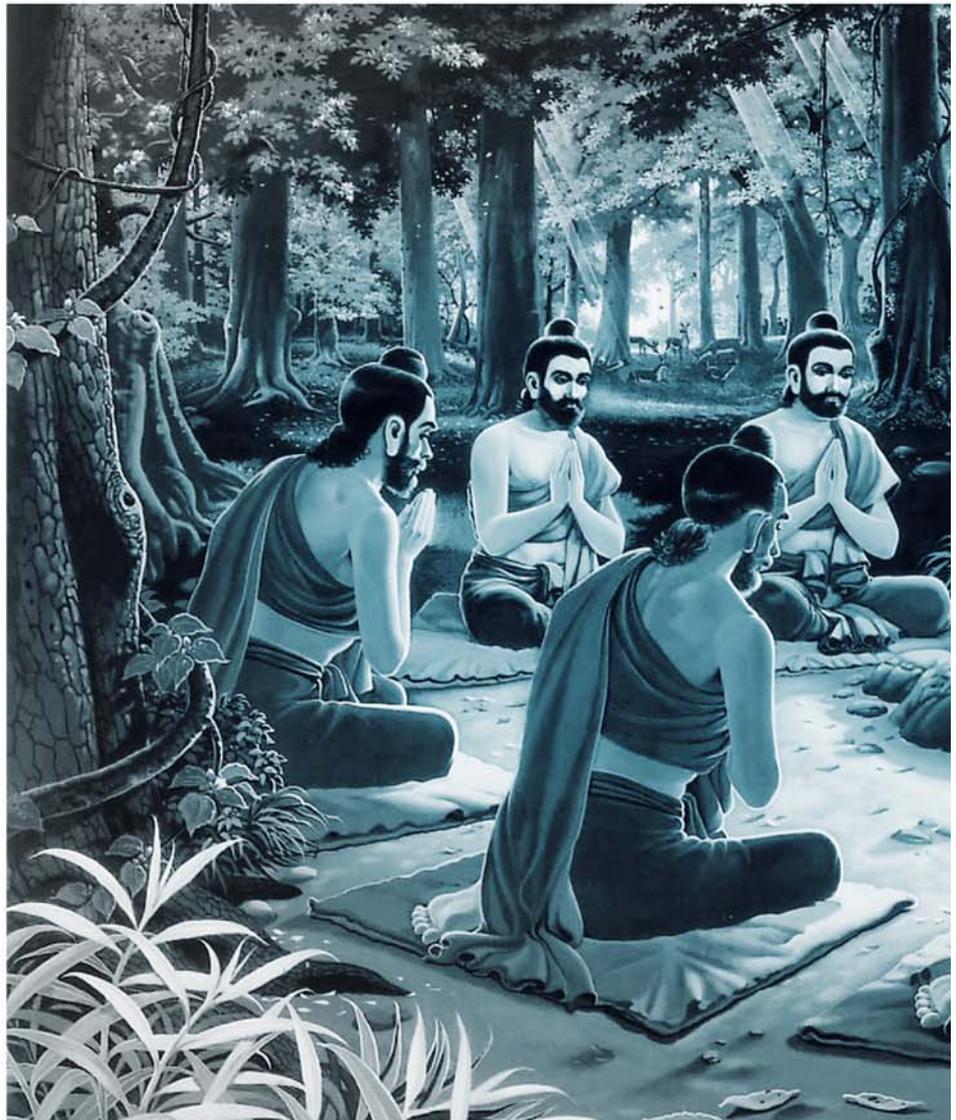
Hành thiền là một lối sống toàn vẹn. ■

Tứ Đế hay còn gọi là Tứ Diệu Đế, Tứ Thánh Đế là giáo lý đầu tiên đức Phật giảng dạy cho năm anh em tôn giả Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Tứ Đế được xem là nền tảng căn bản, là cốt lõi trong các giáo lý của đức Phật. Tứ Diệu Đế bao gồm:

Khổ đế: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ, sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa người thân yêu là khổ, mong muốn mà không được là khổ, tóm lại chấp thân ngũ uẩn là khổ.

Tập đế: Chính ái dục là nguyên nhân của sự tái sinh. Ái hợp với tâm thiết tha khao khát, bám víu cái này hay cái kia (đời sống). Chính là ái, đeo níu theo nhục dục ngũ trần, đeo níu theo sự sinh tồn (sinh ái, luyện ái trong ý tưởng cho rằng vạn vật là trường tồn vĩnh cửu), và đeo níu theo ý tưởng không sinh tồn (vô sinh ái, luyện ái trong ý tưởng cho rằng sau cái chết là hư vô).

Diệt đế: Đó là sự tận diệt chính cái ái ấy. Đó là sự rời bỏ, sự từ khước, sự thoát ly, và sự tách rời ra khỏi tâm ái dục.



Giáo lý Tứ Đế

TRONG CUỘC SỐNG

● Chơn Hạnh Phúc

Đạo đế: Nếu tập đế là nguyên nhân đưa chúng sanh vào nhà lửa tam giới thì đạo đế là cánh cửa mở ra khỏi khổ trong nhà lửa ấy. Con đường thoát khổ đó là Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định¹.

Giáo lý Tứ đế trong cuộc sống

nhân loại

Trong lĩnh vực kinh tế

Công nghiệp: Công nghiệp là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được chế tạo hay chế biến cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh hoặc các lĩnh vực khác.² Trong các ngành công nghiệp lớn hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới đang phát triển

mạnh theo hướng đầu tư khoa học công nghệ từ thành thị đến nông thôn. Tuy nhiên, đằng sau sự phát triển mạnh mẽ đó, khí thải, chất độc, khói nhà máy tuôn ra (tập đế) làm ô nhiễm môi trường, sự sống người dân bị ảnh hưởng (khổ đế). Muốn giúp con người có cuộc sống trong lành (diệt đế), hoàn toàn không có sự ô nhiễm đó,



ngành công nghiệp cần khắc phục bằng cách giảm hiệu ứng nhà kính, giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch và thay bằng sử dụng năng lượng mặt trời, gió, không được đưa chất thải ra môi trường sống... (đạo đê)³.

Nông nghiệp: *Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp*⁴. Tuy nhiên, người nông dân luôn bận rộn, dầm mưa dãi nắng, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, thức khuya dậy sớm, bận bịu suốt

ngày (khổ đê) để lo cho bản thân và gia đình (tập đê). Tuy nhiên, khi mùa màng thất bát, sâu rầy, cỏ dại lúa, thời tiết không thích hợp... (tập đê) thì người nông dân càng đau khổ hơn (khổ đê). Để khắc phục hậu quả này giúp người nông dân cải thiện đời sống của mình (diệt đê), trước tiên cần đưa khoa học kỹ thuật thích hợp vào nông nghiệp: máy cày, máy cấy, máy tuốt lúa, máy bơm nước, tạo ra các giống cây thích hợp với thời tiết, tăng năng suất, phát triển nông nghiệp (đạo đê).

c. Bộ mặt thật của nền kinh tế: Nền kinh tế Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới đối mặt

với nguy cơ khủng hoảng kinh tế toàn cầu và điều này đã xảy ra vào cuối năm 2008 đến đầu năm 2009 tạo ra sự bất ổn, rối loạn cho nhiều quốc gia trên thế giới. Sự đau khổ của các nước này đó là nền kinh tế chứng khoán suy sụp một cách nghiêm trọng, gây bất ổn về tài chính, mất giá tiền tệ, giảm sút chứng khoán, nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ đối diện với nguy cơ phá sản và đã phá sản (khổ đê). Gốc rễ của sự khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ sự mất kiểm soát về thị trường bất động sản của Mỹ vốn được xem là nhân tố châm ngòi cho cuộc suy thoái này. Đứng từ góc nhìn của Phật giáo, bản chất của việc phát triển kinh tế thị trường là kích cầu lòng tham trong tiêu thụ nhằm đạt lợi nhuận ở mức cao nhất, cũng như “*có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thường thức phần ấy*”⁵. Khi lòng tham được kích thích như một quả bom để nền kinh tế thị trường phát triển sẽ kéo theo khuynh hướng của lòng sân như một phản ứng tất yếu, và tiếp tục phát triển sẽ trở thành lòng si. Người ta nghĩ rằng nguồn tài nguyên thiên nhiên là vô hạn và mặc sức khai thác cạn kiệt, không tạo điều kiện cho nó phục hồi, sử dụng phung phí mà lại không biết. Đức Phật dạy sáu nguyên nhân phung phí tài sản? “*Đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản*”⁶. Hậu quả từ sự khủng hoảng kinh tế dẫn đến những khủng hoảng nghiêm trọng khác bao gồm khủng hoảng hâm nóng toàn cầu và khủng hoảng môi trường sinh thái (tập đê). Để chấm dứt vấn đề này (diệt đê) con người

cần chấn chỉnh lại đạo đức và sửa chữa những nhận thức sai lầm của mình. Nhận thức được vô thường: nền kinh tế mỗi lúc một trôi qua, từng giai đoạn trôi chảy khác nhau nên số lượng cung và cầu phải tương thích với nhau để xác định việc đầu tư hợp lý. Nhận thức vô ngã: cần thực tập rằng khổ đau ấy không dính đến tôi, tôi không phải là khổ đau ấy, tôi không bị lệ thuộc vào nó, tôi sẽ vượt qua được nó, đồng thời cần suy tư: *“Nếu tham dục không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có tham dục cho tất cả, nếu tham dục diệt thời đam trước có thể hiện hữu được không?”*... Cứ như thế chúng ta sẽ không rơi vào tình trạng khủng hoảng và bế tắc, và hiểu rằng *“như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của đam trước, tức là tham dục”* giúp ta vượt qua được nỗi đau trong khi chờ đợi một nền văn hóa doanh nghiệp toàn cầu, phát triển trên nền tảng đạo đức một cách thuận lợi (đạo đế).

Trong lĩnh vực chính trị

*Chính trị là tất cả những hoạt động, những vấn đề gắn với quan hệ giai cấp, dân tộc, quốc gia và các nhóm xã hội xoay quanh một vấn đề trung tâm đó là giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước*⁹. Trong lĩnh vực chính trị, nếu không có cái nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì sẽ phạm nhiều sai lầm lớn, không những chỉ riêng cho bản thân mà dẫn đến thiệt hại cho toàn xã hội (khổ đế). Nhiều quốc gia do lòng tham thúc đẩy muốn chiếm lĩnh lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên của quốc gia khác (tập đế) nên đem quân sang xâm lược, gây ra chiến tranh, chết chóc, lầm than đau đớn cho nhân dân cả hai nước (khổ đế). Nếu Quốc hội của các quốc gia nhận ra được rằng lòng tham đưa con người đi đến chỗ hoại diệt tư cách đạo đức, nhân tính, nhân bản, giết chết lòng từ bi tối thiểu của một con người (tập đế) thì sẽ tìm ra giải pháp thích hợp để đem đến hoà bình, hạnh phúc cho người dân nước mình (diệt đế) mà không cần đi con đường bạo lực, bởi vì: *“Không có*

*tài sản vĩnh hằng, chỉ có sự quản trị giỏi được sử dụng như là phương thức và công cụ để làm chủ sở hữu tài sản trong một không gian và thời gian tương đối”*¹⁰. Do đó, chánh kiến đặt trên nền tảng nhận thức về vô ngã, tất cả tài sản chúng ta có được chỉ là công cụ giúp chúng ta có được hạnh phúc chứ không phải là bản chất của hạnh phúc (đạo đế). Mong cầu hạnh phúc riêng cho bản thân mà gây đau khổ, phá tan hạnh phúc của người khác như vậy thì hạnh phúc mà chúng ta có được không thể nào tồn tại lâu dài và trọn vẹn. Hiểu được điều này, các nhà lãnh đạo quốc gia sẽ tìm được giải pháp thích hợp để xây dựng đất nước giàu mạnh trên nền tảng đạo đức, hoà bình, dân chủ, văn minh (diệt đế).

Trong lĩnh vực gia đình - xã hội

Gia đình: Gia đình là tổ ấm, là nơi nương tựa khi chúng ta lạc lối. Trong gia đình có nhiều mối quan hệ như quan hệ vợ chồng, cha mẹ với con cái, anh chị em, bà con quyến thuộc... Tuy nhiên, trong đời sống gia đình đôi lúc gặp phải những va chạm, những hiềm khích lẫn nhau mà không biết tỏ cùng ai. Vợ chồng chung sống lâu năm cũng có những bất hoà trong mối quan hệ, chính vì sự cố chấp của bản thân, tự cho mình là đúng và suy nghĩ theo định kiến của mình (tập đế) gây nên mâu thuẫn khó giải quyết dẫn đến cãi vã nhau, bất hòa, rời ly thân, ly dị làm cuộc sống gia đình tan nát, đổ vỡ (khổ đế). Sự bất hòa giữa cha mẹ dẫn đến tình trạng căng thẳng, rối loạn tâm lý con cái, trẻ em thường phát triển không toàn diện, bất bình thường và ảnh hưởng xấu cho tương lai khi sống trong gia đình không hòa thuận (khổ đế - tập đế). Vì lẽ đó, để xây dựng gia đình hạnh phúc (diệt đế) thì cha mẹ là người có trách nhiệm quan trọng nhất. Cần có cái nhìn đúng đắn trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình (chánh kiến), với



nghề nghiệp chân chánh để nuôi mạng chân chánh, vợ chồng cần dung hoà với nhau trong cuộc sống, tạo ra bữa cơm gia đình trong không khí hoà thuận êm ấm, hiểu nhau hơn và biết tha thứ nhau hơn sẽ rút ngắn khoảng cách giữa con người với nhau. Dạy dỗ, cảm thông, chia sẻ với con cái những tình cảm, tư tưởng, nỗi lòng thì cha mẹ sẽ hiểu chúng hơn và tạo nên sự gắn gũi, thân mật với nhau (đạo đế), đồng thời con cái càng kính trọng cha mẹ hơn khi nó nhận ra rằng cha mẹ là chỗ dựa chắc chắn và cũng là người hiểu và thông cảm với nó hơn ai hết. Xây dựng một gia đình tràn ngập tình yêu thương, hạnh phúc là niềm mong ước của bao người và họ đều đang trong quá trình vươn lên mục đích ấy.

Giáo dục: là quá trình được tổ chức có ý thức, hướng tới mục đích khai gọi hoặc biến đổi nhận thức, năng lực, tình cảm, thái độ của người dạy và người học theo hướng tích cực¹¹. Xét về người học, trong quá trình tìm cầu học vấn nếu không tìm được vị Thầy như ý, đủ bản lĩnh, kiến thức và tài đức chỉ dạy cho mình hầu thỏa mãn lòng khát khao học hỏi, người ấy sẽ đi tìm kiếm mãi trong sự chờ đợi, mong cầu. Nếu không tìm được vị Thầy như ý thì trong lòng cảm thấy hụt hẫng và chán chường, sự khát khao không được thoả mãn, mặc dù sự khát khao về tri thức là mong muốn tốt đẹp nhưng nếu không đáp ứng được thì con người vẫn chịu đau khổ, dày vò (câu bất đắc khổ). Đặt trường hợp chúng ta tìm được vị Thầy lý tưởng cho mình thì sao? Những khó khăn, gút mắc trong quá trình học ít nhiều sẽ xảy ra như quan hệ không tốt giữa bạn bè, huynh đệ hay đối mặt với nhiều lĩnh vực tri thức không nằm trong khả năng của mình sẽ dẫn đến tâm lý u buồn, ngao ngán, chán nản, bi quan... (khổ đế).

Nguyên nhân của nỗi khổ ấy là do ta không quyết tâm học, nhớ nghĩ về việc rong chơi, ăn ngủ hơn việc học hoặc yếu hèn không vượt qua được những khó khăn trên bước đường tầm cầu tri thức (tập đế). Nếu muốn học đến ngày thành công viên mãn, kiến thức dồi dào, học vị nâng cao, khả năng đầy đủ (diệt đế) thì cần phải nỗ lực tinh tấn hết mình, siêng năng học tập (đạo đế: chánh tinh tấn), phải thấu suốt rõ ràng việc học rất cần thiết cho tương lai sau này (chánh kiến) để trong tâm lúc nào cũng chỉ tập trung vào việc học mà không suy nghĩ những điều lung tung khác (chánh tư duy).

Giáo dục thời đại ngày nay tương đối phát triển thuận lợi hơn so với trước đây. Tuy nhiên, mối quan hệ thầy trò cũng có phần suy giảm và được đánh đồng với việc thương mại tri thức. Người học trò chỉ biết bỏ tiền ra tìm cho mình một ông thầy đáp ứng đúng nhu cầu cho mình, và học. Học xong thì thôi, xem như việc mua bán đã xong chứ tình thầy trò, sự kính trọng, quan tâm lẫn nhau hầu như vắng mặt. Nhiều trường hợp thầy giáo không làm vừa lòng học sinh còn bị học sinh nạt nộ, hăm dọa, thậm chí đánh đập, sỉ nhục trước đám đông (khổ đế). Tình trạng này ngày nay đôi lúc vẫn xảy ra và bị xã hội lên án. Để chấm dứt tình trạng này, giúp tình cảm thầy trò thân thiết nhau hơn, trò giữ lòng tôn kính với thầy (diệt đế) thì cha mẹ cần giáo dục con cái khi còn thơ ấu, người thầy cần giáo dục học trò của mình ngay từ đầu để diệt tận gốc tánh kiêu căng, ngã mạn, ngang tàng của học trò (tập đế) ngay từ trong trứng nước. Cần giáo dục thế hệ trẻ trau dồi đạo đức, rèn luyện nhân cách để xứng đáng làm vai trò lãnh đạo đất nước mai sau (đạo đế).

Y học:

Sanh, lão, bệnh, tử là chu trình của tất cả chúng sanh, bởi vì:

*“Phàm hễ có thân thì có bệnh,
Nếu mà không bệnh cũng không thân”*

Tuổi cao già yếu, tật ngấm cao hoang; bốn chi mỗi mệt, mạch lạc khó thông; trăm đốt rã rời lạnh nóng chẳng thuận. Tính chân thường đã mất, nguồn điều xướng cũng sai. Đứng ngồi khó khăn, co duỗi đau khổ. Mạng tựa ngọn đèn trước gió, thân như bọt nước trên ao 12. (khổ đế). Tuy nhiên, cái khổ về thân nếu biết điều chỉnh và quán chiếu thì sẽ không đem đến cái khổ về tâm. Nếu một người bệnh không chấp nhận cái bệnh như là một việc tất nhiên trong kiếp người, còn chấp thân này là thân thật có của mình thì người ấy sẽ đau đớn, bứt rứt và không bằng lòng với những gì đang phải chịu đựng trong hiện tại (tập đế). Khi uống thuốc, chữa trị đúng phương pháp xong (đạo đế) thì người bệnh sẽ hết đau khổ vì bệnh tật hành hạ (diệt đế). Tuy nhiên, đau khổ về thân có thể trị được chứ nỗi đau trong tâm hồn thì khó mà chữa trị. Muốn đem lại an lạc cho người bệnh (diệt đế), người bác sĩ còn phải là một chuyên gia tâm lý để giải quyết tận gốc những nỗi đau trong tâm tư bệnh nhân, giúp bệnh nhân có niềm tin nơi bác sĩ và bản thân để vượt lên nỗi đau hiện tại bằng cách thăm hỏi, an ủi, động viên bệnh nhân (chánh ngữ), như vậy mới xứng đáng là “luong y như từ mẫu”. Dẫu biết rằng trong thời đại ngày nay thật khó tìm ra một vị bác sĩ như thế thì bản thân người bệnh cần có những người thân đồng tình và ủng hộ mình, đồng thời tự mình có chánh kiến và chánh tư duy để vượt qua những giây phút đau đớn ấy.

Tầm quan trọng của Giáo lý Tứ đế và ứng dụng Đạo đế trong cuộc sống tu tập bản thân

Đức Phật dạy rằng: *“Chư Hiền già, ví như tất cả dấu chân của mọi loài động vật đều dấu trên đường đất, dấu chân voi, vì dấu chân này được*



xem là lớn nhất trong tất cả dấu chân về phương diện to lớn. Cũng vậy, chư Hiền giả, tất cả các thiện pháp đều tập trung trong Bốn Thánh đế¹³". Từ đó chúng ta thấy rằng giáo lý Tứ Đế vận hành khắp mọi lãnh vực của cuộc sống và là nền tảng căn bản trong giáo lý đạo Phật.

Trong việc tu học và nghiên cứu: là thể hệ hậu học, người viết tự nghĩ rằng mình cần phải hiểu rõ khổ và nguyên nhân của khổ để tinh tấn nỗ lực công phu tu tập, học và nghiên cứu kinh điển đúng với Đạo để mà đức Phật đã dạy để diệt khổ, bởi vì "trong toàn bộ giáo pháp không có điều nào không hợp với lý trí hay không thể thực hành¹⁴", trui rèn kiến thức cho bản thân, tư duy, quán chiếu, xem xét và ứng dụng những gì đã học vào cuộc sống tu tập để tự thốt khổ và sau này trên bước đường hoằng pháp lợi sanh có đủ tài đức để đem sức mình phục vụ chúng sanh, cúng

dường chư Phật, không phụ lòng mong mỏi của Thầy Tổ.

- Trong quan hệ với những người chung quanh:

+ Đối với Thầy Tổ và huynh đệ: Kính trọng, lễ phép, vâng lời thầy dạy, hầu thầy hết tâm ý, nói lời hòa hợp, chia sẻ hiểu biết Phật pháp, đoàn kết giúp đỡ nhau trong công tác và tu tập, thực hành pháp Lục hòa để tạo không khí hòa thuận với nhau trong tự viện.

+ Đối với người Phật tử: tán thán việc công quả, phước đức của họ, khuyến tinh tấn đến chùa tụng kinh, niệm Phật, sống hòa hợp với mọi người, bảo vệ hạnh phúc gia đình... Lời khuyên phải từ hòa, nhẹ nhàng, chia sẻ, an ủi khi cần thiết.

+ Đối với các tôn giáo bạn: trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau, không khiêu khích, châm biếm, chỉ trích, ganh tỵ; cần hòa đồng, nhã nhặn vì lợi ích của quần chúng

nhân dân, giúp đỡ lẫn nhau khi cần thiết.

Đời sống nhân loại càng phát triển theo xu thế tiến hoá toàn cầu nhưng nếu không có nền móng vững chắc đặt căn bản trên đạo đức, từ bi, trí tuệ thì sự phát triển lớn mạnh ấy như cây cao đong đưa trước gió, càng lên cao, càng yếu đuối dật dờ và khi gió bão nổi lên thì không cách nào thoát khỏi sự đổ vỡ. Người tại gia hay xuất gia luôn lấy tâm nguyện tự lợi, lợi tha làm mục đích. Do đó, giữa cuộc sống hiện đại, phát triển, đôi lúc con người cần phải dừng lại và chấm dứt sự tham muốn thấp hèn xuất phát từ lòng khát ái, ích kỷ của bản thân, đây được xem là giải pháp tối ưu, sáng suốt cho những ai muốn cuộc đời mình trôi qua thông thả, nhẹ nhàng, không vương mùi đau khổ. Từ đó ta hiểu được bản chất của đời sống và bốn chân lý cao thượng này có mặt khắp mọi nơi, bao trùm tất cả đời sống vạn vật, từ đó, ta cần phải biết chiêm nghiệm, tư duy, tu tập tinh cần hơn nữa. Cần phải liễu tri và áp dụng Tứ Diệu Đế, chiêm nghiệm, quán sát và nhận ra bản chất của cuộc đời để biết được đâu là con đường chân chánh, đúng đắn mà mình cần nỗ lực tinh tấn để đi theo, thực hành Đạo để, diệt trừ nguyên nhân của khổ, không còn khổ nữa và đạt được an lạc Niết-bàn. ■

1. Kinh Chuyển Pháp Luân - Tương Ưng Bộ V- 420.

2. <http://vi.wikipedia.org>.

3. www.khucongnghep.com.vn/

4. <http://vi.wikipedia.org>.

5. Kinh Khởi Thế Nhân Bản.

6. Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt.

7. Kinh Đại Duyên.

8. Sđd.

9. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B.

10. Nhà kinh tế học Adam Smith, theo Thích Nhật Từ, Khủng hoảng kinh tế toàn cầu qua cái nhìn Phật giáo, NXB Hải Phòng, 2009.

11. http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c



NGHỆ THUẬT kiến lập hạnh phúc

● TK. Giác Đoan

Hạnh phúc là điều gì đó mà ai ai cũng mong muốn, tìm cầu và làm mọi cách để đạt được chúng, nhưng có mấy ai đạt ước nguyện ấy! Phải chăng hạnh phúc quá cao vời hay chúng vượt quá tầm tay của mọi

người...? Điều này tùy vào cảm nhận của từng cá nhân, bởi có người cho rằng hạnh phúc là đầy đủ về phương tiện sống; và có người đòi hỏi cao hơn như là có quyền lực, có quyền sinh sát trong tay, hay có một mái ấm gia đình với sự giàu sang, phú quý, v.v... nhưng cũng có những người quan

niệm đơn giản hơn, họ chẳng đặt nặng vấn đề vật chất, miễn sao tinh thần thanh thản, không lo âu, sầu não là đã hạnh phúc rồi! Thực tế cho thấy rất nhiều người có đầy đủ mọi thứ từ vật chất cho đến quyền lực nhưng vẫn lo âu khổ não, ăn không ngon ngủ không yên... Vì sao lại nghịch lý như

vậy? Tất cả đều do lòng tham không biết đủ, có một muốn được hai và cứ như thế tăng dần theo cấp số nhân hay lo sợ ngày mai mình mất sạch chẳng còn gì địa vị, tài sản... thì làm sao mà có được hạnh phúc chân thật? Nhưng ngược lại, một số người có nhận thức đúng đắn, tin tưởng vào những hành động của mình nên họ có cuộc sống thành thoi an lành cùng chứng nghiệm đời sống hạnh phúc. Chính vì vậy mà người viết muốn chia sẻ và giúp cho mọi người thấy được một trong những con đường dẫn đến hạnh phúc chân thật của cuộc sống; đó là hai chữ **Tín** và **Nhẫn**.

Nói đến tín, nhẫn đã làm cho người viết nhớ lại câu chuyện mà tình cờ bắt gặp. Một hôm có duyên sự, ghé lại thăm người anh và chúng kiến vị Thầy đã tặng cho người em gái của mình một món quà nhân ngày cưới sắp đến mà Thầy không thể tham dự được. Món quà này thật đơn giản chỉ là hai bức tranh chữ **tín** và **nhẫn**. Tuy chúng được viết theo lối thư pháp bằng chữ Hán rất đẹp nhưng cũng khiến cho người viết lấy làm ngạc nhiên. Ngạc nhiên ở đây chính là ngày quan trọng nhất trong đời của người em gái mà lại tặng hai bức tranh chữ, chứ không phải là một món quà gì đó có giá trị về kinh tế. Lấy làm thắc mắc nên đã hỏi Thầy về ý nghĩa của món quà đầy thú vị này. Lúc đó Thầy chỉ nói đơn giản: chỉ có ánh sáng trí tuệ mới đủ độ sáng, soi lối dẫn đường cho đời sống hạnh phúc nên hãy cho phương châm sống với nhận thức đúng đắn (tức là cần cầu) chứ cho vật chất dù là trân bảo đi nữa (nghĩa là con cá) cũng sẽ cạn, sẽ hết trong một ngày không xa, còn nhận thức sẽ đi theo cả cuộc đời và giúp cho đời sống trở nên hạnh phúc hơn mà không ai có thể đánh cắp hoặc lấy chúng đi được.

Quả thật như vậy, nhận thức đúng đắn hay trí tuệ đóng một vai

trò trọng yếu trong con đường hướng đến thành công của cuộc sống. Chính vì vậy mà ngài Pháp Xứng - một trong những nhà minh triết lớn của tư tưởng triết học Duy thức và Nhân minh, sống ở thế kỷ thứ VII - đã nói: *"Tất cả mọi hành động thành công của con người đều bắt đầu bằng nhận thức đúng đắn"*. Và trong minh triết về những lời giáo huấn của đức Phật Thích-ca cũng khẳng định chỉ có trí tuệ mới đủ năng lực hướng dẫn nhân loại thoát ra khỏi bóng tối khổ đau. Điều này được minh chứng trong nền giáo lý Phật-đà như chánh kiến tức là cái thấy, nhận thức đúng đắn chân chánh đúng đắn trong Bát chánh đạo, hay như Trạch pháp nghĩa là biết phân biệt, thẩm sát được chân ngụy, hay nói

một cách dễ hiểu là nhận chân được đâu là lối sống đúng đắn dẫn đến chân hạnh phúc, đâu là con đường đưa đến khổ đau mà thuật ngữ nhà Phật gọi là Tuệ giác, hay là sự hiểu biết sâu sắc về những điều kiện bên trong tự thân cho đến những điều kiện bên ngoài cuộc sống; và anh chàng Trạch pháp này lại dẫn đầu Thất giác chi - bảy chi phần dẫn đến giác ngộ... Đồng thời chúng được bàn bạc khắp nơi trong giáo pháp.

Quay lại vấn đề của chúng ta, mọi người có thắc mắc và đặt câu hỏi tại sao hai chữ giản đơn ấy lại được gọi là nghệ thuật làm cho cuộc sống được hạnh phúc hay không? Chính người viết khi mới tiếp nhận cũng chưa từng nghĩ rằng chúng lại có giá trị cao đẹp



như vậy trong cuộc sống, nhưng khi nghe được những lời gợi ý và chiêm nghiệm lại mới bừng tỉnh như người trong mộng tỉnh dậy. Lúc đó mới nhận ra đây chính là hai chiếc chìa khóa để mở cánh cửa hạnh phúc.

Chiếc chìa khóa **Tín** có nghĩa là niềm tin. Tin vào cuộc sống, tin vào bản thân mình có thể hoàn thành tốt mọi công việc, tin vào chân lý... nhưng chung quy cũng không đi ra ngoài hai vấn đề, đó là tin theo khuynh hướng thường nhật của cuộc sống và tin vào con đường tâm linh.

Đối với cuộc sống thường nhật thì niềm tin đóng vai trò bản lề then chốt để xây dựng đời sống hạnh phúc. Nếu như con cái mà không có lòng tin nơi cha mẹ thì làm sao có thể thực hành nếp sống theo sự dạy bảo của cha mẹ được. Bởi không có lòng tin nơi phụ mẫu thì đâu có được cái tâm kính trọng đáng sanh thành mà hiếu thảo nên dễ dàng gây ra những đổ vỡ về mối quan hệ thâm tình cốt nhục.... Anh chị em mà không tin tưởng lẫn nhau thì sự đoàn kết trong gia đình sẽ bị phá vỡ, dễ dẫn đến cảnh anh em tương tàn. Vợ chồng mà không tin nhau thì làm sao mà tháo gỡ những khúc mắc cho nhau. Những điều này được minh chứng rải rác khắp trong các mặt báo từ báo giấy cho đến báo điện tử... Và hệ quả tất yếu là dẫn đến khổ đau.

Và con đường sự nghiệp cũng như thế, nếu không tin tưởng nơi công việc của mình, không tin vào năng lực của bản thân thì mình mãi chỉ là người thất bại. Thiếu sự tự tin thì lấy gì làm điểm tựa cho hành động. Chữ **Tín** ở đây còn có nghĩa là biết giữ lời hứa. Khi mình không biết giữ lời hứa thì làm sao tạo được uy tín trong con đường làm ăn. Không được mọi người tin tưởng thì đâu có ai trợ duyên, hợp tác làm ăn với mình kia chứ. Đã không có sự hợp tác thì chắc chắn



rằng sự nghiệp kinh doanh hay bất cứ lĩnh vực nào mình tham gia đều đi đến sự thất bại mà thôi.

Bên cạnh khuynh hướng thường nhật ở trên thì chữ **Tín** còn có khía cạnh tâm linh. Tùy theo góc độ, khía cạnh quan sát mà có sự khác biệt nhau. Như một số triết học tôn giáo thiết lập niềm tin theo quan điểm: Thượng đế tạo ra muôn vật và chúng ta tin vào Thượng Đế để được ban ân, sẽ được về với Đấng Toàn Năng sau khi chết... nên họ đã phó thác sanh mạng mình cho một quyền năng nào đó, không tự làm chủ được đời sống của mình. Vì lẽ đó, trong bài này người viết mới đề cập về cách nhận thức của Chánh kiến cùng Trạch pháp ở trên để thấy được giá trị niềm tin trong Phật giáo khác với các tôn giáo khác ở điểm: niềm tin phải cùng song hành với trí tuệ. Và ở đây người viết chỉ trình bày chữ **Tín** theo quan điểm của Phật giáo.

Đối với Phật giáo thì chữ **Tín** có vai trò rất quan trọng nên trong *Kinh Hoa Nghiêm*, đức Phật có nói: *Niềm tin là mẹ đẻ của các công đức*

lành. Đôi khi một số chỗ lại nói niềm tin là mẹ đẻ của chư Phật. Chắc mọi người cảm thấy khó hiểu lắm? Bởi đức Phật từng tuyên bố rằng: chư Phật là bậc Vô Thượng Sư, tự mình chứng ngộ, không thầy chỉ dạy mà sao ở đây lại nói niềm tin là mẹ của các công đức lành?

Quả thật, chư Phật là những bậc Vô Thượng Sư và do chính sức tu tập cùng nghị lực mãnh liệt nên các Ngài đã vượt qua mọi ma chướng: từ bên ngoài cho đến ma quân phiền não với các tướng lĩnh tham sân si bên trong. Để đạt được thành quả này đòi hỏi các Ngài phải có sự tin tưởng nơi bản thân, có khả năng thấy và thành đạt được con đường giải thoát khổ đau. Đồng thời các Ngài cũng tin tưởng vào pháp thiên định mà mình đang thực tập là đúng, có khả năng dẫn đến đạo quả vô thượng bồ đề. Chính niềm tin bất thoái chuyển như vậy nên mới đủ duyên để dẫn đến sự chứng ngộ Phật quả. Niềm tin và con đường thiên định ở đây chính là Pháp mà trong kinh điển hay đề cập, nên



đức Từ Phụ từng khẳng định: *Pháp là mẹ của chư Phật trong ba đời.* Ở vài nơi khác, Đức Thế Tôn cũng khẳng định giá trị của chữ Tín, như trong Thất Thánh Tài (bảy tài sản quý giá nhất của người tu: **tín tài**, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài, **tuệ tài**) thì chữ tín đứng đầu. Tín cũng đứng đầu trong nhóm năm sức mạnh quyền năng dẫn đến giác ngộ (ngũ lực: **tín lực**, tấn lực, niệm lực, định lực, **huệ lực**) hay như trong phẩm Cát Tường thứ 39 của *Kinh Pháp Cú* đức Phật cũng có dạy:

*Ư thị Phật mẫn thương
Vị thuyết chân hữu yếu
Dĩ **tín lực** chánh pháp
Thị vi tối cát tường*

Nghĩa là ngay lúc đó Phật vì lòng bi xót mà nói lên những điều chân thật và thiết yếu, đó là có **niềm tin** và **sự an lạc** trong chánh pháp. Đây chính là điểm lành tối thượng. Qua đó chúng ta có thể thấy được trong cái nhìn nhà Phật: chữ tín luôn luôn song hành cùng trí tuệ, dù trong bất kỳ pháp môn nào, chứ không phải là tin sao cũng được.

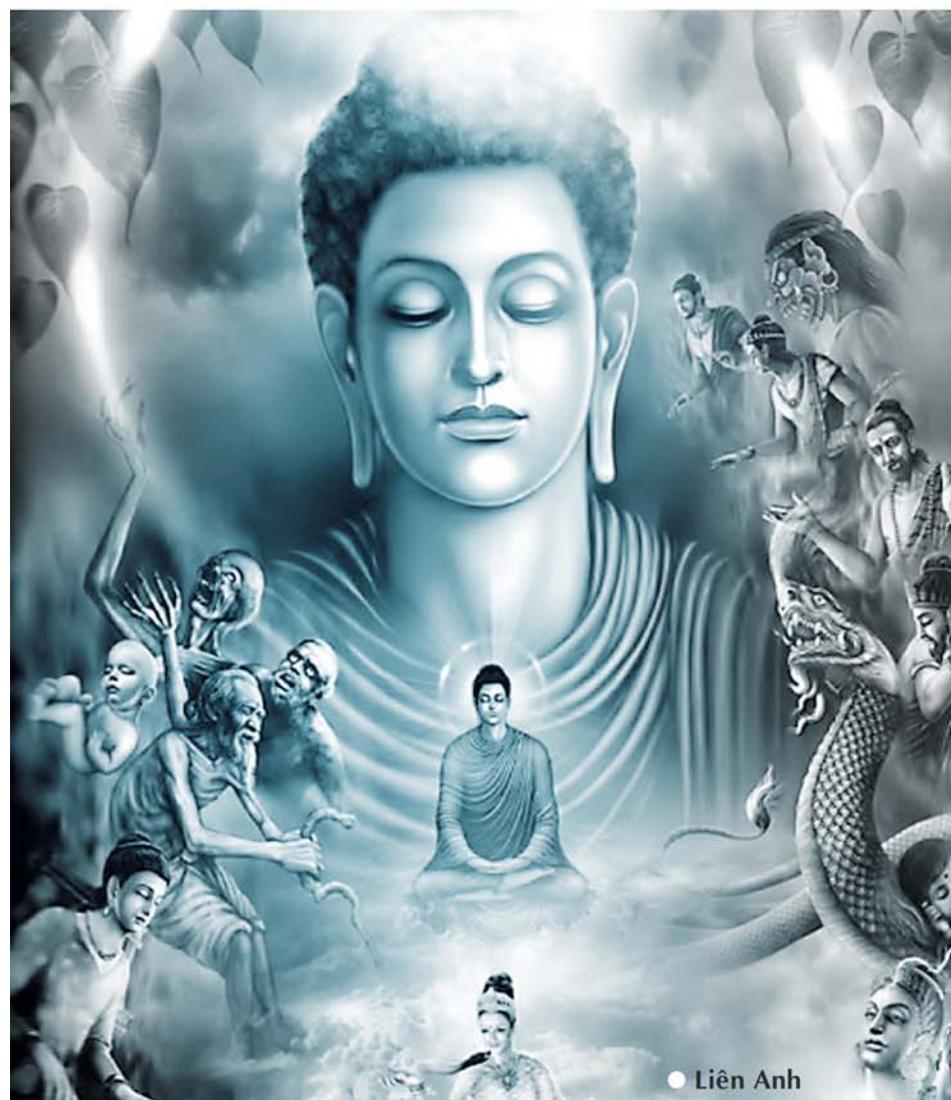
Và một điều quan trọng hơn dù ở khía cạnh thường nhật của cuộc sống hay ở mặt tâm linh thì chữ tín đều có sự hỗ trợ đặc lực của yếu tố **nhẫn**, nghĩa là sự kiên định trong công việc cũng như đời sống. Nếu các bạn có lòng tin nơi bản thân, có sự tin tưởng đối với mọi người trong gia đình... nhưng lại thiếu đi chìa khóa **nhẫn** thì con đường hạnh phúc, thành công cũng sẽ khó mà đạt được. Cho nên đức Thế Tôn cũng có dạy một đoạn khác trong phẩm Cát Tường rằng:

*Sở vân thường dục nhẫn
Nhạo dục kiến sa môn
Mỗi giảng tiếp thỉnh thọ
Thị vi tối cát tường.*

Nghĩa là biết **nhẫn** nhục khi nghe điều bất như ý, có hạnh phúc mỗi khi được gặp người xuất gia, mỗi khi nghe pháp hết lòng tiếp nhận để hành trì, đó là điểm lành lớn nhất. Chính cái chỗ **nhẫn** nhịn được những điều bất như ý, mới có thể giải quyết mọi việc một cách êm ả mà không gây ra sự chia rẽ mất đoàn kết và đánh mất đi tình thương trong gia đình cùng với các quan hệ xã hội. Khi

mà tình thương không mất thì hạnh phúc, thành công sẽ phát sinh. Chẳng hạn như hạt giống gieo xuống đất mà có đầy đủ các duyên hỗ trợ như đất xốp, độ ẩm vừa đủ, v.v... thì hạt giống dễ dàng nảy mầm. Nhưng khi đã nảy mầm rồi mà chúng ta còn hỗ trợ các duyên giúp chúng tăng trưởng như ánh sáng, phân bón, chăm sóc, v.v... thì cái mầm này sẽ phát triển tươi tốt, và ngược lại, thiếu các duyên hỗ trợ thì khó mà nảy mầm cùng phát triển. Tương tự như vậy, khi chúng ta có niềm tin cộng với tính kiên trì, **nhẫn** nại thì hạt giống hạnh phúc, thành công mới có được môi trường thuận lợi để phát triển, và ngược lại, thiếu chữ **nhẫn** nghĩa là ta đã cô lập những yếu tố hỗ trợ và dẫn đến sự hủy hoại đi mầm sống hạnh phúc. Cho nên hai chữ này phải đi song hành cùng nhau mới tạo nên diệu dụng của cuộc sống.

Giờ đây hạnh phúc hay khổ đau chỉ là do chính ta quyết định bằng nhận thức của mình thông qua con đường hành động. Hành động theo phương pháp sống đẹp sẽ tạo nên đời sống hạnh phúc, bằng ngược lại, sẽ đưa đến cuộc sống khổ đau. Cho nên nhận thức là căn bản, là gốc rễ để hình thành đời sống hạnh phúc hay khổ đau. Chính vì vậy Đại sư Atisha đã nói: *“Nếu rễ cây đã độc thì cành lá cũng độc, nếu rễ cây có được tính thì cành lá cũng có được tính. Tương tự nếu gốc rễ đã tham sân si thì bất cứ điều gì người ta làm cũng đều bất thiện”*. Chúng ta phải biết kiến lập cho mình một nền tảng căn bản đạo đức để soi đường cho đời sống hạnh phúc trong hiện tại và mai sau. Và hai chữ **tín**, **nhẫn** sẽ là yếu tố hỗ trợ đặc lực cho nền tảng đạo đức ấy. Chính giá trị như vậy nên chúng được gọi là nghệ thuật kiến lập hạnh phúc, giúp cho mọi người thấy được con đường chuyển hóa khổ đau để đạt đến hạnh phúc thật sự trong cuộc sống này. ■



● Liên Anh

Chiến công ĐÍCH THỰC

Có một điều mà có lẽ chúng ta đều đồng ý rằng sở dĩ xã hội có những vấn đề như bất công, tham nhũng, trộm cướp, không an ninh, bất ổn, bệnh tật, nghèo khó, v.v... căn nguyên là

do con người còn vô minh, bị các phiền não như tham, sân, si chi phối. Khi từng cá nhân biết tự chuyển hóa tâm thức, giảm trừ hay tận diệt được vô minh và các phiền não thì xã hội sẽ bớt dần thành viên tác tạo những vấn đề khó khăn và thêm dần thành

viên kiến tạo hòa bình, an lạc và thịnh vượng.

Trong những bài Pháp dạy cho hàng đệ tử lúc sinh tiền, đức Phật đã đưa ra những phương thức chuyển hóa vừa mang tính triệt để cho từng cá nhân, vừa mang tính phổ cập cho quảng đại quần chúng nhân sinh, chẳng hạn: Ngũ giới, Thập thiện, Tứ nhiếp pháp, Lục độ, v.v... không phải chỉ mang lại đời sống an lạc và giải thoát cho cá nhân không thôi, mà còn đem lại sự ổn định trật tự, an ninh, tinh thần tích cực dẫn thân cho xã hội. Đặc biệt, giáo nghĩa Lục độ là nền tảng xây dựng Bồ tát đạo – con đường vị tha toàn diện, lấy việc cứu độ khổ ách chúng sinh làm bản nguyện để qua đó tu tập và khai mở tâm đại từ bi, đồng thời phát huy diệu dụng của trí tuệ Bát-nhã, thành tựu mục đích tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Theo Đức Phật, con người cần phải kiên trì chiến đấu không ngừng với những đạo quân ma vương vô hình nguy hiểm, để an trụ tâm, hàng phục tâm; phải tự nỗ lực khắc phục những tánh hư tật xấu, để xây dựng một nhân cách hoàn thiện, từ bỏ cái ta chấp giữ và bảo thủ nó, tránh xa lòng ích kỷ nhỏ nhen, luôn nghĩ đến làm lợi ích cho tha nhân, diệt lòng kiêu căng ngã mạn, đoạn trừ tham dục, sân hận và si mê, đoạn trừ tất cả những phiền não quấy rối thân tâm, làm cho chúng không tái sanh trong tương lai. Đức Phật dạy: *“Chiến thắng vạn quân ngoài trận tuyến, không bằng chiến thắng chính lòng mình. Tự chiến thắng lòng mình ấy là chiến công oanh liệt nhất”* (Kinh Pháp Cú).

“Nỗi khổ của con lừa, con lạc đà chở nặng và cái khổ của việc uống nước đồng sôi, nuốt hòn sắt nóng cũng chưa phải là khổ. Chỉ có vô minh không tìm thấy lối đi mới thực

sự là khổ” (trích Phật ngôn). “Đối với ta, chết trong chiến đấu chống lại dục vọng còn thập phần danh dự hơn là sống đời mù quáng thấp hèn”. (Lời Đức Phật Thích Ca).

Trước tiên, chúng ta cần tự cắt vẩn tẩm thân ngũ uẩn giả hợp của chính mình. Hãy tư duy về nó trong mỗi lúc, và quán xét cho cùng tốt lẽ thật về cuộc đời mình mới mong thấu đạt đến số phận của bản ngã phạm phu. Nó vốn là rào cản, là sợi dây chướng ngại vô hình bấy lâu buộc thắt, cột trói tâm trí mình trong ảo não, muộn phiền, trong bóng tối

do các tên tướng lĩnh cực kỳ phóng túng cầm đầu là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Ngoài chức năng cầm đầu một binh đoàn, riêng tướng giặc Ý lãng xăng còn kiêm nhiệm thêm chức vụ tổng tham mưu binh lực giặc với số tinh binh hùng hậu là tám vạn bốn ngàn lính phiền não, thêm vào đó là lực lượng phiến quân đông vô số kể, chuyên gây bạo loạn trong quần chúng nhân dân do chúng câu kết, móc nối những phần tử cực đoan còn đồ từ nhiều vùng cư dân bản địa sẵn sàng làm tay sai, a tòng liều chết

rằng giặc nội tâm là loại giặc tinh quái ranh ma, trở trêu lại hay trở chứng bất thường.

Để đối phó hữu hiệu với bọn giặc nanh vuốt ấy, bộ chỉ huy quân sự của chính phủ cần phải nên ban bố lệnh giới nghiêm thật nghiêm ngặt, tuyệt đối trong những giờ giấc *ăn không ngồi rồi*, không cho hạng thường dân *ngồi lê đôi mách*, nói hành, tạt đổ đi rong trên những nẻo đường *tà vạy, gian xảo*, những vị trí quân sự chiến lược *Tịch Mặc, Trang Nghiêm* và phải cảnh giác ma mãnh, xảo ngôn, ý ngữ. Phải lập nhiều chốt kiểm soát *tịnh khẩu*, những vị trí quân sự chiến lược *tịch mặc, trang nghiêm* và phải cảnh giác tối đa, không được lơ là đối với bọn gián điệp tap niệm, phóng dật, bởi bọn chúng có thể phá vỡ kế hoạch trong vòng chỉ một phút giây khinh suất.

Chủ trương của chính phủ bị đô hộ là giáo hóa được giặc khiến chúng phải thần phục, đầu hàng và chỉ có việc là tước đoạt vũ khí, khí tài của chúng nhưng nếu cần là cũng có thể truy sát ngay đối thủ mù quáng, càn bậy, lếu rộn, láo khoét một cách chính xác trong những tình thế nguy kịch đẩy về man trá sượng sùng.

Để đạt được thắng lợi một cách triệt để như thế, vua TÂM (chủ nhân ông) nên cử vị tướng tài ba có tên là TRÍ BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA làm đại nguyên soái để thống lĩnh ba quân xung trận theo chiến thuật thâm lặng tiến công địch.

*“Những người đức hạnh xưa nay
Đều là chiến sĩ dạn dày gian nan*

*Chiến công thâm lặng nơi tâm
Vượt bao thử thách vô vàn
chông gai”.*

Do tiềm lực của địch chủ yếu gồm có sáu binh đoàn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, vì vậy vua TÂM cần nên lập ra kế hoạch tác

vô minh. Nhưng việc, hàng phục giặc nội tâm ở cách xa ta, quá tầm tay với không phải là dễ. Vì vậy, chúng ta cần phải có phương án, kế hoạch tối ưu.

Sự hình thành lực lượng cũng như căn cứ địa và bản doanh kiên cố của lũ giặc, ta nên hình dung tương đối như thế nào cho dễ hiểu? Trước hết, nên biết rằng quốc gia của chúng chính là đế quốc đen Địa Ngục. Tướng soái thực dân được đề cử chỉ huy căn cứ địch trên lãnh thổ thuộc địa là tên vô lại Vô Minh. Dưới quyền của y có ba phó tướng soái là Tham, Sân, Si mù quáng điên rồ; các binh sĩ háo thắng được phân chia thành sáu binh đoàn

theo bọn chúng với chừng ấy lực lượng như vậy đã từng bao phen làm mưa làm gió, gieo rắc biết bao đau thương, bao nỗi kinh hoàng, tai ương, khốn lụy (xôn xao dư luận) nơi lãnh địa của tiểu quốc có tên là *thiếu trí ngu muội* với những đồn bót, vọng gác SI MÊ kiên cố lại thêm sự trang bị những vũ khí *u tối, càn bướng, giận hờn, nóng nảy* tối tân hiện đại, lại được sự bao bọc che chắn bởi những tường thành *Hắc Ám*, những giao thông hào *xuẩn đục*, những hàng rào *kẽm gai quá khích* tạo thành tuyến phòng thủ *nghiệp chướng nặng nề* được xem như bất khả xâm phạm. Ngoài ra, chúng ta cũng cần nên biết



chiến, phân công cụ thể theo sách lược đã được hoạch định một cách cẩn thận. Các binh đoàn tinh nhuệ để tác chiến không thể thiếu như: MẬT HẠNH, MẬT NGUYỄN, MẬT CHÚ, MẬT NIỆM, MẬT ĐỊNH với sự cầm quân của sáu vị tướng lĩnh (LỤC ĐỘ BA LA MẬT) xuất chúng nhằm để đối trị với LỤC TẶC (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

- Vua TÂM, do sau khi thiên quán, định tinh mới vỡ lẽ ra rằng cái gì thuộc về THẤY thấy đều là ảo ảnh không thực có, không thể cho là có của mình, tạm cho là có của mình cũng chỉ trong nhất thời. Vậy nên hãy đem cho chúng đi hết thấy mà không hề tiếc nuối, tuyệt đối không gìn lại chút gì mây may kể cả tấm thân tứ đại giá hợp này. Nếu đã cho ai một vật gì mà còn nghĩ tưởng tiếc nuối, lưu luyến thì đích thực là bạn giặc THAM vẫn còn lẫn khuất trong tâm chưa muốn rời chân lui bước. Như vậy ta phải làm sao, bằng cách nào để tống khứ bọn chúng? Điều này buộc hành giả phải tự mình quyết liệt gột rửa, tẩy xóa trần tâm lấm chấp mê muội của chính mình. Lại nữa, trong việc bố thí nếu còn có ý định nêu danh tánh, số lượng vật chất hoặc kể lễ thành tích, thì không thể cho là BA LA MẬT được! Người được gọi là có hành vi bố thí ba-la-mật phải là người có tâm niệm bố thí không tính toán so đo chi cả, thậm chí không hề tiếc rẻ đến thân mạng của chính mình để nhằm mục đích cứu nguy, giúp cho người, cho đời. Bố thí ba-la-mật còn có thể là việc bố thí mà ngoài mình ra không nhất thiết là phải có người khác biết đến việc này. Đó là phần hành của vị tướng lĩnh BỐ THÍ BA LA MẬT.

- Điều gì thuộc về NGHE, thấy đều không cho là có thật, hoặc nếu tạm cho rằng có thật

cũng đều nên bỏ qua ngoài tai mà không hề giữ lại chút âm thanh mây may nào hết. Nếu nghe điều gì để rồi sanh tâm hoan hỷ hay oán hờn, hoặc đem việc nghe ngóng để trần tình bộc bạch cho người khác cùng được biết, như vậy rất dễ dàng bị địch phát hiện và trở nên bất lợi. Thế nên mặc dù nghe lời thanh, tiếng tục, lời nịnh hót, tiếng chê bai, việc bốn phương thiên hạ, việc trên trời dưới đất, việc dựng chuyện tâm phào, việc đặt điều vu khống v.v... cũng không đối hoài bận tâm vướng mắc. Đó là phần hành của vị tướng lĩnh TRÌ GIỚI BA LA MẬT.

- Bất kể mùi vị gì do MŨI ngửi thấy đều là hư dối, chẳng khác làn hương thoảng qua trước gió, có đó rồi không đó. Mùi gì cũng không giữ nơi khứu giác được lâu dài. Và chẳng giữ lại mùi vị để mà làm gì dấu cho là mùi thơm vang lừng của muôn loại hương hoa tỏa ra choáng ngợp cả bầu trời cũng chỉ trong phút chốc rồi tan biến theo làn gió mà thôi. Do biết được vậy nên không có chút mây may trú mền làm gì. Đó là phần hành của vị tướng lĩnh NHÂN NHỤC BA LA MẬT.

- LƯỠI dẫu có nếm phải bất kỳ vị gì chẳng nữa cũng coi như chỉ trong giây phút phù du, có đó rồi lại không. Bởi vị gì, cho dù ngon ngọt đến đâu chẳng qua chỉ là sự lấm chấp say mê nơi dẫu lưỡi. Đây cũng là một trong những tên giặc háo hức hết sức nguy hiểm. Bởi vì nó lấm tưởng rằng chính nó đem lại sự thỏa thích, thú vị, đam mê, khoái trá cho sự ham muốn của xác thân. Ngờ đâu lấm phen nó đã gây biết bao khốn lụy, đau thương đến tâm trí phàm phu tục tử. Đó là phần hành đối phó của vị tướng lĩnh TINH TẤN BA LA MẬT.

- Tấm thân người ví như là chiếc áo, dẫu cho có đủ thứ hình



dạng phong phú, chất liệu tốt đẹp, màu sắc sặc sỡ thì theo dòng thời gian gió bụi cũng sẽ phải nhạt nhòa, nhàu cũ, rồi rách rưới. Thế thôi! Tấm thân người nào có bền chắc gì đâu, một khi rủi ro chợt đến sẽ mất mạng tức thì. Có đến hàng vạn nguyên nhân khác nhau dẫn đến mạng vong. Lê đó nhà Phật cho rằng ngọn lửa vô thường đang đốt cháy cả thế gian là vậy. Mới thấy đó thoát liền mất đó. Áo tuy còn mới nhưng gặp lửa liền cháy ra tro, khác nào lá tuy còn xanh nhưng gặp cơn giông bão cũng sớm vùi lìa cành. Thân vốn dĩ không thật có. Nó rất đổi mong manh, không bền chắc chi đâu mà mơ tưởng vọng cầu, muốn ham, say đắm. Hễ càng đắm lại càng say, mà một khi mãi lo tô bồi, dỗi trau, sức ướp nó, lại không dè khiến bị lụy, quy ngã, có khi chết mất cả tâm lẫn trí. Nếu ta xem thân là trọng, thì lắm khi quên mất bản tâm bởi vì cứ phó mặc cho bao vật chất nó cai trị mình, thì còn gì là lý trí sáng suốt nữa. Suốt đời cứ làm thân nô lệ theo dục lạc rù quên, lôi kéo vào hầm sâu vô minh tối đen và nhớ nhớp. Chiếc áo lâu ngày rồi cũng cũ rách. Tấm thân theo dòng thời gian rồi cũng già nua bệnh hoạn và chết chóc. Tiếc thay, cả một đời vất vả gian lao cũng để rồi chỉ trong một giây phút là mai một như công dã tràng xe cát. Ngẫm ra thật ổng phí biết dường bao! Tấm THÂN dẫn cho có cảm nhận nóng lạnh, mượt mà mềm mại qua xúc giác va chạm như thế nào cũng coi như mảnh hình hài giả tạm vô thường, có đó liền không đó, không nên có chút mảy may lấy làm trứu mến. Đó là phần hành của vị tướng lĩnh THIÊN ĐỊNH BA LA MẬT.

- Trong số sáu tên giặc MẮT, TAI, MŨI, LUỖI, THÂN, Ý phải nói rằng đáng ngại nhất là tên

giặc Ý cuồng si. Tại sao như thế? Bởi vì Ý vốn phóng đảng, thay đổi thất thường khi vậy khi khác, không thể nào lường trước được. Ý có thể làm khuynh đảo nhiều sự kiện từ nhỏ cho đến lớn của biết bao công việc, công trình. Ngoài ra, Ý còn có thể làm thay đổi cả khuynh hướng, trào lưu, chế độ, thế hệ. Hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, thậm chí là hằng giây. Ý có thể thay đổi một cách đột ngột, bất ngờ cả cuộc đời người. Trong đời sống, nếu không có biện pháp khống chế, trị liệu ắt Ý dễ sinh ra biến động liên miên, thường thì rất nên tai hại. Ý có thể muốn tốt cùng rồi lại cũng chèn chán đến tốt cùng. Ý dễ bị nhiễm bụi trần lao đen đúa, do nhiều năm tháng lặn hụp trong vũng bùn lầy tâm tối vô minh, nên Ý không còn chủ động được chính nó. Thế tất nó sẽ bị dẫn dắt, kéo lôi vào nẻo vạy đường tà có khi bị thúc thủ co ngoe hết đường lui tới. Nếu cho rằng Ý là ta thì điều này rõ là mù quáng quá, bởi Ý, xét cho cùng thì nó đâu có phải là TA, vì cái TA cũng vẫn còn chưa có nữa kia! Ấy vậy mà có lắm người cứ mãi để cho Ý tác oai tác quái chế ngự mình và phải phục tùng vâng theo lệnh dắt lôi của nó mà không có ngờ đến việc Ý vốn bị mê mờ đắm đuối trôi lăn trong dòng chảy tháng năm u tối trong chốn phong

trần cát bụi rất đổi phù du. Chính giặc Ý nó làm cho tắc nghẽn, mất phương hướng siêu vượt của con người trên nẻo đường luân hồi sanh tử. Ý phàm phu luôn vọng động vốn hai chiều phản diện nhau, lúc buồn lúc vui, khi ưa khi ghét, khi mừng khi giận, khi muốn khi không, v.v... chẳng khác nào con ngựa chững lại không có dây cương hàm thiếc chạy rong ruổi tứ tung chợt thế này chợt thế kia vốn không thực có. Lê đó, không nên có chút mảy may bận bịu, dính mắc làm gì. Đó là phần hành của vị tướng lĩnh TRÍ TUỆ BA LA MẬT.

Pháp tu ba-la-mật chính là diệu pháp phương tiện đưa hành giả đến bờ giác ngộ. Người tu đạt ngộ phải là người có đức hạnh trang nghiêm, mà muốn vậy tự mình phải nghiêm mật dỗi trau không cho sơ hở tẩu lậu ra ngoài. Hành giả nên thường quán tưởng xem xét soi rọi tâm trí mình trong mỗi lúc. Nên kiểm soát kiểm tra các ý tưởng lăng xăng, rộn nhọc, khiến chúng ngưng bật cuồng vọng và làm chủ được tâm mình một cách trọn vẹn. Có thể mới cho là bậc lương đồng, trượng phu, mới xứng danh là Thích tử.

Để dành lại độc lập, tự do, dân chủ, hạnh phúc cho đất nước mình, nhiệm vụ của sáu vị tướng



linh LỤC ĐỘ BA LA MẬT thâm lặng tiến công quyết chiến quyết thắng nhằm trừ khử, tẩy chay, khiến hàng phục đối với các tên tướng giặc THỊ GIÁC, THÍNH GIÁC, KHỨU GIÁC, VỊ GIÁC, XÚC GIÁC và tên giặc Ý đầu sỏ (có thể tạm gọi là ÁO GIÁC) mà chủ trương của vua Tâm là tránh việc sát thủ và cũng chỉ cốt làm sao để chuyển hóa thái độ tư cách của bọn giặc nhằm xóa bỏ hận thù, khiến thù thành bạn, hay nói một cách khác, thù tức cũng là bạn (PHIÊN NÃO TỨC BỔ ĐỀ).

Kể giặc cho đến lúc quy hàng còn cần sự trợ giúp những món ăn tinh thần (thuyết giảng đạo lý) những thức uống mát mẻ (mưa pháp xối chan) để chúng có cơ hội quay đầu về nơi bến giác (tự do tự tại).

Bình pháp từ xưa đã khẳng định rằng: “*Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng*”. Vì vậy điều quan trọng nhất là chúng ta phải biết rõ tiềm năng và hiểu rõ tâm lý ý đồ của địch, thậm chí là phải đi guốc vào bụng địch, biết thấu tim đen của địch mới chắc chắn nắm được phần thắng lợi hoàn toàn. Chẳng hạn như phải biết khi nào đánh theo chiến thuật du kích (nghe ngóng qua thông tin, truyền thông qua báo đài), khi nào áp dụng chiến thuật

biển người (mục kích, mắt thấy, tai nghe), khi nào cần điều động đến lực lượng pháo binh (*thần chú Thủ Lăng Nghiêm*) để công phá các hầm bí mật *trì trệ, lầm tưởng*,... hay có khi phải dùng đến hơi ngạt khói cay (*Kinh Kim Cang*) hoặc dùng bộc phá hay bom mìn hạng nặng (*Bát Nhã Tâm Kinh*) để công phá những lô cốt sắt giải đãi, biếng lười, những công sự bê tông chấp nê, hạn hẹp lâu đời.

Nhìn lại xã hội qua các chặng đường lịch sử và qua những bài pháp mang thông điệp của đức Phật, chúng ta rút ra nhận xét rằng nếu muốn đem lại hòa bình an lạc cho nhân loại, niềm an lạc này phải được xây dựng từ mỗi cá nhân. Mỗi con người phải tự nỗ lực khắc phục những thói hư tật xấu để tự xây dựng một nhân cách toàn diện. Việc lánh xa cuộc đời không hẳn là không có những tư tưởng tích cực. Ngược lại, người tu sĩ cần nhập thế với tinh thần “*Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*”, dùng phương pháp thích hợp để giảng dạy. Đức Phật dạy: “*Hãy tích cực hoạt động để tạo an lành cho kẻ khác*” (*Kinh Ni Đà Ta - Tiểu Bộ*).

Đạo Phật vốn tiềm ẩn những yếu tố tích cực hoạt động nhập thế vào cuộc đời như lời Lục Tổ Huệ Năng:

*“Phật pháp tại thế gian
Bất ly thế gian giác
Ly thế mich bồ đề
Do như câu thơ giác”.*

Qua đó, chúng ta xác nhận rằng đạo Phật rất thiết thực và quan hệ mật thiết với xã hội loài người, không làm chính trị hay tranh đấu với bất kỳ ai, sống không vị kỷ mà đầy lòng vị tha, quên mình vì mọi người, coi nhẹ quyền lợi, đặt quyền lợi chung lên trên, bỏ đi chủ nghĩa cá nhân để hòa mình vào tập thể, không còn mắc kẹt vào lưới chấp thủ,

thương ghét, chọn lựa... không còn tư tưởng đấu tranh để bảo vệ những sở hữu cá nhân, để hòa với đời sống mọi người, và đáp ứng nhu cầu thiết thực đến cuộc đời, sống một đời có ý nghĩa là đem nguồn an lạc cho mình, cho người, cho xã hội, cho đất nước. Những người đệ tử Phật chỉ âm thầm giữ mật hạnh trau dồi thân tâm, chiến đấu với những thử thách, nghịch cảnh diễn ra trong cuộc đời và trong chính tự tâm hồn của mình để dẹp tan lũ giặc lòng phiền não, tham ái, từ muôn kiếp vô minh để tìm lấy an lạc, hạnh phúc chân thật vĩnh cửu Niết-bàn tịch mặc và để ngay trong đời sống hiện tại thể hiện tám gương từ bi, bình đẳng, trí tuệ cho nhân loại với thông điệp kêu gọi hòa bình bằng tinh thần bất bạo động; có chăng, chúng ta phải cần biết ứng biến để đối phó, dập tắt ngay hỏa lực nguy hiểm của lũ giặc lòng của chính ta theo tình thế mỗi lúc mỗi nơi sao cho phù hợp với bình pháp, chiến lược đã được dày công hoạch định. Đó là kho tàng Pháp bảo của đức Phật để lại để buổi hoàng hôn tím tái VÔ TRI VÔ THỨC của mỗi chúng ta không phải bị chìm lìm, lọt thỏm vào bóng đêm đen đui VÔ MINH, mịt mờ, tăm tối...

Và, nếu chúng ta hiểu được rằng:

*Từ bi, bác ái, vị tha,
Là nền tảng của những nhà từ tâm.*

Thong dong, tĩnh lặng, thâm trầm,

Tâm buông, ý xả cao thanh diệu dàng.

(Trích: “*Trái Tim Quảng Đức*”, Hàn Linh Giang)

Thì thế tất sẽ hoàn toàn thắng được lũ giặc lòng và đạt đến mục đích tối hậu là thông tay đi vào cõi chân không, bất tử muôn đời. ■



Kính Mừng Phật Đản



Hôm nay, một lần nữa kỷ niệm ngày Phật đản, con xin đem hết tâm thành quy ngưỡng và dâng lễ Ngài. Con thấy mình rất có phước duyên nên mới được làm người, được thấm nhuần dòng sữa pháp, được chư Tăng Ni hướng dẫn tu hành, được làm bạn đạo cùng những người hiền thiện. Con nguyện nhớ mãi hình ảnh Ngài bước trên hoa sen ngày đản sanh, để noi gương Ngài, cũng bước từng bước an lạc thành thoi trên những bất ổn của cuộc sống. Thân ngũ uẩn của chúng con tuy ở ta bà đây ngũ

trước, nhưng con quyết vươn lên không để bùn nhơ của ngũ dục làm ô nhiễm, sẽ góp phần thổi một luồng sinh khí mới vào cuộc đời, khiến mọi người cũng được an lạc và hạnh phúc. Đây là cách duy nhất để đền đáp ơn khó của Đức Bốn Sư vô cùng quý kính nhân mùa Sen nở.

Đã bao lần con tự hỏi mục đích sống của mình là gì? Tại sao mình có mặt ở đây? Và thế nào là hạnh phúc đích thực?

Nhờ biết kính tin Tam bảo, được gần gũi thầy sáng, bạn hiền và cố gắng tu học, con chợt nhận ra: con người sống trong đời phân đấu mãi cũng chỉ để vươn đến

HẠNH PHÚC trong đạo

● Ngọc Chơn



hạnh phúc, nhưng làm thế nào để được hạnh phúc? Hạnh phúc là khi ta đã giữ được tâm thanh tịnh, bình thản trước mọi biến cố của vô thường, ấy là lúc ta đã thấy được hạnh phúc ngay trong hiện tại này. Hạnh phúc chính là đây!

Khi con đã thấy được chân lý, đã tìm được an lạc cho chính mình, lòng con bỗng trở nên bao dung, rộng lượng. Con cảm thấy thương yêu mọi người, nhìn mọi người bằng cặp mắt từ bi, nhìn cuộc đời với cõi lòng rộng mở. Con bỗng cảm thấy xót xa khi nhìn chung quanh mình có biết bao người đang đau khổ. Vì thế, con quyết tâm dấn thân vào đời với tinh thần vô tham, vô sân, vô si, vô chấp thủ. Với lòng thương yêu tất cả chúng sanh, con nguyện đem hết khả năng mình để phục vụ chúng sanh, giúp cho mọi người bớt khổ, được vui. Đó là lý tưởng mà bất cứ người Phật tử chân chính nào cũng ước mơ thực hiện.

Như vậy, người Phật tử chân chính là người hạnh phúc nhất, vì người ấy biết sống thiếu dục tri túc, không tham ái, không chấp thủ. Nhờ nội tâm nhẹ nhàng, thanh thản, con luôn luôn vui vẻ,

yêu đời, an nhiên tự tại, biết thương yêu, giúp đỡ mọi người, biết sống thích nghi với mọi hoàn cảnh, và tìm được an lạc ngay giữa lòng cuộc sống xô bồ, đầy biến động của thế gian.

Rồi từ những bài học thực tiễn, con đã tìm thấy con đường tu tập để vừa có thể đạt đến một cuộc sống hạnh phúc đích thực cho bản thân, vừa góp phần xây dựng một xã hội thanh bình, an lạc. Điều này đã chứng minh rằng đạo Phật không phải là một tôn giáo tiêu cực, bi quan. Đức Phật nêu lên vấn đề đau khổ, vì đó là một sự thật không thể phủ nhận, ta cần phải mạnh dạn nhìn thẳng vào nó để tìm cách chuyển hóa. Biết khổ và hiểu được nguyên nhân gây ra đau khổ để tìm phương pháp diệt khổ hầu đem lại an vui, hạnh phúc cho mình và cho xã hội. Đó chính là một trong những điểm tích cực nhất của giáo lý đạo Phật.

Từ những trải nghiệm cuộc sống, con muốn chia sẻ cùng bạn hữu đồng tu rằng, Đức Phật thị hiện ở đời với mục đích chỉ cho chúng sanh nhận ra lẽ thật, chứ Đức Phật không phải là thần linh có quyền ban vui cứu khổ cho ai.



Tin Phật là học theo Phật nhằm cải hóa tự thân và cải hóa xã hội bằng cách học sống theo con đường Bát chánh, nhằm tạo một lối sống tích cực, giúp cho cuộc sống bớt căng thẳng giữa xã hội được cho là tân tiến hiện nay. Sự tĩnh lặng nội tâm sẽ giúp trí óc ta nhạy bén hơn, và ta sẽ đạt được nhiều hiệu quả trong công việc. Sự tĩnh lặng nội tâm giúp ta có giấc ngủ an lành và có khả năng ngăn ngừa nhiều bệnh tật. Khi tâm tĩnh lặng, ta sẽ ít bứt rứt, lo âu và cau có. Ta sẽ cảm nhận được những niềm vui của cuộc sống nhiều hơn. Khi ta vui vẻ thoải mái thì quan hệ gia đình sẽ bền vững hơn. Tóm lại, khi tâm ta bình an thì thế giới sẽ bình an theo.

Bởi vậy, nhân mùa Phật Đản, con xin chia sẻ và mến chúc quý bạn hữu đồng tu thân tâm được bình an, luôn sống trong ánh hào quang của chư Phật, và ngày nào cũng là ngày Phật Đản. ■

An Khê - Gia Lai



Bài 8: BÁT CHÁNH ĐẠO - PHƯƠNG PHÁP TU TẬP diệt tận khổ đau, an trú niết bàn

● Sa môn Giác Toàn



I. QUA GIÁO LÝ TỬ ĐẾ, XÁC ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP TU TẬP THIỀN ĐỊNH

1. Thứ nhất: Cặp phạm trù Nhân - Quả trong đời

a) Khổ đế (tức bát khổ)

Sanh, già, bệnh, chết, thương yêu xa lìa, thù ghét gặp gỡ, cầu muốn khôngặng và ngũ uẩn xí thạnh là những điều hiện hữu trong bát khổ mà xác thân chúng ta đang thọ lãnh. Những nhân chúng ta đã gieo tạo trong quá khứ từ thân, khẩu, ý; ngày nay nó tập trung tạo thành quả mà chúng ta thọ nhận từ thân đến khẩu, đến ý và chúng trở thành biệt nghiệp của chính mình. Do vậy, mình phải “vui gánh những

gánh nặng đang gánh” vui chịu tất cả những hậu quả mà chính mình đã gieo tạo từ trong quá khứ cho đến ngày nay.

b) Tập đế (tức 12 nhân duyên tập)

Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Sở dĩ ngày nay, chúng ta thọ quả khổ (Khổ đế hay bát khổ), nó là quả khổ do chính cái nhân trong quá khứ, do nghiệp thức vô minh, nên chúng ta mê lầm tích tụ trong hành, thức, danh sắc v.v... cho đến ngày nay. Vì vậy, nếu muốn dứt khổ, không còn khổ, chúng ta phải nhận ra và chặt đứt tận gốc rễ vô minh và quyến thuộc của nó, tức 12 nhân duyên tập (từ vô minh, hành,

thức... đến sanh, lão tử).

2. Thứ hai: Cặp phạm trù Nhân - Quả của đạo

a) Diệt đế (tức 12 nhân duyên diệt là Niết-bàn)

Tự mình phải nhận ra, đoạn tận 12 nhân duyên do vô minh dẫn dắt tạo ra vô lượng lậu hoặc khổ đau để được an trú quả vị Niết-bàn “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”.

b) Đạo đế (tức Bát chánh đạo)

Tám con đường chánh được tu tập là: *Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.* Chỉ có tu tập Bát chánh đạo mới có thể chấm dứt được bát khổ, xa lìa vĩnh viễn khổ đau, được an trú

trong đại định Niết-bàn “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”.

II. TU TẬP THIỀN QUÁN QUA BÀI KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT (ĐTKVN, KINH TRUNG BỘ, TẬP 3, SỐ 141)

1. Chánh kiến

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.*”

Như vậy, muốn hết khổ phải tu tập, thân chứng đạt đến tri kiến, tức thấy biết thật rõ về bát khổ, về 12 duyên tập. Đồng thời, thấy biết rõ về khổ diệt và khổ diệt đạo. Nói cụ thể hơn, chúng ta phải có quá trình tu tập và chứng ngộ tận tường Nhân và Quả của Tứ đế một cách rất ráo.

2. Chánh tư duy

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về lý dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.*”

3. Chánh ngữ

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.*”

4. Chánh nghiệp

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.*”

5. Chánh mạng

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.*”

6. Chánh tinh tấn

“*Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất*

thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với cái ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.”

7. Chánh niệm

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.*”

8. Chánh định

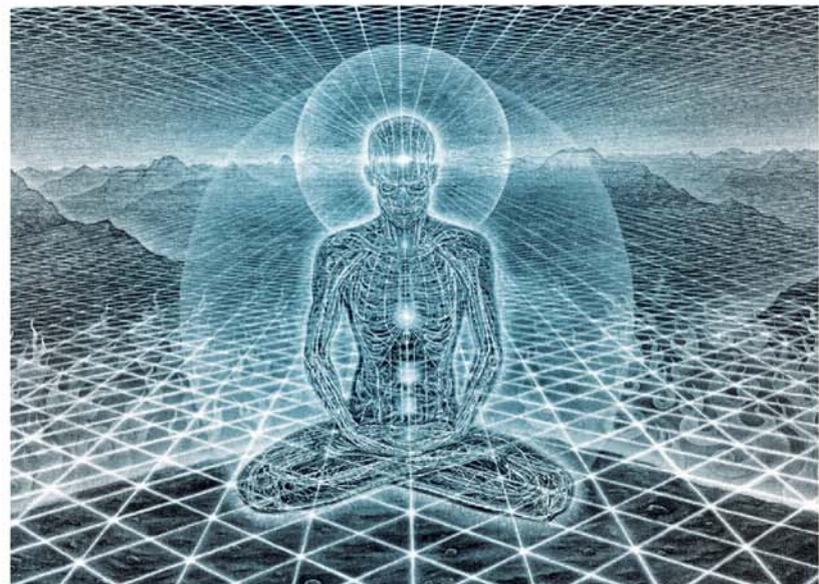
“*Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục*

sanh, với tâm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm, (Tỷ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba (Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.”

Tu tập chuyển hóa trong nhận thức:

Sau hơn 2556 năm, bây giờ đọc lại bài kinh này, chúng ta thấy rõ tại sao Đức Phật sau khi đắc đạo Ngài đã trở lại Lộc Uyển thăm 5 anh em A-nhã Kiều-trần-như, sau khi Đức Phật giảng xong bài kinh Tứ đế thì 5 vị này liền chứng thánh quả A-la-hán. Ngay trong bài kinh nói về Bát chánh đạo, chúng ta càng thấy rõ hơn, Ngài dạy rất cặn kẽ:

- *Chánh tri kiến* là thấy biết rõ về Khổ đế, tức bát khổ. Thứ nhất, tri kiến là sự thấy biết rõ, ở đây tức tự mình soi sáng và thân chứng về sự sanh, già, bệnh, chết, thương yêu xa lìa, thù ghét gặp gỡ, cầu muốn chẳng đặng và



ngũ uẩn xí thành khổ nơi chính mình, không còn bị vướng mắc hay chi phối nữa khi đó mới được gọi là chánh tri kiến.

- Thứ hai, chúng ta cũng thấy rõ và thân chứng về khổ tập, tức 12 nhân duyên. Những nguyên nhân tạo nên tập khí từ trong nhiều đời kiếp là do chấp thủ nghiệp thức vô minh nên chúng ta bị nó sai sử, hành động tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi, chấp theo danh sắc, tức sắc tướng huyễn ảo của tứ đại, của da thịt gân xương mà cho rằng nó là mình. Do chấp rằng nó là mình nên chúng ta ưa lấy giả làm chơn, chiều theo sáu căn, chạy theo sáu trần, bị lục nhập chi phối, chìm đắm hôn mê trong cảm xúc, cảm thọ, luyến ái mê lầm, chấp giữ cho rằng mình được, mình có. Đến khi vô thường hiện hữu, sự sinh tử chợt đến chợt đi... lúc ấy con người mới nhận ra mọi sự, mọi việc đến với mình từ vô minh, hành, thức... cho đến sự sanh, diệt của ta hóa ra tất cả đều là không, là huyễn mộng. Có còn chăng, chỉ là sự huân tập, sự tích tụ nghiệp báo luân hồi. Ở đây, thân chứng thấy biết rõ rồi dừng lại... có nghĩa là dừng lại 12 nhân duyên tập, thấu suốt, thấy biết rõ, thân chứng, tự mình không còn sự huân tập nghiệp tội khổ báo nữa.

- Thứ ba, tri kiến về sự khổ diệt tức là sự chấm dứt khổ tập, chấm dứt nó để được an trú Niết-bàn. Muốn được an trú Niết-bàn chúng ta phải bước sang giai đoạn thứ tư là tu tập để thấy biết rõ và thân chứng khổ diệt đạo. Đây là giai đoạn tu tập, tự mình soi sáng, thấu suốt Bát chánh đạo từ Chánh kiến đến Chánh định.

Một khi đã thành tựu được Chánh tri kiến, khi ấy chúng ta sẽ có một tầm nhìn tổng quát về Tứ đế, tức về "Khổ, Tập, Diệt,



Đạo". Giáo lý Tứ đế được phân định rõ ràng bởi 2 cặp phạm trù Nhân và Quả trong đời (thế gian), Nhân và Quả của Đạo (xuất thế gian).

Cho nên, khi một vị Tăng Ni hay một Phật tử có Chánh tri kiến thật sự rồi thì vị ấy đối diện cảnh vật xung quanh với cái nhìn thông suốt về tính Nhân Quả của con người, xã hội hay quốc độ, không còn gì phải phân vân khó hiểu.

Nấc thang thứ hai, chúng ta cần nên soi sáng đó là **Chánh tư duy**. Đức Phật dạy tư duy về ly dục, vô sân, bất hại v.v... đó chính là suy nghĩ và chấm dứt tham, sân, si nơi tự thân trong nhiều đời kiếp.

Nấc thang thứ ba là **Chánh ngữ**. Người tu mà không có ái ngữ, lời nói không chân chánh thì sao gọi là người tu? Đức Phật đã chỉ dạy chúng ta một cách tường tận và rất ân cần, phải tự chế, tự mình phải biết ngăn mình, nhiếp phục mình. Tự mình tự chế là không cho mình nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu và nói lời phù phiếm, hý luận vô ích.

Nấc thang thứ tư là **Chánh nghiệp**, tức tự mình nhiếp phục mọi hành động của tự thân, không làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm...

Nấc thang thứ năm là **Chánh mạng**, tức nuôi mạng sống một cách chân chánh, từ bỏ sự sống tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng.

Như vậy, chúng ta có thể thấy biết một cách thật rõ là:

Chánh tư duy thuộc về ý nghiệp

Chánh ngữ thuộc về khẩu nghiệp

Chánh nghiệp thuộc về thân nghiệp

Chánh mạng thuộc về thân nghiệp

Nấc thang thứ sáu là Chánh tinh tấn, là sự tinh cần, nỗ lực siêng năng chân chánh trong bốn việc mà hành giả cần phải hạ quyết tâm phát nguyện trong lúc tu tập để thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nhìn trên mặt bằng cuộc sống của con người trong xã hội và thế giới này, chúng ta thấy hiện rõ 2 trạng thái chính về nghiệp báo của con người là thiện và bất thiện. Do vậy, chúng ta phải tỏ thái độ quyết liệt với chính mình:

Bất thiện chưa sanh không cho nó sanh

Bất thiện đã sanh tìm cách đoạn trừ, chấm dứt

Thiện chưa sanh tinh tấn làm

nó phát sanh

Thiện đã sanh tinh tấn làm cho nó tăng trưởng.

Tương tự như các pháp trong đời. Một khi đã chọn được một công việc thích hợp rồi thì phải thực hiện mới mong đạt được mục tiêu. Cũng vậy, khi chúng ta đã có một định hướng, lựa chọn một phương pháp tu tập rồi thì phải nỗ lực tinh tấn mới mong đến đích, phải chế ngự mọi tham ưu ở đời trong mọi trường hợp, bao gồm: thân, thọ, tâm, pháp mới không bị pháp trần chi phối.

Nác thang thứ bảy là *Chánh niệm*: sự kiên trì, gìn giữ tâm niệm chân chánh một cách liên tục không gián đoạn cho đến ngày thành tựu.

Nác thang thứ tám là Chánh định: chính là sự an trú, thường trụ trong sự an định, bất di bất dịch của tâm tánh từ Sơ thiền (ly dục...) đến Tứ thiền (không khổ, lạc, xả niệm thanh tịnh).

III. TU TẬP THIỀN QUÁN QUA Ý PHÁP BÁT CHÁNH ĐẠO TRONG CHƠN LÝ CỦA TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

Bát chánh đạo tức là tám cách hành đạo, theo lẽ chánh của bậc Thánh nhân, cũng kêu là Bát Thánh đạo, là pháp tự độ độ tha, sống chung với tất cả, để cùng đưa nhau lên đến nơi cùng tột là Niết-bàn. Bát chánh đạo cũng gọi là Chánh pháp hay Trung đạo, gồm cả sự học và hành. Bát chánh đạo là tám cửa, tám đường vui, tám pháp giải thoát, tám tia sáng là con đường tiến hóa của chúng sanh, tức là chơn lý của vô trụ mà muôn loại đều ở trong đó.

Bát chánh đạo là bà mẹ hay khi thở, hoặc như mặt đất, cái nhà mà người, Trời không bao giờ thiếu sót, lạc loài. Tất cả chúng sanh đều ở trong đạo bát chánh. Cõi đời có cũng do Bát chánh đạo. Bát chánh đạo là sự sống, hay tâm hồn của chúng sanh mà các tông chỉ, giáo lý vẫn

minh thấy từ đó mà ra cả. Bát chánh đạo không phải riêng của một đạo giáo nào, chánh đạo là nấc thang chung của toàn thể. (Trích Chơn Lý số 5 - Bát chánh đạo)

Bát chánh đạo cũng là con đường từ đầu tới cuối, mà chư Phật đã đi qua rồi.

Đức Phật đã chứng ngộ giáo lý Tứ đế, giáo lý Bát chánh đạo và lưu lại cho chúng ta. Tổ sư Ngài đã kế thừa, đã tu tập thân chứng và tiếp tục truyền dạy cho chúng ta. Ngày nay, chúng ta phải nỗ lực soi quán xem con đường, các pháp mà Đức Phật đã chứng đắc, Tổ sư đã thành tựu và đã chỉ dạy cho chúng ta một cách tận tường. Tự thân phải đối chiếu những điều mà Đức Phật đã giáo huấn, Tổ sư đã chỉ dạy, từ đó soi sáng, suy xét điểm đúng và điểm chưa đúng nơi chính mình để điều chỉnh, sửa sai. Đây chính là điều mà chúng ta phải tự khai thị cho chính mình.

Như vậy, chúng ta chỉ cần tuân tự kiểm điểm lại thật kỹ những lời dạy của Tổ sư qua từng ý pháp:

1. Chánh kiến: là sự nhận xét thấy tỏ rõ lẽ thật đạo pháp liền xuất gia giải thoát, lìa bỏ sự tà kiến vô minh lầm lạc của đời ác trước, bỏ khổ tìm vui.

Tất cả chư Tăng là những người xuất gia đang tu tập để bước dần vào cảnh giới chánh kiến mà Tổ sư đã nhấn mạnh phải từ bỏ sự tà kiến vô minh lầm lạc của đời ác trước, bỏ khổ tìm vui... Còn chúng ta đã chịu từ bỏ chưa? Quyết bỏ khổ tìm vui chưa? Có nhiều trường hợp, chúng ta đã đi tu mà tâm chưa chịu an định, không tự sống đúng theo tâm hạnh của người tu là bỏ khổ tìm vui mà lại thích chạy theo pháp trần bên ngoài để vui chịu với cái khổ trôi buộc, rồi cứ than khổ.

2. Chánh tư duy: là sự chiêm nghiệm, sâu tầm chơn lý, để được trí

huệ, phải ở nơi chỗ vắng, núi, rừng, vườn một mình ít lâu.

Ở đây, chúng ta càng quán xét lời dạy của Tổ sư. Đi tu rồi phải ở nơi thanh vắng núi, rừng, vườn một mình ít lâu... Chúng ta đã thực hiện chưa? Hiện nay, trong hệ phái chủ trương 3 tháng có một khóa tu “Giới-Định-Tuệ” một tuần lễ, tức là thực hiện điều này. Khi nhập chúng tu, mỗi vị chúng ta đã làm gì? Hãy đọc lại lời Tổ sư dạy là sự chiêm nghiệm, sâu tầm chơn lý để được trí tuệ. Mỗi ngày, mỗi thời tu nếu chúng ta biết tự tập trung cho sự chiêm nghiệm, suy xét, tìm tòi chơn lý... chắc chắn chúng ta sẽ đạt được trí tuệ như Tổ sư đã dạy.

3. Chánh ngữ: là tới lui cõi đời để nói pháp dắt dẫn dạy khuyên người, sau khi đã thấu lý đạo đắc quả, để cho được cái học từ nơi nghe, nơi suy nghĩ, nơi sự hành động, cùng nơi sự nói luận, giảng giải.

Điều này rất đặc sắc với người tu xuất gia. Hằng ngày mình chỉ nói, luận giảng những điều mình đang tu tập, thấu lượm được từ nơi sự nghe, sự suy nghĩ, sự thực hành... Chúng ta đừng đi xa. Nói như ngài Mã Tổ đã dạy cho Huệ Tạng (Thạch Củng): “*Mỗi khi thấy trâu (tức tâm ý của mình) đi ăn lúa mạ nhà người thì hãy nắm dây dầm kéo lại*”. Không nói lời vô ích, nhằm nhí, hý luận v.v...

4. Chánh nghiệp: là đi xin, ăn một ngụm chay, mặc một bộ áo vá ba cái, ở lều lá gốc cây, bình không tự làm thuốc, vật chất không không, không một chỗ, không một vật. Đi khắp nơi học dạy trau tâm. Lấy sự cứu độ người làm nghề nghiệp, không tích trữ của cải, không tự lấy, vì tự lấy là tham, không tự làm, vì tự làm là ác. Ta xin ăn của người mà sống, người xin học nơi ta mà sống; sống lo chuyển nhau, bỏ cái sở chấp ta và của ta, gian ác. Ở nơi rừng lượm xin trái lá, vào xóm xin thuốc

xin cơm, uống nước xin sông xin suối, ngồi nằm xin đất đá; lễ xin từ người vui hạp mà cho, là tốt đẹp hơn các nghề nghiệp.

Tổ sư chúng ta dạy, hãy sống theo nhưn duyên cảnh trí, không chấp thủ, không mong cầu, thiếu dục tri túc, sống đúng theo hạnh người tu xuất gia. Không riêng nơi Tổ sư mà chính ba đời chư Phật đều dạy và hành trì như vậy.

5. Chánh mạng: là không có cái sống cho mình. Thân là của đạo, của chúng sanh, sống bằng tâm chơn như; thân có không, còn mất chẳng miễn, chết trong sạch hơn sống như bản.

Như vậy, dù sống hay chết cũng đều là để tu tập và phụng sự chúng sanh.

6. Chánh tinh tấn: là sự cố gắng kiên tâm, trì giới, nhập định, và đi hành đạo giáo hóa khắp nơi.

Trong trường hợp nào, chúng ta cũng phải kiên trì lập đạo và giáo hóa chúng sanh, đều ơn chư Phật.

7. Chánh niệm: là niệm tưởng Phật, niệm tưởng Pháp, niệm tưởng Tăng, niệm tưởng chúng sanh khổ để tìm phương tiện cứu độ.

Đây cũng chính là thể hiện, thực hiện ý pháp tu tập tâm từ và hồng dương chánh pháp.

8. Chánh định: là Niết-bàn chơn như, hay là sự nhập định, sau khi từ bi trí huệ đã đủ đầy, cũng gọi hưu trí nín nghĩ, sau khi rồi xong hết việc, của cải có dư.

Đây thực sự là niềm an định và hạnh phúc, đạo quả của người tu.

IV. TRONG TIẾN TRÌNH TU TẬP HÃY KHÉO PHÂN ĐỊNH TÁM CHÁNH ĐẠO VÀ TÁM TÀ ĐẠO (TRÍCH CHƠN LÝ SỐ 5 - BÁT CHÁNH ĐẠO)

1. Tám chánh đạo

Chánh kiến: là thấy chắc các sự khổ, thấy chắc lòng tham ái là nguyên nhân sanh các sự khổ, thấy biết chắc chỉ có cảnh Niết-bàn cắt



tham ái, là nơi dứt khổ, thấy biết chắc con đường trung đạo dắt dẫn đến nơi diệt khổ, thấy biết chắc nhưn và quả. Thiện là đi tới, ác là đi lui, trong sạch là giải thoát, thấy rõ sự tiến hóa chớ không có chi lưu luyến, trứu mến cuộc đời.

Chánh tư duy: là sự suy xét không đành làm loài vật phải bị hại. Suy xét không đành làm cho loài vật phải đau đớn. Suy xét dặng tránh khỏi ngũ dục, để tìm sự xuất gia giải thoát, tầm tòi các nghĩa lý để độ mình và độ người. Quán xét sự khổ của muôn loại, chơn lý của vô trụ.

Chánh ngữ: là không nói dối, không đâm thọc, không rửa chửi, không khoe khoang vô ích, nói chơn thật, nói lời lành, nói đạo lý, khuyên lơn, can gián, khen ngợi

Chánh nghiệp: là không làm nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm, không làm các nghề nghiệp ác để cho có của cải. Không tham, sân, si.

Chánh mạng: là không nuôi loài vật để bán, không mua bán loài vật, không mua bán người (sự mai dong). Không mua bán thuốc độc, không mua bán đồ binh khí, không mua bán các thứ rượu để nuôi sống, không sống theo lẽ ác tà, không vì lẽ sống của mình mà giết hại mạng sống khác.

Chánh tinh tấn: là ráng giữ không cho sự ác sắp phát khởi ra

được, ráng dứt sự ác đã có trong thân tâm, ráng làm những sự lành mà mình chưa làm, ráng làm những sự lành mà mình sẵn có cho được thêm lên, ráng nghe, học hỏi, giảng dạy, tu tịnh, giữ giới.

Chánh niệm: là nhớ chắc các tướng trong thân thể là vô thường, khổ não, vô ngã. Ghi nhớ rằng: cái thọ vui hay cái thọ khổ, những sự lành, những sự ác, các danh từ và sắc pháp trong thế gian đều là vô thường, khổ não, vô ngã, không tham sân si, dục vọng, luyến ái.

Chánh định:

a. Định sơ thiền: tầm sát, hỷ, lạc, tịnh, định, xả.

b. Định nhị thiền: hỷ, lạc, tịnh, định, xả.

c. Định tam thiền: lạc, tịnh, định, xả.

d. Định tứ thiền: tịnh, định, xả.

Tất cả các pháp lành trong thế gian đều thuộc vào tám phần của bát chánh đạo, không thể nói viết cho cùng. Bát chánh đạo gồm cả tam tàng pháp bảo, tám muôn bốn ngàn pháp môn, ba ngàn pháp cái mà chơn như (chánh định) là mục đích chỉ có một.

Bát chánh đạo cũng là tám con đường ngay thẳng, hay tám cửa giải thoát cho chúng sinh đang ở trong rừng sâu hố thẳm là đời. Bởi không

hiểu mục đích, không thông chơn lý, chẳng rõ nhưn duyên, sau trước khó phân, chỉ quanh quẩn trong sự cần sống hiện tại nên chúng sanh đã tạo ra cho mình đám rừng nguy, hố độc. Càng lúc càng sâu dày để tự giam hãm và hành phạt lấy, mặc cho cái khổ nó hành hà, vô thường lôi kéo, cái không nó cướp giật. Chúng sanh chỉ làm mọi cho sự vô ích, làm tội cho lẽ thất bại.

2. Tám tà đạo

Tám tà đạo như vách đá, như giảng dầy, như chuồng lồng, như khám ngục bao vòng; chúng sanh ở sâu trong chính giữa; hay là ở trong một nhà của tám nhà tà thì có bao giờ thấy biết đường ra?

Tà kiến đạo: là thấy biết mê tín, xác thân, quyến thuộc, vật chất cõi đời cho là có thật bền dài, hạnh phúc đầy đủ, không có chi hơn nữa.

Tà tư duy đạo: là sự so tính trừ lượng, mưu hay trí giỏi, khéo léo tài nghệ, nghiên cứu, học hành, chủ ý để đua tranh giành giật lẫn nhau, đặng nuôi huyễn thân mộng cảnh.

Tà ngữ đạo: là quí quyết lời nói, trau chuốt khoe khoang, đua bợ, nịnh hót đối trá, hơn thua, rửa xả, đâm thọc, nói lời vô ích.

Tà nghiệp đạo: là lấy tham sân si làm của cải, sanh đủ nghề nghiệp xảo trá, sanh nhai.

Tà mạng đạo: là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu, trà, thuốc, biếng nhác, lợi dụng mong cầu sự sống, sướng ngon cho thân mạng.

Tà tinh tấn đạo: là siêng lo việc ác, cố gắng làm càng, chen đua danh lợi, liễu mạng quên thân, lướt càng theo ý dục.

Tà niệm đạo: là niệm tưởng mãi, ghi sâu hút chặt theo vật chất, xác thân, quyến thuộc, luyến ái dục tình, tưởng nhớ không nguôi.

Tà định đạo: là cái sở định luân hồi, quyết giữ cõi đời thân xác, yên tâm trong của cải tình thương. Không còn biết đâu cõi khác, bậc

nào; chỉ giữ vững lập trường chí hướng, tôn thờ xác thân, biết có một mình, mục đích tham sống, khổ sở thất bại không nao. Tự mình làm ác, xúi người làm ác, ưa chịu việc làm ác; tội ác không chừa, quả báo không sợ, tới đâu hay đó, miễn được vui cười, ai sao bỏ mặc.

Tám tà đạo gồm cả các pháp ác trước của thế gian, sanh ra tám muôn bốn ngàn sự khổ, ba ngàn cái ác, đem lại sự vọng động không ngừng, đối nghịch với chánh đạo.

Tà đạo là địa ngục mãi luân hồi, biến hóa không lường, giới hay không đếm, nói chẳng hay cùng. Tám tà đạo là tám vách địa ngục, những ai càng đi sâu vào, càng mất lối ra, như bãi sinh lầy càng lún, càng chìm. Dầu ở một chỗ, một nhà (là một đạo trong tám đạo) hay đi quanh quẩn thế mấy, cũng không ra khỏi tay vô thường, bắt buộc khổ đau.

Cũng có lắm kẻ như vậy, mỗi người chỉ ở trong một tà đạo, một sở chấp, như: kẻ thì ở trong tà kiến, người thì ở trong tà tư duy hoặc tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định nhưng nếu họ tìm ra được chánh đạo tương đối, thì ở tại nhà nào ra cửa đó, ở phương nào thì ra hướng đó, xây lưng trở lại rất mau lẹ vô cùng. Cũng như kẻ nhắm mắt, thấy địa ngục và đi tới mãi liền đó mở mắt ra là gặp Niết-bàn trước mắt rất gần. Phải trái, cong ngay chỉ ở trong một niệm trí mà thôi.

V. KẾT LUẬN

Đạo là sự xuất gia tấn hóa, bỏ lạc lằm lớp thấp, dứt sở chấp, thương yêu, tránh khổ cho mình và cho kẻ khác, ăn chay, đi xin, không của cải, không luân hồi, giải thoát khổ, trau dồi trí huệ, nhập định chơn như. Người đạo là người hành theo Bát chánh đạo, chánh pháp của chư Phật ba đời.

Đạo nghĩa là pháp lý, giáo lý, hay đạo lý.

Đạo là sự tấn hóa, bỏ ác lên thiện, đến nghĩ ngợi.

Đạo là con đường của người giác ngộ.

Đạo là sự quét sạch bụi trần.

Đạo là chơn như tự nhiên vắng lặng.

Đạo cũng là giới định huệ hay không không

Nói cho rõ, đạo là con đường từ địa ngục đến Niết-bàn, con đường có tám chặng đi đến đoạn chót Niết-bàn chánh định mới kêu là đắc đạo. Đạo là bát chánh, là trung đạo tuyệt đối, giữa tương đối hai bờ lẽ, mực giữa phẳng bằng, không cao thấp ngăn ranh, tức là sự sống chung của chúng sanh vạn vật trong vô trụ, hay là cái sống vĩnh viễn đời đời, của ta và tất cả.

Ngoài bước đi từng khoảng của đạo bát chánh, không thể gọi là đắc đạo được. Ví như con đường trời người, là chỉ mới hai phần; thiện nhưn, cư sĩ chưa diệt hết khổ luân hồi trọn vẹn; chánh nghĩa đắc đạo là đã đến nơi cùng tốt Niết-bàn không còn chỗ đi nữa, mới gọi là được. Muốn đắc đạo, ta là người, phải đến cõi trời, rồi mới đến Niết-bàn được, nghĩa là phải tập làm thiện nhưn cư sĩ đã. Chừng đủ thiện căn phước đức, nhưn duyên rồi mới được xuất gia khát sĩ làm Tăng, ở vào trong Bát chánh đạo kêu là nhập đạo. Kế nhờ sự hành đạo, đi đúng theo từng nấc của bát chánh mới đắc đạo. Như thế có nghĩa rằng: ai muốn làm Phật phải bỏ trời, người, qua khỏi cảnh cư gia thiện trí, nhập đạo làm Tăng khát sĩ! Cũng như đang ở dưới ruộng lấy cần phải bước lên mé bãi và rồi bỏ mé bãi mà lên bờ. Trên bờ mới gọi là có đi, đi đến chỗ, đi về nhà.

Nói tóm lại, Đắc đạo là đắc Niết-bàn, đắc đời là luân hồi, tức là đắc thiên đường hay đắc địa ngục. Đạo chánh là bởi thiện lành, không ác quấy. Ấn chứng của đạo là sự vui tươi, không khổ nhọc. Kẻ đã đi rồi mới tự biết là vui say no sướng hơn hết. ■

Tịnh xá Ngọc Hưng,

Báo cáo tổng kết khóa tu Truyền thống Khất sĩ

LẦN THỨ 10

● Ban Thư ký Khóa tu



Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Kính bạch chư tôn Hòa thượng Giáo phẩm Chứng minh Hệ phái,

Kính bạch chư tôn Thượng tọa, Đại đức Tăng.

Traï qua gần 60 năm kể từ sau ngày đức Tổ sư vắng bóng, chư Tôn đức Tăng Ni Khất Sĩ các thế hệ kế thừa đã không ngừng cố gắng duy trì và phát huy Giáo pháp Khất Sĩ về nhiều mặt. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khách quan chi phối, Giáo pháp Khất Sĩ do đức Tổ sư khai sáng ngày một thay đổi không còn được nguyên vẹn như xưa. Để giúp cho Tăng Ni Hệ phái vừa theo kịp đà phát triển của Giáo hội, vừa duy trì được nét đặc thù của Hệ phái, năm 2010 chư tôn đức Giáo phẩm Hệ phái bắt đầu tổ chức các khóa tu truyền thống định kỳ cho chư Tăng 6 Giáo đoàn tu tập. Traï qua 9 khóa do các Giáo đoàn luân phiên tổ chức, đến nay đã là khóa tu thứ 10, do Giáo đoàn IV đăng cai tổ chức. Ban Thư ký tổ chức khóa tu kính trình lên chư Tôn đức về hành

trình và nội dung tu tập của khóa tu, để chư tôn đức và đại chúng được liễu tri.

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

Khóa tu Truyền thống Khất Sĩ lần thứ 10 do Giáo đoàn IV đăng cai tổ chức, diễn ra từ ngày mùng 4 đến 11 tháng 3 năm Quý Tỵ (nhằm 13 đến ngày 20 tháng 4 năm 2013) tại Tịnh xá Ngọc Thiên, tọa lạc bên quốc lộ 20, khu Prenn, phường 3, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

TX. Ngọc Thiên là một trong 10 ngôi già lam thắng cảnh danh tiếng của TP. Đà Lạt. Đây cũng là một trong những ngôi tịnh xá đạo tràng lớn của Giáo đoàn IV nói riêng, của Hệ phái Khất Sĩ nói chung. Chính nơi đây, từ những năm 1960, HT. Thích Giác Ngộ đã hoài bão lý tưởng xây dựng một Thiền viện Khất Sĩ đầu tiên và hoàng dương Thiền pháp Khất Sĩ, để góp phần giáo hóa chúng sanh, đền ơn chư Phật. Đến nay, nhân duyên hội đủ, chư tôn đức Tăng 6 Giáo đoàn Khất Sĩ đã vân tập về đây mở khóa tu. Đây là một niềm hân hạnh lớn cho chư Tăng và Phật tử địa phương, và cũng là một sự

khích lệ vô cùng ý nghĩa cho Tịnh xá.

II. TỔ CHỨC KHÓA TU

1. Số lượng tham dự: Với 110 hành giả là chư tôn đức Tăng 6 Giáo đoàn Khất Sĩ, số lượng tham dự cụ thể của mỗi Giáo đoàn như sau:

– Giáo đoàn I: có 20 vị tham dự, gồm 1 Hòa thượng, 16 Tỳ-kheo, 3 Sa-di.

– Giáo đoàn II: có 14 vị tham dự, gồm 1 Hòa thượng, 1 Thượng tọa, 10 Tỳ-kheo, 2 Sa-di.

– Giáo đoàn III: có 11 vị tham dự, gồm 1 Thượng tọa, 8 Tỳ-kheo, 2 Sa-di.

– Giáo đoàn IV: có 36 vị, gồm 4 Hòa thượng, 5 Thượng tọa, 23 Tỳ-kheo, 4 Sa-di.

– Giáo đoàn V: 18 vị, gồm 4 Thượng tọa, 13 Tỳ-kheo, 1 Sa-di.

– Giáo đoàn VI: 11 vị, gồm 1 Hòa thượng, 9 Tỳ-kheo, 1 Sa-di.

3. Ban Tổ Chức Khóa Tu:

– Trưởng ban Tổ chức Khóa tu: HT. Giác Toàn, Phó Thường trực HDGP Hệ phái.

– Phó ban Tổ chức kiêm Thiển chủ: HT. Giác Giới, Trưởng ban Thường trực HDGP Hệ phái.

– Phó ban Tổ chức: HT. Giác Hà – Trị sự trưởng Giáo đoàn V.

– Giám luật: HT. Giác Thanh, Trưởng Giáo đoàn II.

– Hóa chủ: TT. Minh Lộc, Trụ trì TX. Ngọc Thiên – Đà Lạt, cơ sở tổ chức khóa tu.

– Giám thiển: TT. Minh Bửu và TT. Giác Pháp.

– Kiểm soát: HT. Giác Giàu, TT. Giác Phùng, TT. Giác Minh Đ.2, TT. Giác Thông Đ.5, ĐĐ. Minh Nhơn và ĐĐ. Giác Thuần. (Mỗi đoàn 1 vị)

– Diễn lễ: TT. Minh Thuần.

– Ban Thư ký: TT. Giác Pháp, ĐĐ. Giác Hoàng và ĐĐ. Minh Bình.

– Hiệu lệnh: ĐĐ. Minh Đạo và ĐĐ. Minh Siêu Đ.4.

4. Thời khóa biểu và Nội quy của khóa tu:

Thời khóa biểu tu học, sinh hoạt, và Nội quy của khóa tu cũng đã được thông qua vào ngày khai mạc, kế thừa Thời khóa biểu và Nội quy của các khóa tu trước do Hệ phái tổ chức.

III. NỘI DUNG TU HỌC

Nội gương bao bậc tiền bối đi trước, vâng theo sự dẫn dắt từ bi của chư Tôn đức lãnh đạo Hệ phái, hơn một tuần qua chư Tăng Khất Sĩ đã nỗ lực huân tu đạo nghiệp, tăng trưởng trí tuệ và mọi công đức lành.

Trải qua 8 ngày huân tu đạo nghiệp, gặp lúc tiết trời Đà Lạt đang mùa Xuân, khí hậu mát mẻ, không quá nóng cũng không quá lạnh, và khuôn viên Tịnh xá Ngọc Thiên cũng rộng rãi thanh lịch, nên chư Tăng ai nấy đều phấn chấn tọa thiền, kinh hành, học *Chơn Lý*, đi khất thực...

Tám ngày thanh tu mau chóng trôi qua, các hành giả tham dự khóa tu đã được tăng trưởng đạo hạnh, thâm nhập thêm 2 bài Chơn lý *Lục Căn* và *Số Túc Quan*, và học được nhiều điều cao quý từ các bậc Trưởng lão đồng tu đáng kính. Đối với hàng Phật tử các miền tịnh xá trở về nơi đây cúng dường chư Tôn đức Tăng, hộ trì khóa tu, niềm tịnh tín Tam Bảo cũng đã được tăng trưởng trong các vị ấy khi thấy sự hòa hiệp và thanh tịnh cao thượng của hội chúng Tăng-già Khất Sĩ.

Về mặt **pháp học**, khóa tu này chư Tăng được học 2 bài:

– Trong ngày khai mạc, các hành giả được nghe bài *Pháp Quán Niệm Hơi Thở – Tu Tập Thân Chứng, Thành Tựu Minh và Giải Thoát* do HT. Giác Toàn biên soạn, giảng dạy. Đây là bài thứ 9 Hòa thượng biên soạn phục vụ khóa tu của Hệ phái tổ chức. Bài này được biên soạn kết hợp từ kinh số 810 của *Kinh Tập A-hàm* và Chơn lý *Số Túc Quan* của Tổ sư Minh Đăng Quang.

– Sáu ngày kế tiếp học Chơn lý *Lục Căn* của Tổ sư Minh Đăng Quang do HT. Giác Giới triển khai giảng



giải. Đây là Chơn lý số 03, thuyết minh về 8 nấc thang tiến hóa của võ trụ, trong đó loài người đứng thứ 6, đã đạt đến một sự tiến hóa tương đối cao, nhưng vẫn chưa phải là đích đến của chúng sanh, chỗ nghỉ ngơi rốt ráo cuối cùng. Ý thức được một sự thật nhiệm mầu: Muôn loài vạn vật đều tiến hóa từ sự duyên khởi của tứ đại đất nước lửa gió, loài người phải đi lên, phải thuận theo đà tiến hóa, phải “Sát lục căn, trảm lục trần, diệt lục thức”, phải vượt qua nấc thang thứ 6 trong lộ trình tiến hóa của mình để bước lên nấc thang thứ 7 và 8 là Trời và Phật, không không, vô vi!...

Về **pháp hành**, theo thời khóa biểu một ngày đêm có:

– Bốn thời thiền tọa mỗi thời 1 tiếng và 4 thời thiền hành mỗi thời nửa tiếng.

– Một buổi trao đổi kinh nghiệm tu học trong giờ thiền đàm lúc 2 giờ chiều.

– Một giờ sám hối 3 nghiệp thân khẩu ý của mình trong 1 ngày tu học, từ 8 đến 9 giờ tối.

– Nhưng trên hết là sự tự giác thức liễm thân tâm, chuyên tu Giới Định Huệ của mỗi hành giả.

– Ngoài ra, ngày thứ 9 của khóa tu (nhằm ngày 12/03/Quý Ty), chư Tôn đức hành giả đã đi khất thực duyên tại khu vực Hồ Xuân Hương, ngay trung tâm thành phố Đà Lạt, để lại một ấn tượng vô cùng tốt đẹp của các nhà tu hành thanh tịnh giải thoát, tái hiện lại hình ảnh của chư Phật và Tăng đoàn thuở xưa, một hình ảnh vô nhiễm, vô chấp giữa trần đời.

Nhận xét chung: Khóa tu Truyền thống Khất Sĩ lần thứ 10 đã được diễn ra thành công, kho tàng Giới Định Tuệ pháp bảo vẫn tiếp tục được đại chúng khất sĩ khai thác. Trải qua 8 ngày, chỉ có 1, 2 hành giả bị cảm nhẹ, 1 lần mất điện toàn tịnh xá do sự cố cháy dây vì quá tải, và một vài cơn mưa bất chợt đã làm thay đổi lộ trình kinh hành của đại chúng... Bên các bộ phận Nhà bếp, Thị giá, Hành đường, Sốt bát, Trang trí, Vệ sinh, Bảo vệ, Y tế, Vận chuyển... đã được Thượng tọa Hóa

chủ khéo điều động sắp xếp chu đáo; cũng nhờ sự cố gắng chu toàn bốn phận của chư Tăng Ni và Phật tử phát tâm công quả cho khóa tu. Tuy nhiên, cũng như tất cả các khóa tu trước của Hệ phái, tịnh xá nào cũng lần đầu tiên tổ chức khóa tu, nên đều có một số vấp vấp trong quá trình thực hiện.

IV. KẾT LUẬN:

Cuối thập niên 1940, tại miền Nam Việt Nam, đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã khai sáng mỗi đạo Khất Sĩ chơn truyền y bát của 3 đời chư Phật, mở ra một cánh cửa phương tiện nhiệm mầu, dẫn dắt bao người thiện duyên nối bước theo con đường của chư Phật. Trên tinh thần chơn tu thật học, Đạo Phật Khất Sĩ chơn truyền của đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã mau chóng thành công, phát triển rực rỡ tại Việt Nam và thế giới. Đến nay, Đạo Phật Khất Sĩ vẫn không ngừng tiếp bước Tổ Thầy, hoàn thành sứ mạng cao cả của mình trong dòng tiến hóa của nhân loại, trong sự phát triển không ngừng của quê hương đất nước. Một trong những Phật sự đáng lưu ý nhất hiện nay của Đạo Phật Khất Sĩ là các khóa tu học truyền thống này vậy...

Trong sự gia hộ của Tam Bảo, trong sự hướng dẫn tận tình của chư Tôn đức lãnh đạo, sự lo lắng hết lòng của chư Tôn đức Giáo đoàn IV, đơn vị tổ chức khóa tu, sự cố gắng nỗ lực của các hành giả và sự ngoại hộ chu đáo của chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì cùng quý Phật tử các đạo tràng tịnh xá gần xa, Khóa tu Truyền thống Khất Sĩ lần thứ 10 đến nay đã hoàn mãn. Thành kính đánh lễ cảm niệm ân đức Tam Bảo, ân đức Tổ Thầy và công đức của đại chúng hiện tọa đạo tràng. Tri ân quý Phật tử ngoại hộ, tất cả đã góp phần cho sự thành công của khóa tu lần thứ 10 này. Kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni cùng quý Phật tử và tất cả quý vị có mặt tại Lễ Bế Mạc này được nhiều sức khỏe và vô lượng an lạc. ■

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Ban Thư Ký Khóa Tu

Cần bịch



Tóm tắt khóa tu lần 9 của Ni giới Khất sĩ

● Ni sư Tín Liên



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

- Kính lạy chư Phật, Pháp, Tăng mười phương ba đời.

- Kính lạy Giác linh Tổ Thầy chứng minh.

- Kính bạch Ni trưởng Trưởng ban Giám Luật NGHPKS, Thiền chủ khóa tu.

- Kính bạch NT. Trụ trì Tịnh xá Ngọc Khánh, phó Thiền chủ kiêm Trưởng ban Tổ chức khóa tu.

- Kính bạch Chư vị Ni trưởng Giáo phẩm Ni giới HPKS, Ban Tổ Chức Khóa tu.

- Kính bạch Quý Ni trưởng, Ni sư, Sư cô trong thiền đường đại chúng.

- Kính thưa chư Phật tử hành giả thiền sinh thân mến.

I. THÀNH PHẦN BAN TỔ CHỨC

- Chứng minh: NT. Tràng Liên và NT. Nguyệt Liên

- Thiền chủ: NT. Tân Liên



- Phó Thiền chủ: NT. Chiêu Liên (Kiêm Trưởng BTC)
- Phó Thiền chủ: NT. Nhã Liên
- Ban Giám Thiền: NT. Kinh Liên, NT. Thâm Liên, NT. Hiệp Liên, NT. Khiêm Liên.
- Ban Kiểm Soát: NT. Hiện Liên, NT. Ánh Liên, NS. Trì Liên, NS. Thận Liên, NS. Tùng Liên.
- Phó Ban Tổ Chức: NT. Viên Liên
- Điều hành: NS. Nga Liên và NS. Phú Liên
- Thư ký & Điều phối: NS. Tín Liên, NS. Hòa Liên (NP)
- Vi tính: SC. Anh Liên

Hiện diện tham dự khóa tu gồm: 10 vị Ni trưởng, 22 Ni sư, 52 Sư cô, 19 Ni cô (7 Thức-xoa, 12 Sa-di) và 4 tập sự. Hành giả tham dự trong khóa tu là 107 vị Ni của 41 ngôi tịnh xá, trong đó có 36 vị là trụ trì. Phật tử tu theo: 25 vị. Như vậy tổng số hành giả: 132 vị. Chư Ni hộ thiền: 20 vị (13 Ni + 7 tập sự). Phật tử hộ thiền: 50 vị. Tổng số chư Ni và Phật tử của tất cả các Ban tham dự trong khóa tu là: 202 vị (trong đó tu sĩ: 127, Phật tử: 75 vị).

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

Từ ngày 20/01 đến ngày 26/01 âm (nhằm ngày 01.3.2013 – 07.3.2013).

Tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Khánh - thị xã Long Khánh - tỉnh Đồng Nai.

III. THỜI KHÓA VÀ NỘI DUNG

Lễ Khai mạc Khóa tu được bắt đầu lúc 8 giờ sáng ngày 20.1.âm, dưới sự chứng minh của ngài Chánh Đại diện (Hòa thượng Thích Huệ Tâm) cùng chư tôn đức Tăng trong Ban Đại diện PG thị xã Long Khánh, cùng chư vị Trưởng lão Ni, hàng Giáo phẩm Ni giới HPKS.

Đặc biệt, Ni trưởng dương kim Trưởng Ni giới

HPKS – NT. Tràng Liên và NT. Trụ trì TX. Ngọc Phương (NT. Nguyệt Liên), vì đạo tình thâm giao gắn bó với NT. Trụ trì Tịnh xá Ngọc Khánh, nên đã hoan hỷ quang lâm về chứng minh tham dự, làm cho buổi lễ thêm phần trang nghiêm, long trọng.

Sau những nghi thức cầu nguyện của chư tôn đức và toàn thể đại chúng, NT. Viên Liên (Giáo phẩm Ni giới HPKS, Phó ban tổ chức khóa tu) tuyên đọc danh sách Ban tổ chức, Nội quy. Ban thư ký tuyên đọc lịch tu hằng ngày, lịch học Chơn Lý toàn khóa. Sau những lời chứng minh, huấn từ, sách tấn, cầu chúc tốt đẹp đến thiền sinh, chư vị Ni trưởng tuần tự triển khai pháp tu thiền của HPKS qua lời dạy của đức Tổ Sư và cố Ni trưởng Đệ nhất.

Buổi chiều cùng ngày hành giả học Chơn Lý “Số Tức Quan” (số 53) do NT. Tân Liên và NT. Thâm Liên phụ trách.

Ngày thứ hai và những ngày sau đó, NT. Chiêu Liên, NT. Khiêm Liên, NT. Hiện Liên, NT. Nhã Liên và NT. Tùng Liên đọc và triển khai Chơn Lý “Nhập Định” qua hai buổi học.

- NT. Kinh Liên và NT. Thận Liên đọc và triển khai Chơn Lý “Ngũ Uẩn”.

- NT. Trì Liên và NT. Ánh Liên: Chơn Lý “Giác Ngộ”.

- NT. Hiệp Liên và NT. Hiếu Liên: Chơn Lý “Chư Phật”.

Ngày 22/1/âm (03/3/2013), Ni trưởng Trụ trì Long Khánh tự cùng Ni trưởng Trụ trì Trúc Viên Lan Nhã thay mặt Chánh Đại diện Phật giáo thị xã Long Khánh - Đồng Nai đã đến thăm và cúng dường khóa tu tại Tịnh xá Ngọc Khánh trong niềm hoan hỷ và thân mật.

Đặc biệt trong khóa tu này, ngày 23/1/âm, thiền sinh được vinh hạnh đón tiếp HT. Thích Giác Toàn, Phó ban Thường trực Giáo phẩm HPKS, không ngại



đường xá xa xôi, Phật sự bề bộn, nhưng cũng đến thăm hỏi, ban đạo tử, sách tấn chư Ni và giảng dạy giáo lý thâm sâu vi diệu qua chủ đề: “*Phương pháp tu tập thiền định*” trích dẫn từ *Kinh Pháp Bảo Đàn* và Chơn Lý “*Nhập Định*” của Đức Tổ Sư.

Sáng sớm ngày cuối khóa là buổi đi trì bình khát thực của Ni chúng. Bóng huỳnh y rực rỡ, hình ảnh trang nghiêm thoát tục của chư Tôn đức Ni, tay cầm bình bát giữa dòng đời xuôi ngược, chắc chắn là những hình ảnh đẹp, những bài pháp không lời ghi đậm trong lòng Phật tử địa phương.

IV. ẨM THỰC VÀ ĐỜI SỐNG

Nhờ ơn Tam Bảo gia hộ, ơn đức Tổ thầy ban ơn, nhất là tấm lòng tận tụy hy sinh, tâm từ vô lượng của Ni trưởng trụ trì TX. Ngọc Khánh. Công đức thấm nhuần qua bao năm vất vả gian lao giữ đạo và hành đạo, với tâm nguyện mong muốn nhìn hình ảnh chư ni “*Sống chung tu học*” tinh tấn tiến tu thiền định, trau dồi Giới – Định – Tuệ để “*kế vãng khai lai*”, Ni trưởng đã không nề hà niên cao lạp trưởng, công việc tổ chức lớn lao, phải lo lắng nhiều về kinh phí. Ngài mạnh dạn tổ chức khóa tu truyền thống cho Ni giới hệ phái, chuẩn bị chỗ nơi chu đáo, vật thực đủ đầy. Phật tử ngoại hộ tận tình với số lượng người tham gia 50 vị. Nước uống giải khát thay đổi mỗi thời; diện nước phục vụ tắm giặt các nơi đều thập phần chu đáo. Tấm lòng hoan hỷ bao dung, tận tụy hy sinh của Ni trưởng và Ni chúng ngoại hộ, cùng chư Phật tử trong Ban hộ thiền thật là những tấm gương mẫu mực cho mỗi thiền sinh chúng con suy gẫm và noi theo.

V. NHẬN XÉT

Qua suốt tuần lễ hành trì miên mật theo thời khóa, pháp tu đã triển khai đến giai đoạn 5 trong 8 giai đoạn cần tu tập của pháp Số Túc Quan. Những gì cần thiết cho tăng trưởng chánh niệm cũng được triển khai chu đáo. Hy vọng thiền sinh lưu tâm để

áp dụng hành trì. “*Ngoài lia tướng là thiền, trong không loạn là định Trong từng mỗi niệm hãy tự thấy bản tánh thanh tịnh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo*” (Lục Tổ Huệ Năng, *Kinh Pháp Bảo Đàn*). Muốn đạt như vậy, hành giả không thể rời chánh niệm, hộ trì các căn khi đối cảnh xúc duyên. Niệm hơi thở để đối trị vọng tâm và niệm TÂM miên mật để phiền não tham, sân, si thấy được phiền não dấy động và được khống chế (trích Chơn Lý “*Số Túc Quan*”).

Trong thời gian 7 ngày qua, hành giả chấp hành nội quy tốt, chấp hành thời khóa tu học tốt, không dùng điện thoại di động, giữ tịnh khẩu tương đối tốt, mặc dầu cũng có một vài vi phạm như nói chuyện, tiếp khách v.v... nhưng nhìn chung, thái độ tu học của thiền sinh có thành khẩn, cầu tiến, mặc dầu còn nhiều khiếm khuyết, rụt rè, không mạnh dạn phát biểu trong giờ trình pháp.

Tóm lại, khóa tu thiền đã diễn ra một cách êm thấm, thuận duyên, tốt đẹp. Tất cả thiền sinh đều cảm nhận sự thăng tiến tâm linh, Giới - Định - Tuệ tăng trưởng, pháp học nắm rõ hơn để hỗ trợ cho pháp hành được nhiều kết quả tốt đẹp hơn.

Tất cả những thành quả trên có được, đều nhờ sự gia trì của Tam bảo, sự hiện diện quý báu của chư Tôn đức trưởng thượng lãnh đạo Ni giới hệ phái đã “*vì pháp quên thân, vì chúng sanh tận tụy*”. Chúng con hàng hậu học chỉ biết một lòng kính lễ cảm trọng thâm ân. Nguyện gắng tu gắng học, đệ huynh đoàn kết, một lòng kết thành ngàn cánh sen trang nghiêm cội Bồ-đề mà Tổ Thầy và chư vị Ni trưởng đã gắng vun trồng cho đến ngày đơm hoa kết trái như lời dạy của cố Ni trưởng:

*“Giới giữ cho thân sạch lối lầm,
Cho tâm như ngọc luyện đổi tâm,
Cho hoa trí tuệ tươi ngàn kiếp,
Cho quả từ bi đẹp bội phần”.* ■

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.



Cảm tưởng của Hành giả Khóa tu thiền truyền thống

LẦN THỨ 9 CỦA HỆ PHÁI NI GIỚI KHẤT SĨ

● NT. Khiêm Liên



Nam Mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Kính bạch chư Tôn Thiển Đức Tăng Ni,
Kính thưa toàn thể thiền sinh hiện diện,
Cùng chư Phật tử thân thương đang có mặt,
Kính thưa quý liệt vị.

Bây ngày trôi qua thật nhanh chóng, trong quá trình tu tập, chúng con cảm nghe thật an lạc, thật thanh bình. Hôm nay ngày mãn khóa, giờ đây trên bàn chúng mình, có sự hiện diện của chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni trong ban Đại diện Phật giáo Huyện cùng quý Ni trưởng trong hàng Giáo phẩm của Hệ phái đến chứng minh cho toàn thể hành giả chúng con làm lễ mãn khóa thiền bảy ngày.

Kính bạch chư Tôn đức, qua sự thu thúc lục căn, dưới sự hướng dẫn tận tình của chư Tôn đức, chúng con cảm nhận được hạnh phúc lớn lao, chúng con

cảm nghe như được tiếp thêm sinh lực, sức sống như đang trào dâng, nhất là thời thiền buổi khuya thật chất lượng.

Ôi! Xúc động làm sao, khi thấy sự hy sinh cao cả của quý Ni trưởng trong hàng Giáo phẩm. Vì tiền đồ Phật giáo, vì muốn xương mình giáo pháp Tổ Thầy mà quý Ngài không nệ tuổi già sức yếu, trú xứ xa xôi, lận lội về đây để cùng ngồi với chúng con suốt ngày, cùng tu chung với chúng con suốt khóa, làm gương tinh tấn, sách tấn chúng con. Nhất là Ni trưởng Trưởng ban tổ chức, năm nay, tuổi đời của Ni trưởng cũng gần 90, hạ lạp cũng gần 60, vậy mà vì lòng từ bi thương tưởng đoàn hậu lai, Ni trưởng đã tích cực tổ chức khóa thiền truyền thống lần thứ 9 thật quy mô, hầu tạo điều kiện thuận lợi cho chúng con có cơ hội chuyên sâu vào lộ trình Giới-Định-Tuệ, nhuần nhuyễn pháp hành của Tổ Thầy, để mai đây khi về lại trú xứ, mỗi chúng con đều mang theo một sứ mạng thiêng liêng mà quý Ngài đã thao thức, ký thác, gởi gắm và kỳ vọng nhiều

nơi chúng con. Đó là mỗi thiên sinh, sau khi rời khỏi khóa tu, phải thể hiện cho được phẩm chất Sa-môn Thích tử, xứng đáng với sứ mạng: “*Truyền đăng tục diệm, kế vãng khai lai*”. Được vậy, đời sống của người xuất gia mới có ý nghĩa đích thực, mới đem lại lợi ích thực tiễn cho bản thân và cộng đồng xã hội.

Có câu: “*Phật pháp xương minh do Tăng già hoàng hóa, Thiên môn hưng thịnh bởi đàn việt phát tâm*”. Đàn Việt mà có hưởng ứng tích cực, phát tâm hộ trì Tam bảo là khi họ đã nhìn thấy gương hạnh thanh cao chơn chánh của hàng ngũ xuất gia. Bởi vậy, đệ tử xuất gia của Phật là một trong ba ngôi báu, còn được tôn xưng là: “*Chúng trung tôn*”. Ngày nay, chúng ta chỉ biết Phật qua tôn tượng, biết pháp qua kinh sách, mà hiện tiền Tăng là người đại diện chân chính cho Tam bảo, có bốn phận giới thiệu Tam bảo với chúng sanh. Nếu chư Tăng Ni không đủ phạm hạnh thanh cao thì lấy gì cho hàng cư gia tôn sùng ngưỡng mộ. Do đó mà chư Tôn đức đã hết lòng rèn luyện chúng con, tiêu biểu là trong suốt 9 khóa thiền vừa qua.

Ngoài hàng giáo phẩm ra, còn có ban điều hành, ban hướng dẫn, ban phục vụ ẩm thực, v.v... Nhờ có ban điều hành năng nổ, thông minh mới điều phối thời khóa sát sao, trôi chảy thì sự tu học của thiên sinh mới nhẹ nhàng, chất lượng. Nhờ có ban hướng dẫn, hướng dẫn pháp học, pháp hành thích hợp với căn cơ trình độ của hành giả, vừa giản đơn thực tế, vừa siêu thoát, cao sâu, khiến thiên sinh dễ nắm bắt được pháp học pháp tu, từ chi đến quán thông suốt, đầu chỉ có 7 ngày mà áp dụng có hiệu quả. Tuy người ít mà là nên việc, thật là trí tuệ, thật là giỏi giang.

Sau cùng, nhờ có ban ẩm thực và ban phục vụ ngoại vi hoan hỷ, cần cù, chịu khó, thức trước chúng, ngủ sau chúng, chu đáo thập phần thì khóa thiền mới được hoàn mãn như ngày hôm nay. Xin muôn vàn cảm ơn tất cả.

Giờ đây, trên có Tam bảo, Tổ Thầy chứng giám, trước mặt chúng con có hàng giáo phẩm trong Giáo hội và hàng giáo phẩm của Hệ phái chứng minh. Để đền đáp công ơn sâu dày trong muôn một, chúng con xin thành tâm phát nguyện nối gót Tổ Thầy, đem thân giáo, khẩu giáo làm ngọn đèn soi sáng thế gian, hầu tự lợi, lợi tha viên mãn. Như Đệ nhất cố Ni trưởng đã phát nguyện:

“*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương*”.

Trước khi cung tiễn chư Tôn đức trở về trú xứ, chúng con thành kính nguyện cầu Phật ân gia hộ quý Ngài pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu, mãi mãi là chỗ dựa vững chãi cho chúng con và chúng sanh trên lộ trình giác ngộ giải thoát.

Chúng tôi cũng chân thành tán dương công đức của toàn thể nam nữ Phật tử Tịnh xá Ngọc Khánh và

Phật tử các nơi đã hết lòng cúng dường tứ sự trong suốt khóa thiền, nhờ vậy, khóa tu mới được thành tựu mỹ mãn. Nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ quý vị luôn luôn sở hữu được gia tài lớn nhất của đời người như Phật đã dạy: “*Gia tài lớn nhất của đời người là sức khỏe và trí tuệ*”

Toàn thể hành giả khóa tu truyền thống Giới Định- Tuệ lần thứ 9 đồng kính lễ. ■

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát.

(Tịnh xá Nhật Huy)





Báo cáo tổng kết khóa tu truyền thống Ni giới HPKS lần thứ 10

Được tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Chung – huyện Hóc Môn – TP. HCM
Từ ngày 10 – 16/3/Quý Tỵ (nhằm ngày 19 – 25/4/2013)

● Ni sư Tín Liên

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch:

- Ni trưởng Trụ trì Tổ đình Ngọc Phương
- Quý Ni trưởng Giáo phẩm Hệ phái trong Ban Chứng Minh khóa tu
- NT. Chiêu Liên – Thiển chủ khóa tu
- Quý Ni trưởng, Ni sư trong Ban Tổ Chức khóa tu.

Kính bạch:

- Ni sư Hạnh Liên – Trụ trì Tịnh xá Ngọc Chung

Kính thưa:

- Quý Ni sư, Sư cô, Ni cô hành giả thiện sinh
- Cùng toàn thể thiện nam tín nữ hiện diện.

Thấm thoát thời gian qua nhanh, mới ngày nào huynh đệ chúng con từ các miền tịnh xá gần xa của Hệ phái qui tụ về đạo tràng TX. Ngọc Chung hân hoan trong ngày Lễ khai mạc khóa tu truyền thống 7 ngày của Hệ phái, thế mà

hôm nay ngày bế mạc đã đến.

Đáp lại sự tha thiết nhiệt tình của Ni sư Trụ trì TX. Ngọc Chung, muốn đăng cai tổ chức khóa tu truyền thống, quý Ni trưởng hàng Giáo phẩm NGHPKS rất hân hoan, nhiệt tình ủng hộ, với thành phần BAN TỔ CHỨC như sau:

CHỨNG MINH:

NT. Tràn Liên, NT. Ngoạt Liên

NT. Tân Liên, NT. Minh Liên

BAN TỔ CHỨC

THIỆN CHỦ: NT. Chiêu Liên

PHÓ THIỆN CHỦ: NT. Nhã Liên, NT. Phục Liên

KIỂM SOÁT VÀ GIÁM THIỀN: NT. Tố Liên và NT. Khiêm Liêm

ĐIỀU HÀNH: NT. Viên Liên, NS. Tuyết Liên, NS. An Liên, NS. Hạnh Liên.

THƯ KÝ VÀ ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TU HỌC: NS. Tín Liên, NS. Phụng Liên.

Hiện diện tham dự khóa tu gồm : 63 TKN (trong đó có 6 Ni trưởng, 13 Ni sư), 5 Thích-xoa, 6 Sa-di-ni và 1 Tập sự. Như vậy tổng số hành giả tham dự trong khóa tu là 75 thiện sinh của 47 đơn vị Tịnh xá. Số vị trụ trì: 28. Ban Hộ Thiện có 5 Tiểu Ban gồm 18 Ni và Phật tử luân phiên soát bát hằng ngày. Như vậy, tổng số chư Ni tham dự trong khóa tu là 93 vị. Phật tử của TX. Ngọc Chung tham gia công quả rất đông.

THỜI KHÓA TU TẬP

Chương trình tu học 7 ngày (từ 10/3 – 16/3 ÂL) được tuần tự diễn tiến như sau:

Mỗi ngày có 5 thời thiền tọa (mỗi thời trung bình 50 phút), 6 thời kinh hành (mỗi thời 20-30 phút), hai thời công phu, 1 giờ 20 phút đọc Chơn Lý của Tổ Sư và 45 phút hành giả trình pháp.

Thiền đường rộng thoáng, kang trang ngay bên dưới chánh điện được tôn trí trang nghiêm với hình đức Phật, hình đức Tổ Sư và rực rỡ hương hoa.

NỘI DUNG TU HỌC

Lễ khai mạc chính thức diễn ra lúc 7 giờ sáng ngày mùng 10/3 ÂL với sự hiện diện của hàng Giáo phẩm lãnh đạo Hệ phái như: Ni trưởng Trụ trì TX. Ngọc Phương, NT. Tân Liên (TX. Ngọc Quang - Gò

Công), NT. Minh Liên (TX. Ngọc Tâm - Long An), NT. Chiêu Liên (TX. Ngọc Khánh - Long Khánh) và chư Tôn đức Ni.

Sau những lời sách tấn và khích lệ chư Ni, pháp tu thiền của Hệ phái do Tổ sư và cố Ni trưởng đệ nhất dạy, được quý Ni trưởng tuyên đọc. Buổi chiều cùng ngày, học Chơn lý Số Túc Quan do NT. Chiêu Liên và NT. Khiêm Liên phụ trách.

Ngày thứ hai và những ngày sau đó theo lịch trình như sau:

NT. Nhã Liên và NT. Phụng Liên đọc và triển khai chơn lý “Nhập Định”.

NS. An Liên và NS. Hạnh Liên: Chơn lý “Trên Mặt Nước”.

NT. Tố Liên: Chơn lý “Sanh Và Tử”.

NT. Viên Liên và NS. Tuyết Liên: Chơn lý “Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Đặc biệt khóa tu đầy đủ duyên lành được chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái: HT. Giác Phúc, HT. Giác Giới và HT. Giác Toàn viếng thăm, sách tấn và giảng dạy giáo lý vi diệu.

Thêm một niềm vui mừng lớn lao cho Thiện sinh: Ban Trị sự Phật giáo huyện Hóc Môn do Hòa thượng Trưởng ban hướng dẫn, cùng Phân Ban Đặc trách Ni



giới Huyện đã đến thăm hỏi, tán thán ca ngợi và tặng hoa cho Ban Tổ chức khóa tu.

VỀ ẤM THỰC VÀ ĐỜI SỐNG

Nhờ Tam Bảo gia hộ, ơn đức Tổ Thầy gia ân, nhờ tấm lòng tha thiết của Ni sư Trụ trì Tịnh xá Ngọc Chung, mỗi ngày đều có Phật tử ngoại hộ, nên suốt tuần lễ tu tập vừa qua, Phật tử sót bát cúng dường chu đáo.

Được biết để chuẩn bị cho khóa tu, Ni sư Trụ trì Tịnh xá Ngọc Chung đã xây thêm một lầu thượng kang trang, tọa cụ, bồ đoàn may sắm mới tinh khôi, mỗi mỗi đều lo lắng chu toàn. Ni chúng và Phật tử Tịnh xá hết lòng phục vụ. Mỗi thứ đều toát lên vẻ gọn nhẹ, thanh tịnh và đầy hoan hỷ.

NHẬN XÉT

Nhìn chung khóa thiền lần này, tuy chưa thật trọn vẹn, nhưng thiền sinh có chấp hành khá tốt Nội qui tịnh khẩu, không dùng điện thoại di động. Đây là một bước tiến đầy khích lệ và phấn khởi. Tuy còn không ít rụt rè, một chút thụ động trong những giờ trình pháp đầu, dần dần những buổi trình pháp cuối, thiền sinh có dạn dĩ và sinh động hơn. Thiền sinh tham gia thời khóa tu tập tốt. Nội dung tu tập đã triển khai đến giai đoạn 6, trang bị cho thiền sinh những kiến thức cơ bản về lý thuyết. Kết quả tu tập đòi hỏi chúng ta phải gia công thực hành kiên trì, như cố Ni trưởng đệ nhất từng nhắc nhở:

“Nhà ta sẵn báu trân

Tuệ nghiệp sẵn riêng phần

Con phải chăm gìn giữ

Con là vị chủ nhân”.

(Về đây – NT. Huỳnh Liên)

Dòng thời gian trôi nhanh, nhưng chắc chắn trong tâm tư mỗi hành giả chúng con còn đọng lại biết bao hình ảnh đẹp, thân thương. Ngôi đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh, ấm áp tình pháp lữ, những tâm hồn hy sinh vì đại thể, vì thế hệ Ni trẻ, vì tâm nguyện của Tổ Thầy Hệ phái, vì Phật pháp trường tồn, chúng sanh vạn loại.

Giờ đây, trong giây phút này, lời nào nói hết tâm tư, chúng con chỉ biết: Kính nguyện hồng ân Tam Bảo gia hộ cho Ni trưởng thiền chủ, chư vị Ni trưởng hàng Giáo Phẩm Hệ phái, Ni sư Trụ trì Tịnh xá Ngọc Chung và toàn thể chư hành giả thiền sinh, cùng chư Ni và thiện nam tín nữ đã tích cực hỗ trợ chúng con trong suốt khóa tu thật dồi dào sức khỏe, trí tuệ phát sanh, trên đường tu tinh tấn mãi mãi cho đến ngày viên thành Phật đạo. ■

NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỂN BỒ TÁT.





Khóa tu Truyền thống Ni giới

LẦN THỨ 10 TẠI TỊNH XÁ NGỌC CHUNG - TỪ 10 ĐẾN 16 THÁNG 3 NĂM QUÝ TỶ

● TKN. Tuyết Liên

KHAI DUYÊN:

Ngọc Chung Tịnh xá,
Mở khóa tu thiền.
Chư Ni câu hội,
Thiện tín kết duyên.

THIỆN TỌA:

Nắng mùa hạ chói chang,
Dưới bóng mát đạo tràng,
Chư Ni đang thiền tọa,
Thân tướng thật nghiêm trang.



THIỆN HÀNH:

Ba tiếng chuông ngân vang,
Hành giả nối thành hàng
Từng bước chân tinh thức
Uốn lượn tựa rồng vàng.

HỌC PHÁP :

Giờ học pháp âm vang
Nghĩa Chơn lý tiêm tàng
Thâm sâu lẽ vi diệu
Nguồn pháp như rưới chan.

THỌ THỰC :

Giờ thọ thực nghiêm trang
Bát ngọc kết duyên vàng
Nguyện cầu cho tín chủ
Thêm phước thọ an Khang.

CHỈ TỊNH :

Giờ chỉ tịnh khinh an
Giác ngủ thật nhẹ nhàng
Giúp tăng thêm sinh lực
Cho ngày mới khỏe an.

NHIẾP TÂM:

Đêm ngày tiếp nối sang
Thiền sinh nối đạo tràng
Nhiếp tâm từng giây phút
Sống tinh thức bình an.

ÂN ĐỨC CHƯ NI TRƯỞNG:

Kính chư Trưởng lão Ni
Dù lao nhọc nề chi
Đêm ngày diu đất chúng
Chỉ dạy lẽ huyền vi.

Y GIÁO PHỤNG HÀNH:

Đợi chúng xin lãnh thọ
Nguyện phụng giáo hành y
Nguyện noi gương thân giáo
Nguyện tiếp nối từ bi.

ÂN TRỤ TRÌ :

Thương Ni Sư trụ trì
Thân bệnh có sá chi
Lo ngoài trong trên dưới
Chu đáo đến thế ni.

ÂN HỘ THIÊN :

Thương lắm ban hộ thiên
Thật cần mẫn tinh chuyên
Ngày lẫn đêm tích cực
Tùy nhu yếu tăng diên.

ÂN TÍN CHỦ :

Thương quá hàng cư gia
Tâm vì đạo thiết tha
Thảo lòng tâm cung dưỡng
Kết duyên Tam Bảo nhà.

KẾT KHÓA:

Bây ngày thoát trôi qua
Lời kinh động tinh hà
Cánh cánh sen vàng kết
Thành Giáo Hội Liên Hoa

NGUYỆN CẦU:

Cầu Tổ Sư độ trì
Giáo pháp được phát huy
Tăng Ni noi truyền thống
KHÁT SÍ HẠNH HÀNH Y.



Lời tri ân từ Khóa tu

(Khóa tu dành cho Sa-di, Sa-di-ni và tập sự lần thứ 4 của Giáo đoàn III)

● Thiện Tĩnh

**Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Ngưỡng Bái Bạch Chư Tôn Đức Tăng, Ni
Trưởng, Ni sư, Sư cô và toàn thể đại chúng.**

Con pháp danh Thiện Tĩnh, trú xứ Tịnh xá Ngọc Tín trực thuộc hệ thống Tịnh xá Ngọc Quang – Ban Mê Thuật. Bốn sư của con là Đại đức Giác Phong.

Hôm nay là ngày kết thúc khóa tu học dành cho sa-di, sa-di-ni và tập sự nam nữ, con có đôi lời tri ân gửi đến chư Tôn đức trong thời gian qua đã nâng niu, tận tình chỉ dạy cho con, chư huynh đệ và quý Phật tử gần xa cùng tu tập.

Thời gian trôi thật là nhanh, mới vừa kết thúc khóa “Bồi dưỡng đạo hạnh” dành cho sa-di, sa-di-ni và tập sự nam nữ lần thứ 3 đó mà giờ đây khóa tu lần thứ tư đã đến. Thời gian vẫn là thời gian, nó cứ dần tích tắc, tích tắc đi qua vòng tuần hoàn, ấy thế mà khóa tu thứ 4 cũng đã đến ngày kết thúc.

Hội ngộ nào mà không chia tay, kết hợp nào

không tan rã. Khóa tu kết thúc trong sự tiếc nuối của những Tăng Ni trẻ mới bước vào con đường đạo nói chung và bản thân con nói riêng. Tuy nuối tiếc vì khóa tu kết thúc, chúng con phải chia tay, nhưng con rất vui sướng khi đã được học nhiều điều mới lạ mà dường như từ nhỏ đến giờ lần đầu tiên con được nghe. Mỗi khóa tu, mỗi thời tiết của đất trời lại khác nhau. Khóa tu lần thứ 3 ở Tịnh xá Ngọc Quang mát lạnh trong mùa đông lạnh giá và ở đây Tịnh xá Ngọc Túc thì oi bức của tiết trời gần cuối xuân.

Tuy thời tiết oi bức nóng nực nhưng hậu học chúng con vẫn ở trong không khí mùa xuân và thấm đẫm mát mẻ từ những cơn mưa pháp cam lồ từ lòng từ bi của chư Tôn đức Tăng Ni. Mở đầu khóa tu là những phương pháp thiền từ Hòa thượng Trưởng Giáo đoàn, dạy cho chúng con một pháp tu quan trọng trên con đường tu học. Và điều quan trọng không kém “Để trở thành vị sư Khất Sĩ” cần có rất nhiều điều cần biết, những điều ấy tuy dễ nhưng rất khó, tuy khó nhưng

rất dễ, khó như chú chim non ở trong tổ chưa biết ăn cũng như chưa biết bay được mẹ xú mỗi, tập bay mà một chú chim non cần thực tập để biết bay. Chẳng hạn như ôm bát khát thực, mới bước vào con đường đạo thì đâu vị nào biết ôm bát, thế nhưng TT. Giác Thuận chỉ dạy cho cách ôm bát và bước đi như thế nào để chúng con thực hành tốt hơn. Tuy con là một tập sự nhỏ không vì thế mà TT. Giác Minh không chỉ dạy những bí quyết, công thức hoàng pháp từ sự đúc kết lâu năm của Thượng tọa. Tuy kiến thức ấy dành cho một vị giảng sư nhưng con cũng học được vài điều để áp dụng vào trong cuộc sống. Mỗi ngày mỗi vị giảng sư truyền dạy những ý pháp khác nhau. Chánh niệm rất quan trọng mà TT. Giác Trí đã chỉ dạy cho chúng con nên thực tập trong mọi lúc. Tâm mình được an trú, không vọng động lung tung. Đã là phàm phu thì không ai mà không có ham muốn, quan trọng chính bản thân mình có chế ngự được nó hay không. Và chính sự ham muốn ấy sẽ ngăn cản con đường giác ngộ giải thoát của chúng ta. Ni trưởng Hiệp Liên hiểu được điều này nên đã đem đến cho chúng con ý pháp thông qua diễn giải bài “Diệt lòng ham muốn” trong Luật nghi Khất Sĩ, chỉ ra những phương pháp diệt lòng ham muốn, để đưa hành giả đến sự giải thoát. Ngoài ra, Ni trưởng đem đến những câu chuyện thực tế để chúng con hiểu rõ hơn, không những thế nó mang lại những nụ cười an lạc của hội chúng. Qua giọng nói, cử chỉ con cảm nhận được sự quan tâm lo lắng ân cần như người mẹ quan tâm đàn con, và con nghĩ không biết mình có được như Ni trưởng không, nhưng con sẽ cố gắng tu tập tốt. ĐĐ. Giác Hoàng là vị Đại đức có mặt xuyên suốt từ đầu đến cuối khóa và cũng dành cho đại chúng một ngày để dạy chúng con lời ăn tiếng nói, oai nghi tế hạnh để chúng con trở thành người khất sĩ đích thực, để không hổ thẹn với Tổ Thầy cũng như giáo pháp Phật. Đạo cũng giống đời cần có những kinh nghiệm thực tiễn để mình bước qua một cách nhẹ nhàng, NS. Cảnh Liên đã chia sẻ cho chúng con những câu chuyện thường nhật để chúng con rút được những kinh nghiệm quý báu, để chúng con cố gắng hơn trên con đường giác ngộ. HT. Giác Thành cũng chia sẻ cho chúng con những lời pháp về “Chí nguyện người xuất gia” để chúng con nuôi lớn chí nguyện của mình. Giới luật là quan trọng nhất đối với người xuất gia, TT. Giác Trong đem đến rất nhiều kiến thức về giới luật và những lời dạy về truyền thống khát thực của Phật Tổ Thầy trong ý nghĩa sự tương và lý tánh, đã nâng nhận thức của chúng con về con đường Khất Sĩ lên một tầm cao, một cách sống mà tất cả chúng sanh ai ai cũng hành trì và đạt đến. Ngày cuối cùng ĐĐ. Giác Phổ đã đến với đại chúng để tài “Mục đích xuất gia”. Đại đức đã trưng dẫn nhiều kinh luật luận của Phật giáo Nguyên Thủy, Đại Thừa và



Khất Sĩ để quảng thuyết về lý tưởng của một người sơ tâm xuất gia học đạo và trên con đường hướng đến giải thoát, giác ngộ.

Trong thời gian tu học mười ngày, chúng con không những nghe được giáo pháp mà còn rèn luyện tâm ý, thực hiện lời dạy từ chư Tôn đức. Có những lúc mệt mỏi và buồn ngủ, nhưng không vì thế mà chúng con biếng nhác, chúng con rất vui và nhiệt tâm trong giờ thiền. Hạnh phúc biết bao khi chúng con nghĩ đến khóa tu lần thứ 5 sẽ diễn ra trong thời gian sắp tới để chúng con được thọ học nhiều điều mới lạ nữa. Con không biết làm thế nào để kính ơn chư Tôn đức đã chỉ dạy tận tình, không ngại sức khoẻ đã chỉ dạy con tận tình. Giò đây con chỉ biết cố gắng tu tập thật tốt để đền đáp công ơn của chư Tôn đức. Con xin gởi đến chư Tôn đức lời chúc sức khoẻ khương an và mãi mãi là cây đại Bồ-đề che mát cho hàng hậu học chúng con. Xin chúc chư vị huynh đệ sức khoẻ dồi dào tinh tấn tiến tu trên đường Phật đạo. Xin cảm ơn chư thiện nam tín nữ Phật tử đã hộ trì Tam bảo, hỗ trợ cho chúng tôi an tâm tu học trong 10 ngày qua. Kính chúc chư Phật tử được sức khoẻ dồi dào, vạn sự kiết tường, thành tựu Phật sự. ■

HÓA GIẢI dục vọng

*Thân tặng Phật tử "Khóa tu 1 ngày An lạc",
chùa Phổ Quang, Q. Tân Bình, TP. HCM

● Trần Quê Hương



I. DỤC ÁI

Dục vọng, dục ái... não phiền
Nhiều đời chấp thủ, cái triền buộc tâm
Của cái, sắc đẹp, muốn ham
Ăn uống, ngủ nghỉ không tàm... đắm mê
Sáu căn, sáu trần rủ rê
Sắc, thanh, hương, vị... trãm bề khổ nguy
Ăn ngủ, men rượu bất nghi
Dâm dục lôi cuốn lạc si luân hồi.

II. PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN HÓA

Tánh vọng tự thể nhất thời
Thức căn tích tụ nghiệp đời khứ lai
Mê vọng khổ sở trần ai
Si ám lạc hướng đường dài long đong
Nhận ra chuyển hóa tự lòng
Định hướng nhân quả thoát vòng lao lung!
Dục lạc vị ngọt vô chung
Đồng thời nguy hiểm theo cùng tháng năm
Xuất ly dục, khỏi trãm luân
Khỏi bị trói buộc, khỏi nhân quả sấu!

1. An trú chánh niệm

A Nan tôn giả thỉnh cầu:
Biết nữ nhân xấu làm sao thoát nản?
Phật rằng chớ nhìn mơ màng
Nhìn lâu tham đắm xốn xang trong lòng
Thấy rồi làm sao tịnh không?
Thấy thì đừng nói lòng vòng giảng tơ!
Đừng điện thoại, đừng gọi thơ
Sắc thanh khỏi vướng, mộng mơ lạng chìm!
Thắng tâm chánh niệm tịnh nghiêm
Tự mình an trú khỏi hiểm trước sau.

2. Hộ trì các căn

Khi thấy sắc chẳng nhiễm màu
Thinh, hương, vị, xúc... dạt dào ngọt ngon
Tướng chung, tướng riêng mê hỗn
Chế ngự căn tánh, đại khôn định thần!
Khéo hộ trì được an thân
Không tri, không hộ... vạ phần buồn vui
Khổ lạc đi tới đi lui
Khéo hộ trì khỏi ngậm ngùi đời tu.

3. Xem như người thân

Tuổi trẻ tinh tấn công phu
Thanh xuân hiền thiện khỏi ưu khỏi phiền
Không tham nhiễm, không đảo điên
Phạm hạnh thẳng diệu, phúc duyên đời đời
Muốn được vậy, phải định thời
Xem như thân thuộc người người lạ quen
Như mẹ, như chị, như em
Từ vô lượng kiếp xuống lên luân hồi
Bây giờ gặp lại trong đời
Nhớ tình thân thuộc, khỏi rơi lạc lấm
Không niệm xấu, không dục tâm
Thân thương thay thế tình thâm nhiều đời.

4. Quán Vô thường – Bất tịnh

Sắc dù xinh đẹp tuyệt vời
Sanh, già, bệnh, chết... luật đời khó qua
Ngày nào... tươi thắm hương hoa
Vô thường chợt đến phơi pha phai tàn
Ngày nào lộng lẫy mơ màng
Vô thường mộng vỡ, đã trảng dòng khơi
Thân tướng đẹp, thịt xương hôi
Tóc, lông, răng, móng... ôi thôi rã rời!
Càng tham đắm, càng hổ người
Nam nữ bất tịnh chết rồi đều không.

5. Suy niệm bản chất và sự nguy hiểm của dục

(kinh Trung A Hàm, kinh Bô-lị-đa, số 203)

Dục lạc mê hoặc trần hồng
Làm người dễ lạc mê cung lưới sấu
Là sông, là suối... nông sâu
Là sen, là rễ... nổi cầu bi thương
Che lấp, dính chặt, phủ đường
Tối tăm, bế tắc, tợ vương... nghiệp đời
Lưu chuyển ngàn kiếp chơi vơi...
Trái oan trói buộc luân hồi khổ thân!

5.1. Ái dục như bó đuốc

Như người cầm đuốc du xuân
Ngược gió, lửa phát luy phần tai ương
Nhất định bó đuốc bên đường
Khói nóng, khói cháy, khói vương muôn phiền
Dục vọng đốt lửa triền miên
Thế Tôn giáo huấn phải kiên, phải dè
Vui ít mà khổ trãm bề
Tỉnh giác ly xả thoát mê tịnh nhân.

5.2. Ái dục như con rắn

Lại ái dục như rắn hoang
Rất độc, rất dữ vô vàn hiểm nguy
Một ngày có kẻ ngu si
Đưa tay kêu rắn mổ đi chẳng là?
Đáp rằng: nhất định lách xa
Nếu cho rắn mổ ắt là chết ngay
Cũng vậy, dục vọng xưa nay
Y như rắn độc lưu đày kẻ ngu
Người trí tỉnh thức tập tu
Quyết xả ly dục, công phu mới thành.

5.3. Ái dục như gặm khúc xương
 Như con chó đói ốm tanh
 Đến bên lò thịt chạy quanh tìm mồi
 Chủ lò quăng khúc xương hôi
 Chó mừng gặm liếm rách môi, đau mồm
 Tìm đâu ra miếng thịt thơm
 Xương khô, bụng đói cũng huồn đói meo
 Dục vọng, như khúc xương treo
 Liếm hoài, liếm mãi eo xèo tháng năm
 Vui thì ít, khổ thì thâm
 Đoạn tận ly dục, khỏi thâm khổ đau!

5.4. Ái dục như giấc mơ
 Như người nằm mộng chiêm bao
 Thấy mình như thể lạc vào thiên thai
 Ôi thôi! Đủ thứ lâu dài
 Tiên nga, ngọc nữ, trang đài gấm nhung
 Đến khi tỉnh dậy hoàn không
 Một mình trơ trọi thoáng hồng mây bay
 Dục vọng, như giấc mộng dài
 Sắc, thanh, hương, vị... trần ai ru hồn
 Muốn tu ly xả mê hôn
 Vinh viễn đoạn tận thoát hồn lụy xưa.

5.5. Ái dục như hầm lửa
 Trong thôn có hầm lửa thừa
 Không khói, không ngọn... như mơ êm đêm
 Có người đi qua trong đêm
 Không muốn chết, thích xuống tìm lửa chẳng?
 Bạch Phật: cư sĩ đáp rằng
 Chỉ kẻ ngu mới nhảy phăng kiếm tìm
 Người trí quan sát lặng im
 Biết hầm lửa hoạn, ẩn chìm đáy sâu
 Lãng ra, tìm lối quay đầu
 Lánh xa dục vọng khỏi sầu bi thương!

5.6. Ái dục như miếng thịt
 Như miếng thịt rơi bên đường
 Quạ điều tranh cướp nhiều nhưng giựt giành
 Con nào khôn bỏ chạy nhanh
 Khỏi bị cấu xé mổ tranh khốn nạn
 Dục vọng, như thịt ram vàng
 Càng mê đắm, càng trái oan khổ sầu
 Người trí khỏi vướng lao đao!
 Xả ly, đoạn tận... lẩn vào tịnh yên.

5.7. Ái dục như trái cây
 Giữa thôn có gốc đào tiên
 Nhiều quả ngon ngọt khơi duyên gọi mời
 Người đi đường muốn ăn chơi
 Bèn trèo lên hái, tức thời thỏa mong
 Vừa trèo lên, chưa hái xong
 Người thứ hai đến - còn mong đem về
 Quyết đốn, hái quả xum xuê
 Bèn đốn cây ngã tung hệ ý tình
 Thấy thế, người trên buông mình
 Không dám nấn ná lụy tình khốn nguy
 Dục vọng tương tự trái cây
 Khổ nhiều, vui ít hiểm nguy khôn cùng
 Xả ly dục, khỏi lao lung
 Người trí tỉnh thức, bi hùng điều nhu.

5.8. Ái dục như vay mượn
 Ái dục vay mượn phù du
 Cửa người tứ xứ phải đầu của mình
 Lầu các, cung điện hữu tình
 Voi ngựa, xe cộ, hương xinh báu tràng
 Một ngày chủ đòi nợ ngàn
 Lấy đâu mình trả mượn màng oan gia
 Cửa người nào phải của ta
 Vay mượn xài phí ắt là tai ương
 Một ngày, người quyết không nương
 Quyết đòi cho được trăm đường khổ vương
 Cửa vay, cửa mượn khôn lường
 Đắng cay ngàn nỗi, lạc thường phôi pha!
 Phật tử ơi! Nhớ lánh xa
 Xả ly dục, khỏi ác tà bùa vây!

5.9. Ái dục như hố than hừng
 Như hố than hừng hực nãy
 Hôi thúi nứt chảy, móng tay cấu cào
 Vô cùng sợ hãi, đốn đau
 Càng cựa quậy, càng lao đao buồn rầu
 Chúng sanh chưa đoạn ái sầu
 Bị dục thiêu đốt bên cầu tử sanh
 Ngày nào tỉnh ngộ đập phanh
 Đập tắt ly dục thoát thành vô minh.

5.10. Ái dục như lao ngục
 Từ xưa Đức Phật dạy rằng
 Vợ con, nhà cửa trói trắng buộc ràng
 Như lao ngục chốn trần gian
 Tìm đâu ra khỏi con đàng tối tăm
 Vợ con, nhà cửa trăm năm
 Đòi nầy, đòi khác thậm thâm vô hình
 Đam mê sắc dục thất tình
 Phải vào miệng cọp, nín thính cam lòng
 Tự đốt mình chốn cùm gông
 Chịu ngàn cay đắng vẫn không đổi dời
 Tỷ kheo khát thực giữa đời
 Thấy vua bắt trói nhiều người xích dây
 Kim kẹp khổ sở thân nầy
 Phật rằng: khổ đó sánh tày không hơn!
 Vợ con tham ái lụy hồn
 Xiết chặt tâm thức mê hôn luân hồi
 Dục tình trói buộc ngàn đời
 Sanh tử khổ hoạn khó rời, khó buông
 Dây sắt, dây gai, dễ hơn...
 Tâm tư vọng tưởng keo sơn nghiệp sầu.

III. KẾT LUẬN

Chẳng ái nhiễm, chẳng bắt cầu
 Ta bà sanh diệt, lao đao lụy tình
 Niệm vọng tưởng, khổ vô minh
 Khó về Tịnh độ... khó sinh Tây thành
 Dục tình hư vọng tử sanh
 Điền đảo tâm thức loanh quanh biển trần
 Luyến, hỷ, dục, tham phù vân
 Lo âu, hệ lụy khổ thân quay cuồng
 Sầu ưu, sợ hãi, buồn thương
 Người ly xả được thoát đường trầm luân.

*"Ai sống trong đời này
 Ái dục được hàng phục
 Sầu rơi khỏi người ấy
 Như giọt nước lá sen" (PC. 336).*

*"Ai tới đích không sợ
 Ly ái, không nhiễm ô
 Nhổ mũi tên sanh tử
 Thân này thân cuối cùng" (PC.351)*

Chùa Phổ Quang, Q.TB, 05.05.2013

TRẦN QUÊ HƯƠNG





Thầy & trò

● Thường Như

Đã mấy lần đọc đi đọc lại cuộc đời của một vị hành giả Du-già danh tiếng Tây Tạng – Milarepa, con người siêu việt, người đọc vẫn không sao nén được niềm xúc động dâng trào. Thầy và trò, một sợi dây vô hình nhưng họ đã tìm gặp nhau, trong truyền thống truyền thừa, trong giáo lý tự độ - độ tha, họ đã làm rung động không ít những trái tim khát khao và ngưỡng cầu giáo pháp, chân lý của sự giác ngộ tối thượng.

Như một quy luật tất yếu cho những ai muốn bước vào ngưỡng cửa để tìm cầu giáo pháp, trước tiên là phải biết sống thật, thật đến mức ngoài việc tìm kiếm chân lý giải thoát thì không còn mục đích nào khác hơn. Milarepa, người đã sống như vậy. Sự đau khổ và dằn vặt mỗi ngày giằng xé tâm can

Ngài đến tận cùng, tột đỉnh, có lẽ chính là việc làm sai trái của việc thực hành huyền thuật giết đi rất nhiều mạng người, làm cho cuộc sống ở quê hương của Ngài trở nên điêu tàn; có lẽ cái khổ cùng cực bị áp bức khi cha Ngài qua đời, được hun đúc bằng sự hận thù của người mẹ; có lẽ vì sớm xa quê hương để trả mối thù cho gia đình v.v... Tất cả là sự dồn nén, nổi ức chế đến mức không còn lối thoát nào hơn ngoài sự mong muốn giác ngộ tâm linh mới giải phóng hết tất cả những khổ đau bi lụy ấy.

Trò thì như thế. Còn thầy? Thầy ra sao? Thầy biết, thầy hiểu và cảm thông tất cả. Thương trò như chính bản thân mình nhưng phải ra tay quở phạt, mắng trách, thậm chí cả đánh đập và đuổi xua. Thấy không còn cách nào khác để làm giảm bớt những ác nghiệp của trò.

Ban đầu, thầy bắt trò làm một căn nhà hình tròn trên ngọn núi phía đông, được nửa chừng thầy đổi ý bảo trò phải làm ngôi nhà hình mặt trăng lưỡi liềm hướng về phía tây, nhưng sau đó thầy lại bắt làm ngôi nhà khác hình tam giác hướng về phía bắc. Mỗi lần phá bỏ là mỗi lần phải di dời tất cả những viên đá trở về vị trí ban đầu của nó. Cuối cùng, là ngôi nhà chín tầng. Milarepa cũng được bạn bè giúp sức đẩy viên đá thật to làm móng, nhưng khi thầy trông thấy thì ông bắt Ngài phải dời viên đá lại chỗ cũ, chỉ một mình trò làm mà không có bất kỳ ai giúp đỡ, trong khi trò đã xây được hai tầng, lấy tảng đá là sụp đổ hoàn toàn ngôi nhà. Cứ thế, bao sự mong đợi, hy vọng được truyền thụ giáo lý mà trò vẫn nhẫn nại với tất cả mệnh lệnh của thầy dù thầy thay đổi ý kiến liên tục. Ngôi nhà hoàn

thành nhưng đến lúc nhập chúng để được truyền pháp lại bị thầy nắm tóc đuối ra cùng những lời mắng nhiếc thậm tệ. Ngôi nhà thứ hai to hơn gồm một thiền đường và một chánh điện được thầy hứa chắc chắn sau khi xây xong sẽ truyền pháp. Đến khi sắp hoàn thành, trò xin thầy dạy pháp, thầy nổi cơn thịnh nộ... Trong sự hoàn toàn sụp đổ tinh thần, trò kể lại như sau: “Rồi ông đá tôi bay ra khỏi phòng bằng những cú đá trời giáng, đến nỗi tôi cảm thấy như lún xuống nền nhà. Sau đó tôi bắt đầu suy nghĩ tìm lý do tại sao tôi phải chịu tất cả sự đối xử tàn nhẫn như thế. Có phải tôi đang trả nghiệp cho những hành vi tàn ác trong việc dùng những trận

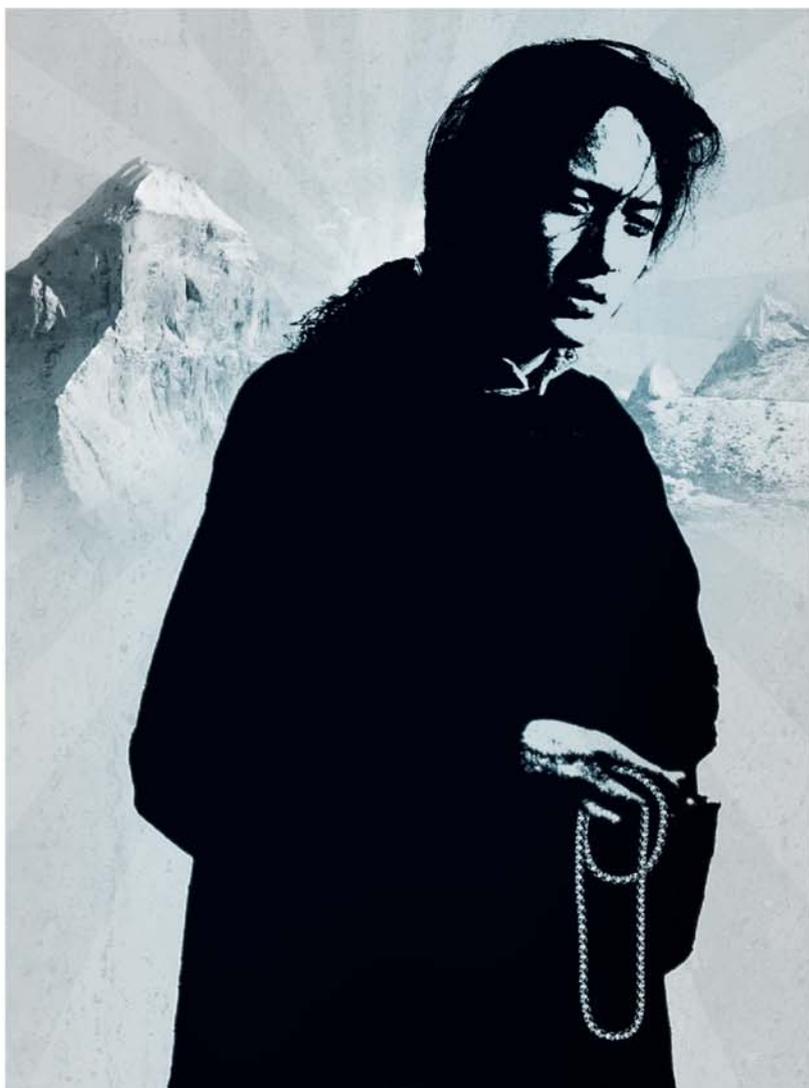
bão đá giết chết quá nhiều người và phá hoại mùa màng phi nhiêu không? Hay là thấy tôi không xứng thọ lãnh và tu tập giáo lý? Hay ông ghét bỏ tôi? Dù sao, nếu không có cuộc sống tôn giáo để sống cho xứng đáng, tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện tự tử”. Và những lần tương tự như thế, trò kể: “...tôi nán lại với hy vọng rằng ông có thể thương xót và bớt nghiêm khắc với tôi. Song, tôi chỉ làm kích động tinh khí của ông bùng dậy thôi; vì thành linh vừa chửi mắng tôi với những lời tôi đã từng nghe nhiều lần trước kia, ông nện vào đầu tôi một cú làm tôi ngã nhào xuống; rồi ông lôi tôi đứng dậy và xô tôi ngã giữa ra, cuối cùng ông lấy gậy đánh tôi không ngừng. Nhưng Ngogdun, người dự

thi chính trong buổi lễ, đã nhảy vào dùng sức mạnh can ông ra; trong khi quá kinh hãi, tôi co giò phóng qua cửa sổ, việc này ngấm ngấm đe dọa ông. Tôi ngã xuống đất, thân thể không bị đau nhưng tinh thần lại mang một vết thương sâu thẳm, và lúc đó tôi muốn tự tử để giải quyết đời tôi”¹.

Người đọc lại một lần nữa nghẹn ngào vì sự tàn bạo của thầy và nỗi khổ đau cùng cực của trò có lẽ đã đẩy lên kịch tính. Những nỗi đau về thể xác lẫn tinh thần: “Và như thế tôi tiếp tục việc xây cất cho đến khi một vết thương nữa xuất hiện trên lưng tôi, máu và mủ từ ba vết thương chảy ra nhầy nhụa. Toàn thể cái lưng của tôi đã biến thành một vết thương to lớn. Bây giờ tôi phải bày lưng ra cho người đàn bà tốt bụng với tôi biết, nhờ bà nhắc chồng bà nhớ những lời hứa của ông và yêu cầu dùng uy thế của bà để bắt ông dạy giáo lý cho tôi. Nhìn thấy tám lưng đau đớn của tôi, bà khóc và lập tức chạy đến nói với thầy tôi:

“Thân thể của chàng Đại Phu thủy đang ở trong tình trạng trầm trọng lắm, tất cả do việc xây nhà gây nên; chân tay nó bị nứt nẻ, tím bầm và lưng nó mang ba vết thương lớn hành hạ. Trước giờ tôi nghe người ta nói lừa ngựa bị lở da lưng vì yên cương chứ không bao giờ nghe nói người bị lở da lưng vì yên cương. Nếu thiên hạ nghe được chuyện này họ sẽ chê cười ông cho xem, ông Lạt-ma tôn kính, ông phải ý thức sự tàn ác của ông, ông phải có một chút tình cảm chứ.”

Thầy dường như roi nước mắt, không, chính xác là thầy cũng đã nhiều lần thực sự khóc, nhưng vẫn không thay đổi ý định cho đến khi nào thầy phải hoàn thành nhiệm vụ “rửa sạch cái chùy kim cương dính đầy bụi bám bằng nước của chánh pháp”, nếu rửa sạch sẽ là một điềm lành, một sự đại hoàn hảo cho tất cả mọi thế giới. Nhiệm vụ cao cả ấy sao thầy quên được, thầy làm với tất cả sự cống hiến sau này của trò cho sự lưu truyền giáo pháp. Sau những lần đánh



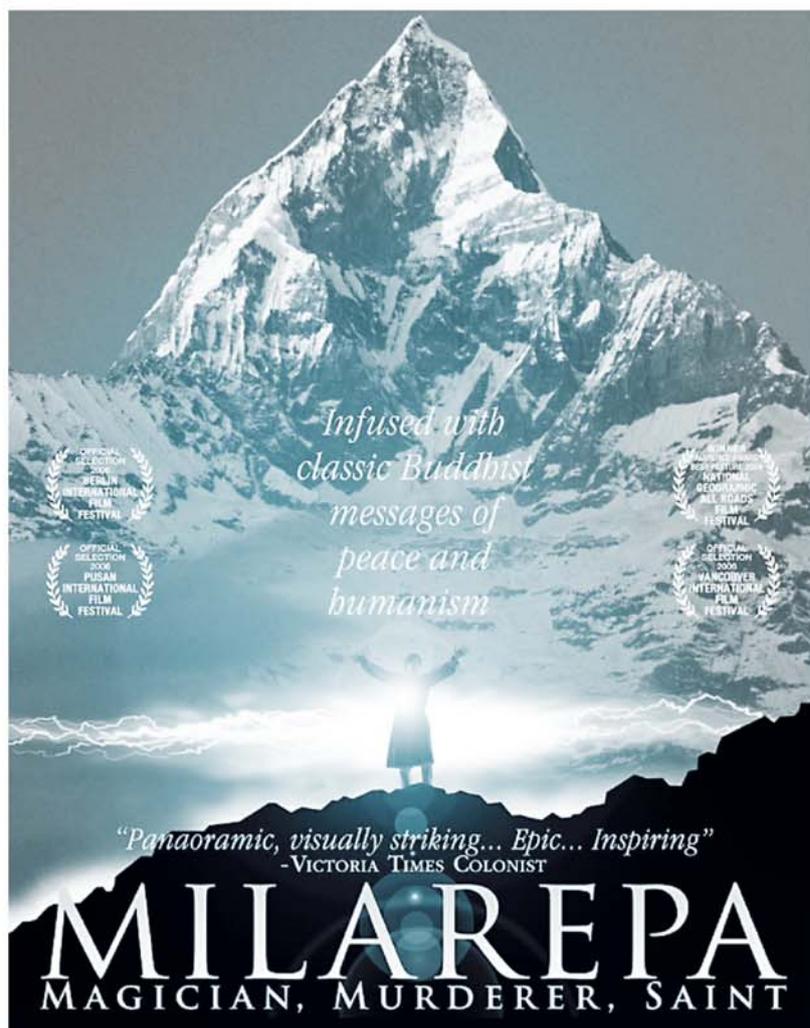


Trần Như về Tứ Thánh Đế, chân lý đầu tiên được nhắc đến là Khổ đế. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy khổ chính là một thực tại. Người cần cầu đạo lý phải thấy được và kinh nghiệm được sự khổ. Nếu thấy rõ cái khổ, hiểu rõ cái khổ thì sự mong muốn thoát ly khỏi khổ đau, mới thật sự là chất liệu xúc tác to lớn trên bước đường tu tập giải thoát. Ngược lại, nếu chỉ hiểu sơ qua về cái khổ, chưa kinh nghiệm được cái khổ, hay còn thấy trần gian này còn có gì đó đáng vui sướng, đáng hưởng thụ thì ắt hẳn người ấy vẫn chưa đủ dũng lực quyết tâm thoát ly sanh tử. Khổ mà Ngài Milarepa kinh nghiệm là sự khổ tột cùng, vì thế mà đối với Ngài, nếu không được học giáo pháp thì Ngài cũng

không còn thiết sống nữa. Nước mắt đã rơi trong nhiều đêm ròng rã, thân thể đã suy mòn vì sự đọa đày, cõi lòng đã nát tan vì hối hận những nghiệp xấu ác mà mình gây ra, đau đớn tột cùng vì thấy không truyền pháp mà chỉ la hét và đánh đập tàn nhẫn. Tất cả những điều ấy chính là chất liệu un đúc, dùi mài cho một tinh thần kiên định về sau, cho sự thực hành rốt ráo sau cùng của Ngài. Rõ ràng là xứng đáng, xứng đáng với tầm rèn luyện và khát khe của thầy để cống hiến cho vạn loại sanh linh một vị Thánh tăng mang lại nhiều phúc lạc cho đời. Người ta bảo rằng, nơi nào đất đai khô cằn nhất thì chính nơi ấy lại mọc lên những cây thẳng nhất và cao nhất. Qua suy nghiệm thực tiễn đều thấy

đập và chửi mắng thậm tệ, thầy lại gọi trò vào và hỏi: “Lòng tin của con đối với thầy có lung lay không, tình thương của con dành cho thầy có trở thành oán ghét không?”. Trò đáp: “Bạch thầy, không! Bởi vì đó chỉ là ác nghiệp quá khứ của con quá sâu dày đã ngăn cản lễ Điểm Đạo Truyền Pháp của con và lòng con đầy hối hận về những việc ác con đã làm”, và trò bật khóc, khiến thầy lại nổi giận đùng đùng làm cho trò chẳng biết đâu là thực, đâu là hư. Rồi tự hỏi, rốt cuộc không biết thầy có chịu truyền pháp cho mình hay không?

Sự quyết tâm cao độ trong việc tìm cầu chân lý của trò thật không ai sánh nổi. Chỉ có bậc đại trượng phu mới có khả năng chịu đựng trong sự vui đập đón đau về thể xác và tinh thần đến mức không thể nghĩ bàn như thế. Có lẽ chưa một câu chuyện nào lại thấm đượm tinh thần khát khao chân lý đến tột độ như câu chuyện về Ngài Milarepa. Và cũng có lẽ rằng chưa ai ném mùi trần gian đầy nước mắt như Ngài. Mùi của khổ đau mà Đức Phật đã dạy bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều



rằng đúng như thế, cuộc đời luôn có hai mặt, bề mặt càng lớn thì bề trái càng rộng. Đường như sự thật ấy có vẻ mâu thuẫn, đối nghịch nhưng rốt cuộc lại là sự bổ sung hoàn chỉnh cho nhau trong một chỉnh thể hợp nhất.

Nghĩ lại chuyện tu hành của chúng ta ngày nay quả thật là đáng hổ thẹn. Chuyện khó một chút chúng ta nản lòng, thấy quờ rầy một chút chúng ta giận hờn, trách móc, nỡ bỏ thầy mà đi. Sự yếu đuối và bạc nhược của chúng ta có lẽ không thể mong cầu sự tiến bộ nào hơn trên con đường Thánh đạo. Quá trình gột rửa nghiệp phàm phu để hướng đến Thánh quả đối với chúng ta thật khó mong cầu. Tấm gương của các vị thiền sư, những bậc thầy đi trước, dù gặp bất kỳ hoàn cảnh trái nghịch nào vẫn một lòng kiên định và quyết tâm mong cầu sự giác ngộ mãi mãi là bài học, là động lực thúc đẩy chưa bao giờ voi cạn cho tất cả những ai đã và đang trên bước đường học Phật dù ở bất kỳ tông phái nào. Tấm gương ấy cũng cần được lan rộng, lan xa để mỗi người con Phật khi đọc đến như được tiếp thêm sức mạnh và niềm tin bền vững, để mạnh dạn bước đi, không ngần ngại tiến về phía trước bằng tất cả thân, khẩu, ý cúng dường lên mười phương chư Phật.

Như một mặt trời tỏa rạng trong xứ sở lạnh lẽo đây tuyết phủ, chiếu sáng bóng đêm dày đặc, soi thấu vạn loại sanh linh, là nguồn suối pháp chảy mãi trong truyền thống tâm linh qua bao thế kỷ. Quyển sách đã được gấp lại mà người đọc vẫn còn mừng tượng từng lời của người viết về tiếng hát của một Thánh giả du-già, “vừa trầm hùng như loài sư tử, vừa thánh thót như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, vừa rạt rào như lời cây tiếng lá,... cao thâm qua các triền núi u huyền của dãy Hi-mã-lạp sơn,... Tiếng hát lời ca này phát nguồn từ



một giai tầng trí tuệ và nghệ thuật viên dung siêu việt của một bậc thánh tăng Bồ-tát Tây Tạng với mảnh vải che thân mong manh rách rưới và chiếc tích trượng nhỏ bé nhưng rắn chắc vô biên, nên vang từng tiếng rõ ràng theo nhịp chân leo lên từng phiến đá tuyết trắng ngân sau hơn mười năm tu luyện các năng lực thượng thừa và tu tập thiền định”. Lời ca ấy như còn đọng lại những lời giáo huấn thâm sâu của Ngài:

“...Nếu không buông bỏ những mục tiêu thế tục

Có ích gì thiên định theo những giáo huấn chỉ bày

Nếu thân, ngữ, tâm không tương ứng với pháp tánh

Tốt đẹp gì những buổi lễ thức nghi?

Nếu như nhục mạ không như gió thổi trong không

Tốt đẹp gì khi thiên định về nhân nhục?

Nếu không vượt qua tham luyến và ghét bỏ

Có ích gì những dâng cúng, hy sinh?

Nếu không nhớ tận gốc chấp ngã

Tốt đẹp gì bố thí nợ kia?

Nếu không nhìn tất cả chúng sanh như cha mẹ

Tốt đẹp gì cai quản một tu viện thênh thang?

Nếu đức tin không lớn lên trong tâm thức

Có ích gì xây những tháp bên ngoài?

Nếu không ghê sợ sanh tử và cấp bách giải thoát

Tốt đẹp gì đức hạnh xuất gia?

Nếu không học cách thương yêu những người khác hơn bản thân

Tốt đẹp gì những lời ngọt ngào thương xót?

Nếu không nhớ sạch gốc mê lầm và tham muốn

Lợi lạc gì khi phụng sự Lama

Hãy vứt bỏ mọi hành động vô ích

Chẳng lợi lạc gì mà chỉ hại các con

Một ẩn sĩ đã hoàn thành mục đích

Ta không cần một việc gì thêm”^{1,2}. ■

1. Retchung, Đỗ Đình Đồng dịch, *Milarepa, con người siêu việt*, Nxb Tôn giáo, 2012.

2. Lobsang P.Lhalungpa, *The Life of Milarepa*, Thiện Tri Thức dịch, 2000, tr. 293.



CÔNG ƠN Sư trưởng

● Liên Thảo

Có thể nói, mỗi người chúng ta đều đã thọ nhận rất nhiều ơn nghĩa, như là: ân Tam bảo, ân cha mẹ, ân Sư trưởng... Trong các kinh, Đức Phật đã từng khuyên rằng: *"Này các Tỷ-kheo, hãy nên nhớ nghĩ đến những người như cha mẹ, Thầy Tổ đã từng sanh ra và nuôi dạy chúng ta nên người, hai công ơn đó rất lớn"*. Thật vậy, chúng con tự nghĩ rằng mình có

thiện duyên lớn mới được xuất gia quay về với Tam bảo, được học hỏi Phật pháp, được Thầy trao truyền giới thân huệ mạng, kiến thức và dạy dỗ con nên người, như con thuyến đưa con từ sông mê sang bến giác... Thâm ân ấy, con nguyện ghi tạc trong lòng:

"On giáo dưỡng một đời nên huệ mạng

Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền".

Như chúng ta đã biết, cha mẹ tuy sinh dưỡng thân ta, nhưng nếu không có bậc Thầy thế gian thì không biết lễ nghĩa, không có bậc Thầy xuất thế thì không hiểu Phật pháp. Lễ nghĩa không biết thì chẳng khác gì muôn vật, Phật pháp không hiểu thì nào khác người phàm phu. Nay ta được biết về lễ nghĩa, được hiểu sơ lược về Phật pháp, hết thầy đều nhờ công ơn bậc Thầy thế gian và xuất thế gian mà có được.

Đối với thế học, Thầy là người khai sáng, mở mang trí năng cho mình, người trang bị kiến thức cho chúng ta vào đời. Trong truyền thống văn hoá Việt Nam, dù với hình thức nào, thì chúng ta vẫn tôn thờ người Thầy của mình trên tinh thần: *"Tôn Sư trọng đạo"*, luôn luôn canh cánh bên lòng với câu: *"Tiên học lễ, hậu học văn"*. Và chúng ta khẳng định rằng: Tài năng của một người được xuất phát từ người Thầy – *"Không Thầy đồ mày làm nên"*. *"Nhất tự vi Sư, bán tự vi Sư"* là câu thành ngữ luôn nhắc nhở chúng ta lúc nào cũng phải nhớ công ơn Thầy Cô đã dìu dắt chúng ta trên đường đời. Đó cũng là tình cảm thiêng liêng, tình cảm Thầy – Trò, một tình cảm mà ai trải qua trong quãng đời học sinh luôn luôn khắc ghi trong lòng. Nhờ Thầy ta mới tiếp cận với tri thức loài người, mới hoà nhập với đời sống văn minh, mới có nghề nghiệp ổn định,... Ở thời đại hiện nay, con người càng xích lại gần nhau hơn nhờ những phương tiện truyền thông và giao thông tiên tiến, thì tri thức lại càng cần thiết để bắt kịp và thích nghi với đà phát triển của xã hội. Do vậy, vai trò của Thầy Cô càng trở nên quan trọng.

20.11 là ngày mà bao thế hệ học trò Việt Nam đã nhớ lại và tìm cách đáp đền những ân tình, ân nghĩa mà quý Thầy Cô đã cuu mang, đùm bọc, dạy dỗ, giáo dưỡng mình nên người. Nhiều em nhỏ đã biểu hiện tấm chân tình ấy bằng những đóa hoa tươi thắm, hay những món quà bé xinh xắn của lứa tuổi thần tiên. Cao đẹp hơn là những điểm tốt bằng cách nỗ lực học tập hay là các em hát tặng Thầy Cô những bài hát thật ngày

thơ: "Em trồng giàn bông trước cửa nhà em, em dành một cây tặng cô giáo hiền,... cây bông hồng, tấm lòng em đó, dâng lên tặng Cô..."².

Trên phương diện xuất thế gian, Thầy là người dạy ta những phương pháp tu hành để trở thành người đạo đức, được thăng hoa đời sống tâm linh. Nếu ta biết ơn Cha Mẹ và Thầy Cô ngoài đời vì công sinh thành, dưỡng nuôi và giáo dục ta trong một đời, thì ta càng phải nhớ Thầy dạy đạo gấp nhiều lần hơn, vì Thầy nuôi lớn giới thân huệ mạng bất sinh bất diệt của ta, dù dắt ta trên lộ trình giác ngộ giải thoát. Thầy là người luôn kể vai sát cánh chúng ta, dõi theo từng bước chân mềm mọng của con chim non đang tập bay; luôn thơm mầm, tưới nước cho hạt giống mình gieo trồng phát triển xanh tươi. Công ơn của quý Ngài cao vời vợi, làm sao ngôn từ nào có thể nói hết được! Khi Thầy khả kính không còn nữa, thì người đệ tử:

"Một mình đứng giữa cuộc đời

Một mình con với một trời quạnh hiu"³.

Dẫu với người thế gian hay xuất thế gian, Thầy là người chỉ đường dẫn lối cho ta, là người truyền trao sự thánh thiện cho mình. Thật vậy, "Một chữ "Thầy" đã bao hàm hai bên đời - đạo, một tiếng ân gọi trọn những thâm tình"⁴. Công ơn của Thầy lớn lao vô kể, khó có thể đền đáp cho vừa. Chỉ có tu học và phụng sự với tất cả chí nguyện của mình, ta mới có thể nói câu đền đáp thâm ân trong muôn một. Các bạn chớ có quên:

"Một buổi chiều ta về bên bến nước

Người lái đò vẫn đợi khách sang sông".

Khoảnh khắc ấy đẹp biết bao trong tâm khảm người con Phật chúng ta. Hạnh phúc thay, khi chúng con tu học thành tựu mỹ mãn, được quay về chùa xưa, được thấy hình bóng từ hoà của Thầy bên hiên chùa – nơi mà chúng con được trưởng dưỡng thơm mầm cho sự sống để đâm chồi nảy lộc, đơm bông kết trái cho đời và đạo. Hàng đệ tử chúng con nguyện đời đời khắc cốt ghi tâm, nỗ lực tu học để đáp đền

thâm ân của Thầy trong hiện tại, và tự lòng mình thâm mơ ước:

"Ước muốn làm sao nói chí Thầy

Hoàng dương chánh pháp khắp

Đông Tây

Oai nghi gìn giữ từng năm tháng

Hạnh kiểm trau dồi mỗi phút giây

Kinh kệ thuộc lòng thông diệu lý

Văn chương điều luyện, luyện lời

hay

Tham thiền nhập đạo bình tâm trí

Ước muốn làm sao nói chí Thầy".

(Nói Chí Thầy - Thơ Ni Trưởng Huỳnh Liên)

Có như vậy mới mong xứng đáng là con dòng họ Thích, làm cho ngọn đèn chánh pháp được lưu truyền mãi mãi trong nhân gian.

Chúng con xin thành kính tri ân vô hạn đến các bậc Ni trưởng và vị Thầy khả kính của con – những kỹ sư tâm hồn trọn đời hy sinh vì sự nghiệp "trồng người - đào tạo sứ giả Như Lai" cao quý. Các Ngài đã vì tiền đồ của Hệ phái mà tạo điều kiện cho chúng con rất nhiều trong ăn,

mặc, ở, bệnh đầy đủ; từ tinh thần lẫn vật chất để nuôi dưỡng trí tuệ chúng con. Công ơn vô tận đó con không bút mực nào để nói hết. Con chỉ biết cố gắng tu học để khỏi phụ lòng của Thầy và Quý Ngài.

Con thành tâm kính chúc các Ngài phước thọ khang an, vô lượng kiết tường; mãi mãi là tàng cây đại thọ che chở cho chúng con suốt lộ trình tìm cầu chân lý. Bởi hàng đệ tử chúng con luôn hằng tâm niệm:

"Thời gian dẫu bạc mái đầu

Tim trò vẫn tạc ân sâu của Thầy".

(TX. Ngọc Long – Căn cứ 4 - Đồng Nai). ■

1. *Phật Pháp cho mọi người*, nhiều tác giả, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, tr. 240, năm 2009.

2. Bài hát *Bông hồng tặng Cô*, nhạc sĩ Vũ Ngọc Toàn sáng tác.

3. Bài thơ "Vắng Thầy", Tuyển tập thơ của Trưởng lão Từ Huệ, Nội san của Hệ phái Khất Sĩ Việt Nam.

4. Hai chữ Ân Thầy, trang *Đạo Phật Ngày Nay*.



Tim hóa Kim Cang

Hàn Linh Giang

Vũ trụ lặng chìm trong bóng tối
 Khi màn đêm chưa đón ánh bình minh
 Muôn loài vạn vật đều đau nhói
 Khi lương tri chưa thấu rõ tội tình

Hỡi ức triệu hàm linh!
 Biết hay chăng, có một người?
 Cũng thịt, da, xương, máu, nước mắt, mồ hôi
 Cũng đứng, đi, ngủ, nghỉ, ăn, uống, nói, cười
 Nhưng không hề "úy tử"
 Sứ gì đến việc "tham sinh"!
 Suốt đời người...
 Đâu từng đốt cháy ai đâu?
 Mà tự tay châm lửa đốt mình!

Vì đạo pháp
 Vì dân tộc
 Người đã hy sinh
 Cho non sông yên lắng
 Cho đất nước hòa bình

"Vị pháp thiêu thân vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt. Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà" (Bác Hồ)



Cả ba nghìn thế giới lặng thinh
 Cùng nín thở theo nhịp đập trái tim Bồ Tát!
 Nên tim ấy hóa thành kim cang chẳng mất
 Lửa nghe reo trong suốt cõi vô hình...

1983

Tưởng niệm Bồ-tát Thích Quảng Đức

Ngọc Châu

Vị Pháp thiêu thân trải lộ trình
 Mong làm lợi lạc cõi nhân sinh
 Xương minh Chánh đạo cùng muôn chốn
 Đem lại tự do với thái bình.

Ánh sáng Chân Như chói rực trời
 Đem tình bác ái trải ngàn nơi
 Vì đời nhiều loạn nêu cao đước
 Thấp lửa yêu thương gởi mọi người.

Ngọn lửa từ bi phá xích xiềng
 Sáng bừng rạng rỡ tấm gương thiêng
 Nuôi niềm khát vọng tiêu ma lực
 Vì đạo hy sinh thỏa ước nguyện.

Sống thác không không thật nhẹ nhàng
 Tim Ngài Bồ Tát rạng hào quang
 Lửa hồng bất khuất dâng Tam Bảo
 Cho đến ngàn năm chẳng lụi tàn.

Cháy đỏ trời Nam thấu vạn lòng
 Tan màu nhiễm trước sáng non sông
 Cho bấy sỏi dữ tan hỗn vĩa
 Để đóa sen thiêng rạng ánh hồng.

Ngọn lửa Đại Hùng cháy tự tâm
 Hưng long Chánh Pháp thoát luân trầm
 Niềm tin bất diệt không lay chuyển
 Biểu tượng kiên cường đến vạn năm.

Tất cả nhân thiên kính lễ Ngài
 Xứng là đệ tử của Như Lai
 Hành gương Bát Nhã Ba La Mật
 Thị hiện Liên Hoa kết bảo đài.

Lửa cháy soi chung khắp thế trần
 Lửa trừ ngoạ mạn với tham sân
 Lửa Bi – Trí – Dũng uy linh sáng
 Lửa ngọn Uyên Nguyên đẹp bội phần.

Lửa đốt đua tranh gốc não phiền
 Lửa từ vĩnh viễn đến muôn niên
 Lửa xưa oán giận gây chinh chiến
 Lửa đạo thanh an tịnh cửa thiền.

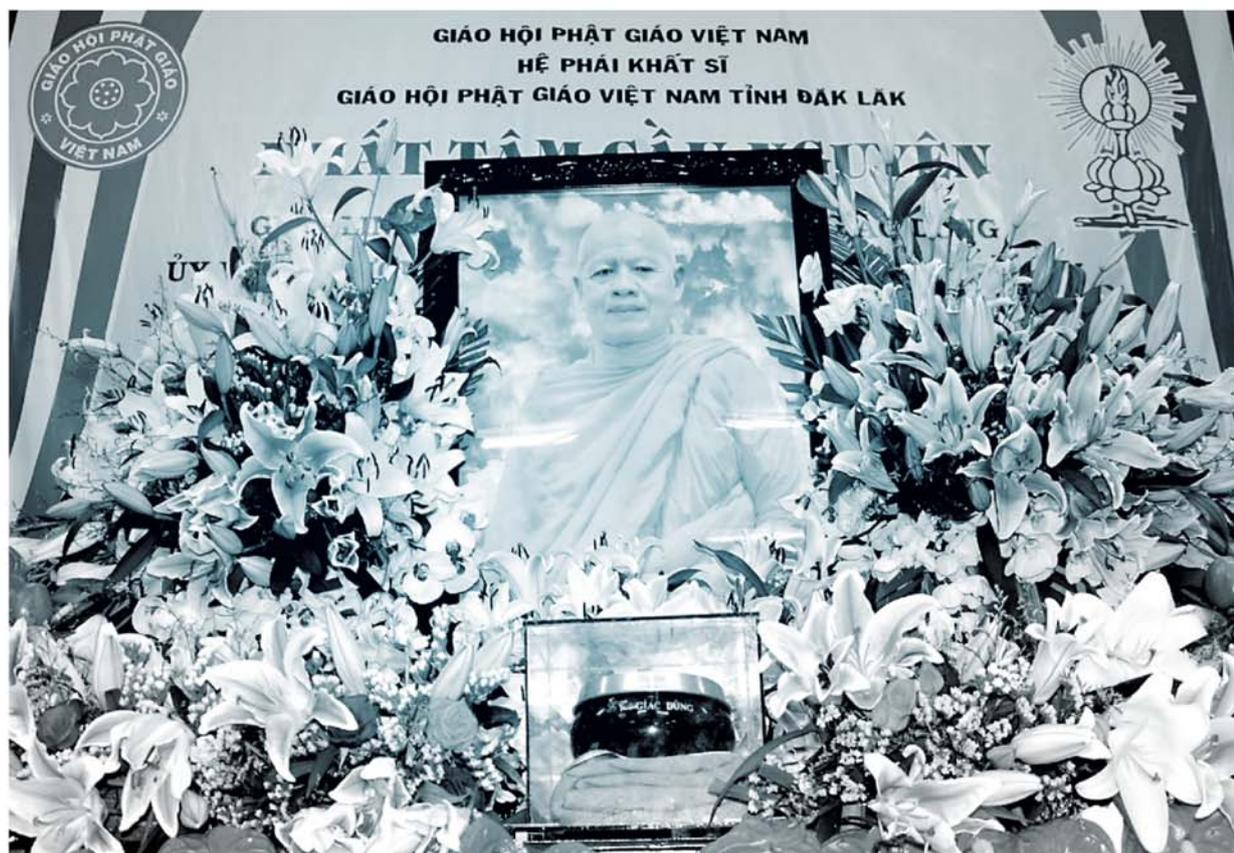
Lửa pháp ban vui xóa giận hờn
 Lửa sấu dập tắt hiển đường chơn
 Lửa si ác kiến không còn nữa
 Lửa Thánh an nhiên dạ chẳng sờn.

Ngọn lửa vinh quang rạng sắc màu
 Tim Ngài bất diệt hóa hồng châu
 Trong ngoài thế giới đều cung ngưỡng
 Khắp cả nhân sanh kính vọng cầu.

23.4.2013

Tiêu sử Hòa thượng Thích Giác Dũng

(1929 - 2013)



Cuộc đời và đạo nghiệp của cố Hòa thượng là một nhân cách đạo đức an tịnh, là một tấm gương sáng ngời về hạnh khiêm cung, nhẹ nhàng, trầm lặng, tùy hỷ, tùy duyên, tùy thời, thuận theo thế trần mà chẳng ô nhiễm bụi trần, xả thân hành đạo đến giây phút cuối cùng.

I. Thân thế

Hòa thượng Thích Giác Dũng thế danh là Lê Mỹ, sinh năm 1929, tại phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ngài là con trai thứ 7 trong gia đình 3 trai 4 gái. Thân phụ của Hòa thượng là cụ ông Lê Minh, và thân mẫu là cụ bà Bùi Thị Tiến, pháp danh Ngọc Hạnh. Thân phụ và thân mẫu Ngài đều sinh trong gia đình thuần lương, nên Ngài kế thừa được những phẩm chất tốt đẹp của cha mẹ, đã sớm ý thức, hình thành nơi Ngài đức tính nhẹ nhàng, khiêm cung khi còn nhỏ. Năm 22 tuổi, thuận theo lời chỉ dạy của song thân, Ngài vui sống đời sống gia đình của người cư sĩ tại gia.

II. Phát tâm xuất gia thọ giới

Vốn có túc duyên với Phật pháp, đặc biệt với hạnh Khất Sĩ, nên vào năm 1964 khi Đoàn Du Tăng Khất Sĩ do Đức Thầy Giác An – một trong thập đại đệ tử của Tổ sư Minh Đăng Quang - hướng dẫn hành đạo, du hoá đến Bình Định, nghe được giáo pháp trực tiếp từ Đức Thầy, cảm nhận được sự trang nghiêm, thanh tịnh của Tăng đoàn, tâm Bồ-đề của Ngài liền khởi phát. Quá hạnh phúc khi thấy được trên thế gian này có những bậc xuất trần như vậy, nên dù chưa từng quy y Tam Bảo, chưa hiểu đạo mầu trọn vẹn, nhưng Ngài đã lập tức xin cha mẹ và thuyết phục người bạn đời cho mình được nối gót theo các bậc chân sư. Được sự chấp thuận, Ngài liền đồng mãnh xuất gia, được Đức Thầy thọ nhận đặt pháp danh là Thiện Mẫn tại Tịnh xá Ngọc



Long – Diêu Trì – Bình Định.

Gần một năm theo Đức Thầy học đạo, đến ngày Rằm tháng 7 năm Ất Tỵ (1965), Ngài được Đức Thầy và Giáo đoàn chứng minh, truyền giới Sa-di với pháp danh là Giác Dũng, tại tịnh xá Ngọc Hạnh - Kon Tum. Buổi đầu xuất gia, Ngài sống trọn lễ hầu Thầy, lặng lẽ làm công quả, vui với những trang kinh, lời kệ tụng và đặc biệt là những lời Chơn Lý của Tổ sư Minh Đăng Quang. Cuộc sống du phương, đổi chỗ trụ thời bấy giờ làm tăng thêm tinh thần đời sống vô trụ, đơn giản và thanh thoát của người tu sĩ, phóng khoáng như hư không, chẳng dính bụi đời đã trở nên một nếp sống lý tưởng thật sự trong tâm thức của một vị xuất trần. Tuy còn là một sa-di, nhưng với những phẩm chất cao quý của Hòa thượng, nên được các bậc Tôn túc trong Giáo đoàn thường lưu tâm thương tưởng, huynh đệ pháp lữ không ai không quý mến, thân tình.

Bốn năm sau, vào ngày Tự Tứ - Vu Lan Rằm tháng 7 năm Kỷ Dậu (1969), Ngài được Đức Thầy Giác An, khai lập Giáo đoàn III và Giáo hội Tăng Già truyền giới Cụ túc tại Tịnh xá Ngọc Hải – Cam Ranh – Khánh Hòa, trở thành vị Tỳ-kheo Khất Sĩ, gánh trên vai sứ mạng “tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự”.

III. Thời kỳ hành đạo

Sau khi thọ lãnh giới pháp Cụ túc, nghiêm trì giới pháp Phật Tăng xưa, phép Tăng chẳng lia đoàn, theo sự sắp đặt của chư Tôn đức hành đạo trụ xứ khắp nơi, từ miền đồng bằng, duyên hải đến cao nguyên Trung phần, đâu đâu cũng có dấu chân, hình ảnh nhẹ nhàng của Ngài. Ngài đã lưu trú các miền tịnh xá như: Ngọc Hạnh – Kon Tum, Ngọc Cát – Phan Thiết, Ngọc Sơn – Bình Định, Ngọc Phúc – Gia Lai, Ngọc Phú – Tuy Hòa, ... Năm 1972, Ngài về vùng đất Bình Tuy – Phan Thiết khai sơn thành lập cơ sở Tịnh xá Ngọc Minh (nay là xã Sông Phan, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận). Tại nơi này, sáng sủa Hòa thượng khát thực hóa duyên chẳng những gieo duyên cho người Phật tử tín tâm mà còn cảm hóa những người theo truyền thống tín ngưỡng

tôn giáo khác, để lại hình ảnh một vị chân sư đạo hạnh vô cùng hiền đẹp trong lòng bá tánh quanh vùng cho đến ngày nay.

Riêng tại trú xứ Ban Mê này, dường như hạt giống Phật pháp Ngài đã sẵn gieo tạo nhiều đời, nay đến thời kỳ đơm hoa kết trái. Gần tròn 40 năm qua, dầm sen thiêng Tịnh xá Ngọc Quang luôn tươi thắm tỏa ngát hương thiền. Nhiều thế hệ Phật tử tại thành phố Ban Mê Thuật và đồng bào dân tộc từ các quận huyện gần xa đều cảm mến đức độ từ hòa, lần về thọ giới quy y Tam bảo, nương bóng mát từ bi. Ngôi tịnh xá Ngọc Quang đơn sơ ngày nào, nay “tùng địa dũng xuất” trở thành ngôi phạm vũ trang nghiêm. Đồng thời, nhiều ngôi tịnh thất, tịnh xá... tại các huyện, xã vùng sâu vùng xa cũng được Ngài chứng minh khai lập hoàng pháp độ sanh, tạo nên một nếp sống từ hòa, an vui.

Sau ngày Đức Thầy Bổn sư – đệ nhất trưởng Giáo đoàn viên tịch, Ngài luôn nỗ lực cùng với các vị Tôn túc trong Giáo đoàn lúc bấy giờ như quý Trưởng lão, Hòa thượng: Giác Phải, Giác Phát, Giác Phúc, Giác Dưỡng, Giác Lượng v.v... để điều hành mọi Phật sự. Đến năm Bính Thìn (1976), Ngài được Giáo đoàn suy cử làm Trụ sự trưởng Giáo đoàn. Từ đây, ngoài sứ mệnh tiếp Tăng độ chúng, hướng dẫn Phật tử tu học, Ngài phải gánh thêm trọng trách Phật sự. Ngài luôn là vị giáo phẩm, kề cận với Trưởng lão Giác Phải và Trưởng lão Giác Phúc giải quyết mọi Phật sự trong Giáo đoàn.

Sau ngày Trưởng lão Giác Phúc – đệ tam Trưởng Giáo đoàn viên tịch (năm 2001), với sứ mạng tiếp nối mạng mạch của Phật pháp, giữ vững đường lối của Tổ Thầy, Ngài được Giáo đoàn cung kính suy tôn làm Đệ tứ Trưởng giáo đoàn III – Hệ phái Phật giáo Khất Sĩ.

Song song với trọng trách của Giáo đoàn, Ngài còn được chư Tôn túc trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk đề cử tham gia Ban trị sự Tỉnh hội để chung tay góp sức vận hành Phật sự. Sau khi Hòa thượng Thích Quang Huy – Trưởng ban Trị sự



Phật giáo tỉnh Đắk Lắk viên tịch năm 1992, Ngài được chư Tôn túc cung cử trách nhiệm Quyền Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh từ năm 1992 đến năm 1997. Từ năm 1997 – 2007, Ngài được suy cử lên làm Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đắk Lắk (2 nhiệm kỳ). Trong thời gian này, Ngài đã tùy duyên, tùy thời, tùy xứ xử lý các Phật sự để làm cho lợi đạo ích đời, phụng sự nhân sinh. Các ngôi đạo tràng tự viện, tịnh xá, tịnh thất, Niệm Phật đường được Ngài khích lệ thành lập đúng với Hiến chương của Giáo hội và Luật pháp của xã hội, nhằm góp phần ổn định tín ngưỡng trên vùng Cao nguyên đất đỏ Bazan màu mỡ này.

Trong thời gian hành đạo, Ngài đã đem ánh đạo giải thoát, quy y rất nhiều cho đồng bào dân tộc ít người. Ngài thường dạy chư Tăng và Phật tử về tiềm năng giác ngộ của mỗi chúng sanh và thường lấy lời dạy của Đức Phật trong kinh Pháp Hoa dạy lại cho môn đồ đệ tử “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đức Phật là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành” để khích lệ mọi người nhận chân được giá trị phẩm hạnh của mỗi người để tự thân vươn lên, để viên thành Phật quả.

Sau 2 nhiệm kỳ làm Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội, Hòa thượng được HĐTS GHPGVN tấn phong lên hàng Giáo phẩm Hòa thượng Chứng minh Ban trị sự Phật giáo tỉnh Đắk Lắk (2007 – 2012). Trong thời gian này, ngoài những Phật sự tại tỉnh nhà, Ngài còn tranh thủ hành đạo ra miền Trung và miền Bắc, những nơi có nhiều Phật tử có thiện duyên với Ngài như Quảng Trị, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nam Định, Bắc Giang, Hải Dương, v.v... Sự hiện hữu của một vị Hòa thượng nhỏ người, ít nói, hay cười, bao dung, tùy hỷ đã đem đến sự bình an và hỷ lạc cho biết bao người.

Ngoài những chuyến hoằng pháp vùng sâu, vùng xa trong nước, Ngài còn đi một số nước trên thế giới để kết duyên cùng với chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử ở Mỹ, Úc và Thái Lan. Trong những chuyến đi ấy, những ấn tượng hết sức sâu sắc về hạnh thanh bần thủ đạo của một bậc chân tu đã để

lại trong lòng Tăng Ni và Phật tử.

Đối với Hệ phái Phật giáo Khất Sĩ, Ngài luôn là một vị giáo phẩm khiêm cung đối với chư Tôn đức lãnh đạo. Khi nào Hệ phái cần sự có mặt của Ngài trong các khóa Bồi dưỡng Trụ trì, Giải hạ, hay Đặt đá, Khởi công, Khánh thành... hay là sự góp ý cho các Phật sự chung, chưa bao giờ Hòa thượng vắng mặt. Đầu năm 2010, khóa tu GIỚI ĐỊNH HUỆ TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ được hình thành mỗi năm 3 khóa, luân phiên các Giáo đoàn, Ngài hầu như có mặt đầy đủ để đồng hành và chia sẻ trách nhiệm với chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái, với những vai trò như: Giám thiền, Giám luật hoặc Hóa chủ. Sự sách tấn nhẹ nhàng, tùy hỷ và khích lệ hành thiền của Ngài đối với hành giả luôn là sự nâng đỡ bước chân tu tập của mỗi người đến với khóa tu.

Trong những năm tháng cuối đời của Hòa thượng, Ngài rất quan tâm chăm lo đời sống tinh thần của chư Tăng Ni trong Giáo đoàn, nên từ năm 2010, Ngài đã tổ chức các chuyến viếng thăm tất cả các miền tịnh xá thuộc Giáo đoàn III. Nơi nào Ngài đến đều ở lại 2 đến 3 ngày để an ủi, sách tấn, khích lệ chư Tăng Ni và Phật tử thông qua các buổi thuyết pháp cúng nọ, trai tăng và chuyện trò thân mật.

Thấy được tiềm năng tu tập, giác ngộ của hàng Tăng Ni trẻ, thế hệ “Kế vãng khai lai” nên Ngài đã noi theo sự tổ chức của các bậc đi trước như Trưởng lão Giác Phải khi còn sinh tiền và Hòa thượng Giác Giới thuộc Giáo đoàn I, nên Ngài đã tổ chức khóa “BỒI DƯỠNG ĐẠO HẠNH” cho hàng Sa-di, Sa-di-ni và Tập sự trong đoàn mỗi năm 3 khóa. Sự hiện diện chứng minh trong những buổi khai mạc hoặc bế mạc là một ân phước đối với hàng Tăng Ni trẻ, bởi vì nơi ấy suối nguồn diệu giác của một bậc chân tu đạo hạnh khơi nguồn từ mạch từ bi và trí tuệ được tuôn chảy vào tâm thức trắng trong của thế hệ học trò.

Ngoài ra, nơi Hòa thượng, bên cạnh phẩm hạnh của một bậc chân tu, Ngài còn có một ý tưởng rất tiến bộ, hội nhập với chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ



phái và Giáo hội. Ngài luôn khích lệ, tạo điều kiện cho đệ tử trong Giáo đoàn và tại tịnh xá xuất dương cầu học Phật pháp, nắm vững Pháp học để làm phương tiện tu tập cho bản thân, phụng sự Đạo pháp và Dân tộc.

Đối với các công tác xã hội, Ngài luôn luôn tùy duyên, tùy hỷ và có những đóng góp tích cực khi duyên đến. Chính vì vậy, các giới, các cơ quan chức năng luôn hoan hỷ khi mời Ngài tham gia vào các vai trò như:

Năm 1986 – 2013: Ủy viên Ban chấp hành Ủy ban MTTQVN tỉnh Đắk Lắk;

Năm 1996 – 2006: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Năm 2009 – 2013: Ủy viên Ủy ban MTTQVN tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ VII.

Ngoài ra, Ngài còn là Ủy viên Hội khuyến học, khuyến tài tỉnh Đắk Lắk và Ủy viên Hội đồng Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

Để ghi nhận và tán dương những đóng góp của Ngài với Đạo pháp và Dân tộc, Ngài đã được Nhà nước và Giáo hội trao tặng nhiều bằng khen:

- Huân chương “ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC” do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng.

- Huy chương “VÌ SỰ NGHIỆP ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC” do Ủy Ban Trung ương MTTQVN tặng.

- Bằng “TUYÊN DƯƠNG CÔNG ĐỨC” năm 2002, năm 2007 và năm 2012 do Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN tặng.

Công đức hoằng dương Phật Pháp của Hòa thượng thật lớn lao, nên tại Đại hội Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII (2012 - 2017), GHPGVN suy tôn Hòa thượng vào HĐCM GHPGVN với chức năng là Ủy viên Ban Thường trực HĐCM.

IV. Những ngày tháng cuối đời

Đầu năm 2013, sức khỏe của Ngài không còn ổn định như xưa, thỉnh thoảng có những cơn đau do tứ đại bất hòa. Như thường lệ, Ngài không nói gì về

tình trạng sức khỏe của mình, chỉ lặng lẽ nhịn cơm, uống nước lã và tu thiền trị bệnh. Từ ngày tu tới ngày viên tịch, Ngài chưa dùng thuốc, dù là loại thuốc gì, chỉ kham nhẫn chịu đựng và dùng pháp môn Số Tức Quán để điều hòa thân tứ đại giả hợp. Sau những ngày tự trị bệnh như vậy, sức khỏe lại bình phục, rồi Ngài vẫn thuyết pháp, giảng đạo, dự các buổi trai hội, chứng minh các Phật sự của Giáo hội, Hệ phái, hay của Giáo đoàn.

Sáng ngày 25 tháng 2, sức khỏe Ngài vẫn bình thường, Ngài đã hoan hỷ chứng minh cho hỷ sự hằng thuận của một gia đình Phật tử có truyền thống quy y Tam bảo, phụng sự Phật pháp gắn bó mọi sinh hoạt của tịnh xá. Sau khi thuyết giảng về ý nghĩa tương quan tương duyên trong các mối quan hệ và tầm quan trọng của nếp sống đạo đức qua ngũ giới, Ngài đã thu thần thị tịch tại Chánh điện Tịnh xá Ngọc Quang lúc 9 giờ 45 phút ngày 25 tháng 2 năm Quý Tỵ (nhằm 05 tháng 4 năm 2013).

Trụ thế: 84 năm

Hạ lạp: 44 năm

Cung cách xưa nay của Ngài thường là trầm lặng, đến đi tự tại, tùy duyên vô ngại như cánh hạc thình không. Gần 45 năm tận tụy hết lòng phục vụ Đạo pháp, Giáo hội, nghiêm trì giới luật, khơi thông Tổ mạch, thấp sáng đèn thiền. Những đóng góp của Ngài cho đạo pháp và quê hương thật vô cùng cao quý, không sao kể hết, làm rạng danh tông môn Thầy Tổ, xứng danh bậc “Tông lâm thạch trụ” của GHPGVN.

Dẫu rằng, Hòa thượng đã đi vào thế giới vô tung bất diệt, nhưng gương sáng giới hạnh và tinh thần phục vụ Đạo pháp - Dân tộc suốt cuộc đời của Ngài vẫn còn mãi mãi trong lòng của mọi người, mọi Phật tử, mọi Tăng Ni trong Giáo đoàn và Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Dân tộc Việt Nam.

Phẩm hạnh đời đời còn lưu dấu

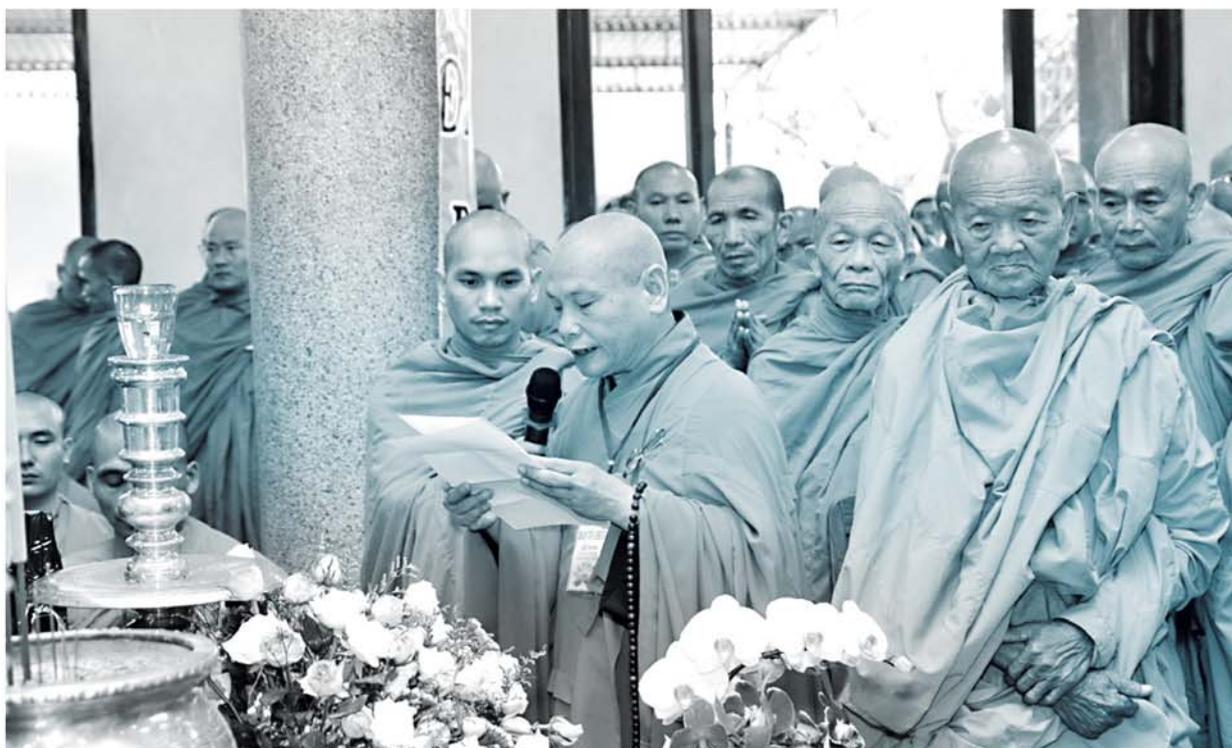
Đức hiền muôn thuở vẫn thơm hương.

Nam Mô Đại Từ Bi Ngọc Quang thiền chủ,
Niết-bàn tọa vị, tác đại chứng minh. ■

LỜI TƯỞNG NIỆM

Hòa thượng Thích Giác Dũng

của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Giác linh Hòa thượng,

Trong giờ phút nghìn thu vĩnh biệt, trước khi cử hành Lễ cung tống kim quan Hòa thượng đến đài hỏa táng, trà tỳ. Chúng tôi xin được thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, Ban Trị sự và Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam có đôi lời tưởng niệm.

Kính bạch Giác linh Hòa thượng,

Từ vùng đất địa linh nhân kiệt, áo vải cò đào, thành Đồ Bàn một thuở vang danh, đất Hoàng đế một thời lập nghiệp, xứ An Nhơn một đời thọ mạng, Hòa thượng đã hiện thân hiền sĩ, giữa phàm trần không nhiệm hồng trần. Nước sông Côn thao thao dòng Phật thủy. Rồi đến độ nhân duyên hội đủ, tình Thầy Trò khế hợp cơ duyên, trong sắc thắm Huỳnh y giải thoát, quyết chí xuất trần, thực hành phạm hạnh.

Quả thật:

*“Gương xưa biết mấy nhiều đàng,
Bây giờ xem lại rõ ràng là đây”.*

Kể từ đó, mảnh Ca-sa bình bát một thân, hành trì hạnh Du Tăng Khất Sĩ, Tăng vô nhất vật, hạnh nguyện ba đời, pháp giới là nhà, chúng sanh là quyến thuộc. Quyết chí nêu cao gương xả kỷ, thực hành hạnh nguyện lợi tha. Tháng lại ngày qua, hòa mình cùng vũ trụ, muôn phương cất bước, tung rải trăm hoa, giáo pháp Thích Ca, hoằng truyền nhân thế. Đạo vàng một thuở, kế tiếp truyền thừa, phụng mệnh Tổ sư truyền trì Tổ Đạo, làm cho Tăng đoàn hòa hợp, hệ phái tăng huy. Đạo vàng xán lạn, tứ chúng đồng tu, lục hòa cộng trụ, một cây sáu nhánh, bông trái xum xuê. Hơn một nửa miền Nam đất Việt, giáo pháp hoằng truyền, chúng sanh an lạc, đạo thể vuông tròn, tâm hồn vô ngã, từ bi hỷ xả, nhiếp hóa chúng sanh. Một đời giữ vững chữ lành, trọn kiếp duy trì chữ nhẫn, thể nhập Chân như, ban rải lòng từ, nhiếp Tăng độ chúng, lợi lạc vô cùng, an lành trong Chánh pháp, giải thoát trong việc làm, vô vi tự tại. Từ đó, Hòa thượng đã làm cho những Tăng Ni, Phật tử hữu duyên: phát khởi tín tâm, tu hành tinh tấn, vững bền đạo nghiệp, tiến bước trên đường giải thoát, làm cho tốt đạo đẹp đời.

Trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, tứ chúng đồng tu, như nước với sữa, cố Hòa thượng đã cùng các tổ chức Giáo hội, Hệ phái, hòa hợp cùng nhau xây dựng thành công ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo tinh Đăk Lăk trong lòng dân tộc.

Trên cương vị là một trong những vị giáo phẩm tiêu biểu lãnh đạo Phật giáo tinh nhà và Hệ phái, bằng tinh thần phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật, hạnh nguyện vô ngã vị tha, hơn 40 năm Hoằng dương Chánh pháp, Hòa thượng đã nỗ lực tham gia công tác Phật sự của Giáo hội từ Trung ương đến địa phương trong các cương vị Ủy viên Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Trị sự, rồi cao hơn là Ủy viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Chứng minh Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tinh Đăk Lăk.

Đối với Hệ phái Khất Sĩ, với Giáo đoàn, Hòa thượng là một trong những thành viên ưu tú, là hàng giáo phẩm tiêu biểu của Hệ phái, Trị sự Trưởng Giáo đoàn III, Hòa thượng đã tiếp tục tâm nguyện của quý Hòa thượng tiền nhiệm, khuyến hóa Tăng Ni, Phật tử tăng cường đạo lực, trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội, làm mô phạm cho Tăng Ni, Phật tử; phát triển Giáo hội, Hệ phái ngày càng vững mạnh, trang nghiêm trong lòng dân tộc.

Đối với xã hội, Hòa thượng đã nỗ lực tham gia công tác từ thiện xã hội một cách không mệt mỏi, nhất là đối với đồng bào dân tộc các tỉnh Tây nguyên. Là Tu sĩ cũng là công dân đất nước, trong tinh thần Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, Hòa thượng đã tích cực tham gia công tác Mặt trận, đặc biệt là công tác Đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh. Hòa thượng đã góp phần công đức rất lớn trong việc phụng sự nhân sinh, phát triển xã hội phần vinh văn minh hạnh phúc, xây dựng và trang nghiêm Tịnh độ tại thế gian. Vì thế, Hòa thượng đã được Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tặng Bằng tuyên dương công đức; Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Kỷ niệm chương và nhiều bằng khen cao quý khác.

Dù ở cương vị nào, Hòa thượng cũng luôn luôn thể hiện tinh thần Đạo pháp, nghĩa đồng đạo, đồng môn, đoàn kết hòa hợp trong tinh thần người con Phật, góp phần phụng sự nhân sinh, phát triển xã hội phần vinh, văn minh hạnh phúc, xây dựng và trang nghiêm Tịnh độ tại thế gian.

Trên ý nghĩa trang nghiêm ngôi Tam bảo là trang nghiêm Tịnh độ tại thế gian, với trách nhiệm của vị trụ trì, Hòa thượng đã duy trì và trang nghiêm ngôi Tam bảo Tịnh xá Ngọc Quang trang nghiêm, tổ hảo, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam nói chung, hệ phái Khất Sĩ nói riêng.

Thế những tưởng trên bước đường Du Tăng Khất Sĩ, thừa hành Phật sự tại nhân gian, Hòa thượng còn thác tích lâu hơn nữa, để cùng chư Tôn đức lãnh đạo

Giáo hội, Hệ phái làm hải đăng định hướng cho Tăng Ni, Phật tử đôi bước noi theo, làm bóng cây che mát Tăng Ni, Phật tử giữa trời nắng hạ trên đường về bến Giác. Nào ngờ đâu, một phút vô thường, huyền thân tạm xả, Ta-bà hóa mãn, Tịnh độ Hoa khai, tùy duyên ứng hiện, đến đi vô ngại, như những cánh nhạn giữa trời không, bóng trắng in đáy nước, Hòa thượng đã an nhiên thu thần viên tịch, để lại cho đời cho đạo tám gương đạo hạnh sáng ngời. Quả thật:

“Sắc tướng vốn không, mượn cảnh huyền độ người như huyền.

Từ sinh nào có, nương thuyền từ độ kẻ trong mê”.

Nhưng sự ra đi vĩnh viễn của cố Hòa thượng là một sự mất mát lớn lao cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như Tăng Ni, Phật tử Hệ phái Khất Sĩ nói riêng. Sự mất mát này, chúng tôi cũng như Tăng Ni, Phật tử không sao tìm lại được trong cuộc đời nhân thế của kiếp hiện tại.

Hỡi ơi!

“Người xưa nay đã còn đâu,

Chỉ còn mây bạc lòng sầu tiếc thương.

Ra vào lòng dạ vấn vương,

Bóng hình Hiền sĩ du phương vô cầu”.

Song, công đức và đạo hạnh của cố Hòa thượng đối với đạo pháp, chúng sinh vẫn còn sống mãi trong tâm tư của người con Phật và trong trang sử muôn màu của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Hôm nay, trong giờ phút nghìn thu vĩnh biệt này, chúng tôi xin thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đốt nén hương lòng kính dâng lên cúng dường Giác linh Hòa thượng, để gọi là thể hiện mối tâm giao, tình Pháp lữ đời đời trong Chánh pháp. Xin Giác linh Hòa thượng hãy từ bi gia hộ cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam nói chung, Tăng Ni, Phật tử Hệ phái Khất Sĩ – Thành viên thống nhất trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng, tín tâm kiên cố, đạo hạnh vuông tròn, nối chí Tổ Sư, truyền thừa đạo mạch, làm tốt Đạo đẹp Đời.

Thôi, nơi thế giới Niết-bàn vô tung bất diệt, Pháp thân Hòa thượng hãy ngao du tự tại, vận thân thông an trụ Cửu Liên đài, chứng Pháp thân thể nhập Ta-bà, tiếp tục tu hành hạnh Du Tăng Khất Sĩ trong những kiếp lai sinh của trần thế, trên đường hóa đạo thông dong tự tại, như Đức Thế Tôn đã dạy:

“Hữu vi là pháp vô thường

Sớm còn tối mất vô phương vãng bên

Một khi sinh diệt đã xong

Niết-bàn an lạc thông dong thảng ngày”.

Kính mong Giác Linh Hòa thượng mật thùý chúng giám.

Xin bái biệt Hòa thượng.

Nam Mô Chứng minh Sư Bồ Tát Ma Ha tát. ■

THÀNH TÂM TƯỚNG NIỆM ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TỪ NHƠN

Trần Quê Hương

THÀNH tâm tức dạ dâng lòng
KÍNH Sư Ông nhớ hương đồng miền Tây
TƯỚNG trí công đức sâu dày
NIỆM hoài hạnh nguyện Như Lai hoàng truyền
ĐẠI hiển vô lượng phúc duyên
LÃO thời niên thiếu thọ tuyên vào chùa
HÒA non linh, núi Cẩm xưa
THƯỢNG cầu Phật độ kế thừa trước sau
THƯỢNG chi hành hóa tâm giao
TỬ bi hỷ xả nhiệm mầu xuân thu
HẠ chi dấu ấn vô ưu
NHƠN đức nhơn ái... trượng phu bổ để
THÀNH ta bà kết xum xuê
VIÊN minh chiếu diệu nẻo về chân tâm
HỘI Trưởng lão tụ huyền thâm
ĐỒNG kiến đồng hạnh hương trầm ngát bay
CHỨNG sự chứng lý miệt mài
MINH minh tướng tánh khứ lai đèn thiền
PHÓ hồng ân... tuổi lâm tuyền
CHỦ bạn trong sáng trường miên song hành
TỊCH tịnh ẩn rạng vô sanh
THƯỜNG lạc chơn ngã... thiện lành hoàng dương
TRỰC Tăng già đẹp quê hương
HỘI họp đức trí thanh lương sĩ hiền
ĐỒNG phẩm thắng giải lưu niên
TRỊ chuyển nghiệp thức thoát triển bể dâu
SỰ đời vạn mối khổ sầu
PHÓ chúc bá tánh hãy mau lên thuyền
BAN pháp thọ ký khai nguyên
THƯỜNG trú chân tánh bản nguyên từ hòa
TRỰC thời duyên hạnh ma ha
BAN ân bố đức hằng sa giữa đời
TĂNG thân pháp lữ nơi nơi
SỰ sự gắn kết tuyệt vời cân phân
TRUNG dung sanh nhĩn đồng trần
ƯƠNG Kim cang hạt trong ngân hóa thân

Túc căn xưa, thọ phúc phần
Duyên ngàn đời tụ quả nhân hiện tiền
Quần tổng thủ quỹ nhiệm quyền
Thủ cùng Tăng Thống ký tuyên cơ mầu
Quả tim bất diệt báu châu
Tim thiêng nung nấu lửa sâu bốn ngàn
Bổ để bất hoại Kim cang
Tát bà ha... đóa sen vàng thiên thu
Quảng tam thiên, rực vô ưu
Đức sáng muôn dặm, trượng phu đại hiển

TRỤ Vương gia... giải trực phiến
TRỊ Như lai tạng... hóa miền thượng thanh
VIỆT quốc Hùng Vương thiên sanh
NAM bang văn hiến sử thành vạn niên
QUỐC hồn quốc túy thiêng liêng
TỰ ngàn năm bóng mát thiền tông phong
TÂN quy cảnh xứ Lạc Hồng
VIÊN minh nhuần rạng non sông an bình
TỊCH trầm phổ tịnh tâm linh

CAO thanh thượng phẩm thượng sinh Niết bàn
ĐẰNG quang chiếu diệu trần gian
PHẬT phương tiện ứng đạo tràng mười phương
QUỐC độ Cực lạc thơm hương
AN nhiên tọa vị chơn thường tịnh danh
NGỰ Báo thân... trú Vô sanh
NIẾT chi Phật cảnh hóa hành Như Lai
BÀN chi bất diệt Liên đài.

NAM MÔ ĐẠI TỬ ĐẠI BI TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT

TV. Quảng Đức, 18.03 Quý Tỵ – 2013

Trần Quê Hương

Tâm thiêng thăng hóa

- Thành kính tưởng niệm Giác linh HT. Thích Giác Dũng
- Ủy viên Thường trực Hội đồng Chứng minh GHPGVN
- Trưởng Giáo đoàn III – Hệ phái Khất Sĩ

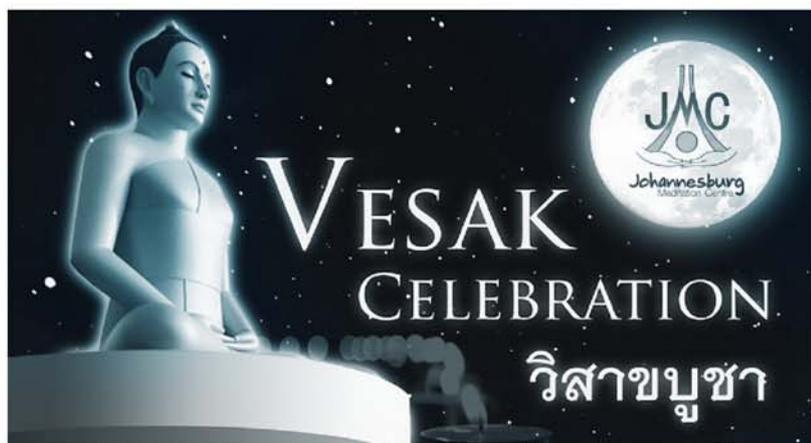


NHẤT nhật vô thường Hạc bay
TÂM thiêng thăng hóa đêm dài nhân gian
KÍNH thương mến tiếc vô vàn
NGUYỄN người Phật quốc Niết bàn nhân du
GIÁC liên đài, ngự Vô Ưu
LINH căn quang thọ điều nhu đi về
HÒA trần vi diệu sơn Khê
THƯỢNG pháp chuyển hóa đường mê quay đầu
GIÁC tha độ chúng thoát sâu
DŨNG trí chơn tịnh nổi cầu trưng phụ
ỦY ứng hằng hữu kinh thư
VIÊN chứng công hạnh bi từ trở hoa
BAN thiền đức nhiếp lợi tha
THƯỜNG hành phổ chiếu hàng sa phép mầu
TRỰC tâm trực tánh thâm sâu
HỘI tụ vô lượng thanh cao tín nguyện
ĐỒNG tướng tánh, đồng căn nguyên
CHỨNG tri diu đất người hiền tựa nương
MINH minh nhiệm lý diệu phương
TRUNG dung ái ngữ tỏa hương chan hòa
ƯƠNG mầm giống Phật thiên na
CHỨNG nhập đời đạo vào ra biển trần
MINH sư hiện tướng hiền nhân
BAN vui cứu khổ tường vân mây lành
TRỊ nhiếp cảm hóa thiên sanh
SỰ sự tín nguyện viên thành ngoài trong
PHẬT từ bi hiển sắc không
GIÁO nhi bất quyền tươi hồng phạm âm
TINH tại ly xả tịch trầm
ĐẮK nhân tâm đẹp ngàn năm đức hiền
LẮK xoay phúc quả hiện tiền

GIÁO kết chơn tánh Tổ Tiên đời đời
PHẨM hạnh tinh tấn mười mười
TRƯỜNG dưỡng tuệ trí người người kính thương
GIÁO hóa nhuần rạn tâm gương
ĐOÀN du Tăng... tòa thanh lương an bình
BA la mật... ẩn huyền linh
HỆ biệt truyền – luật luận kinh phổ truyền
PHÁI môn suốt mạch trường miền
KHẤT xin muôn pháp lưu diên ta bà!
SĨ hiển tích tụ tinh hoa
VIỆN nguồn đào tạo Tăng già quán thông
CHỦ giang sơn thắm Tiên Rồng
TINH không ba cõi Lạc Hồng quê hương
XÁ phủi cát bụi vẩn vương
NGỌC ma ni... tánh kim cương chơn thường
QUANG minh như ý cát tường
THÀNH xưa mây trắng mười phương phong trần
PHỐ phường vọn nẻo phù vân
BUÔN hồ tĩnh lặng huyền thân tịch nhàn
MA ha Bát nhã đạo tràng
THUẬT nhuần huyền sự mộng vàng khứ lai!
CAO thanh tọa ngự liên đài
ĐĂNG nhập tịnh cảnh Như Lai thượng phần
PHẬT mười danh hiệu pháp thân
QUỐC độ Tây Trúc chân nhân quy hồi!

TX. Ngọc Quang, ngày 02.03 Quý Tỵ – 2013

Trần Quê Hương



HỢP BÁO TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc TẠI THÁI LAN NĂM 2013 – PL. 2557

Ban quản trị của Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya (MCU) đứng đầu bởi HT. Hiệu trưởng, Giáo sư Tiến sĩ Phra Brahma pundit đã tổ chức cuộc họp về công tác chuẩn bị Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc lần thứ 10 do Thái Lan đăng cai tổ chức tại Trung tâm Hội thảo Quốc gia, đường Rajdamnoen-nok, thủ đô Bangkok, Thái Lan với đề tài *“Giáo dục và công dân toàn cầu theo quan điểm Phật giáo” (Education and Global Citizenship: A Buddhist Perspective)*.

Việc tổ chức sự kiện này sẽ diễn ra trong 2 ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2013 (PL. 2557). Ngày đầu tiên sẽ bắt đầu bằng nghi thức khai mạc tụng kinh cầu nguyện hòa bình bởi các phái đoàn Phật giáo Quốc tế thuộc 3 truyền thống Phật giáo: Bắc truyền Phật giáo, Nam truyền Phật giáo và Kim Cang thừa Phật giáo, kế đến là bài diễn văn của Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Giáo Dục Mr. Phongthep Thepkanjana. Vào buổi chiều sẽ diễn ra nghi thức cung đón Hoàng tử Mahavajira longkorn quang lâm chính thức khai mạc hội nghị. Sau đó, hội thảo

chính sẽ được thực hiện bởi các học giả từ năm Châu xung quanh chủ đề *“Giáo dục và công dân toàn cầu theo quan điểm Phật giáo”*.

Ngày thứ hai sẽ bắt đầu với các bài phát biểu của đại diện các quốc gia Phật giáo tiêu biểu như Thái Lan, Sri Lanka, Úc... và các tổ chức quốc tế như Tổ chức Liên Hiệp Quốc (UNO) và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO). Vào buổi chiều sẽ diễn ra buổi lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 100 của đức Đại lão Hòa thượng Somdet Phra Nyanasamvara – Tăng thống Phật giáo Thái Lan bằng đoạn video và cuộc thảo luận nhóm với chủ đề *“Đóng góp của Tăng đoàn Phật giáo đối với Giáo dục và Nhân văn” (Contribution of Buddhist Sangha for Education and Humanity)*. Vào phiên họp buổi chiều, Lời Tuyên ngôn của Phật giáo về sự phát triển nhân loại trong thế kỷ XXI phù hợp với chính sách của Liên Hiệp Quốc sẽ được tuyên đọc ở Bangkok. Điều này nhấn mạnh rằng sự phát triển của nhân loại trên toàn cầu cốt để họ có thể tự cải thiện đời sống, sống và cư xử với nhau bằng phẩm cách đạo đức dựa trên tinh thần nhân bản. Vào buổi tối, các

thành viên tham dự thời kinh cầu nguyện kỷ niệm sinh nhật lần thứ 100 của đức Đại lão Hòa thượng Somdet Phra Nyanasamvara – Tăng thống Phật giáo Thái Lan tại Buddha monthon, Nakornpa thom.

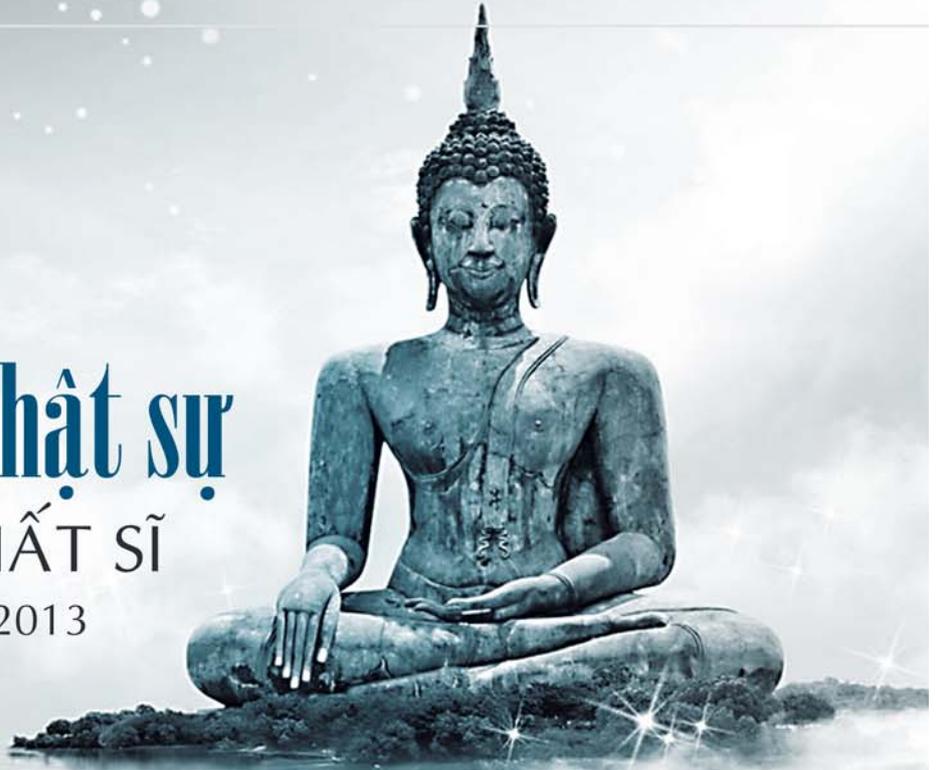
Trong thời gian diễn ra sự kiện này, Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT) sẽ tham gia chương trình bằng cách tổ chức triển lãm quốc tế với chủ đề “Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc” tại tầng 1 Trung tâm Hội nghị Quốc gia với ngân sách ước tính hơn 7,000,000 baht. Số lượng Phật tử quốc tế tham dự Đại lễ Vesak lần này ước tính khoảng 1250 Tăng Ni và Phật tử cư sĩ đến từ hơn 85 quốc gia. Những phái đoàn, cá nhân muốn tham gia Đại lễ liên hệ đăng ký tại Văn phòng của Tổ chức Đại Lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc (International Council for Day of Vesak) tại Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya (MCU), Wangnoi, Ayutthaya; Điện thoại: +66 3524 8098, Fax: +66 3524 8099. Thông tin chi tiết xin tham khảo tại website: www.undv.org ■



Thông tin Phật sự

HỆ PHÁI KHẤT SĨ

QUÝ I - NĂM 2013



● Ban Biên Tập tổng hợp

1. Tịnh xá Ngọc Đăng - khai giảng lớp giáo lý "Phật Học Áo Trắng" dành cho các bạn trẻ

Vào lúc 18 giờ ngày 16 tháng giêng năm Quý Tỵ (nhằm ngày 25 tháng 2 năm 2013) tại giảng đường Tịnh xá Ngọc Đăng (quận Bình Thạnh, TP. HCM) đã diễn ra lễ khai giảng lớp "Phật Học Áo Trắng" do ĐĐ. Giác Phước chủ nhiệm, với sự tham dự của quý chư Tôn đức Tăng trong ban giáo thọ bao gồm: ĐĐ. Giác Lộc, ĐĐ. Giác Phước (Chủ nhiệm lớp học), ĐĐ. Giác Kiến, ĐĐ. Nhuận Đạt và quý chư Tôn Đức Tăng Ni khách mời cùng hơn 30 học viên, quý nam nữ Phật tử.

Được biết, lớp giáo lý ra đời thể theo tâm nguyện của cố HT. Giác Thường, đồng thời cũng xuất phát từ lòng nhiệt huyết phụng sự Đạo Pháp của chư Tôn Đức Tăng mong muốn hướng dẫn thế hệ trẻ

học, thực hành theo giáo Pháp của đức Phật. Chương trình học với 4 môn học, mỗi môn 20 buổi bao gồm: Phật pháp căn bản, Phật học ứng dụng, Lịch sử Phật giáo, Thiên tập ứng dụng. Thời gian học từ 2 đến 4 giờ chiều các chủ nhật hàng tuần. Từ những buổi đầu học thử nghiệm chỉ với hơn 20 học viên, tuy nhiên theo thông tin từ ban tổ chức tính đến ngày khai giảng đã có 35 học viên. Sĩ số lớp sẽ giới hạn dưới 50 người. Trong đó, đa số là các bạn thanh niên Phật tử là sinh viên, học sinh, nhân viên công chức trẻ và một số vị Phật tử lớn tuổi tuy đã về hưu nhưng vẫn đăng ký tham gia học.

Về ý nghĩa, tên gọi "Phật Học Áo Trắng", tượng trưng cho chiếc áo trắng của người đệ tử Phật tại gia thọ trì 5 giới, là màu áo truyền thống của Phật tử Hệ Phái Khất Sĩ và cũng là màu áo của những người học trò đất Việt.

2. Tịnh xá Ngọc Pháp – Lễ Đại Tường cổ HT. Giác Đăng và Khánh Thành Bảo tháp Xá lợi

Sáng ngày 13 tháng 3 năm 2013 (nhằm ngày 2 tháng 2 năm Quý Tỵ), tại Tịnh xá Ngọc Pháp - TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa, đã diễn ra buổi lễ Đại Tường cổ HT. Giác Đăng và Khánh Thành Bảo tháp Xá lợi vô cùng trang nghiêm, trọng thể dưới sự chứng minh của Trưởng lão HT. Thích Thiện Bình – Phó Pháp Chủ GHPGVN; HT. Thích Giác Tường - Ủy viên Thường trực HDCM, Giáo



phẩm Chứng minh Hệ phái; HT. Giác Dũng - Ủy viên Thường trực HĐCM, Giáo phẩm Hệ phái, Trưởng Giáo đoàn III; HT. Thích Trí Viên - UV HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa; HT. Thích Quảng Thiện - UV HĐTS, Phó BTS GHPGVN Khánh Hòa, Trưởng ban Từ thiện Xã hội GHPGVN tỉnh Khánh Hòa; HT. Thích Minh Châu - UV HĐTS, Phó BTS kiêm Trưởng ban Nghi lễ GHPGVN tỉnh Khánh Hòa; HT. Thích Tịnh Diệu - Phó BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, Chánh đại diện Ban Trị sự Phật giáo huyện Vạn Ninh; HT. Thích Nhuận Thông - UV Kiểm soát BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa; TT. Thích Giác Nghĩa - Trụ trì chùa Song Tử Tây Trường Sa, đại diện chư Tăng và Phật tử huyện đảo Trường Sa và nhiều chư Tôn đức Giáo đoàn III hệ phái Khất Sĩ có sự hiện diện của HT. Giác Hùng, HT. Giác Thành, TT. Giác Thuận, TT. Giác Trong, TT. Giác Trí, TT. Giác Minh, TT. Giác Duyên. Ngoài ra, còn có chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng Tọa, Đại đức và quý Ni trưởng, Ni sư, Sư cô trong BTS Phật giáo tỉnh Khánh Hòa và chư Tôn đức Tăng Ni trong Giáo đoàn III đã quang lâm chứng minh và tham dự.

3. Lớp Giáo lý Tịnh xá Ngọc Quang

Thực hiện sự chỉ đạo của Hòa thượng Giác Dũng - Viện chủ Tịnh xá Ngọc Quang, Ban Hoằng pháp Tịnh xá Ngọc Quang được sự nhất trí đồng lòng của Tăng chúng,

thống nhất thành lập lớp Giáo lý cơ bản, tổ chức mỗi tối thứ Tư hàng tuần, nhằm phát huy tinh thần học Phật, nâng cao chất lượng giáo dục Phật tử trẻ, xây dựng môi trường học Phật kết hợp chặt chẽ giữa Phật pháp với gia đình và xã hội, đẩy mạnh tinh thần học Phật đến với mọi người.

Đến Chứng minh tham dự Lễ Khai Giảng Ngày 20/02/2013 (nhằm 11 tháng Giêng năm Quý Ty) với sự hiện diện của Hòa thượng Giác Dũng - Ủy viên thường trực HĐCM GHPGVN, Chứng Minh BTS PG tỉnh Đắk Lắk, Trưởng giáo đoàn III, HP Khất Sĩ; TT. Giác Tiến - Phó BTS kiêm Chánh thư ký tỉnh hội PG Đắk Lắk và chư Đại đức Tăng trong tỉnh về tham dự.

Chương trình học gồm 4 môn: Phật pháp căn bản, Phật học ứng dụng, Lịch sử truyền thừa và Phật học chuyên đề. Thời gian học từ 7 giờ đến 9 giờ tối thứ Tư hàng tuần.

Chư Tôn đức Giáo thọ với các môn như sau: HT. Giác Phương; Phật học Chuyên đề; ĐĐ. Giác Phổ; Phật học Căn bản; ĐĐ. Giác Kiến; Phật học Ứng dụng; ĐĐ. Giác Phong; Lịch sử truyền thừa.

Buổi học đầu tiên đã diễn ra với sự tham gia hơn 80 Phật tử, phần lớn là những người Phật tử mới bước đầu tìm hiểu đạo Phật.

4. Tịnh xá Ngọc Duyên - Tưởng niệm 19 năm ngày Cố Trưởng Lão Giác Dưỡng viên tịch

Sáng ngày 18 tháng 3 năm 2013 (nhằm mùng 7 tháng 2 năm Quý Ty), tại Tịnh xá Ngọc Duyên -

Đập Đá - Bình Định đã long trọng tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 19 ngày Trưởng lão Giác Dưỡng viên tịch. Nhân đó, lễ khánh tạ công tam quan và điện thờ Bồ-tát Quan Thế Âm vừa được hoàn thành.

Đến chứng minh và tham dự cho sự kiện vừa nêu trên có: HT. Giác Dũng - Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN, Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Trưởng Giáo đoàn III; HT. Giác Hùng - Giáo phẩm Giáo đoàn, trụ trì TX. Ngọc Bửu; HT. Giác Thành - Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai, Giáo phẩm Hệ phái, trụ trì TX. Ngọc Phúc; TT. Giác Thuận - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Phú Yên, Giáo phẩm Hệ phái, trụ trì TX. Ngọc Phú; TT. Giác Phùng - Phó BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, Giáo phẩm Hệ phái, trụ trì TX. Ngọc Tông; TT. Giác Trong - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, trụ trì TX. Ngọc Phước; TT. Giác Trí - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Bình Định, Giáo phẩm Hệ phái; TT. Giác Minh - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Lâm Đồng, Giáo phẩm Hệ phái, trụ trì TX. Ngọc Đà và hơn 100 chư Tôn đức Tăng Ni trong Giáo đoàn đồng về tham dự.

5. Khóa tu dành cho Sa-di, Sa-di-ni và Tập sự nam nữ Giáo đoàn III lần 4

Từ mùng 08 đến 18 tháng 2 năm Quý Ty (nhằm ngày 19 đến 29 tháng 3 năm 2013). Được sự chứng minh, chỉ đạo của chư Tôn đức Giáo đoàn III, Tịnh xá Ngọc Túc Huyện Đăkpo - Tỉnh Gia Lai đã tổ chức khóa tu lần thứ IV dành cho



Sa-di, Sa-di-ni, cùng tập sự nam nữ.

Đến chứng minh buổi lễ khai mạc có sự hiện diện của HT. Giác Dũng - Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN, Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk, Trưởng Giáo đoàn III; HT. Giác Thành, *Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai, Giáo phẩm Hệ phái*; TT. Giác Thuận - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Phú Yên, *Giáo phẩm Hệ phái*; TT. Giác Phùng - Phó BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, *Giáo phẩm hệ phái*; TT. Giác Minh - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Lâm Đồng, *Giáo phẩm Hệ phái*; TT. Trí Đức - Phó ban Đại diện Phật giáo huyện Đắkpơ; NT. Hiệp Liên - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai; NT. Cảnh Liên - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai.

Sau lễ khai mạc, hơn 100 vị Sa-di, Sa-di-ni và Tập sự nam nữ chính thức bước vào 10 ngày tu học. Xuyên suốt 10 ngày diễn ra khóa tu, các hành giả lần lượt được chư Tôn đức hướng dẫn oai nghi, đạo hạnh của một vị xuất gia thông qua *Bài Học Sa-di* trong *Luật Nghi Khất Sĩ*. Ngoài ra, chư hành giả còn được chư Tôn đức tận tình truyền trao, hướng dẫn cả về pháp học lẫn pháp hành. Đặc biệt, vào ngày khai mạc và trước ngày bế mạc, chư vị Sa-di, Sa-di-ni còn được quý Ngài hướng dẫn trì bình khất thực noi theo hạnh nguyện của chư Phật ba đời cũng như nổi truyền tôn chỉ “Nổi truyền Thích-ca chánh pháp” của đức Tổ sư Minh Đăng Quang.

6. Tịnh xá Lộc Uyển – Khai giảng lớp giáo lý

Ngày 13 tháng 2 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 24 tháng 3 năm 2013), tại giảng đường Tịnh xá Lộc Uyển (Q.6, TP.HCM), đã khai giảng khóa học giáo lý năm 2013, dưới sự chứng minh của ĐĐ.Thích Giác Nhuận - Phó Trụ trì kiêm Trưởng ban điều hành lớp giáo lý cùng chư Tôn đức Tăng tại Tịnh xá cũng như gần 100 học viên theo học. Được biết các học viên tham gia lớp giáo lý sẽ được học 5 môn, gồm: *Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Hạnh Phúc, Kinh Hiền Nhân, Kinh Pháp cú và Kinh Na Tiên Tỳ-kheo*. Sự ra đời của lớp giáo lý đáp ứng được nhu cầu cũng như tâm nguyện tha thiết cầu học Phật pháp tại đạo tràng.

7. Tịnh xá Ngọc Phúc – Tưởng niệm 12 năm ngày cố Trưởng Lão Giác Phúc viên tịch

Ngày 19 tháng 2 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 30 tháng 3 năm 2013) nhằm ngày Bô-tát Quán Thế Âm đàn sanh, Hòa Thượng Giác Thành – Trụ trì Tịnh xá Ngọc Phúc thành phố Pleiku cùng môn đồ Pháp quyến tổ chức lễ Tưởng Niệm lần thứ 12 ngày cố Trưởng Lão Giác Phúc viên tịch.

Về chứng minh và tham dự lễ tưởng niệm có sự hiện diện của: HT. Thích Thông Đạt - *Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai*; TT.Thích Giác Minh - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Lâm Đồng, *Giáo phẩm Hệ phái, trụ trì TX. Ngọc Đà*; TT. Thích Từ Vân - Ủy viên HĐTS

GHPGVN, Phó thường trực BTS GHPGVN tỉnh Gia lai; TT. Thích Trí Thanh - *Chánh thư ký BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai*; TT. Thích Nguyên An - Phó BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai, TT.Thích Giác Duyên - Phó BTS GHPGVN tỉnh Gia lai; ĐĐ. Thích Giác Hiền - Trưởng ban Văn hóa GHPGVN tỉnh Gia Lai, NT. Hiệp Liên - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai, Phó ban Đặc trách Ni giới GHPGVN tỉnh Gia Lai; NT. Cảnh Liên - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Gia Lai cùng đông đảo Tăng Ni và Phật tử Hệ phái trong và ngoài tỉnh đồng về thắp hương tưởng niệm.

8. Tịnh xá Trung Tâm (Giáo đoàn V) – Tưởng niệm 40 năm ngày Đức Thầy Giác Lý viên tịch

Sáng ngày 23 tháng 2 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 3 tháng 4 năm 2013) tại Tịnh xá Trung Tâm - Q6, TP. HCM, Môn đồ pháp quyến đã long trọng tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày đức Thầy Giác Lý - Vị đã khai lập giáo đoàn V viên tịch. Buổi lễ đã diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm cùng với sự tham dự chứng minh của chư tôn đức giáo phẩm:

HT. Thích Giác Tường - Ủy viên Thường trực HĐCM; HT.Thích Giác Toàn - Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Phó Thường trực ban Giáo dục Tăng Ni TW GHPGVN; HT.Thích Thiện Pháp - Phó Tổng Thư ký HĐTS kiêm Chánh văn phòng II TW GHPGVN; HT.Thích Thiện Tánh - Trưởng ban Kiểm soát TW GHPGVN, Phó ban Thường trực



BTS GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Tịnh Hạnh - Phó BTS kiêm Trưởng ban Kinh tế - Tài chính GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Như Niệm - UV HĐTS, Phó BTS GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Nhật Quang - Phó ban kiêm Chánh thư ký BTS GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Như Tín - Phó BTS kiêm Trưởng ban Kiểm soát GHPGVN TP.HCM cùng chư Tôn đức Tăng, Ni thuộc Hệ phái Khất sĩ đã quang lâm về chứng minh, cùng sự tham dự của đông đảo Phật tử.

Được biết, Đức Thầy Giác Lý là một trong những vị đệ tử lớn của đức Tổ sư Minh Đăng Quang. Ngài xuất gia năm 1952, và được Tổ sư Minh Đăng Quang thọ ký với pháp danh Giác Lý. Sau khi đức Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng vào 1954 (Giáp Ngọ), Ngài cùng Tăng đoàn tu tập, hành đạo. Vào rằm tháng Bảy năm 1955, Ngài thọ giới Tỳ-kheo tại Tịnh xá Ngọc Phước - Cần Thơ. Sau đó đức Thầy tiếp tục hành đạo khắp các tỉnh miền Tây và thu nhận đệ tử. Từ đây trở thành vị khai sáng giáo đoàn V Hệ phái Khất Sĩ. Trong thời gian hành đạo, Ngài thu nhận hàng trăm vị đệ tử xuất gia, kiến tạo hơn 20 ngôi tịnh xá ở miền Nam và miền Trung, góp phần không nhỏ cho công cuộc chấn hưng Phật giáo.

9. Tịnh xá Ngọc Phú – Khởi công xây dựng chánh điện

Ngày 26 tháng 2 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 6 tháng 4 năm 2013), Tịnh xá Ngọc Phú tọa lạc tại Kè



Bạch Đằng, P.1, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đã long trọng diễn ra buổi lễ khởi công xây dựng ngôi chánh điện.

Quang lâm chứng minh buổi lễ khởi công có sự hiện diện của BTS GHPGVN tỉnh Phú Yên, Ban đại diện Phật giáo TP. Tuy Hòa, chư Tôn đức Giáo đoàn III Hệ phái Khất Sĩ và các cấp Chính quyền sở tại.

Tịnh xá Ngọc Phú được Đức Thầy Giác An thành lập năm 1959, trải qua thời gian hơn 50 năm, nơi đây là ngôi nhà tâm linh để đồng bào Phật tử địa phương nương tựa tu học. Hơn nửa thế kỷ, ngôi chánh điện được xây dựng từ thời Đức Thầy lập đạo nay đã xuống cấp, để đáp ứng nhu cầu tu học của Phật tử, đặc biệt là có chỗ cho Phật tử sinh hoạt, TT. Giác Thuận - Ủy Viên BTS Phật giáo tỉnh Phú Yên, Trưởng ban Nghi lễ Hệ phái Khất Sĩ, Trụ trì Tịnh xá đã cho khởi công xây dựng ngôi chánh điện.

10. Khánh thành Tịnh xá Ngọc Truyền

Sáng ngày 24 tháng 3 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 3 tháng 5 năm 2013), Tịnh xá Ngọc Truyền (xã Tân Hiệp, TP.Hội An, tỉnh Quảng Nam) tổ chức lễ cắt băng khánh thành và an vị Phật sau gần 5 năm đại trùng tu.

Quang lâm chứng minh và

tham dự buổi lễ có sự hiện diện của HT.Thích Thiện Duyên - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN tỉnh Quảng Nam; HT.Thích Giác Cầu - Thành viên HĐCM, Giáo phẩm Hệ phái Khất Sĩ, Trưởng Giáo đoàn V; HT. Thích Giác Tràng - Thành viên HĐCM, giáo phẩm Hệ phái Khất Sĩ, Chứng minh BTS GHPGVN tỉnh Quảng Nam; HT. Thích Giác Hà - Ủy viên HĐTS GHPGVN, Phó BTS Thành hội Phật giáo TPHCM, cùng chư tôn Giáo phẩm Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Quảng Nam, chư Tôn đức lãnh đạo Hệ phái Khất Sĩ, giáo đoàn V và hơn 4.000 Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài tỉnh đã quang lâm chứng minh, tham dự. Đại diện lãnh đạo chính quyền có ông Nguyễn Quang Phúc, Phó ban Dân vận Tỉnh ủy và các vị đại diện UBND, UBMTTQVN, Công an tỉnh Quảng Nam, TP.Hội An, xã Tân Hiệp và Đồn biên phòng 276.

Được biết, Tịnh xá Ngọc Truyền là một trong 3 ngôi chùa tại vùng biển đảo Cù Lao Chàm thuộc xã Tân Hiệp, TP.Hội An cách đất liền 15 km. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng với tinh thần phụng sự đạo pháp, ĐĐ. Thích Giác Tấn và tín đồ Phật tử vùng hải đảo qua 5 năm xây dựng đã hoàn thành ngôi tịnh xá với kinh phí gần 20 tỷ đồng. ■



DANH SÁCH PHÁT TÂM ỦNG HỘ ĐUỐC SEN (Tập 19)

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2637

PL. 2557 – DL. 2013

I. CÁC GIÁO ĐOÀN

Giáo đoàn I: 200 cuốn (TK. Minh Viên – TX. Ngọc Viên)
Giáo đoàn II: 200 cuốn (ĐĐ. Giác Phước – TX. Ngọc Đăng)
Giáo đoàn III: 500 cuốn (ĐĐ. Giác Đoan – TX. Ngọc Đà)
Giáo đoàn IV: 500 cuốn (TK. Minh Nhân – TX. Trung Tâm, Q.BT)
Giáo đoàn V: 200 cuốn (TT. Giác Pháp – TX. Trung Tâm, Q. 6)
Giáo đoàn VI: 200 cuốn (ĐĐ. Giác Nhuận – TX. Lộc Uyển)
Giáo đoàn Ni giới: 400 cuốn (NS. Tín Liên – TX. Ngọc Phương)
Ni chúng Giáo đoàn IV: 250 cuốn (SC. Tùng Liên – TX. Ngọc Phú)

II. CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ

HT. Giác Tường (TX. Trung Tâm, Q. Bình Thạnh): 5.000.000đ
TT. Giác Nhân (TX. Ngọc Lợi – Tiền Giang): 100 cuốn
TT. Giác Tây (TX. Ngọc Đồng – Tiền Giang): 100 cuốn
ĐĐ. Giác Nhưông (TX. Ngọc Đạt – Đắk Nông): 50 cuốn
ĐĐ. Minh Nhân (Tịnh thất Liên Hoa – Thốt Nốt): 1.000.000đ
NS. Nhu Liên (TX. Ngọc Tâm, Rạch Giá – Kiên Giang): 100 cuốn
Giác Minh Tôn (TX. Ngọc Quang, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk): 100 cuốn
Phật tử TX. Trung Tâm (Q. Bình Thạnh): 2.000.000đ
Ngọc Trọng (TX. Ngọc Chơn – Buôn Hồ – Đắk Lắk): 50 cuốn
Thiện Sơn (TX. Ngọc Chơn – Buôn Hồ – Đắk Lắk): 50 cuốn

ĐUỐC SEN

Tập 19

Chủ biên: HT. GIÁC TOÀN

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập
CẨM HỒNG

Sửa bản in
HỒNG ANH

Thiết kế bìa & trình bày
VÔ TRÍ SĨ

Phụ trách in
GIÁC MINH TƯỜNG

Phát hành
TK. MINH NHÂN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1

ĐT: 3822.5340 – 3829.6764 – 3824.7225

Fax: 84.8.3822.2726

Email: nxbtpHCM@vnn.vn

Website: www.nxbHCM.com.vn / www.sachweb.vn

Thực hiện liên doanh: TỊNH XÁ TRUNG TÂM

21 Nguyễn Trung Trực, Q. Bình Thạnh, TP.HCM.

ĐT: 083.515.8278

In lần thứ nhất, số lượng 3.000 cuốn, khổ 20x28cm

Tại địa chỉ: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

Giấy phép xuất bản số: 57-13/CXB/26-190/THTPHCM

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2013

Hộp thư đặt báo



Chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử có nhu cầu thỉnh thêm, liên hệ với ĐĐ. Giác Hoàng (0937103910) hoặc Sư Minh Trúc (083.5158278 – văn phòng Tịnh xá Trung Tâm). Chư Tăng sẽ gửi Đuốc Sen đến quý vị theo địa chỉ hoặc phân phối tại Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. HCM). Email liên lạc và gửi bài: tapsanduocsen@gmail.com.

Đuốc Sen thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử, pháp hữu gần xa đã ủng hộ tinh thần hoặc tịnh tài để Đuốc Sen luôn được ra mắt độc giả kịp thời. Nguyên cầu chư Tôn đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu. Nguyên cầu chư Phật chứng minh, hộ trì quý Phật tử được an lành trong Chánh pháp. Nguyên đem công đức pháp thí này hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều sống an lành trong ánh sáng của mười phương Tam bảo. Cầu nguyện cho Phật pháp cửu trụ ta bà, lợi lạc quần sanh.

Trân trọng,
Ban Thư ký.

Đón đọc Đuốc Sen 20 (Kính mừng Vu Lan Báo Hiếu PL. 2557) phát hành vào đầu tháng 7 âm lịch

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG NI GIỚI HPKS LẦN THỨ 9

TẠI TỈNH XÁ NGỌC KHÁNH – LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI



Chư Tôn đức Ni thọ trai



Chư Ni khất thực hóa duyên



Sau khi đi khất thực về



Học Chơn Lý

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG NI GIỚI HPKS LẦN THỨ 10

TẠI TỈNH XÁ NGỌC CHUNG - HÓC MÔN, TP.HCM



Chư Ni chụp hình lưu niệm với chư Tôn đức Tăng



Chư Ni đang thiền định



Kính xá Tam bảo sau khi khất thực về



Ni sư trụ trì và Phật tử dành lễ tri ân trong ngày tạ pháp.



MỘT VÀI HÌNH ẢNH PHẬT SỰ HỆ PHÁI TIÊU BIỂU



Khai giảng lớp Giáo Lý "Phật học áo trắng"
tại Tịnh xá Ngọc Đăng – TP. HCM



Lễ Đợi Tường cổ HT. Giác Đăng và Khánh Thành Báo Tháp
tại Tịnh xá Ngọc Pháp – Nha Trang



Khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" dành cho Sa-di, Tập sự
của Giáo Đoàn III lần 4



Tưởng niệm 40 năm ngày Đức Thầy Giác Lý viên tịch
tại Tịnh xá Trung Tâm - Q.6, TP.HCM



Lễ Khánh thành Tịnh xá Ngọc Truyền
Cù Lao Chàm, Quảng Nam



Lễ đặt đá xây dựng Chánh điện
tại Tịnh xá Ngọc Nhơn - Bình Thuận